

NGUYỄN HỮU THÁI



**HÀNH TRÌNH CỦA MỘT SINH VIÊN SÀI GÒN
TỪ CHIẾN TRANH ĐẾN HÒA BÌNH**



NGUYỄN HỮU THÁI



**HÀNH TRÌNH CỦA MỘT SINH VIÊN SÀI GÒN
TỪ CHIẾN TRANH ĐẾN HÒA BÌNH**



Table of Contents

[Hành trình của một sinh viên Sài Gòn từ chiến tranh đến hòa bình](#)

[Lời giới thiệu](#)

[Lời nói đầu](#)

[Thay lời mở](#)

[I. Bùng tình](#)

[2. Sinh viên Sài Gòn](#)

[3. Xuống đường đấu tranh](#)

[4. Nhận dạng kẻ thù](#)

[5. Một thế hệ ảo tưởng](#)

[II. Chống Mỹ](#)

[7. Có một nước Mỹ khác](#)

[8. Yankee go home!](#)

[9. Ghi chép trong tù](#)

[10. Giữa hai làn đạn](#)

[11. Stanford](#)

[III. Đổi đời](#)

[13. Trong chiến dịch cải tạo](#)

[14. Cuộc thử nghiệm](#)

[15. Đi hay ở?](#)

[16. Thời đổi mới](#)

[IV. Nhìn lại](#)

[18. Việt Nam nhìn lại](#)

[19. Đường về xa xôi](#)

[Thay lời kết](#)

[Phụ lục](#)

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Nguyễn Hữu Thái

HÀNH TRÌNH CỦA MỘT SINH VIÊN SÀI GÒN TỪ CHIẾN TRANH ĐẾN HÒA BÌNH

Bản quyền © 2013 Nguyễn Hữu Thái

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

Lời Giới Thiệu

Đây là câu chuyện ghi lại nửa thế kỷ hoạt động sôi nổi của một người trong cuộc, từ chiến tranh và cách mạng đến hòa bình và cả giai đoạn đất nước đổi mới, hội nhập trong một thế giới đang toàn cầu hóa nhanh chóng.

Tác giả Nguyễn Hữu Thái nguyên Chủ tịch Tổng hội Sinh viên Sài Gòn (1963-1964), một trong những người lãnh đạo phong trào tranh đấu sinh viên sau ngày chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ tháng 11 năm 1963. Anh và nhạc sĩ Trịnh Công Sơn là những người lên tiếng sớm nhất trên đài phát thanh Sài Gòn để đón chào chiến thắng 30 tháng 4 năm 1975 sau khi tướng Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng.

Giữa hai thời điểm lịch sử trọng đại đó, Nguyễn Hữu Thái đã chọn thế đứng về phía phong trào nhân dân đô thị đấu tranh cho hòa bình và chủ quyền dân tộc. Trong suốt cuộc chiến, cuộc sống của anh chia đều giữa xuống đường, nhà tù và hoạt động giữa hai làn đạn. Người thanh niên đầy nhiệt huyết ấy đứng trong mê hồn trận chính trị Sài Gòn nên có lúc anh phải phân vân trong sự lựa chọn. Với ba lần bước chân vào nhà tù của chế độ Sài Gòn, lòng anh đã "bùng nổ" để hiểu rõ hơn về cuộc cách mạng do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Anh đã bỏ học bổng đi du học Mỹ mà biết chắc chắn sau đó cuộc sống sẽ được sung sướng để ở lại Sài Gòn sát cánh cùng đồng bào chống Mỹ cứu nước, góp phần vào ngày giải phóng 30/4/1975.

Sau chiến tranh, anh có mặt trong hàng ngũ cách mạng, tham gia các chiến dịch cải tạo, xây dựng một xã hội mới. Đất nước vừa thoát khỏi chiến tranh lại bị các thế lực thù nghịch bủa vây, cấm vận, đời sống nhân dân gặp muôn vàn khó khăn. Trong bối cảnh ấy của đất nước, gia đình anh cũng phải chia năm, xẻ bảy bên ba khắp mọi chân trời để sinh sống. Nhưng dù có ở nơi nào chẳng nữa (trong nước hay ngoài nước), suốt đời anh vẫn kiên định một lòng vì dân tộc. Chỉ sau mấy năm sinh sống và nghiên cứu ở phương Tây, anh đã nhanh chóng mang những kiến thức tích lũy được trở về phục vụ Tổ quốc mình, đặc biệt tập trung viết sách báo và giảng dạy, đào tạo lớp trẻ.

Nhà xuất bản Lao Động xin giới thiệu tập ghi chép mang nhiều tính sử liệu về phong trào đấu tranh đô thị miền Nam với nhãn quan của một con người đã từng kinh qua những biến cố trọng đại của đất nước. Tập sách sẽ góp phần hun đúc tinh thần tuổi trẻ biết sống, học tập, chiến đấu... để đưa đất nước ta nhanh chóng đến bến bờ hạnh phúc, vinh quang, thực hiện mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh!

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

LỜI NÓI ĐẦU

Một cuộc hành trình khá cam go, đặc biệt vào thời chiến tranh với Mỹ từ 1963 đến 1975, bản thân tôi (Nguyễn Hữu Thái) đã bồng gánh do tận mắt chứng kiến hành động tự thiêu đầy quả cảm của Thượng tọa Quảng Đức, mở màn sự quan tâm của cả thế giới vào thảm kịch Việt Nam. Tôi xuống đường đấu tranh chống Ngô Đình Diệm rồi các tướng lãnh quân phiệt Sài Gòn, chiến đấu cam go giữa hai làn đạn, từng ra tranh cử quốc hội với danh nghĩa "Thành phần thứ ba" hoạt động vì hòa bình năm 1971. Tôi ở tù tổng cộng 4 năm và nằm trong danh sách Tù nhân lương tri của Ân xá Quốc tế năm 1973, đã gặp gỡ các cán bộ Mặt trận Dân tộc Giải phóng (Mặt trận Giải phóng) trong nhà tù, tham quan vùng giải phóng và tưởng đã hy sinh trong chuyến đi đó.

Bản thân tôi là một người Việt yêu nước và không xa lạ với những giá trị tự do dân chủ phương Tây, nhưng tôi đã lựa chọn đứng về phía Mặt trận Giải phóng, hoạt động cách mạng suốt nhiều năm. Ngày 30/4/1975, tôi tham gia treo cờ Giải phóng trên nóc Phủ Tổng thống và người đầu tiên lên tiếng chào mừng Cách mạng trên đài phát thanh Sài Gòn.

Cùng lực lượng thanh niên Sài Gòn tôi hăng hái tham gia các chiến dịch cải tạo và ổn định đời sống nhân dân Sài Gòn. Nhiều người của chính quyền mới không mấy tin tưởng tôi, có lẽ do các quan hệ phức tạp của tôi với nhiều người Mỹ trong quá khứ. Tôi đã phải đối đầu không ít khó khăn vào những năm sau chiến tranh, và lý lịch của tôi chỉ được làm sáng tỏ vào năm 2000. Trong quãng thời gian này, hoạt động trong các lĩnh vực báo chí, giảng dạy và tư vấn kinh doanh tạo cơ hội cho tôi quan sát rõ tình hình Việt Nam chuyển biến từ những bước đi đầu tiên trong xây dựng chủ nghĩa xã hội đến nền kinh tế thị trường, mở cửa cho đầu tư nước ngoài, cùng với những hệ quả của nó. Có dịp đi lại và sinh sống nhiều nơi ở phương Tây, tôi ghi nhận được những cái nhìn mới, các nguồn thông tin và kinh nghiệm quý báu có thể sử dụng được trong nước, nhất là giúp cho lớp trẻ có quyết tâm phấn đấu vươn lên.

Tôi xuất thân từ một gia đình trung lưu thành thị, theo học các trường trung học Công giáo dạy theo chương trình Pháp rồi vào đại học Sài Gòn, tôi không biết gì nhiều về chiến tranh và cách mạng. Tuy vậy, tôi là một thanh niên sớm hoạt động tích cực trong các lĩnh vực xã hội và báo chí, được đề cử làm Chủ tịch đầu tiên của Tổng hội Sinh viên Sài Gòn vào năm 1963, ngay sau ngày sụp đổ của chế độ Ngô Đình Diệm. Bản thân tôi hồi đó chưa biết gì nhiều về chính trị, ngây thơ tin tưởng vào những điều tuyên truyền do người Mỹ quảng bá về "Thế giới Tự do".

Nhà tù Sài Gòn và sự kiện Mỹ đổ quân chiến đấu vào miền Nam năm 1965 đã làm thay đổi hẳn cuộc đời tôi. Phải chọn lựa giữa việc du học Mỹ và xuống đường đấu tranh, tôi đã chọn đứng về phía phong trào nhân dân đô thị đấu tranh cho hòa bình và chủ quyền dân tộc. Trong suốt cuộc chiến, cuộc sống của tôi chia đều giữa xuống đường, nhà tù và hoạt động giữa hai làn đạn. Vào giai đoạn cuối cùng của cuộc chiến, từ nhà tù ra tôi cũng phải đối mặt với việc lựa chọn: Đi giảng dạy (Đại học Stanford ở Mỹ và Đại học Tự do Berlin ở Tây Đức, nhờ sự hậu thuẫn của tổ chức Ân xá Quốc tế, các sinh viên, nhà chính trị thế lực ở Mỹ và Đức) hay ở lại? Tôi đã ở lại và tích cực cùng anh em tham gia vào việc chuẩn bị giải phóng Sài Gòn năm 1975.

Tôi ra đi định cư chính thức ở Canada năm 1990, sau 5 năm đã quay về làm việc trong nước. Tuy vậy, suốt đời mình tôi vẫn kiên định một lòng vì đất nước, vì dân tộc dầu sinh sống ở trong hoặc ngoài nước.

Vì sao tôi viết ra câu chuyện này?

Không phải để biện hộ hoặc được nổi tiếng, đưa ra cái tôi của mình, mà chỉ muốn ghi lại đoạn đường bản thân mình đã trải qua, trùng hợp với giai đoạn khó khăn mà cũng kiêu hùng nhất của lịch sử dân tộc trong cuộc đụng đầu với phương Tây và tạo dựng một đất nước Việt Nam mới.

Cuộc đời của tôi có lẽ cũng không khác mấy với mẫu đời của hàng triệu thanh niên cùng thời. Tuy vậy tôi vẫn muốn ghi nó lại để mọi người hiểu được con đường gian khó nào đã đưa một sinh viên bình thường đến với những lý tưởng và mục tiêu cao đẹp của giải phóng dân tộc, cách mạng xã hội, xây dựng một đất nước Việt Nam mới giàu đẹp. Cũng như muốn nói rằng Cách mạng là một vấn đề nghiêm túc không dễ thực hiện, rằng Chiến tranh là điều khủng khiếp làm bằng hoại con người và xã hội, và xây dựng trong hoà bình lại là một vấn đề không đơn giản khác.

Đây cũng là câu chuyện về Cách mạng, Chiến tranh và Hòa bình do một người trong cuộc ghi lại. Hy vọng nó phản ánh được một khía cạnh nhỏ của cuộc chiến đấu to lớn tìm bản sắc và thể đứng của dân tộc ta trong thời đại mới.

Chủ đề xuyên suốt của câu chuyện là những thách thức và lựa chọn, diễn ra rất gay go giữa cái sống và cái chết, có thể là tự nguyện hoặc bị bó buộc. Thông qua hình ảnh chính bản thân mình và anh em cùng thế hệ, tôi muốn nói lên tinh thần chiến đấu của dân tộc Việt, như nhận xét của một nhà sử học nước ngoài: "Người Việt Nam đã chọn thách thức, trụ lại chiến đấu, chấp nhận hy sinh gian khổ, để cuối cùng đã chiến thắng!" Phải chăng đó là truyền thống đấu tranh của bao thế hệ sĩ phu cha ông yêu nước và về một số mặt nào đó là thực tế của đất nước Việt Nam trong suốt quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước.

Các nhân vật, sự kiện tôi nêu lên và nhận xét đều là người thật, việc thật. Tôi không nghĩ mình hoàn toàn khách quan, vì bản thân tôi cũng có các nguyên tắc, thành kiến, sở thích và cảm nhận riêng. Tuy vậy tôi tự hứa rằng mình phải nói thẳng và nói thật với mong muốn nhìn ra được cái mạnh cái yếu của mình để tìm ra được con đường thích hợp tiến lên trong thời kỳ đấu tranh cam go để sống còn trong một thế giới ngày càng toàn cầu hóa.

Tôi viết cuốn sách này đặc biệt dành cho các bạn trẻ. Hy vọng tôi trình bày được cho các bạn những hình ảnh sống động về Chiến tranh và Cách mạng ở nước ta, gồm những nỗi niềm của cả mấy thế hệ người mình đã trải qua trong máu lửa và nước mắt. Làm được như vậy thì tôi nghĩ bao công sức bỏ ra để thực hiện cuốn sách sẽ không uổng phí, vì tự nó đã có ý nghĩa nào đó rồi.

tác giả

THAY LỜI MỞ

Thách thức

Gần hai mươi năm qua tôi đã đi lại nhiều nơi trên thế giới, nhất là các nước Đông Á, Tây Âu và Bắc Mỹ. Nhân có được một độ lùi nhất định về không gian và thời gian, tôi thử đứng từ xa nhìn lại đất nước Việt Nam, bình tĩnh ghi nhận các sự kiện liên quan cùng những điều suy nghiệm của mình, ý kiến bạn bè và cả những người không đồng chính kiến. Và như vậy, đến bất cứ nơi nào tôi cũng luôn tự đặt ra cho mình một số câu hỏi và tìm lời giải đáp. Xin mở đầu cuốn sách với những điều ghi nhận đó.

Tôi muốn tìm đến những đất nước một thời đã xâm lăng Việt Nam và các nước láng giềng từng là các đối thủ tranh đua với ta. Đến đâu tôi cũng ráng tìm hiểu, so sánh người với ta, kiếm tìm nguyên nhân nào khiến người vươn lên còn ta thì trì trệ, những thách thức và trở lực nào ta đang phải đối đầu. Tôi thấy vỡ ra được nhiều điều, rút ra không ít bài học bổ ích và ý thức rằng tiến hành chiến tranh đã khó nhưng xây dựng trong hòa bình cũng không phải dễ. Trước hiện tượng toàn cầu hóa nhanh chóng và sức bật dữ dội của các nước châu Á, đất nước ta rõ ràng là đang đối đầu với nhiều thách thức mới, trước mắt phải vượt qua nhiều trở lực, cũng không ít gay go như thời chiến tranh.

Công cuộc chiến đấu giải phóng dân tộc đã làm chúng ta mất cả nửa thế kỷ, đất nước kiệt quệ và tụt hậu về nhiều mặt. Thế hệ chúng tôi, những người lớn lên trong những năm 60 của thế kỷ trước đã tiếp nối lớp cha anh lao vào cuộc chiến đấu giành độc lập tự do, nhưng việc tiến hành xây dựng một xã hội mới phát triển vẫn còn là chặng đường dài phía trước.

Các nước từng xâm lược Việt Nam đều là những cường quốc thế giới và mạnh hơn ta. Khởi đầu họ luôn chiến thắng, nô dịch nhân dân ta, nhưng luôn gặp sự chống kháng và cuối cùng họ đều bị chúng ta đánh đuổi ra khỏi bờ cõi. Đối đầu với những kẻ thù hùng mạnh như thế, sự tồn vong của dân tộc có lúc như ngàn cân treo sợi tóc, vì dù sao đất nước mình cũng quá bé nhỏ, nghèo khó và còn lạc hậu nhiều mặt. Tuy vậy để được sống còn, người Việt đã chấp nhận sự thách thức, hy sinh tất cả, quyết tâm trụ lại chiến đấu và đã chiến thắng dù phải trả cái giá rất đắt về người và của. Cuộc chiến đấu chống đế quốc Mỹ vừa qua là một điển hình.

Tôi đã leo lên Vạn Lý Trường Thành của Trung Quốc nhìn về quê nhà ở tí tận phương Nam. Từ tầng cao Tháp Eiffel ở thủ đô nước Pháp, vọng về đất nước mình ở miền Viễn Đông xa tắp. Ở trên khu đồi cao điện Capitol tòa nhà Quốc hội Mỹ tại trung tâm thủ đô Washington, hướng về quê hương mình ở bên kia bờ Thái Bình Dương.

Tại các nơi đó, nhiều lần tôi tự hỏi: Tại sao từ những vùng đất xa xôi này, họ lại đến xâm lăng đất nước mình? Do yêu cầu khổng lồ của kẻ mạnh hay nhân danh những lý tưởng cao cả nào? Vì sao lại luôn là đất nước ta mà không phải là một nơi nào khác? Và cũng rất nhiều lần tôi quay về Hà Nội, ngồi trầm mặc bên Hồ Gươm ở trung tâm Thủ đô, chiêm nghiệm quá khứ và suy nghĩ về tương lai.

Lịch sử ghi rõ tổ tiên ta đã phải chiến đấu hàng nghìn năm chống lại sự đô hộ lẫn sự đồng hóa ghê gớm của Trung Quốc, đế quốc cường thịnh phương Bắc này...

Tôi đã sống và đi lại nhiều nơi ở châu Âu, đặc biệt tại đất nước có nền văn minh sáng chói trời Âu. Đó là nước Pháp (1) một thời là mẫu quốc đối với một Việt Nam thuộc địa khi chúng tôi phải học rằng: "Tổ tiên chúng tôi là người Gaulois...". Nước Pháp đã một thời thống trị một miền đất xa xôi ở vùng Viễn Đông mang tên Đông Dương và sau đó bị thân bại danh liệt với Điện Biên Phủ và không bao giờ muốn tái diễn thảm kịch tương tự ở các thuộc địa khác.



Đứng chân ở Bắc Kinh, Trung Quốc

Đế quốc châu Âu này đã đến phương Đông và xâm lăng nước ta vì nhiều lý do. Bên ngoài thì nhân danh lý tưởng cao cả cứu giúp những người anh em đồng đạo Ki tô giáo bị triều đình nhà Nguyễn bách hại, nhưng thực chất là chiếm lĩnh vị trí chiến lược ngã ba đường Biển Đông. Ý đồ lớn của đế quốc Pháp là lập đầu cầu tiến chiếm Hòa Nam, xâm xé Trung Hoa của triều Thanh suy yếu để cùng chia phần với các đế quốc Nga, Anh, Đức, Mỹ và Nhật Bản.

Lớp người tôi gặp gỡ ở nước Pháp ngày nay đều cho rằng sau Thế chiến II, đáng ra nước Pháp nên trao trả độc lập và đối xử bình đẳng với người Việt, chứ không phải phạm sai lầm sử dụng binh lực trở lại Đông Dương áp đặt chính sách thực dân cũ, chống lại khát vọng độc lập dân tộc của người bản địa.



Thăm Paris, thủ đô Cộng hòa Pháp, 2003

Đến thủ đô Paris của nước Pháp nhiều lần, tôi thường nghĩ về đất nước mình ở cách nửa vòng trái đất, nay tuy đã độc lập và thống nhất nhưng đang còn nhiều khó khăn để hội nhập kinh tế thế giới. Tôi tự hỏi: Phải chăng người Pháp đã làm lỡ cơ hội để cho Việt Nam sớm có chủ quyền mà vẫn thân thiện với người Pháp. Làm được như vậy thì may ra đất nước tôi đã vươn lên phát triển kể từ nửa thế kỷ trước rồi.

Người Việt như một dân tộc vẫn xem trọng nền văn hóa nhân bản của nước Pháp xuất hiện từ cuộc Cách mạng tư sản 1789 với khẩu hiệu: "Tự do-Bình đẳng-Bác ái", chứ không phải chính sách thực dân bóc lột, khai thác thuộc địa, miệt thị các dân tộc yếu kém hơn mình. Điều đó phải chăng đã được chứng minh khi Việt Nam ngày nay là thành viên tích cực hàng đầu của khối các nước nói tiếng Pháp ở châu Á.

Đến Canada vào năm 1990, tôi tìm cách sang Mỹ ngay vào năm sau. Hồi đó bang giao Việt-Mỹ chưa thiết lập. Tôi còn nhớ mãi sự lúng túng của viên chức hải quan Mỹ ở đồn biên giới khi nhìn thấy hộ chiếu của tôi còn đóng con dấu màu đỏ to tướng của Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Khi thăm viếng thủ đô Mỹ, tôi cũng háo hức tìm đến những địa danh gợi nhớ cuộc xung đột đẫm máu Việt-Mỹ còn quá mới trong tâm trí thế hệ chúng tôi, nào là Lầu Năm Góc, Nhà Trắng, Tòa nhà trụ sở Quốc Hội Capitol... (2).

Chính tại tòa Nhà Trắng này, cả mười đời tổng thống Mỹ, từ Roosevelt, Truman các năm 40, đến Eisenhower, Kennedy, Johnson, Nixon rồi Ford và cả những Carter, Reagan, Bush những năm 80 đều can thiệp vào Việt Nam. Lầu Năm Góc với những tướng lĩnh hiếu chiến Mỹ huênh hoang tuyên bố ném bom cho miền Bắc Việt Nam trở lại thời kỳ đồ đá và quỳ mọp xuống xin hàng. Vậy mà cũng chính ở nơi này cũng diễn ra cảnh tự thiêu của giáo sư Morrison cho hòa bình Việt Nam, anh em lính mục Berrigan tự xiềng tay phản đối người Mỹ xâm lược Đông Dương, các cuộc xuống đường vĩ đại chưa từng thấy của giới trẻ Mỹ mang cờ Mặt trận Giải

phóng diễu hành đòi chấm dứt cuộc chiến xâm lược.

Nhưng phải chăng bao âm vang chiến tranh đang lùi dần vào dĩ vãng. Nay tôi chỉ muốn để tâm hồn mình lắng xuống hồi niệm về quá khứ ở khu tượng đài Tưởng niệm Chiến tranh Việt Nam (3) nằm trong khu trung tâm cây xanh-hồ nước giữa lòng thủ đô nước Mỹ. Chếch về phía trước nhà tưởng niệm Tổng thống Lincoln là một khu thảm cỏ cây xanh, xuất hiện hai cánh tường đá hoa cương đen tuyền hình chữ V chạy sâu vào lòng đất, mang tên gần 6 vạn binh lính Mỹ bỏ xác tại một xứ nhiệt đới xa xôi mà có lẽ đa số người dân Mỹ không biết tìm thấy ở đâu trên bản đồ thế giới. Đó là Việt Nam đất nước tôi, nơi mà thế lực đế quốc phương Tây, hết người Pháp đến người Mỹ đã thảm bại.

Tôi lặng lẽ theo chân dòng người tham quan luôn đông đảo ở khu tượng đài này, nhìn thấy những thương binh Mỹ buồn bã trên xe lăn thẳng thốt chạm tay lên tên đồng đội đã ngã xuống ở chiến trường Việt Nam. Tôi cũng cố ý lắng nghe những luận điệu thường mâu thuẫn nhau lý giải về ý nghĩa cuộc chiến Việt Nam. Đây là thất bại duy nhất trong biên niên sử chiến tranh mấy trăm năm của Mỹ và cũng là cuộc chiến gây tranh luận nhiều nhất trong dư luận quần chúng nhân dân Mỹ suốt mấy thập kỷ qua. Mỹ đã tung vào cuộc chiến một số lượng bom đạn lớn hơn cả các Thế chiến cộng lại, cả triệu binh lính Mỹ và đồng minh, đã hy sinh gần 6 vạn người, thương tật trên 25 vạn và để lại một vết thương khó lành trong xã hội Mỹ.



Tượng đài tưởng niệm Chiến tranh Việt Nam ở trung tâm thủ đô Mỹ

Tôi đã nhiều lần thăm viếng các nước nằm trong vùng đất đứng kẹp giữa Trung Quốc và Ấn Độ, gọi là vùng Trung-Ấn, như các láng giềng Lào, Campuchia và Thái Lan. Ấn tượng nhất là Thái Lan với sức bật phát triển quá nhanh trong chỉ mấy thập kỷ vừa qua. Và Singapore phát triển thần kỳ.



Thái Lan phát triển

Cho đến nay tôi vẫn chưa hình dung nổi bằng cách nào mà Thái Lan có thể vượt xa đất nước tôi về nhiều mặt như vậy? Vùng đất và con người ở đó không khác mấy với chúng ta. Tuy nhiên lịch sử cận đại nước này có nhiều điều rất khác ta. Cũng chịu ảnh hưởng của Trung Quốc cho đến thế kỷ XIX, nhưng họ đã khôn khéo biết kịp thời tách mình ra khỏi nước lớn phương Bắc đã lạc hậu này để quan hệ với phương Tây tiên tiến. Họ sớm mở cửa và khôn khéo giữ vị thế trung lập giữa các đế quốc phương Tây đang chia chác thuộc địa, để bảo vệ được chủ quyền và phát triển đất nước. Thái Lan là nước duy nhất ở Đông Nam Á không bị biến thành thuộc địa của phương Tây, may mắn giữ được vị trí trái độn giữa hai thế lực thực dân Anh và Pháp.

Sau Thế chiến II, trong cuộc Chiến tranh Lạnh giữa các đại cường họ vẫn giữ được chủ quyền

và an bình bên cạnh lò lửa chiến tranh Đông Dương. Sau chiến tranh Việt Nam, họ khôn ngoan chớp lấy thời cơ Việt Nam bị bao vây để thu hút đầu tư nước ngoài và chiếm vị trí trung tâm phát triển vùng Đông Nam Á. Thăm viếng lại Thái Lan gần đây, tôi nhìn thấy họ thực sự đang bỏ xa Việt Nam ít nhất 20 năm về mặt vật chất-kỹ thuật!

Phải chăng sớm hơn ta, người Thái đã tự nhìn được ra mình, xác định được chỗ đứng và mục tiêu phát triển đất nước. Chỉ tiếc rằng đất nước này đã bị doanh nhân Hoa kiều khống chế và khai thác kinh tế quá đáng, nhất là về mặt du lịch tính dục. Tuy vậy, cái phát triển của họ cũng khác với sự lúng túng của ta trong những năm tiến vào kinh tế thị trường!

Singapore chẳng những là mẫu mực phát triển cho các thành phố châu Á mà còn cho cả các thành phố hiện đại thế giới vì đã biết rút tĩa bài học ưu khuyết của đô thị phương Tây, hoàn thiện một xã hội đạt mức 100% đô thị hóa. Nếu xe hơi, nhà cao tầng, đường cao tốc, nhà máy, mật độ dân số cao... đang là nguyên nhân các căn bệnh của siêu đô thị hiện đại, thì đảo quốc này đã biết biến chúng thành công cụ phục vụ nhân dân, thế mạnh của đô thị phát triển bền vững. Một đất nước với diện tích không rộng, số dân chỉ bằng một nửa Thành phố Hồ Chí Minh mà đã vượt lên dẫn đầu các nước Đông Nam Á về đủ mọi mặt đời sống và phát triển.



Singapore vươn lên mạnh mẽ

Nhìn người Hoa Singapore văn minh, giàu có như Âu Mỹ, tôi không khỏi e ngại cho những dân tộc Đông Nam Á khác, trong đó có Việt Nam.

Năm 1998, sau 12 năm kể từ Đại hội Đảng đổi mới và mở cửa, tôi mới có dịp quay lại Thủ đô Hà Nội để tham dự cuộc Hội thảo Quốc tế về Việt Nam học lần đầu tiên tổ chức ở nước ta (4). Việt Nam nay được xem như một nền văn hóa-văn minh chứ không mãi là một cuộc chiến tranh.

Tôi đã nhìn thấy hầu hết các tên tuổi quen thuộc ở nước ngoài từng có công trình nghiên cứu Việt Nam suốt nửa thế kỷ qua, gồm cả thế hệ trẻ cũng như nhiều Việt kiều. Họ chẳng những đến từ các nước lớn có truyền thống nghiên cứu lâu đời về Việt Nam như Pháp, Trung Quốc mà cả học giả từ Nhật Bản, Mỹ, Anh, Nga, Úc, Hà Lan, Hungary, Thái Lan... Tôi cũng bất ngờ nhìn thấy nhiều nhà nghiên cứu Việt kiều với những cái nhìn mới mẻ về đất nước và đặc biệt có đông đảo sinh viên cao học nước ngoài ngành xã hội nhân văn đang theo học ở Đại học Hà Nội.

Sau nhiều năm, có thể nói đây là lần đầu tiên, chúng ta mới nghe người nước ngoài phân tích khách quan về lịch sử, văn hóa và cả những vấn đề kinh tế-xã hội của đất nước mình. Phải chăng chiến tranh đang là quá khứ và nay ta đang có độ lùi lịch sử cần thiết để nhìn lại chính mình. Và cũng nhờ cả người ngoài nhìn dùm mình, có lẽ khách quan hơn qua lăng kính của họ!

Trong những dịp gặp gỡ bên lề hội nghị, tôi thẩm thía với các nhận định khách quan và không kém phần sâu sắc của bạn bè nước ngoài. Theo họ thì phải chăng dưới mắt thế giới, một Việt Nam mới chỉ bắt đầu xuất hiện khi diễn ra cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam, và hình ảnh Việt Nam được nhìn qua ba giai đoạn, với những cái nhìn rất mâu thuẫn nhau.

Vào những năm 60, Việt Nam xuất hiện như một cậu bé David hiền lành đương đầu với tên khổng lồ Goliath mang hình thù đế quốc Mỹ. Những hình ảnh kiểu này đập vào mắt nhân dân thế giới: Người nữ du kích mảnh mai nhưng ngoan cường khuất phục tên phi công Mỹ cao lớn; tên sĩ quan cảnh sát Sài Gòn bắn vào đầu người Việt cộng tay bị trói chặt giữa đường phố; em

bé gái lỏa lồ bị bom napan đốt cháy thịt da. Việt Nam lúc đó bước vào thế giới như một huyền thoại, can trường nhưng đau khổ và nghèo khổ. Nhân dân thế giới hô vang khẩu hiệu của Che Guevara: "Một, hai, và nhiều Việt Nam nữa!" Phong trào đoàn kết với Việt Nam chưa bao giờ lên đến đỉnh cao như vậy. Việt Nam đã chiếm trọn cảm tình của nhân dân thế giới, một mối cảm tình chúng ta sẽ không bao giờ tìm lại được.

Vậy là phải đợi đến 10 năm sau, vào năm 1986, Đại hội Đảng Cộng sản mới chủ trương phải đổi mới. Và phải đến đầu các năm 90 người ta mới cảm nhận được chuyển biến này, chủ yếu về mặt kinh tế. Nay thì giới truyền thông thế giới lại nhanh chóng đổi giọng điệu. Người ta ca ngợi Việt Nam như một thiên đường của đầu tư và du lịch. Từ các năm đầu 90, Việt Nam không còn bị tẩy chay nữa mà xuất hiện như là một xứ sở mà người ta đua nhau viếng thăm. Đi đâu cũng nghe người ta kháo nhau về chuyện du lịch Việt Nam. Một loại hoài niệm, một cái mốt mới và cả sự lợi dụng. Các nhà chính trị, từ thiện, tôn giáo cũng nhảy vào Việt Nam. Nay Việt Nam đang trở thành một món hàng thời thượng, một cái mốt, một chân trời mới của các hãng du lịch, của các công ty nước ngoài. Nhưng đã là cái mốt thì sẽ chóng phai tàn. Huyền thoại này rồi đến lượt mình cũng bị vỡ tan. Cuối cùng thì Việt Nam cũng sẽ phải đối đầu với những vấn đề thực chất của bản thân mình.

Phải nhìn nhận ra sự thật là kể từ ngày bước vào kinh tế thị trường, mở cửa kinh tế, sự cách biệt giàu nghèo ngày càng lớn, rừng bị phá hủy khủng khiếp, đã xuất hiện nhiều người ăn xin, gái mại dâm hơn, dân số tăng nhanh một cách đáng ngại, tệ bào gia đình có nguy cơ tan vỡ. Một khi các huyền thoại sụp đổ, bấy giờ sẽ còn lại những vấn đề thực chất. Vào lúc đó người Việt Nam sẽ phải đối mặt với bề bộn công việc. Và cũng có lẽ chỉ đến lúc đó, người Việt Nam mới may mắn được người ta nhìn và phê phán khác đi, khách quan hơn hoặc không còn thông qua lăng kính các cách nhìn đăm mê kiểu cũ nữa...



Tác giả và nhà văn Nguyễn Ngọc, 2007

Hà Nội đang vào thu 98, năm chấm dứt một thiên niên kỷ, nhắc nhớ đến mùa thu lịch sử 53 năm về trước, dân tộc này đã vùng lên giành chủ quyền. Nhưng phải chăng cứ nhắc đến lịch sử đất nước là chỉ nói đến lịch sử chiến đấu mà không thấy nói đến lịch sử xây dựng đất nước. Đã đến lúc chúng ta cần nhìn lại mình, lịch sử của mình để xác định được thế đứng mới và tìm đường tiến lên. Vào các lần đến Hà Nội sau này, tôi thường gặp gỡ anh chị em trong nhiều giới khác nhau. Tôi nhìn thấy trong mọi lĩnh vực sáng tác như đang dấy lên một phong trào mong muốn đặt lại vấn đề, nhìn lại mình để tìm phương cách đối mặt với những thách thức mới của thời đại. Một phong trào tự vấn của mọi người, của xã hội, của cả dân tộc.

Vấn đề lớn này có lẽ đã được nhà văn Nguyên Ngọc (5) diễn tả thật sâu sắc. Nhân đi dự một cuộc hội thảo của Unesco tại Paris vào cuối năm 2002, anh cho biết trong cả nước ta đã dấy lên một xu hướng tự vấn của xã hội và con người Việt Nam. Theo anh, đó là một luồng sinh khí mới, lành mạnh và sâu sắc được thổi vào từ văn học cho đến xã hội. Một sự tự soi mình của dân tộc và của con người. Như một tấm gương, cho sự tự soi, tự vấn trần trụi, thường xuyên. Trong một cuộc gặp gỡ anh chị em Việt kiều, anh đã nói rằng: "Con người Việt Nam đối mặt, không phải với chiến tranh, mà với chính mình, tự hỏi mình thực sự là ai, lịch sử của mình thực sự là như thế nào (bởi vì qua một thời kỳ rất dài người ta đã phải diễn đạt lịch sử để mà chiến đấu, đánh giặc), vì sao hôm nay mình lại như thế này (chứ không phải như mình từng hình

dung lúc đang đánh giấc anh hùng để có hôm nay)... Tự vấn là một nhu cầu hướng nội, không chỉ là hướng nội cá nhân, mà là hướng nội dân tộc, của toàn xã hội, toàn dân tộc. Nhìn lại mình, lịch sử của mình, lịch sử gần và cả lịch sử xa, một lịch sử quá nhiều năm phải đánh giấc và quá ít được xây dựng, một lịch sử luôn đứng kẹp giữa hai nền văn hóa khổng lồ, Ấn Độ và Trung Hoa, và để tồn tại đã phải học lấy rất nhanh, rất thực tế những gì cần ngay cho mình từ các ảnh hưởng mạnh bên ngoài, rất giỏi vận dụng, Việt hóa nhanh, nhưng do đó cũng chưa bao giờ đi đến tận cùng những nền tư tưởng lớn, tạo nên một thói quen dở dang, nửa chừng, thích ứng, thỏa hiệp".

Riêng tôi luôn tự đặt cho mình một số vấn đề như sau:

Trên con đường phát triển và hội nhập ngày nay, phải chăng đất nước đang đối mặt với sự tụt hậu và mờ nhạt bản sắc, làm sao có thể vượt qua chúng để tiến lên phía trước trong thời đại toàn cầu hóa ngày nay?

Đất nước chúng ta trước sau gì rồi cũng sẽ vươn lên, nhưng bằng cách nào, nhanh hay chậm, với cái giá nào, có phù hợp thực tế đất nước và bản sắc Việt?

Trong bối cảnh một châu Á bùng bùng khí thế Phục hưng, đang sáng tạo lại quá khứ cũng như xem xét lại quan niệm hiện đại phương Tây, phải chăng ta cũng cần phải tìm ra con đường phát triển riêng phù hợp cho mình?

Củng cố nội lực, định hướng phát triển kết hợp được thực tế đất nước và tình hình thế giới nắm bắt kịp và cả vượt người trong vài thập kỷ tới phải chăng là công việc cấp bách hôm nay?

Tôi nghĩ đó chính là những vấn đề mà tất cả những ai còn quan tâm đến vận mệnh đất nước cần nghiêm túc chiêm nghiệm và tìm lời giải đáp. Những ghi chép trong các chương sau đây nói về cuộc hành trình của bản thân tôi trên đường tìm kiếm cho bản thân những lời giải đáp đó.

I. BỪNG TỈNH

Cuộc chiến đấu của nhân dân Việt Nam giành lại chủ quyền dân tộc bắt đầu rất sớm vào cuối Thế chiến II với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Cuộc đấu tranh đô thị của tập thể sinh viên miền Nam chúng tôi vào thập kỷ sáu mươi của thế kỷ trước chỉ là một bộ phận nhỏ trong cuộc chiến đấu to lớn của nhân dân cả nước. Bản thân tôi đã bùng tỉnh qua các biến cố và thử thách này.

1. Đà Nẵng 45

1938-1949: Tôi lớn lên và chứng kiến tình hình xáo trộn khắp thế giới và Việt Nam cùng với Thế chiến II bùng nổ, nhiều đổi thay từ thực dân Pháp đến quân phiệt Nhật ở Đông Dương và nhất là sự vùng dậy của nhân dân Việt trong những ngày tháng sôi nổi Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Các sự kiện đó sẽ tác động lâu dài đến diễn tiến tình hình chính trị vào những thập kỷ về sau này. Ta sẽ không hiểu rõ được lịch sử đương đại Việt Nam nếu không biết đến cuộc khởi nghĩa quy mô cả nước đầu tiên đó của nhân dân.



Quân Pháp đánh Đà Nẵng, 1858

Tôi tuổi Mậu Dần, sinh vào năm 1938 tại Đà Nẵng (tuổi đi học sau này khai sinh năm 1940) (1), một thành phố cảng lớn nhất miền Trung Việt Nam. Trong biên niên sử quan hệ với nước ngoài, Đà Nẵng là nơi đầu tiên nước ta đụng đầu với phương Tây. Khởi đầu với đạn pháo tàu chiến Pháp vào năm 1858, mở màn cuộc xâm lược biển nước ta thành thuộc địa kéo dài gần một thế kỷ. Tuy vậy, nhân dân ta không ngừng kháng cự và người Pháp buộc phải rút lui nhục nhã sau trận Điện Biên Phủ năm 1954.

Một sử gia ghi nhận: "Trớ trêu thay, lịch sử lặp lại vào năm 1965. Quân Mỹ cũng đã đổ bộ ồ ạt lên Đà Nẵng, khởi đầu một cuộc chiến tranh can thiệp đẫm máu nhất trong lịch sử. Nhưng nó cũng kết thúc với sự rút chạy tán loạn của họ 10 năm sau đó ở Sài Gòn!" Sự kiện giải phóng Sài Gòn ngày 30 tháng 4 năm 1975 không chỉ đánh dấu ngày chấm dứt xung đột với Mỹ mà là sự kết thúc 117 năm cuộc đối đầu với phương Tây của nhân dân ta, mở ra một kỷ nguyên thống nhất và phát triển độc lập của đất nước.

Thời Pháp thuộc, Đà Nẵng mang tên Tourane, theo quy chế một thuộc địa Pháp, gần giống như ở thuộc địa Nam kỳ. Vào thời đó tên Việt Nam chưa ai nhìn thấy ghi trên bản đồ thế giới. Người ta chỉ tìm thấy cái tên "Trung Ấn thuộc Pháp" (Indochine Française), với các vùng đất gọi là Bắc kỳ (Tonkin), Trung kỳ (Annam) và Nam kỳ (Cochinchine), bao gồm cả hai nước Campuchia và Lào. Đó là một mảnh đất dài hình chữ S, giống như chiếc bao lớn nhìn ra Biển Đông, nằm ở vị trí trung tâm vùng Đông Nam Á, lọt thỏm giữa hai nước khổng lồ của châu Á là Ấn Độ và Trung Quốc.

Cha tôi về sau thường tâm sự: "Con sinh ra với nhiều diễm xấu. Thế giới vừa mới thoát khỏi khủng hoảng kinh tế thì rơi vào Thế chiến II. Quân Nhật đã tràn ngập lục địa châu Á, quân Đức xâm lược các nước láng giềng châu Âu. Trong nước xảy ra tai nạn xe lửa khủng khiếp ở Đà Lạt làm chết nhiều người. Trong gia đình thì bác con qua đời còn quá trẻ và một người chú khác bệnh nặng phải đưa ra nhà thương Huế cấp cứu!"

Gia đình tôi thuộc tầng lớp trung lưu thành thị mới nổi lên vào giai đoạn người Pháp đã bình định được thuộc địa, tập trung vào việc khai thác và phát triển kinh tế. Theo bảng gia phả thì chúng tôi không phải người gốc gác ở địa phương mà là những người từ vùng Quỳnh Lưu bờ biển Nghệ An nhập cư đến. Ông nội tôi là một nhà nho bất đắc chí vào buổi giao thời Việt-Pháp,

chuyển sang nghề thầy thuốc và kinh doanh, giúp bà nội tôi, một phụ nữ mù chữ nhưng lanh lợi trong việc buôn bán gạo và thuốc lá Cẩm Lệ nổi tiếng ở miền Trung.

Gia đình đã đầu tư khá nhiều cho ba tôi trong việc học hành, gửi ông ra tận Huế và Hà Nội rất tốn kém, hy vọng ông giật được mảnh bằng để làm một viên chức danh giá trong guồng máy cai trị của người Pháp. Nhưng ông đã làm mọi người thất vọng vì không đỗ đạt gì, và trong tình hình khủng hoảng kinh tế toàn cầu của thập kỷ 1930, ông nghỉ học và xin vào làm việc tại chi nhánh hãng xăng dầu Shell ở Đà Nẵng. Mẹ tôi cũng nghỉ học sớm để lấy chồng, giúp việc kinh doanh của nhà chồng, nhất là trong việc sử dụng tiếng Pháp giao tiếp với quan chức thuộc địa người Pháp. Có lúc gia đình suýt đã lưu lạc tận bên đất Lào vì ba tôi tính nhận làm đại diện chi nhánh Shell bên đó. Cha mẹ tôi tuy được đào tạo theo phương Tây, nhưng vẫn sống theo nếp truyền thống phương Đông. Dầu vậy họ cũng xin ra ở riêng chứ không ở chung với đại gia đình vì bà nội tôi rất khó tính và hay uống rượu say sưa, có lẽ vì buồn. Tôi nhớ mình lớn lên trong một khu nhà vườn đầy cây trái ở ngoại ô Đà Nẵng. Tuy nhà tranh nhưng vẫn có điện sinh hoạt.

Cha tôi không theo đạo Công giáo nhưng giữ thói quen ở nhà trường nội trú Công giáo, cứ đến chủ nhật là đèo tôi trên xe đạp đi xem lễ ở nhà thờ lớn Đà Nẵng. Sau lễ, chúng tôi đi tắm biển hoặc xem bóng đá. Còn má tôi khi đi công chuyện cũng luôn đem tôi theo trên chiếc xe kéo nhà, có anh người làm kéo. Tôi nhớ lúc về đến nhà là mình đã ngủ gà ngủ gật, phải bế lên giường.



Tourane thời Pháp thuộc, 1900

Chúng tôi sinh sống tại vùng ngoại ô nên được ở nhà có vườn tược thoải mái, không phải ở chật chội như nhà phố. Sung sướng nhất là được đi chân đất và ngán nhất là phải rửa chân sạch sẽ trước khi đi ngủ và mang giày, mặc áo quần chỉnh tề theo ba má thăm viếng bà con, bạn bè khá giả. Trong số đó có quan huyện Hòa Vang, với người vợ và mấy cô con gái nói giọng Huế nghe êm tai và dễ thương. Nhưng tôi lại ghét ông ta vì thường nhìn thấy ông nạt nộ những người dân quê mùa tội nghiệp. Và cả một thương gia lai Pháp với đám con có rất nhiều đồ chơi và bánh kẹo mua tận bên Pháp về.

Cuộc sống của gia đình tôi thật yên bình. Lúc đó tôi còn quá nhỏ để biết được rằng nhân dân ta sống lầm than dưới hai tròng áp bức là thực dân Pháp và triều đình phong kiến. Sau này còn thêm người Nhật. Dân chúng đa phần rất nghèo khổ và mù chữ, bị áp bức trăm bề. Gia đình tôi không phải chịu cảnh đó vì thuộc tầng lớp trung gian thành thị có học và cần thiết cho chế độ.

Tôi vẫn còn nhớ người Pháp ở Đà Nẵng sinh sống riêng biệt trong khu phố Tây, có nhiều bồi bếp phục vụ trong nhà cửa, vườn tược sang trọng và làm việc trong các dinh thự to lớn ở trung tâm thành phố. Dân bản xứ thì sinh sống chen chúc chung quanh các khu phố chợ lụp xụp nghèo nàn. Ngay cả người giàu cũng chỉ xây được những ngôi nhà ngói nhỏ bé nằm trong khu bản xứ hoặc ở ngoại ô. Ngoài phố Tây hiện đại ở khu trung tâm, Đà Nẵng trông giống như một ngôi làng quê lớn, còn sống theo nhịp điệu nông nghiệp thời xưa. Do Đà Nẵng nằm ở vị trí chiến lược và kinh tế quan trọng, nên người Pháp đã lập đồn binh, khu phố buôn bán, vài nhà máy sản xuất hàng tiêu dùng cùng cảng biển, ga đường sắt, sân bay. Có cả một đơn vị lính Lê dương và đơn vị lính bản xứ do sĩ quan Pháp chỉ huy, một lực lượng không quân và hải quân nhỏ. Quan chức, thương nhân Pháp ăn mặc sang trọng thật trái ngược với các viên chức bản xứ nhếch nhác trong khăn đóng áo dài. Ông ngoại tôi làm việc cho một nhà kinh doanh Pháp thì cứ cho rằng: "Cái gì của Pháp đều nhất cả!"



Kiep no le của người Việt!

Người Pháp nắm toàn bộ quyền hành, ứng xử như những ông chủ nô muốn làm gì thì làm và có lẽ không bao giờ bị trừng phạt. Họ buộc người Việt Nam phải gọi họ bằng Quan lớn, ngay cả đối với những người Pháp khiêm tốn như lính cảnh sát hoặc binh nhì. Bản thân tôi đã nhìn thấy cảnh tượng sen đầm Pháp công khai đánh đập người Việt trên đường phố. Họ khinh miệt gọi tất cả người lao động Việt là đồ cu li, nông dân là đồ nhà quê'. Tuy vậy, người Pháp lại khôn khéo cai trị qua trung gian người Việt. Chính những người mình giúp việc cho người Pháp lại đối xử tồi tệ với đồng bào của mình, nhất là đối với nông dân thợ thuyền nghèo khổ. Họ gọi tất cả những ai chống đối lại họ là Cộng sản. Vào lúc đó, từ Cộng sản đồng nghĩa với kẻ phạm tội, quân ăn cướp xấu xa! Một người anh ruột của mẹ tôi làm việc trong ngành hỏa xa bị bắt vì hoạt động chống Pháp cũng bị gọi là Cộng sản và đày đi biệt xứ ở Côn Đảo sau đó mất tích luôn. Gia đình thường tránh nhắc đến tên ông, có lẽ sợ bị liên lụy.

Cuộc sống của tôi có lẽ cứ thế bình thản trôi qua, nếu không nổ ra Thế chiến II, sự có mặt của quân đội Nhật Bản và sự nổi lên của Việt Minh. Sự kiện Việt Minh gây ấn tượng nhất và tạo dấu ấn sâu sắc trong ký ức của tôi thời tuổi thơ. Vào thời đó tôi không thể nào hiểu được tại sao lại tồn tại song hành cả hệ thống chính quyền thuộc địa Pháp lẫn quân đội Nhật Bản. Sau này tìm hiểu mới biết rằng đây là một sự dàn xếp kỳ lạ giữa chính quyền Vichy Pháp đầu hàng và cộng tác với Đức Quốc Xã. Đức và Nhật lại là đồng minh. Quân Nhật được quyền trấn đóng tại các điểm chiến lược trên toàn lãnh thổ Đông Dương và người Pháp phải tiếp tế cho họ để đánh đổi việc giữ nguyên tình trạng chế độ thuộc địa Pháp. Chỉ riêng nhân dân Việt Nam chịu cảnh một ách hai trùng của cả thực dân Pháp lẫn quân phiệt Nhật. Tuy vậy người Nhật nỗ lực tranh thủ người mình vào ý đồ xây dựng "Khối Thịnh vượng chung Đại Đông Á" của họ. Người Việt trong lòng rất thán phục người Nhật vì cũng dòng giống dân da vàng mà khuất phục được bọn thực dân da trắng khắp châu Á.

Gia đình tôi cũng bắt đầu có những người bạn Nhật và nhận được những quà biếu đẹp mắt. Tôi cũng có cơ hội quan sát những người lính Nhật trú đóng trong ngôi nhà rộng của ông ngoại tôi. Họ sinh sống thành từng nhóm nhỏ, phân tán trong dân, không ở tập trung trong đồn trại như binh lính Pháp. Làm như vậy để vừa tránh làm phiền cho máy bay Mỹ bỏ bom vừa tranh thủ được nhân tâm. Người Nhật trông không khác người Việt là mấy, đầu cạo trọc như nhà sư và ê a những điệu nhạc dân gian buồn. Họ tự nấu ăn lấy và hầu như ăn chay với cá biển, rau cải tươi sống. Họ sạch sẽ, trật tự, ngăn nắp và đặc biệt rất kỷ luật, nhất là đối xử rất lễ độ đối với người bản xứ. Người già Việt Nam còn có thể giao tiếp với người Nhật qua Hán tự. Tôi chưa hề nghe thấy họ làm điều gì xấu đối với nhân dân tại chỗ, nhất là tôn trọng phụ nữ. Điều này hoàn toàn trái ngược với binh lính Pháp, Trung Hoa Quốc Dân Đảng hoặc Mỹ sau này. Chỉ có thể so sánh họ với bộ đội Việt Minh hoặc quân Giải phóng trong cuộc chiến đấu chống Pháp, Mỹ.

Vào những năm cuối Thế chiến II, Mỹ đã bỏ bom Đà Nẵng. Người già cả và trẻ em thành phố được lệnh sơ tán về vùng quê. Tôi cũng theo bà nội và các cô tản cư về vùng quê gần đó trong vài tháng và quay lại thành phố khi tình hình ít căng hơn. Rõ ràng là người Mỹ khó mà làm gì được người Nhật khi dội bom lung tung, chỉ sát hại dân thường, gây căm thù nơi người dân. Qua kinh nghiệm đó, sau này tôi khó tin lời các người phát ngôn Mỹ trong chiến tranh Việt Nam nói rằng họ chỉ tập trung dội bom xuống các mục tiêu quân sự ở miền Bắc. Khi nghe còi báo động, chúng tôi vội nhào xuống hầm núp, nhưng vẫn thập thò ở cửa để theo dõi cuộc không chiến. Chắc chắn là tôi không khách quan chút nào khi vẽ lại trên giấy các cuộc đụng độ trên không, luôn nhìn thấy cảnh máy bay Mỹ bị máy bay Nhật bắn hạ, rơi xuống đất còn kéo theo cột khói đen ngòm sau đuôi.

Cuộc chung sống giữa Nhật và Pháp không kéo dài. Vào đầu năm 1945, tôi nhìn thấy tù binh

Pháp nhuc nhĩa bị binh lính Nhật trối dẫn đi ngoài đường phố. Mới ngày nào họ còn là những ông chủ hét ra lửa trên mảnh đất này! Có lẽ đây là lần đầu tiên người Việt ý thức được rằng họ cũng như người Nhật có thể đánh bại được người phương Tây. Thế là một chính quyền thân Nhật do học giả Trần Trọng Kim đứng đầu đã ra đời nhưng chỉ nắm được quyền hành tượng trưng ở một số thành phố lớn. Chính quyền địa phương nằm trong tay các Ủy ban Thanh niên mới được bầu ra. Phần lớn các ủy ban này do các chính đảng yêu nước điều động, tích cực hơn hết là Quốc dân đảng và Cộng sản. Những người có học và uy tín thường được bầu vào các chức vụ trong ủy ban và tỏ ra năng động trong các hoạt động yêu nước và văn hóa hơn là hành chính. Ba tôi trở thành Phó Chủ tịch Ủy ban Thanh niên địa phương và má tôi là đại biểu phụ nữ. Hầu hết các thành viên trẻ trong đại gia đình tôi, cả bên ngoại lẫn bên nội đều tham gia vào một phong trào quần chúng nào đó. Thanh thiếu niên hát vang:

Này thanh niên ơi đứng lên đáp lời sông núi!

Đồng lòng cùng đi hy sinh mở đường khai lối...

Nhưng phong trào quần chúng nổi bật hơn hết của giai đoạn này có lẽ là chiến dịch xóa nạn mù chữ. Người ta động viên những thanh thiếu niên biết chữ dạy học cho người mù chữ, mà suốt thời kỳ thực dân thì hầu hết người Việt đều mù chữ. Mọi người già trẻ lớn bé được khuyến khích tham dự các lớp học ban đêm. Thật là một cảnh tượng xúc động khi nhìn thấy những người trẻ tuổi kiên nhẫn giúp cho những người già, các bà mua gánh bán bưng hoặc bà con nông dân lần đầu tiên trong đời được đọc được viết. Tôi nghĩ Việt Nam ngày nay tự hào là một nước tuy còn nghèo nhưng có ít người mù chữ nhất ở châu Á có lẽ nhờ chiến dịch xóa nạn mù chữ đã được phát động từ đầu các năm 1940 này. Lần đầu tiên trong lịch sử đương đại Việt Nam đã xuất hiện khắp đất nước một phong trào văn hóa quần chúng to lớn đến như vậy.



Một lãnh tụ Việt Nam sáng chói xuất hiện: Hồ Chí Minh

Vài tháng sau, phong trào quần chúng này đã nằm trong tay Mặt trận Việt Minh, một phong trào yêu nước rộng lớn do người Cộng sản lãnh đạo khi quân Nhật đầu hàng phe Đồng minh. Cuộc chuyển giao quyền hành xảy ra rất êm thấm, tưởng chừng như những cán bộ Việt Minh đã có mặt sẵn ở đó hoặc nằm đằng sau hậu trường từ lâu rồi. Ủy ban Thanh niên chuyển thành Ủy ban Nhân dân và sau là Ủy ban Hành chính Kháng chiến vào lúc xung đột nổ ra khi người Pháp tái chiếm Đông Dương. Ba má tôi vẫn giữ nguyên vị trí cũ trong ủy ban lãnh đạo địa phương mới, nhưng nay tăng cường thêm nhiều tiểu ban hành động và hội đoàn quần chúng hơn. Vào thời điểm đó tôi không hề nghe ai nói đến từ Cộng sản hoặc Xô viết, mà chỉ nghe có một nước Liên Xô xa xôi nào đó đã từng làm cuộc cách mạng, tạo dựng được một xã hội công bằng, nằm trong số năm nước Đồng minh chống Đức Quốc Xã và quân phiệt Nhật. Những lãnh tụ Việt Minh bỗng xuất hiện từ mọi tầng lớp quần chúng và tổ chức yêu nước, thay thế tất cả người Nhật, người Pháp, quan lại Nam triều, từ trung ương đến địa phương.

Nước Việt Nam được tuyên bố độc lập sau gần một thế kỷ lệ thuộc Pháp và một thời gian ngắn lệ thuộc Nhật. Cờ đỏ sao vàng phất phới khắp hang cùng ngõ hẻm. Những cán bộ Việt Minh mới từ nhà tù thực dân hoặc nằm trong quần chúng nay công khai bước ra thay thế các viên chức cũ ở thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam. Người bạn quyền thế của gia đình tôi là viên tri huyện Nam triều thì bị bãi chức và một cán bộ Việt Minh lên thay. Ông ta nói chuyện thời sự, chính trị lưu loát cả giờ và rất khéo tổ chức quần chúng. Nghe đồn rằng ông ta chỉ là một công nhân bình thường nhưng được người Cộng sản huấn luyện trong nhà tù.

Lần đầu tiên chúng tôi nghe nói đến tên "Hồ Chí Minh", người lãnh đạo Mặt trận Việt Minh và

đã từng dành cả cuộc đời mình cho cách mạng giải phóng dân tộc. Trong trí óc non nớt của tôi lúc đó, tôi xem ông như một ông bụt xuất hiện cứu cả dân tộc khỏi vòng nô lệ. Tôi thường lén chú tôi lấy bản khắc gỗ chân dung Người, xoa mực in ra nhiều bản đem khoe bạn bè.



Bước đầu đường lên giành độc lập

Hoạt động của Việt Minh mang nhiều nội dung chính trị và yêu nước cũng như nghiêng về tổ chức quần chúng hơn. Nay mọi người tùy theo tuổi tác và ngành nghề đều đứng chân trong một tổ chức nào đó. Nếu trước đây chỉ có những người trẻ hoặc trung niên có học mới hoạt động, thì nay ngay cả những nông dân thất học, những người già cả cũng hoạt động tích cực trong đoàn thể của họ. Mọi người trong xã hội đều cảm thấy mình được tham dự vào công việc chung của đất nước. Còn bé tí tẹo như tôi mà cũng gia nhập đội nhi đồng. Đoàn thể chúng tôi được các anh học sinh hăng hái hoặc những thanh niên tổ chức Hướng đạo hướng dẫn sinh hoạt đội. Chú út của tôi là một trong những thanh niên hăng hái đó (2). Chúng tôi tự mình bàn thảo và giải quyết các vấn đề của mình, đi cắm trại, vui chơi, hát vang những bài ca yêu nước với tất cả tấm lòng.

Tôi cũng nhìn thấy xuất hiện đạo quân đầu tiên của một nước Việt Nam độc lập. Họ mang tên là Vệ quốc đoàn, có quân phục đàng hoàng, đầu đội mũ ca lô, giản dị nhưng thật nghiêm chỉnh, trang bị đủ loại vũ khí có được. Tôi thích nhất bài hát "Vệ quốc quân hành khúc" của nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu, cũng là hướng đạo sinh người Đà Nẵng, lớp cùng trang lứa với chú tôi:

Đoàn giải phóng quân một lòng ra đi

Dù có mong chi hẹn ngày trở về

Ra đi ra đi bảo toàn sông núi

Ra đi ra đi thà chết chứ lui...

Tôi rất thán phục anh Kịch (3) người gốc Nam Bộ chỉ huy một tiểu đoàn Vệ quốc quân, đang theo tán tỉnh cô giáo dạy hè của tôi. Khi ai hỏi tôi lớn lên làm gì, tôi không ngần ngại trả lời ngay: "Được giống như anh Kịch!" Tôi nằm mơ mình trở thành anh hùng, ngồi trên lưng ngựa, bên hông đeo súng lục, vung gươm hô chiến sĩ tiến lên tấn công quân thù!

Đà Nẵng là một trong các cảng biển lớn của Việt Nam. Vào thời gian đó, cảng đón nhận nhiều người nước ngoài. Trong các cuộc lễ lớn, xuất hiện nhiều lá cờ mới mà tôi chưa hề nhìn thấy bao giờ, lúc đó gọi là cờ các nước Đồng minh. Cờ Mỹ sao vach thật rắc rối, cờ Liên Xô màu đỏ chói, và có cả cờ xanh trắng đỏ của nước Pháp đã từng đô hộ Việt Nam nữa. Quân Trung Hoa Quốc dân đảng đến giải giới quân Nhật. Không thể gọi họ là một đạo quân được với những con người ốm đối tả tơi, mang đủ thứ bệnh tật. Họ như một đàn châu chấu háu đói ăn sạch, vơ vét và diệt sạch trên đường đi của họ.

Lần đầu tiên trong đời tôi nhìn thấy người Mỹ, thuộc hải quân. Họ cao lớn hơn người Pháp, đồng phục xanh đậm, mũ trắng. Lối ứng xử của họ vừa ngạo mạn vừa trẻ con. Tàu chiến Mỹ ghé cảng Đà Nẵng và đưa họ lên bờ từng nhóm một. Họ đùa cợt và cười vang khi quăng kẹo bánh cho người bán xứ hiếu kỳ vây quanh họ. Họ vui thỏa nhìn cảnh tượng người da vàng đói khổ tranh cướp miếng ăn lạ như đàn súc vật. Theo tôi người Mỹ tự xem mình là những người da trắng giàu có, ứng xử như những người cho mình là thượng đẳng.

Đà Nẵng cũng bắt đầu đón nhận nhiều kiều bào từng bị tuyển lính sang Pháp đánh nhau với

Đức trong hai Thế chiến vừa qua. Họ đã phải đấu tranh gay go mới buộc được chính quyền Pháp cho hồi hương. Nhân dân đến thăm hỏi động viên họ. Nhiều người sau đó đã nhiệt tình tham gia cuộc chiến đấu chống Pháp. Họ kể cho chúng tôi nghe nhiều chuyện mới lạ bên trời Tây và tặng lũ trẻ chúng tôi bánh kẹo rất lạ.

Suốt đời tôi nhớ mãi giai đoạn Việt Minh nắm quyền ngăn ngủi ở Đà Nẵng, có lẽ nó xác định sự kiện dân tộc Việt Nam có thể tự mình làm chủ được vận mạng mình trong độc lập tự do. Một vị thế mới mà người Pháp muốn tước bỏ khi họ quay trở lại tái chiếm cựu thuộc địa. Người Việt đã bắt đầu cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ. Một người chú ruột của tôi đang làm ở bưu điện Sài Gòn cũng tham gia phong trào Thanh niên Tiền phong rồi Mặt trận Việt Minh kháng Pháp, không biết sống chết ra sao trong đó.

Tất cả chúng tôi đều được tham gia thảo luận chính trị, mít tinh, tuần hành bày tỏ thái độ. Người ta tổ chức các tuần lễ thi đua, vận động quần chúng hướng về những mục tiêu cụ thể nào đó, tất cả hình như là để nhằm tạo được ý thức tập thể của nhân dân. Ngôi trường tiểu học của tôi biến thành một trung tâm tuyển quân tình nguyện cho đạo quân mới thành lập. Thanh niên khắp nơi nườm nượp kéo về đăng ký nhập ngũ. Chiến dịch quyền góp ủng hộ kháng chiến, như Tuần lễ vàng, Năm gạo ủng hộ kháng chiến Nam Bộ. Bà tôi, má tôi cùng các cô dì đều hiến nữ trang vòng vàng.

Còn tôi thì không ngày nào lại quên bỏ một nắm gạo vào hũ gạo kháng chiến Nam Bộ. Trên đường phố Đà Nẵng tôi đã nhìn thấy nhiều trẻ em đói rách từ miền Nam xa xôi chạy loạn ra đây, lòng tôi xót xa muốn khóc. Chúng tôi xuống đường tuần hành chống đối, giương cao các biểu ngữ tố cáo thực dân Pháp xâm lược, hát vang bài ca "Nam tiến":

Nước non xa ngàn dặm

Chúng ta đi nghìn dặm

Cùng nhau bước hướng về Nam

... Bầu trời Việt mệnh mông

Lòng người Việt anh dũng

Đất dài sông lớn khí hùng thiêng

Đường xa núi rừng vẫy gọi chúng ta

Qua đèo qua núi qua rừng qua suối

Tiến lên hướng về Nam xông pha...



Đoàn quân Nam tiến

Thanh niên hăng hái luyện tập quân sự, chỉ với gậy tầm vông và súng gỗ, lựu đạn bằng đất sét. Ở địa phương tôi thành lập đội tự vệ. Thiếu nữ thì học cứu thương. Phụ nữ may quân phục. Các bà lão động viên con cháu tham gia đoàn quân Nam tiến. Khẩu hiệu ghi: "Tất cả cho Nam Bộ!" Nghe nói hai bên xung đột có tiến hành đàm phán và thỏa thuận ngưng bắn. Nhưng đụng độ vẫn xảy ra thường xuyên và quân Pháp bắt đầu chiếm giữ các vị trí chiến lược ở Đà Nẵng, đặc biệt là sân bay. Tình hình rất căng thẳng, chắc khó mà không đánh nhau với quân Pháp.

Giai đoạn Việt Minh ở Đà Nẵng không lâu, chỉ kéo dài một năm, nhưng rõ ràng đã làm đảo lộn

đại gia đình của tôi cũng như đã làm thay đổi biết bao số phận. Ba má tôi tham gia hết mình vào phong trào, đối với họ dấu ấn thời Việt Minh chắc không bao giờ phai mờ trong tâm trí. Tấm lòng họ luôn luôn hướng về cách mạng, rất lâu về sau này. Nhiều người trong số chú bác cô dì tôi đều tham gia mặt này mặt khác vào phong trào Việt Minh.

Nói vậy chứ trong đại gia đình tôi cũng có một số người theo Pháp. Phần lớn họ là những người từng được Pháp ưu đãi, ví như công chức trong guồng máy thuộc địa cũ, đại địa chủ, các đảng phái quốc gia thù ghét Cộng sản và nhất là người theo đạo Công giáo.

Cuộc chiến tranh Việt-Pháp lan đến Đà Nẵng. Gia đình tôi tản cư về vùng quê. Mẹ tôi phải bươn chải buôn bán nuôi sống gia đình, vì nhà cửa của cải bị cháy sạch trong cuộc chiến. Tuy cha tôi không còn hoạt động trong hàng ngũ cách mạng nữa nhưng quyết không chịu rời bỏ vùng Việt Minh kiểm soát để về thành vì sĩ diện không muốn cộng tác lại với thực dân Pháp. Đời sống trong vùng kháng chiến ngày càng khó khăn. Người gốc thành phố không có cách nào sinh sống nổi trong vùng Việt Minh, nên nhiều người đã tìm cách hồi cư, có lẽ chính quyền Việt Minh cũng đành làm lơ để họ ra đi. Phụ nữ trẻ em về trước, rồi các thành viên khác theo sau. Mẹ tôi mang anh em tôi về lại Đà Nẵng do quân Pháp kiểm soát. Sau đó, cha tôi cũng bị quân Pháp hành quân đổ bộ lên vùng quê bắt đem về Đà Nẵng. Có người quen thân Pháp bảo lãnh nên được trả tự do.

Mẹ tôi mở một sạp bán vải nhỏ ở chợ Hàn. Cha tôi xin đi làm lại ở hãng xăng dầu Shell. Cuộc chiến kéo dài. Cha tôi dính dáng vào hoạt động bí mật nào đó của Việt Minh nên bị công an Pháp bắt, tuy được chủ hãng bảo lãnh ra, ông phải thu xếp tìm cách lánh ra Huế (4). Xin làm việc ở cơ quan hành chính nhưng thừa người nên bị chuyển sang một đơn vị quân đội Việt binh đoàn do vua Bảo Đại mới thành lập, làm công tác kế toán. Mẹ tôi một thời gian sau ở Đà Nẵng cũng dính dáng vụ bán thuốc Tây bất hợp pháp cho Việt Minh nên cũng bị bắt đưa ra giam giữ tại nhà lao Thừa Phủ ở Huế, đợi ngày ra tòa án binh Pháp lãnh án (5). Tôi cũng theo cha mẹ ra cố đô Huế học. Sau này mẹ tôi giải thích cho anh em tôi hiểu lý do vì sao chúng tôi lại ra Huế sinh sống và kết luận: "Có lẽ nay thì các con biết tại sao ba con vội vã rời Đà Nẵng ra Huế vào lúc đó và tại sao má cũng ở Huế". Như vậy là cả gia đình tôi dọn ra sinh sống ở Huế vào đầu những năm 1950 khi mẹ tôi ra tù.

Cuộc kháng chiến chống Pháp kéo dài 9 năm. Sự kiện người Pháp chiếm đóng phần lớn tại khu vực đô thị đã tạo ra một hố sâu ngăn cách nông thôn-thành thị lâu dài trong xã hội Việt Nam, đặc biệt về thái độ đối với chiến tranh và cách mạng. Dân đô thị thiếu số, nhưng về các mặt kinh tế, kỹ thuật lại cao, chuồng phươg Tây hơn, đa phần thuộc tầng lớp trung lưu và quý tộc cả nhiều thành phần phản động không ưa Cộng sản như địa chủ giàu có, công chức thời Pháp cũ, những kẻ làm giàu lên nhờ chiến tranh, thành viên các đảng phái Quốc gia từng xung đột với Việt Minh. Sau này thì thành phố lại đón nhận đông đảo người tỵ nạn chiến cuộc từ nông thôn ủa về.

Người dân đô thị thường dễ thỏa hiệp với người nước ngoài, Pháp hoặc Mỹ hơn người dân nông thôn. Nhưng nông dân lại chiếm đa số, đa phần nghèo khổ và bị áp bức, yêu nước nhiệt thành, dễ nghiêng về phía cách mạng dân tộc và ý tưởng đấu tranh giai cấp của người Cộng sản. Chế độ Ngô Đình Diệm thân Mỹ ở miền Nam càng đào sâu thêm hố ngăn cách xã hội và tâm lý giữa nông thôn-thành thị khi tiếp tục đối xử tàn tệ với nông dân. Họ lấy lại ruộng đất Việt Minh đã chia cho nông dân nghèo vào thời kháng chiến chống Pháp và ngược đãi những ai đã theo Việt Minh kháng Pháp. Người Cộng sản đã thành công lãnh đạo được nông dân làm lực lượng dân tộc nòng cốt trong cuộc kháng chiến trước đây chống thực dân Pháp, sau này thì chống Mỹ.

2. Sinh viên Sài Gòn

1950-1962: Thời niên thiếu của tôi trải qua dưới các chính quyền bù nhìn Bảo Đại do người Pháp dựng lên và chế độ chống Cộng của Ngô Đình Diệm do người Mỹ hỗ trợ ở miền Nam vào thập kỷ 50. Quân Pháp thất trận ở Điện Biên Phủ năm 1954 dẫn đến Hiệp định đình chiến Genève chia đôi đất nước. Bản thân tôi tách rời gốc rễ Việt và kinh qua đào tạo nghiêng hẳn về phương Tây, khởi đầu với những trường trung học Công giáo dạy theo chương trình Pháp rồi đại học Sài Gòn. Tôi chỉ ý thức mơ hồ về các vấn đề của đất nước qua các hoạt động xã hội và báo chí vào những năm cuối của chế độ Ngô Đình Diệm.

uộc chiến tranh Việt-Pháp vào cuối những năm 40 đầu 50 kể ra cũng không tác động gì lớn lắm đến đời sống của lớp trung lưu thành thị như gia đình tôi. Chỉ mất một vài năm tản cư, học hành thất thường, rồi cuộc sống vẫn trở lại bình thường. Chúng tôi vẫn thuộc tầng lớp được ưu đãi trong xã hội, con đường đi đến tương lai trước mắt tôi có vẻ như thẳng tắp, không mấy trở ngại. Thời cuộc sôi động chung quanh hầu như không tác động gì nhiều đến bản thân tôi. Với đà này, dự kiến học xong trung học Pháp tôi sẽ đi du học, khi về nước bảo đảm có được một chỗ đứng ăn trên ngồi trốc trong xã hội!

Nếu cha tôi đã không mấy thành công trong thời cũ trên đường công danh, thì ngày nay có lẽ bản thân tôi ở vào vị thế tốt hơn để thành đạt. Tôi không phải là một học sinh xuất sắc, nhưng cũng có chí tiến thủ và học hành không quá khó khăn. Bao năm biến động làm tôi phải đổi trường liên tục ở cấp tiểu học, nhưng tôi ổn định được việc học khi lên trung học và cuối cùng cũng giắt được các mảnh bằng tốt nghiệp chương trình Pháp. Hệ thống giáo dục thời đó khắt khe và hạn chế. Khoảng một phần mười số học sinh cấp tiểu học tiếp tục lên cấp trung học, tuy vậy cũng không nhiều người học hành đến nơi đến chốn và vượt qua được các kỳ thi tốt nghiệp. Vào được đại học còn ít hơn. Ví như vào năm 1958 là năm tôi học xong trung học, với một miền Nam Việt Nam có 14 triệu dân mà số học sinh đỗ tú tài phần hai chỉ vào khoảng vài trăm. Số sinh viên đại học lúc đó không quá con số một vạn, tập trung phần lớn ở Sài Gòn.

Suốt thời trung học, tôi theo học toàn là các trường Công giáo dạy chương trình Pháp tại Huế và Sài Gòn, nhiều năm ở nội trú. Trước học trường dòng của các sư huynh La Salle, sau ở trường của các linh mục Pháp thuộc Hội Thừa sai Paris. Các năm đầu đại học tôi cũng trú ngụ tại một ký túc xá của các linh mục Dòng Tên vào hàng tiện nghi và uy tín nhất ở Sài Gòn. Sau mấy năm học hành theo chương trình lẫn lộn Việt Pháp cấp tiểu học, do hoàn cảnh buộc phải ra Huế, cha mẹ tôi quyết định phải cho tôi học hành có bài bản hơn trong ngôi trường cũ của ông là trường dòng Pellerin (Bình Linh), chuyển hẳn sang chương trình Pháp. Tôi không còn nhớ mình phải bươn chải khó khăn đến mức nào trong các năm đầu để theo kịp chúng bạn từng học tiếng Pháp chính quy suốt cấp tiểu học, nhưng chắc chắn một điều là tôi phải vất vả lắm mới theo kịp và sau này còn vượt qua không ít bạn đồng học.

Tuổi trẻ của tôi từ đó cũng chuyển sang một bước ngoặt mới. Học chương trình Pháp, mang nhiều màu sắc Công giáo bảo thủ và thân phương Tây, bản thân tôi dễ tách rời khỏi gốc rễ Việt của mình. Nếu dòng tu các sư huynh Baptiste de la Salle bên Pháp mở trường cốt phục vụ học sinh con nhà nghèo thì sang nước ta, họ theo chân thực dân Pháp đến đây mở trường đào tạo con cháu giới quyền thế bản xứ để cung cấp nhân sự cho guồng máy thuộc địa (1).

Từ đầu thế kỷ XX, hệ thống trường tư thục Công giáo này đã có mặt tại hầu hết các thành phố lớn trong nước, đóng vai trò bổ sung cho hệ thống các trường trung học chính quy lycée Pháp còn quá ít. Trường dòng La San không thay đổi bao nhiêu vào các năm 50 khi người Pháp tái chiếm các vùng đô thị. Nếu sau năm 1954 mất đi các trường ở miền Bắc, thì trái lại họ củng cố thế lực ở miền Nam, do sự kiện một học sinh cũ của họ là Ngô Đình Diệm đang là tổng thống Việt Nam Cộng hòa và người Công giáo tuy chỉ là một thiểu số mà lại nắm các vị thế then chốt trong chính quyền. Khi học ở trường Taberd tôi đã nhìn thấy ông Diệm, người lùn, phương phi béo tốt nhưng nhanh nhẹn, trong bộ complê trắng, trông giống như một quan chức cao cấp

hơn là một lãnh tụ chính trị.

Tuy lúc đó cũng có một hệ thống giáo dục chương trình Việt, nhưng giới giàu có và thế lực thành thị vẫn chọn chương trình Pháp cho con cháu theo học, sau này để đi du học hơn. Chương trình học hoàn toàn theo hệ thống Pháp, ngay cả môn tiếng Việt cũng chỉ xem như sinh ngữ thứ ba, sắp đứng sau cả tiếng Anh. Trường tôi học nằm ở Huế, chỉ cách Đà Nẵng một trăm kilômét về phía Bắc, nguyên là kinh đô của các triều vua nhà Nguyễn. Vào đầu các năm 50, cố đô chỉ còn giữ vai trò thủ phủ hành chính miền Trung, một thành phố vườn cây cổ kính thật đẹp với thành quách, đền đài và dòng sông Hương êm đềm chảy qua, giống như cuộc sống tĩnh lặng ở đây.

Tôi vào ở nội trú trong ngôi trường lớn gần nhà ga, nằm bên dòng sông Hương, gần phủ Thủ hiến Trung Việt thời Bảo Đại. Học phí và chi phí ăn ở nội trú rất đắt, theo cha tôi nói thì còn cao hơn lương một viên chức Nhà nước. Vậy mà chế độ ăn uống cũng kham khổ, tôi phải mua thêm đồ hộp ăn dặm. Đời sống tổ chức như một trại lính. Sinh hoạt đúng giờ giấc rầm rập theo tiếng còi giám thị hay tiếng chuông điểm giờ. Trước khi làm bất cứ một công việc gì đều phải đọc kinh trước và sau giờ học, ăn ngủ.

Dù đa phần học sinh không có đạo, nhưng đều bị buộc phải đọc kinh, dự thánh lễ. Đọc sách thì chỉ hạn chế đọc sách đạo, nói về giáo lý hoặc hạnh (tiểu sử) các thánh Thiên Chúa giáo. Sách vở bên ngoài đem vào phải qua khâu kiểm duyệt khắt khe. Ngay cả những tác giả Pháp viết không thuận lợi cho giáo hội Công giáo cũng bị loại ra. Chúng bị tịch thu và đốt bỏ đi. Họ nhân danh bảo vệ đạo đức, tránh cho đầu óc non nớt của chúng tôi khỏi bị ô nhiễm văn hóa độc hại để nhồi nhét toàn tư tưởng Công giáo. Về sau tôi mới biết là mình rất lạc hậu về nhiều mặt so với bạn học đồng lứa tại các trường Pháp hoặc Việt bên ngoài, vì họ có thể đọc đủ loại sách vở họ ưa thích mà không bị ai cấm đoán cả.

Đạo Công giáo thời đó chống Cộng sản triệt để. Đối với họ, cuộc kháng chiến Việt Minh chống Pháp nằm trong âm mưu vô thần và ma quỷ quốc tế chống Giáo hội. Tôi còn nhớ rõ ràng trong nội dung kinh cầu Chúa hay Đức Mẹ, đều có lời cầu xin cứu giúp "thoát khỏi quỷ dữ Cộng sản", và xin Chúa tiêu diệt hết chúng đi! Có thể nói không ngoa rằng các trường Công giáo thời đó là những trung tâm đào tạo lực lượng bản xứ thân phương Tây và điên cuồng chống Cộng.

Người được đào tạo kiểu đó dễ dàng trở thành những kẻ phản động và sẵn sàng phục vụ lợi ích những nước Ki-tô giáo phương Tây, dầu cho đó là Pháp hay Mỹ! Đối với các tôn giáo khác như Phật giáo hoặc thậm chí việc thờ cúng ông bà tổ tiên thì bị lý giải bóp méo, xuyên tạc. Đạo giáo nào ngoài Công giáo, gồm cả đạo Tin lành, đều bị xem là tà đạo. Người theo đạo Công giáo lúc đó không được phép cúng giỗ ông bà, ăn uống đồ cúng quảy.

Nay thì tôi có thể nói như vậy. Nhưng vào thời điểm đó tôi như bị nhồi sọ không cưỡng lại được. Tôi rơi vào tình trạng tin tưởng mù quáng. Còn đi xa hơn, nhiều khi tôi có ý định xin rửa tội theo đạo rồi đi tu với mong ước trở thành một vị thánh. Nay tôi mới hiểu vì sao các đầu óc non nớt thường dễ bị uốn nắn, đầu độc. Tôi chỉ bắt đầu nghi ngờ, xét lại các mối tin tưởng này khi đã lớn, vào các năm cuối bậc trung học. Tuy vậy, cũng phải nhìn nhận một cách khách quan lối đào tạo của trường Công giáo cũng có các mặt tích cực của nó. Giáo dục Công giáo kiểu Pháp này giúp tôi tiếp cận nền văn hóa phương Tây, cung cấp cho tôi đầu óc suy luận logic, một phương pháp làm việc khoa học để bổ sung cho cách suy nghĩ theo lối phương Đông đầy cảm tính. Lối sinh hoạt khắt khe trong trường nội trú cũng làm tôi biết tự xoay sở làm mọi việc, có kỷ luật bản thân. Ai cũng khen tôi ngăn nắp, thứ tự và biết sắp đặt công việc hơn. Tôi đã đón nhận được một nền giáo dục phương Tây khá hoàn chỉnh, mặc cho những mặt hạn chế của nó. Tôi đã làm chủ được ngôn ngữ Pháp, một công cụ hữu ích giúp tôi hiểu biết thế giới phương Tây đang ở vị trí hàng đầu thế giới về văn hóa và khoa học kỹ thuật. Biết khai thác các mặt tích cực của nó phải chăng cũng có thể giúp ta bắt kịp phương Tây.

Trong số các nhà giáo Công giáo, nhiều người thiện chí, tận tụy, đầy tính người, xứng đáng là

những tấm gương hy sinh cao quý đáng cho lớp trẻ noi theo. Riêng tôi nhớ mãi các thầy dạy tiếng Việt cho chúng tôi trong các ngôi trường Tây này. Họ ý thức rất rõ nền giáo dục đang bùng nổ dần gốc rễ chúng tôi cho nên họ tìm mọi cách giúp chúng tôi quay về nguồn cội văn hóa dân tộc. Oái ăm thay, họ giống như những kẻ lợi ngược dòng giữa dòng nghiệp và học sinh của họ. Tôi thông cảm với họ, nhưng không phải học sinh nào cũng như vậy vì chúng đã tin tưởng quá sâu vào các huyền thoại phương Tây và xem thường những gì liên quan đến đất nước, quê hương.

Chắc tôi cũng không nên quá khiêm tốn khi cho rằng mình chả có gì xuất sắc trong những năm trung học. Phải nói là tôi rất khá về các môn vẽ, địa lý, lịch sử, sinh vật và Việt văn, chỉ đạt điểm trung bình các môn Pháp văn, toán, lý hóa. Không mấy giỏi về âm nhạc, thể thao tuy cũng từng thử chơi đàn violon, vài môn thể thao như bóng chuyền, bóng rổ, đá banh, chơi bóng bàn, bơi lội, võ thuật. Cuối cùng chỉ thích bơi lội. Tôi cũng có khiếu trình diễn văn nghệ, từng đóng kịch ở trường.

Cũng may mắn là những năm cấp ba, vào cuối các năm 50, tôi đổi sang học trường Providence (Thiên Hựu) của các linh mục thuộc Hội Thừa sai Paris (2). Các nhà giáo dục người Pháp ở đây có lẽ đã ý thức rằng thời đại nay thay đổi nên lối giáo dục có vẻ cởi mở hơn. Một nửa số học sinh là các chủng sinh từ các tiểu chủng viện gửi đến. Phần lớn là học sinh ưu tú của các họ đạo tranh thủ đi tu để trở thành linh mục. Xong trung học, họ sẽ được gửi vào đại chủng viện ở Sài Gòn học thần học. Phần lớn họ không theo được con đường tu trì, nhưng ít ra cũng có được một số vốn kiến thức để vào đời. Tôi không còn ngây thơ dễ tin giáo lý Ki tô giáo như trước do đọc được nhiều, kể cả những tác giả bất đồng hoặc chống đối giáo hội Ki tô giáo. Tôi bắt đầu cãi vã lại và có những quan điểm riêng của mình. Tôi không còn thích đọc sách thánh mà tranh thủ xem sách sử. Tôi thích nhất tiểu sử danh nhân thế giới và các nhà hoạt động cách mạng. Sau này tôi mới biết rằng môn triết học dạy ở năm cuối trung học rất thiếu sót và bị hướng theo quan điểm Ki tô giáo. Điều đó đã làm cho chúng tôi có sự hiểu biết lệch lạc về triết học hiện đại phương Tây. Dĩ nhiên là tôi mù tịt về triết học phương Đông và mơ hồ về các hệ ý thức cách mạng đương đại. Đó là điểm hạn chế lớn trong giáo dục Công giáo ở Việt Nam, thường một chiều, bảo thủ và thân phương Tây.

Những năm học trung học ở trường Công giáo đã thực sự cô lập tôi trong tháp ngà, tách tôi ra khỏi những thay đổi cách mạng đang làm rung chuyển thế giới và ngay trên đất nước, tách rời nhân dân và nền văn hóa dân tộc, nhất là với đa số dân nghèo thành thị và nông thôn tại chính đất nước tôi. Tôi không còn nhớ gì nhiều về lịch sử, văn hóa Việt hoặc phương Đông. Nếu có thì chỉ là những khái niệm mơ hồ còn sót lại từ thời tiểu học trường Việt. Thực ra, bấy giờ tôi ít quan tâm về các vấn đề đó. Tôi chỉ hãnh diện mình thuộc lớp người ưu đãi trường Tây, chỉ một bước là tiến vào tầng lớp người được hưởng đặc quyền trong xã hội. Tôi biết nhiều về Platon, Socrate, Rousseau, Montesquieu, Voltaire, Lamartine, Hugo hơn là các nhà hiền triết và nhà văn Việt Nam hay phương Đông. Những người hùng của tôi là Cesar, Napoléon, Lincoln, Hitler, Churchill chứ không phải là các anh hùng dân tộc. Chúng tôi chẳng khác nào những cây con bị sớm bứng ra khỏi lòng đất tự nhiên của chúng để đem trồng vào các chậu kiếng xa lạ nào.



*Tôi tham gia hoạt động văn nghệ ở trường Thiên Hựu
(Providence) Huế, 1958*

Vậy mà phần lớn những kẻ như chúng tôi sẽ trở thành những người đứng đầu của xã hội Việt Nam một khi chúng tôi tốt nghiệp đại học hoặc đỗ đạt từ nước ngoài trở về. Tại các trường Công giáo thời đó, đặc biệt chúng tôi bị nhồi sọ chống Việt Minh, chống Cộng sản. Người ta

không bao giờ nhắc đến Cách mạng tháng Tám năm 1945, cuộc kháng chiến chống Pháp, chiến thắng Điện Biên Phủ. Tất cả những người tham gia kháng chiến đều là Cộng sản, chỉ phục vụ cho lý tưởng Cộng sản quốc tế, một tai họa lớn cho nền văn minh loài người, mà đại biểu là phương Tây, là giáo hội Công giáo.



Tổng thống Ngô Đình Diệm với sự hỗ trợ của Mỹ

Ở miền Nam thời Ngô Đình Diệm, phần lớn các người lớn tiếng hô hào chống Cộng sản quốc tế là các linh mục thừa sai phương Tây mới bị trục xuất khỏi nước Trung Hoa Cộng sản. Họ mô tả cho chúng tôi nghe những mặt xấu xa về chế độ Cộng sản, xem như những địa ngục trần gian. Theo họ, Cộng sản là những tên khùng bố và giết người không góm tay tàn hại giáo dân và dân lành, đốt phá nhà thờ, chùa chiền, biến mọi người thành nô lệ. Họ thường lấy hình tượng thiên thần Raphael tượng trưng cho phương Tây Thiên Chúa giáo chiến thắng con rồng hung dữ Cộng sản phương Đông gồm người Tàu lẫn người Nga. Giáo hội Công giáo rõ ràng đã đóng một vai trò đặc lực trong cuộc Chiến tranh Lạnh.

Tổng thống người Công giáo Ngô Đình Diệm ở miền Nam lúc đó được xem như vị cứu tinh dân tộc. Và lãnh tụ Việt Minh Hồ Chí Minh, mà tôi từng thán phục khi nhỏ, nay được diễn tả như một nhân vật nguy hiểm. Tôi luôn phải đọc kinh cầu xin Chúa toàn năng và Đức Mẹ lòng lành cứu vớt chúng tôi khỏi nạn quỷ dữ Cộng sản!

Miền Nam lúc đó cũng chuẩn bị chiến tranh. Học sinh cấp ba phải học tập quân sự. Mỗi chiều thứ năm trong tuần, chúng tôi mặc quân phục, tập trung về một chỗ để được huấn luyện chiến đấu với tư cách sĩ quan trừ bị. Cuối các năm học đều tổ chức thi, tôi có tên trong số ít người được mang cấp chuẩn úy trừ bị. Phần đông chỉ đậu cấp hạ sĩ quan.

Đáng ra gia đình cho tôi du học từ năm học hết cấp hai trung học, giống như một số bạn bè con nhà khá giả cùng lứa với tôi. Tuy vậy gia đình nghĩ tôi còn nhỏ, đợi xong tú tài rồi đi luôn cho tiện. Lúc đó ba má tôi làm ăn còn khấm khá. Theo dự kiến thì khi đậu xong tú tài phần hai, tôi nhất định phải đi du học. Nhưng tính một đường lại ra một nẻo. Năm tôi học xong trung học, 1958, gia đình tôi bắt đầu gặp khó khăn. Công việc làm ăn buôn bán của mẹ tôi không còn song suốt nữa. Gia đình đông anh em mà lương tiền của cha tôi thì không đủ. Có linh mục quen hứa hẹn tìm giúp học bổng sang Mỹ, tôi cũng hy vọng. Nhưng không thể ngồi yên chờ đợi. Tranh thủ thời gian, tôi vào Sài Gòn ghi tên vào đại học, đồng thời tìm đường du học. Huế mới mở đại học nhưng trình độ thấp nên tôi không muốn ở lại học ngoài đó.



Tòa Đô thành Sài Gòn

Sài Gòn không mấy xa lạ vì cách đây 2 năm, tôi đã có dịp vào học nội trú một năm tại trường Taberd cũng thuộc dòng La San như trường Pellerin ở Huế. Đối với tôi lúc đó, Sài Gòn quy mô thật to lớn, bỏ xa Đà Nẵng hoặc Huế. Thành phố vẫn duy trì nguyên vẹn nhà cửa kiểu thuộc địa Pháp, xây dựng từ cả trăm năm trước. Người Pháp đã triệt phá hoàn toàn thành lũy cổ và thay thế bằng một thành phố mới theo kiểu châu Âu, trông giống như một thành phố miền Nam nước Pháp. Sài Gòn nằm giữa một vùng đất trù phú từng nổi bật như thủ phủ kinh tế của toàn vùng Đông Dương thuộc Pháp.

Trường Taberd nằm ngay khu trung tâm, với nhiều cơ sở hành chính và thương mại chung quanh. Nào dinh toàn quyền, dinh thống đốc, nhà thờ lớn, tòa án, bưu điện, nhà hát, bệnh viện, phố buôn bán... Nhà cửa xây dựng ngay hàng thẳng lối dọc các đại lộ trồng cây thẳng tắp. Chung quanh là các ngôi villa nhà vườn tươi mát. Người Việt và Hoa chen chúc nhau sinh sống vùng ven chung quanh. Nay thì tổng thống Việt Nam Cộng hòa ở tại dinh Norodom và các công sở cũ biến thành các bộ. Nhà hát dùng làm nhà quốc hội. Vào giữa các năm 50, Sài Gòn vẫn còn là một thành phố vườn thật lớn, nhưng đã xuất hiện nhiều khu nhà lao động nghèo hoặc nhà ổ chuột của người tỵ nạn chiến tranh Việt-Pháp. Hoạt động thương mại tập trung ở khu người Hoa ở Chợ Lớn khá náo nhiệt.

Ông Diệm đã củng cố được chính quyền sau khi được người Mỹ ủng hộ đánh bật các phe chống đối. Lúc đó, tuy về mặt chính trị đã tách ra khỏi nước Pháp, tôi vẫn cảm thấy ảnh hưởng Pháp khá rõ nét trong đời sống văn hóa và sinh hoạt hàng ngày. Rõ ràng nhất là trong giáo dục đại học. Đa số sinh viên tập trung ở các phân khoa thuộc Viện Đại học Sài Gòn và các trường cao đẳng thuộc Trung tâm Kỹ thuật Phú Thọ. Các trường Cao đẳng Kiến trúc và khoa Luật tôi ghi danh học tự do, không phải thi tuyển như Trung tâm kỹ thuật Phú Thọ. Thường sinh viên học rất đông vào năm đầu nhưng rơi rụng dần vào các năm sau để cuối cùng chỉ có một số ít người tốt nghiệp. Thầy Pháp còn giảng bài và thầy Việt thì đa phần cũng tốt nghiệp từ Pháp nên cũng làm như vậy.



*Dinh Norodom thời Pháp đổi tên thành Dinh Độc Lập
thời Ngô Đình Diệm*

Tuy vậy học tiếng Anh đang trở thành thời thượng. Không ít sinh viên được cho học bổng du học Mỹ. Tôi cũng nộp hồ sơ xin học bổng Mỹ và chăm chỉ học lớp đêm tiếng Anh ở Hội Việt-Mỹ. Nhưng tôi đành gác lại ý định đi Mỹ sau đó vì tình hình kinh tế gia đình suy sụp, mẹ tôi lại bị đi tù với tội danh tiếp tế gạo ra miền Bắc.

Dù vậy, vào năm đầu đại học tôi đậu cả hai bên luật và kiến trúc. Năm thứ hai bận rộn hơn, tôi lại không ư một số môn học từ chương bên luật nên tập trung học ngành kiến trúc. Đối với tôi, các môn thiết kế không khó nhưng tôi vẫn yếu về toán học nên nhiều lần bị rớt môn "Sức bền vật liệu" do một kỹ sư cầu đường ở Pháp về dạy rất khó chịu.

Tôi bắt đầu sinh hoạt ngoài đại học khi còn trú tại ký túc xá sinh viên Đắc Lộ do các linh mục Dòng Tên điều hành (3). Có mấy ký túc xá dành cho sinh viên nam nữ, tồi tàn cũng như đông nhất là Cư xá sinh viên Minh mạng, sử dụng cơ sở một trại lính cũ. Có vài ký túc xá sinh viên do Công giáo lập, trong đó câu lạc bộ Đắc Lộ mới xây là hạng nhất. Đắc Lộ (Alexandre de Rhodes) là tên của một linh mục thừa sai Dòng Tên thế kỷ 17 đi giảng đạo tại Việt Nam và là cha đẻ của chữ Quốc ngữ. Linh mục Dòng Tên rất uyên bác và sang Việt Nam giảng đạo rất sớm, nhưng sau đó các thừa sai người Pháp nhanh chóng thay thế họ vì lý do chính trị. Họ mới trở lại vào đầu các năm 60, đa phần bị trục xuất từ Trung Hoa Cộng sản. Tôi là sinh viên dọn đến ở đầu tiên tại câu lạc bộ Đắc Lộ và giúp cho linh mục giám đốc trang trí ngôi nhà. Linh mục Henry Forrest gốc người Canada thông thạo cả tiếng Anh, Pháp và Hoa, từng giảng dạy tại Bắc Kinh. Có lẽ ông là người đầu tiên mở mắt cho tôi nhìn về một thế giới mới, đó là Bắc Mỹ. Tôi được bầu vào ban tự quản sinh viên ký túc xá, giúp điều hành khu ở sinh viên theo lối mới. Ký túc xá mời các sĩ quan cố vấn Mỹ đến dạy tiếng Anh và tôi là một trong các học viên năng nổ nhất. Phụ trách đối ngoại, tôi có nhiều cơ hội tiếp xúc người bên ngoài, nhất là các đoàn sinh viên quốc tế. Tôi cũng rất xông xáo trong công tác xã hội và báo chí.

Bản thân tôi phải tự kiếm tiền thêm, nên cũng nhận dạy kèm toán cho đám học sinh trung học người Pháp. Tôi tham gia nhiều công tác xã hội, nhưng nhớ rõ nhất cuộc lạc quyên khá thành công để cứu trợ đồng bào lũ lụt miền Tây, nhờ tập hợp được đông đảo tổ chức thanh niên sinh

viên học sinh toàn thành vào cuối năm 1961. Vào năm sau, tôi cũng nằm trong ban tổ chức một trại hè sinh viên lớn ở Đà Lạt. Tôi phụ trách hội thảo và soạn một đặc san ghi lại hoạt động trại hè gửi đến mọi sinh viên tham dự trại nên được nhiều người biết đến.

Rõ ràng là hoạt động báo chí tác động đến tôi nhiều nhất. Tôi bỗng khám phá mình có năng khiếu truyền đạt và viết lách. Có cơ hội phụ trách nguyên một tờ đặc san cho câu lạc bộ Đặc Lộ ra đúng kỳ hạn, công việc thượng vàng hạ cám tôi đều làm hết. Từ việc thu sửa bài, viết bài chính, bổ túc bài phụ, vẽ minh họa, trình bày báo, sửa morát, phát hành...

Tờ đặc san khá xuất sắc gây chú ý cho tổng biên tập một bán nguyệt san, trong nhóm báo rất uy tín Bách khoa, đó là báo Mai. Ông ta mời tôi phụ giúp ông điều hành nó. Tôi nhanh chóng biến thành người trợ lý đắc lực cho ông, xem như một công việc bán thời gian.



*Sinh viên đại học Sài Gòn Nguyễn Hữu Thái,
đầu những năm 1960*

Nhờ vậy mà tôi tiếp cận được với giới văn hóa và quyền thế Sài Gòn. Tôi giao thiệp được với đủ mọi giới, từ các đại biểu sinh viên quốc tế, các nhân vật văn hóa, chính trị, ngoại giao, báo chí trong và ngoài nước. Tôi quen mặt nhiều quan chức nước ngoài, nhiều nhất là ở sứ quán và cơ quan viện trợ Mỹ USAID. Tôi quen biết hầu hết các lãnh tụ thanh niên và trí thức Sài Gòn. Trước ngày nổ ra phong trào Phật giáo và sinh viên chống chế độ Ngô Đình Diệm, tôi đã là một bộ mặt sinh viên nổi tiếng, được nhiều người biết đến ở thành phố này. Các hoạt động báo chí và thanh niên làm tôi sớm trưởng thành.



*Đội văn sinh viên trên sân khấu sân Caravelle, 1961
(từ trái sang phải)*

Vào đầu thập kỷ 60 đó, tôi là một trong các nhà báo sinh viên được thông tin và am hiểu nhiều về phong trào sinh viên thế giới cũng như hoạt động thanh niên trong nước. Tuy vậy cái hiểu biết của tôi cũng rất giới hạn và nhiều khi mâu thuẫn. Bản thân tôi nghiêng về những đổi thay tiến bộ nhưng cũng tán phục cách tổ chức quần chúng kiểu phát xít Hitler. Tôi rất thích các bài nói bay bổng của Kennedy nhưng lại rất hâm mộ những lãnh tụ cách mạng của Thế giới thứ ba như Castro, Nasser. Qua sách báo Anh, Pháp tôi dễ dàng đọc đủ loại tiểu sử, từ Hitler, Mussolini đến Lenin, Stalin, Mao Trạch Đông, Gandhi.

Tôi trở thành bạn của mấy viên chức trẻ ở sứ quán Mỹ và nhiều thanh niên Mỹ trong tổ chức tình nguyện quốc tế IVS, một dạng Đoàn Hòa bình (Peace Corps) Mỹ ra đời dưới thời tổng thống Kennedy. Tôi có dịp phỏng vấn 2 đại biểu của tổ chức sinh viên quốc tế ISC (Đại hội Sinh viên Quốc tế, đối nghịch với Hội Liên hiệp Sinh viên Quốc tế ISU, thân phe Cộng sản hơn), một người Châu Phi và một người Úc. Họ thú thật không ưa Tổng hội Sinh viên Quốc gia của Sài Gòn vì tỏ ra quá lệ thuộc chính quyền Diệm. Họ giảng giải cho tôi nghe nhiều về phong trào sinh viên thế giới. Lần đầu tiên tôi nghe nói đến phong trào đấu tranh của sinh viên Nam Triều Tiên thành công lật đổ nhà độc tài do Mỹ hậu thuẫn Sun Man Rhee, phong trào sinh viên Nam Phi chống nạn kỳ thị chủng tộc. Họ thường xuyên gửi sách báo, bản tin về phong trào sinh viên thế giới cho tôi.

Sau ngày tôi đăng lên báo cuộc phỏng vấn đặc biệt sinh viên quốc tế, tôi được chủ tịch Tổng hội Sinh viên Quốc gia mời gặp. Anh ta tỏ vẻ thích tôi, nhưng tôi thì lại không ưa người sinh viên luật lớn tuổi công cụ của chính quyền này. Khi chính quyền Diệm sụp đổ, anh ta nhanh chóng tìm một học bổng chạy sang Mỹ. Trong chế độ Ngô Đình Diệm, báo chí bị kiểm duyệt gắt gao, vì họ không chấp nhận một sự phê phán nào. Chẳng những các nhà chính trị đối lập bị buộc phải im tiếng mà tập thể sinh viên cũng không được có tiếng nói riêng. Các phân khoa chỉ chấp nhận các sinh hoạt học tập và xã hội mà thôi, ngay cả vui chơi giải trí có tính quy mô đều bị cấm đoán. Sinh hoạt thảo luận, hội thảo dĩ nhiên bị loại ra triệt để.



*Điều khiển thảo luận tại Trại hè sinh viên
ở Đà Lạt, 1962*

Trong xã hội miền Nam lúc đó cũng bắt đầu xuất hiện một lực lượng quan trọng ý thức vai trò và sức mạnh của mình, đó là giới sĩ quan quân đội trẻ tuổi. Tôi còn nhớ cuộc đụng đầu của giới sinh viên Sài Gòn với sinh viên sĩ quan Trường Võ bị Đà Lạt (4) tại trại hè sinh viên Đà Lạt năm 1962. Nó phản ánh những quan niệm khác nhau về vai trò lớp trẻ trong xã hội miền Nam.

Theo truyền thống xã hội Việt Nam phân cấp: "Sĩ, Nông, Công, Thương" và không nghe nhắc tới Binh ! Người Việt trọng thị sự hiểu biết và quý người có học, xem thường người buôn bán và lính tráng. Tuy đất nước luôn loạn lạc và có chiến tranh, nghề quân sự vẫn không được trọng vọng, người lính thường bị xem như cộc cằn, thô lỗ, vô học. Bất đắc dĩ mới chọn nghề lính. Ở miền Nam lúc đó, phần lớn sĩ quan quân đội Việt Nam Cộng hòa xuất thân từ hàng ngũ hạ sĩ quan quân đội thuộc địa Pháp không được học hành mấy. Tuy vậy các trường võ bị cũng bắt đầu tuyển người có học.

Những sinh viên sĩ quan Đà Lạt luôn mang mặc cảm đối với mấy ông bà trí thức sinh viên Sài Gòn. Trong hội thảo, họ quyết liệt lên án thái độ thụ động của giới trí thức trước tình hình rối ren của đất nước và nhấn mạnh vai trò cứu quốc của quân đội, của lớp sĩ quan trẻ. Giới sinh viên phản công lại khi nêu lên vai trò của trí thức, chuyên gia trong một đất nước đang phát triển. Tôi nghĩ có lẽ hai quan điểm khó dung hòa được với nhau. Trong một đất nước có xung đột vũ trang, khuynh hướng phe quân sự nên nắm quyền luôn xuất hiện. Không ít sĩ quan trẻ và có học mơ ước biến thành những Napoléon Bonaparte của Pháp, Mustapha Kemal của Thổ Nhĩ Kỳ hoặc Nasser của Ai Cập từng là các sĩ quan quân đội đứng ra thực hiện những cuộc cách mạng làm thay đổi được vận mệnh đất nước. Chỉ ở những nước thuộc Thế giới thứ ba, nhiều sĩ quan trẻ đã lên cầm quyền và thực hiện được một số thay đổi cách mạng và xác định được chủ quyền dân tộc. Nhưng cuộc chiến tranh mang tính đế quốc của Mỹ ở Việt Nam đã làm phá sản những thiện ý đó ngay từ trong trứng nước.

Có lẽ cuộc đụng đầu giữa giới trí thức và sĩ quan đó kéo dài dai dẳng trong xã hội miền Nam. Các phe phái quốc gia hầu như không đưa ra được giải pháp chính trị gì thỏa đáng. Có lẽ chỉ những người Cộng sản mới có câu giải đáp thỏa đáng nằm ngay trong hệ ý thức cách mạng. Nói như Mao Trạch Đông: Quyền lực chính trị đẻ ra từ họng súng, Đảng phải lãnh đạo súng! Trong tình hình Việt Nam, người Mỹ hiểu rất rõ vấn đề đó, đưa lớp sĩ quan trẻ sang Mỹ huấn luyện, hướng về lối sử dụng họ như những công cụ chứ không phải như những lãnh tụ dân tộc. Những

biến cố trong những năm 60 sẽ chứng minh điều đó.

3. Xuống đường đấu tranh

1963-1964: Đây là giai đoạn đầy biến động ở miền Nam Việt Nam, khởi đầu với cuộc đấu tranh của Phật giáo đòi bình đẳng tôn giáo đưa đến sự sụp đổ của chế độ Ngô Đình Diệm vào cuối năm 1963. Mỹ can thiệp ngày càng sâu vào nội bộ Việt Nam, đưa tướng Nguyễn Khánh lên cầm quyền, nguy tạo Sự kiện Vịnh Bắc bộ mở rộng chiến tranh. Từ vị thế một người quan sát bên ngoài tôi trở thành người nhập cuộc đấu tranh. Đường phố đô thị trở thành nơi xung đột của các phe phái chống kháng nhau.



Ngon lửa Quảng Đức, 11/6/1963

Ngon lửa tự thiêu Quảng Đức (1) chống kháng chế độ Ngô Đình Diệm vào sáng 11 tháng 6 năm 1963 đã tác động làm thay đổi cuộc đời một sinh viên bình thường như tôi. Nghe phong thanh có một cuộc xuống đường lớn của Phật giáo, tôi chạy nhanh về phía ngã tư Lê Văn Duyệt (nay là Cách Mạng Tháng Tám) và Phan Đình Phùng (nay là Nguyễn Đình Chiểu), vượt qua các phóng viên người nước ngoài, hướng về phía đám đông sư ni cùng đồng bào Phật tử đang tụ tập. Từ một chiếc xe du lịch sơn trắng bước ra một nhà sư cao gầy, nét mặt bình thản. Ông từ tốn bước về ngã tư, xếp bằng ngồi xuống, hai tay chắp lại và nhắm mắt tham thiền. Bỗng một đám lửa màu vàng cam bùng lên, nhận chìm toàn thân ông trong biển lửa. Mọi người đồng loạt quỳ xuống cầu nguyện.

Tôi vẫn còn nhớ như in người phóng viên hãng thông tấn UPI Mỹ Malcolm Browne la lớn: "Trời ơi! Trời ơi!" và tay anh bấm máy lia lịa. Anh ta bỗng chốc nổi tiếng khắp thế giới với các tấm hình này. Ngày hôm sau, hình ảnh nhà sư Việt Nam trong ngọn lửa có mặt trên hầu hết trang nhất báo chí thế giới và mọi người mới hay biết rằng đang có một cuộc đấu tranh cho dân chủ tự do ở tại một đất nước nhỏ bé, xa xôi mang tên Việt Nam. Từ ấy, tấn bi kịch Việt Nam trở thành đề tài thời sự nóng bỏng của giới truyền thông quốc tế.

Sự căm ghét chế độ Ngô Đình Diệm trong lòng tôi bùng lên theo ngọn lửa tự thiêu Quảng Đức. Sự phản kháng quyết liệt của con người nhỏ bé đó đã có tác dụng tạo nên sức mạnh ghê gớm làm rung chuyển cả một guồng máy đàn áp khổng lồ cho đến nay tưởng không có gì có thể lay chuyển nổi. Nước mắt tôi trào ra theo bước chân đoàn người rước nhục thể cháy đen bọc trong tấm áo vàng, chầm chậm hướng về chùa Xá Lợi. Cảnh sát ngăn cản và xung đột xảy ra. Khói lựu đạn cay làm mắt tôi cay xè. Nước mắt giàn giụa, tôi cảm thấy bất lực và thất vọng. Tôi nhào về phía đồng đá bên đường, vung tay ném như điên dại về phía cảnh sát. Họ xông lên, nện dùi cui tới tấp vào đầu vào cổ tôi đau điếng.

Bắt đầu, tôi như một người ngoài cuộc đứng nhìn. Rồi không thể thụ động mãi, tôi đã đứng về phía những người bị đàn áp. Tôi bắt đầu nhập cuộc đấu tranh như thế đó, vào những ngày mùa hè nóng bỏng năm 1963, khi nổ ra cuộc khủng hoảng Phật giáo, có hàng chục vạn người thành phố xuống đường đòi tự do dân chủ, bình đẳng tôn giáo chống lại chế độ độc tài Ngô Đình Diệm. Về sau, tôi ghi lại trong nhật ký: "Tay không có một tấc sắt, cũng chưa học được kỹ thuật đấu tranh, chỉ có một trái tim chân thật, một tấm lòng biết phân biệt phải trái, tôi xuống đường đấu tranh, trước hết là để giải phóng cho chính bản thân mình khỏi nỗi bất lực trước nạn áp bức diễn ra hàng chục năm nay trên đất nước tôi". Cuộc đấu tranh như vậy mà đã kéo dài trên mười năm, mãi cho đến ngày chấm dứt chiến tranh.



Linh hồn cuộc đấu tranh Phật giáo
Thượng tọa Thích Trí Quang (bìa trái)

Trong những năm đó, tại miền Nam đã nổ ra cuộc xung đột đẫm máu diễn ra chủ yếu ở nông thôn giữa Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và chính quyền Sài Gòn. Cuộc chiến đó đang lan dần đến các đô thị, gia tăng theo đà bất mãn của quần chúng nhân dân. Tôi đã nghe nói có nhiều nhà trí thức bị bắt giam vì đã hội họp ở khách sạn Caravelle ký kiến nghị gửi lên tổng thống Ngô Đình Diệm đòi tự do dân chủ. Họ đã bị bắt. Bản thân tôi đã từng cùng người dân thành phố hiếu kỳ nhưng bàng quan, ùa về Dinh Tổng thống mục kích cuộc đọ súng qua lại giữa lực lượng quân dù của đại tá Nguyễn Chánh Thi (2) và vệ binh ngày 11 tháng 11 năm 1960. Cuộc đảo chính thất bại sau những bi hài kịch thương thảo và phản bội giữa hai bên. Lại thêm hàng loạt người bị bắt bớ giam cầm. Vào năm 1962, tôi cũng nhìn thấy 2 chiếc máy bay ném bom Dinh Tổng thống, nhưng cũng không đi đến đâu.

Cuộc đấu tranh của Phật giáo (3) lần này có quy mô to lớn và mang tính cách quyết liệt hơn, đã nổ ra suốt mùa hè năm 1963 để kết thúc là sự sụp đổ của chế độ Diệm. Khởi điểm là việc chính quyền cấm treo cờ Phật giáo vào mùa Phật Đản tại Huế cùng vụ tàn sát học sinh ở đài phát thanh vào tháng tư, để tiến đến đỉnh cao là cuộc bố ráp chùa chiền, bắt bớ hàng nghìn sư sãi ở Sài Gòn và các tỉnh vào cuối tháng tám.

Ngày hôm sau, hàng nghìn sinh viên học sinh đã xuống đường, mặc cho lệnh giới nghiêm của tổng trấn Sài Gòn-Gia Định. Nữ sinh Quách Thị Trang bị bắn chết ở Chợ Bến Thành và hơn 3.000 học sinh sinh viên bị bắt giam chật ních Nha Cảnh sát Đô thành và Trung tâm Huấn luyện Quang Trung. Tôi chạy thoát, nhưng có hai đứa em bị bắt. Thành phố bị thiết quân luật và trường học đóng cửa. Cuộc đấu tranh chuyển vào bí mật. Hàng trăm tổ chức tranh đấu ra đời, như năm sau cơn mưa.



Nghìn lửa Quảng Đức, 11/6/1963

Cuộc đấu tranh của tuổi trẻ đô thị miền Nam tưởng như không ai hay biết gì trên thế giới. Không ngờ họ lại biết rất rõ. Chỉ về sau này, khi gặp Chủ tịch Hiệp hội Sinh viên Úc tôi mới nghe kể lại: "Việc chính quyền Diệm đàn áp sinh viên đã gây sự phẫn nộ của sinh viên khắp thế giới. Lúc đó đại biểu sinh viên các nước đang họp Đại hội Sinh viên Quốc tế ở Leysin, Thụy Sĩ. Tin tức cho biết hàng nghìn sinh viên Sài Gòn bị bắt giam vào ngày 25 tháng 8 gây sự xúc động mạnh trong chúng tôi. Tất cả đại biểu đồng loạt đứng lên, hướng nhìn về đất nước các bạn, giữ mấy phút im lặng bày tỏ tình đoàn kết quốc tế đối với sinh viên Việt Nam và khởi thảo ngay bản kháng thư gửi chính quyền Ngô Đình Diệm, lên án sự đàn áp thô bạo phong trào quần chúng nhân dân và sinh viên đấu tranh đòi tự do dân chủ, bình đẳng tôn giáo".

Từ đó, tôi mới biết rằng cuộc đấu tranh của ta không đơn độc, mà nối kết với phong trào đấu tranh khắp thế giới. Vậy mới hay là trong thế giới ngày nay, mọi sự kiện đều tác động qua lại lẫn nhau. Sự thật cuối cùng không thể bùng bít mãi. Kinh nghiệm đó giúp chúng tôi rất nhiều về sau này, trong cuộc đấu tranh chống Mỹ. Lời nhà thơ sinh viên Thảo Nguyên (4) như vang vọng đâu đây:

Thế giới nhìn theo chân anh từng bước

Những bước công bình, những bước tự do

Những bước hòa bình, những bước ấm no

Bước lên những nấc thang đầy ước vọng...

Tình hình xáo trộn đô thị kiểu này không thể kéo dài mãi. Các tướng lãnh quân đội Sài Gòn đã làm đảo chính lật đổ Diệm vào ngày lễ các Thánh 1 tháng 11 năm 1963. Chúng tôi ùa ra đường nhảy múa reo hò, giống như những con thú được sổ lồng. Các tướng lãnh trong "Hội đồng Quân nhân Cách mạng" cùng các lãnh tụ tôn giáo, đảng phái chính trị đều hứa hẹn làm "Cách mạng", đem lại dân chủ tự do, cơm no áo ấm và công bằng xã hội cho mọi người. Lúc đó, chúng tôi tin tưởng vào tất cả những gì họ nói trên đài phát thanh, tại các buổi hội họp, viết ra trên báo chí, ghi trên biểu ngữ. Trong số chúng tôi có người còn nghĩ rằng đại sứ Mỹ Cabot Lodge là vị cứu tinh của người mình.



*Chủ tịch 'Hội đồng quân nhân cách mạng'
tướng Dương Văn Minh, 11/1963*

Bản thân tôi lúc đó cũng suy nghĩ đơn giản rằng mọi việc rồi sẽ được giải quyết dễ dàng: Nào chiến tranh, hòa bình, chủ quyền dân tộc, công bằng xã hội. Say men chiến thắng, chúng tôi vừa tự hào lẫn kiêu hãnh đã góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung vừa qua. Tôi đã quên rằng những vấn đề sống còn của đất nước vẫn còn đó. Nào đất nước bị chia đôi, cuộc chiến có nguy cơ nổ lớn với sự trực tiếp tham chiến của quân Mỹ dưới chiêu bài "ngăn chặn Cộng sản bành trướng ở Đông Nam Á". Chúng tôi cũng còn chưa nhìn thấy ra rằng các tướng lãnh Sài Gòn thực ra không phải là những nhà cách mạng mà chỉ là những quân nhân làm đảo chính trong một miền Nam Việt Nam biến thành tiền đồn chống Cộng của Mỹ ở châu Á.



*Tuổi trẻ Sài Gòn ùa ra đường hò reo vui mừng
sau cuộc đảo chính 1/11/1963*

Các tướng lãnh làm đảo chính tập hợp trong "Hội đồng Quân nhân Cách mạng" do Trung tướng Dương Văn Minh lãnh đạo (5). Người nước ngoài thường gọi ông là Minh Lớn Big Minh do vóc người to lớn. Tuy tướng tá rất nhà binh, nhưng ông là một Phật tử có tâm, ăn nói điềm đạm, ôn tồn và chất phác kiểu một bon papa (người cha dễ chịu). Nguyên là một sinh viên và phải thi hành nghĩa vụ quân sự vào hàng sĩ quan trừ bị của quân đội Pháp khi nổ ra Thế chiến II. Có lẽ ông không đồng chính kiến với người em đi theo Việt Minh vì quan niệm rằng Việt Nam có thể độc lập trong khối Liên hiệp Pháp. Ngô Đình Diệm sử dụng ông để diệt các nhóm chống đối vũ trang Bình Xuyên và giáo phái ở miền Tây Nam Bộ. Sự ảnh hưởng của ông quá lớn, Ngô Đình Diệm sau đó không giao ông chức vụ gì quan trọng, chỉ phong quân hàm trung tướng và chức

vụ hữu danh vô thực cổ vấn quân sự của tổng thống, ngồi chơi xơi nước!

Trong nhóm đảo chính, bên cạnh Dương Văn Minh còn có Trần Văn Đôn, Lê Văn Kim, Tôn Thất Đính, Mai Hữu Xuân... Tướng Đôn thường hãnh diện về gốc gác dân Tây và xuất thân Saint-Cyr (trường đào tạo sĩ quan lục quân Pháp) cũng như kiểu sống điệu nghệ của mình. Ông mang dáng dấp một công tử Nam Bộ pha chút đóm dáng phương Tây, có lẽ là một con người không thâm độc. Người em rể của ông ta là tướng Lê Văn Kim, một người có kiến thức và đức độ, luôn ước mơ biến lớp sĩ quan quân đội thành cán bộ cách mạng canh tân đất nước theo gương những Mustapha Kemal ở Thổ Nhĩ Kỳ hoặc Nasser ở Ai Cập. Ông người mảnh khảnh, mang dáng dấp một nhà trí thức hơn là một tướng lãnh. Tướng Tôn Thất Đính rất võ biền, nóng nảy và cũng nổi tiếng là con người tráo trở, xuất thân là một cảnh sát ở Đà Lạt. Ông gốc người Huế, nịnh nọt rất khéo nên được Ngô Đình Diệm tin dùng giao cho trọng trách tổng trấn vùng Sài Gòn-Gia Định. Tuy vậy ông ta vẫn nghe lời quan thầy Mỹ hơn và đã trở cò theo phe đảo chính vào giờ chót. Gặp ông ta nhiều lần, tôi vẫn không ưa con người cộc cằn này. Tôi chỉ nhìn thoáng thấy tướng Mai Hữu Xuân, nhận thấy ông ta ít nhìn ngay mặt ai, đúng là một cự cụ mặt thám của thực dân Pháp. Nhân vật tướng Minh chọn để làm thủ tướng lại là cựu phó tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ, nguyên là một đốc phủ sứ thời Pháp. Mấy lần tiếp xúc với ông do yêu cầu sinh viên, tôi nhìn thấy nơi ông một công chức gương mẫu chứ không phải một nhà chính trị phù hợp cho giai đoạn sau đảo chính nhiều xáo trộn này.

Lần đầu tiên, sau hàng chục năm dưới ách thực dân Pháp rồi độc tài Diệm, sinh viên mới có cơ hội tự do ăn nói và cử đại biểu tham dự Đại hội Sinh viên Sài Gòn nhằm tiến tới thành lập Tổng hội Sinh viên Sài Gòn (6), để rồi cùng các tổ chức sinh viên lập Hiệp hội Sinh viên Quốc gia. Dưới thời Diệm, cũng có một Tổng hội Sinh viên Quốc gia Việt Nam, nhưng nhân sự lại do cơ quan của trùm mật vụ Trần Kim Tuyến bố trí. Sinh viên nào khác chính kiến với chế độ thì bị gạt ra ngoài hoặc bị bắt giữ. Ở các trường đại học chỉ có ban đại diện sinh viên, giới hạn trong sinh hoạt nội bộ, tổ chức lể lạc, in ấn bài vở.

Bản thân tôi, nhờ sớm tham gia sinh hoạt báo chí bên ngoài, nên có nhiều dịp tiếp xúc với nhiều giới trong xã hội cũng như được thông tin về phong trào sinh viên thế giới, nhất là trào lưu tiên bộ ở các nước thuộc Thế giới thứ ba. Nay chúng tôi quyết tâm tổ chức lại đoàn thể mình và tự hứa sẽ là những người tiên phong trên mặt trận dân chủ và công bằng xã hội.

Sĩ số sinh viên Sài Gòn vào lúc đó có khoảng 15.000 người, qui tụ trong 14 phân khoa và trường cao đẳng hoặc chuyên ngành. Sĩ số sinh viên chia ra không đồng đều, chỉ vài trăm ở các trường cao đẳng trực thuộc Trung tâm Kỹ thuật Phú Thọ, hoặc y, dược, kiến trúc, nông lâm súc, quốc gia hành chính và hàng nghìn ở các phân khoa như Luật, Văn khoa, Khoa học thuộc Viện Đại học Sài Gòn. Sài Gòn chiếm 10% dân số toàn miền Nam nhưng lại chiếm đến 50% dân số đô thị toàn miền Nam, vì vậy mà tiếng nói của sinh viên ở đây luôn có trọng lượng hơn. Đà Lạt chỉ có một trường đại học tư Công giáo nhỏ với vài khoa. Sinh viên Đại học Huế tuy không nhiều, nhưng khá năng động và sớm có ý thức chính trị, tuy vậy họ cũng phải lắng nghe tiếng nói quyết định của đa số sinh viên ở Sài Gòn. Tiếng nói sinh viên thường được coi trọng, vì họ được xem như tinh hoa trí thức trong một đất nước nghèo và lạc hậu, cứ 1.000 người mới có 1 sinh viên, và được đào tạo để giữ các vai trò then chốt trong xã hội. Trong đấu tranh, tập thể đông đảo học sinh trung học luôn nghe theo lớp đàn anh sinh viên của họ.



Chủ tịch Tổng hội Sinh viên Sài Gòn đầu tiên Nguyễn Hữu Thái sau ngày chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ, /1963

Tôi lần lượt được cử làm đại biểu sinh viên trường Kiến trúc, rồi vào Ban Thư ký của Đại hội Sinh viên Sài Gòn, có nhiệm vụ tạm thời điều hành hoạt động sinh viên cũng như soạn thảo

quy chế tổ chức sinh viên tương lai. Đại hội sẽ thảo luận và quyết định về hình thức tổ chức và nội dung hoạt động. Chúng tôi tiếp thu trụ sở 4 Duy Tân (nay là Câu lạc bộ Thanh niên Thành phố Hồ Chí Minh trên đường Phạm Ngọc Thạch) do Hội đồng tướng lĩnh giao. Nơi đây nguyên là khu trường thi thời Gia Định Thành, xây dựng thành câu lạc bộ thanh niên Pháp mang tên "Boule Gauloise" rồi biến thành trụ sở Thanh niên Cộng hòa thời Diệm, sau này nổi tiếng với các cuộc hội thảo, xuống đường của phong trào đấu tranh của sinh viên học sinh Sài Gòn.



Đại diện sinh viên-học sinh các trường đại học và trung học vùng Sài Gòn-Gia Định hội họp tại trường Gia Long, đầu năm 1964

Tôi trở thành chủ tịch đầu tiên của sinh viên Sài Gòn, một tháng sau ngày lật đổ Diệm. Số báo Sinh viên đầu tiên do tôi làm chủ biên cũng ra đời cùng lúc. Ban đầu, chúng tôi suy nghĩ đơn giản rằng tập thể sinh viên có thể thu hẹp hoạt động trong đoàn thể mình. Trong thực tế tập thể này cũng bị tác động của xã hội đầy xáo trộn bên ngoài. Nhiều mâu thuẫn xuất hiện, do cả bất đồng mang tính nội bộ lẫn tác động phe phái từ bên ngoài. Trước hết là vấn đề bầu bán trong Đại hội Sinh viên. Đã sớm nổ ra tranh chấp về vấn đề trường lớn trường nhỏ. Trường có đông sinh viên đòi cử nhiều đại biểu hơn, theo tỷ lệ sĩ số sinh viên. Các trường nhỏ vẫn chủ trương tất cả các trường nên bình đẳng, mỗi trường chỉ nên có một phiếu bầu. Vấn đề hoạt động chính trị cũng trở thành đề tài tranh luận sôi nổi. Vào lúc đó, tổ chức đoàn thể nào cũng mong muốn nắm sinh viên, nào các tướng lĩnh, lãnh tụ tôn giáo, đảng phái chính trị, và cả người Pháp, người Mỹ, Mặt trận Giải phóng. Sinh viên không chủ trương trực tiếp làm chính trị, nhưng rõ ràng không thể tránh né bày tỏ thái độ chính trị trước những biến cố quan trọng. Tập thể sinh viên luôn phản ánh sinh hoạt của xã hội bên ngoài, lúc đó rất xáo trộn, hoang mang và thường xuyên xung đột. Những cuộc đảo chính quân sự liên miên cùng những xáo trộn của chính trường miền Nam vào những năm tháng tiếp theo sẽ cho thấy những lời rêu rao về cách mạng, tự do dân chủ chỉ là những ảo tưởng.

Mới ba tháng sau ngày lật đổ Ngô Đình Diệm mà đã diễn ra cuộc Chính lý, thực chất là cuộc đảo chính quân sự của tướng Nguyễn Khánh đang là tư lệnh Quân đoàn II trên cao nguyên. Biến cố này đến với tập thể sinh viên như một cú sốc. Tại Sài Gòn, tôi nhìn thấy những người lính Cộng hòa mệt mỏi, có lẽ rút vội từ một vài đơn vị đang hành quân ở vùng nông thôn về cùng vài chiếc xe tăng, xe bọc thép trấn giữ các điểm chốt trong thành phố. Khác với lúc đảo chính chống Diệm, dân chúng chỉ ngạc nhiên, lo lắng, không thấy ai vui mừng. Phần lớn họ chỉ hay biết đảo chính qua đài phát thanh và báo chí. Cuộc đảo chính này mở màn cho hàng loạt cuộc đảo chính quân sự về sau mà dân Sài Gòn quá quen thuộc đến độ nhàm chán.

Như vậy là tướng Khánh đã hạ bệ các tướng lĩnh chủ chốt chống Diệm, gán cho là trung lập thân Pháp, muốn đẩy miền Nam vào con đường trung lập có lợi cho Cộng sản. Ông ta cắt nhắc các sĩ quan trẻ lâu nay được người Mỹ đào tạo cùng nhiều người có chân trong đảng Đại Việt lên phụ trách các chức vụ chủ chốt. Cuộc đảo chính của tướng Khánh làm cho chúng tôi cảnh giác hơn và mất dần ảo tưởng về một xã hội tự do dân chủ ở miền Nam Việt Nam. Chúng tôi sớm nhìn thấy tương lai mờ mịt của một miền Nam đang xâu xé nội bộ, trong sự can thiệp ngày càng sâu của người Mỹ vào đất nước.

Với tư cách đại diện tập thể sinh viên, tôi phản ứng ngay và đứng ra tổ chức một cuộc tuần hành mang tính biểu dương lực lượng quần chúng nhằm cảnh cáo nạn độc tài quân phiệt đang xuất hiện. Dư âm đấu tranh thời chống Diệm vẫn còn đó, nên tập thể sinh viên hăng hái hưởng ứng ngay lời kêu gọi xuống đường. Gần như hầu hết sinh viên Sài Gòn đã có mặt trong trật tự theo các khối trường, diễu qua các đường phố, hô vang các khẩu hiệu đòi tái lập tự do dân chủ.

Về đến Nhà hát thành phố, đứng trên thềm cao, tôi nhân danh tập thể sinh viên lên tiếng: "Sinh

viên chúng tôi quyết tâm theo đuổi những lý tưởng của phong trào đấu tranh sinh viên học sinh chống độc tài Ngô Đình Diệm. Chúng tôi cảnh cáo những ai rắp tâm phục hồi lại chế độ độc tài cũ. Họ sẽ nhận lãnh số phận bi thảm của những kẻ độc tài bị chính nhân dân nguyên rủa. Chúng tôi long trọng hứa với đồng bào rằng sẽ không bao giờ lùi bước trước bạo lực và áp bức. Hoan hô tự do! Hoan hô dân chủ!"

Nhân lễ Tết năm đó, tôi được chính thức mời dự buổi tiếp tân Tất niên tại dinh Gia Long của Chủ tịch Hội đồng Quân nhân (xem như Quốc trưởng hoặc Tổng thống), chức vụ vẫn do tướng Dương Văn Minh đảm nhiệm, nhưng không có thực quyền. Quyền hành thực sự nay nằm trong tay tướng Nguyễn Khánh và nhóm tướng lãnh trẻ, người Mỹ gọi là Junta. Cuộc đảo chính của tướng Khánh mới xảy ra, nên cuộc vui cũng không trọn.

Các tướng lãnh, chính khách, đại diện đoàn thể nhân dân, tôn giáo đều có mặt. Tôi phải đi mượn bộ complê trắng, chiếc cà vạt đen để đi dự cho đúng lễ nghi. Lần đầu tiên tôi gặp mặt hầu hết các tướng lãnh, trừ tướng Khánh. Hôm đó có mặt tướng Trần Thiện Khiêm, người trầm thướt và ít nói, được xem như lá bài chủ chốt trong cuộc đảo chính vừa qua vì ông ta sử dụng quân đoàn III đóng xung quanh Sài Gòn do ông chỉ huy giúp Khánh. Tôi đã từng quen biết ông ta khi còn là tham mưu trưởng thời Diệm, biết ông ta là một người kín đáo và khôn khéo. Có lẽ ông ta là một con bài chủ lực của Mỹ vì ông ta vẫn tồn tại và giữ chức vụ thủ tướng thời Nguyễn Văn Thiệu cho đến gần ngày giải phóng.

Tuy vậy, đây là lần đầu tôi gặp tướng Nguyễn Văn Thiệu. Khiêm và Thiệu là 2 người giữ vai trò hàng đầu suốt cuộc chiến, có lẽ họ là những quân bài ứng ý nhất đối với người Mỹ. Tướng Thiệu mới được phong quân hàm thiếu tướng nhờ công lao đích thân chỉ huy sư đoàn 5 đánh vào dinh Gia Long lật đổ Diệm. Tôi chỉ quen người anh của ông ta, Nguyễn Văn Kiểu (sau làm đại sứ ở Đài Loan) là một giáo viên trung học tư thực thời chống Diệm. Qua ông này mới biết Nguyễn Văn Thiệu là người Phan Rang, từng học trường dòng Pellerin ở Huế, thời Việt Minh cũng có tham gia chút đỉnh, rồi theo học khóa sĩ quan đầu tiên thời Bảo Đại, theo đạo Công giáo bên vợ, có chân bí mật trong đảng Đại Việt, khôn ngoan, kiên trì và nhiều tham vọng chính trị. Ông ta trẻ trung, nhanh nhẹn, nhưng tỉnh táo, tự tin, chỉ cười cười, ít nói. Thiệu đang đảm trách chức vụ tham mưu trưởng và được tướng Minh nhắc nhở, nửa đùa nửa thật: "Hãy coi chừng! Việt Cộng hoạt động dữ lắm trong mấy ngày Tết!". Cuộc họp mặt cuối năm diễn ra khá hình thức và buồn tẻ. Tôi đứng chụp hình chung với một số tướng lãnh và Tổng giám mục Công giáo Nguyễn Văn Bình rời rời dinh Gia Long, trong lòng không vui.

Tôi chỉ gặp Trung tướng Nguyễn Khánh về sau này trong một buổi chiêu đãi tại biệt thự của ông ta trong khu Tổng tham mưu, gần sân bay Tân Sơn Nhất. Nhân đó tôi có dịp quan sát ông ta cùng nhóm người thân cận xung quanh ông. Có lẽ ông ta quá nhỏ con đối với một quân nhân, trông giống một chú hề với chòm râu cằm hóm hỉnh, trông giống một anh hề rạp xiếc, nhưng lại có cặp mắt rất sắc và dáng điệu nhanh nhẹn. Ông xuất thân từ một gia đình địa chủ giàu có ở miền Nam và có mẹ kế là nghệ sĩ Phùng Há nổi tiếng trong giới cải lương. Ông ta cùng tướng Khiêm tốt nghiệp khóa sĩ quan đầu tiên ở Đà Lạt thời chính quyền Bảo Đại vào đầu các năm 50. Nguyễn Khánh làm tham mưu trưởng và được Ngô Đình Diệm tin cậy nhờ dùng mưu kế giải nguy cho ông ta hồi quân dù của đại tá Nguyễn Chánh Thi làm đảo chính vây dinh Độc lập năm 1960. Trong vụ khủng hoảng Phật giáo năm 1963, ông ta chỉ huy quân đoàn II và nằm yên ở Tây Nguyên chờ thời. Vào đỉnh cao quyền lực lúc đó, tôi thấy ông ít nói và tự tin. Chung quanh ông ta thấy nhiều khuôn mặt mới của đảng Đại Việt, như nhà lý luận Nghiêm Xuân Hồng và một số sĩ quan trẻ chỉ huy các binh chủng. Lúc đó tướng Khánh có vẻ như đã khống chế được các phe phái chính trị và tôn giáo, cũng như đám tướng lãnh trẻ đầy tham vọng, không ai phục ai.

Vào giai đoạn đầu nắm quyền, tướng Khánh khéo léo để yên, chưa vội can thiệp vào nội bộ sinh viên. Ông ta củng cố quyền lực bằng cách khai thác những mâu thuẫn vốn có trong các tổ chức quần chúng cũng như phe phái chính trị. Ông mời chài lại khối Công giáo chống Cộng còn luyện tiếc Diệm, đưa họ về hợp tác với phe Phật giáo Bắc di cư của thượng tọa Thích Tâm

Châu, đồng thời tìm cách cô lập nhóm Phật giáo đấu tranh miền Trung do thượng tọa Thích Trí Quang lãnh đạo nằm trong vùng I của tướng Nguyễn Chánh Thi. Hàng ngũ sinh viên cũng bị phân hóa. Xuất hiện ở Sài Gòn nhóm sinh viên Bắc di cư luôn mồm kêu gọi "Bắc tiến!". Vào thời điểm đó trong nhân dân cũng như hàng ngũ sinh viên có hai xu thế, một đa số trầm lặng, mong muốn hoà bình nhưng thụ động và một thiểu số chống Cộng to tiếng, ồn ào.

Nay người Mỹ đã ra mặt công khai can dự vào chính trường miền Nam. Lúc đầu, viên đại sứ Mỹ nổi tiếng nhiều mưu mẹo Cabot Lodge (7) mong muốn biến Phật giáo thành lực lượng chống Cộng, nhưng có vẻ thấy khó thực hiện nổi nên nay tập trung vào việc củng cố phe chống Cộng Tâm Châu. Ông ta đang ở chức vụ Viện trưởng Viện Hoá đạo của Giáo hội Phật giáo Thống nhất đầy uy tín. Quá khứ chống Cộng của ông ta từ thời Pháp trở lại ở miền Bắc đã là một bảo đảm cho người Mỹ. Tôi không trực tiếp biết lập trường của ông ta, chỉ biết điều đó thông qua một người thân cận ông ta là đại đức Giác Đức. Vị sư trẻ bộc bạch: "Nếu người Mỹ đã diệt chế độ Ngô Đình Diệm ở miền Nam là muốn lập một chính quyền thân Phật giáo. Phật giáo Việt Nam sẽ giữ vai trò lãnh đạo một mặt trận chống Cộng sản từ dãy núi Himalaya đến quần đảo Nhật Bản!". Tôi biết đây rõ ràng là luận điệu tuyên truyền của người Mỹ. Có lẽ họ đã hy vọng sử dụng được lực lượng Phật giáo phục vụ cho sách lược chống Cộng của họ ở châu Á.

Tuy vậy, tôi nghĩ rằng người Mỹ chắc cũng sớm nhận ra là khó mà dung hòa sách lược mở rộng chiến tranh của họ với lập trường của phái Phật giáo ôn hòa và có khuynh hướng dân tộc hơn dưới sự lãnh đạo của Thượng tọa Thích Trí Quang nổi tiếng từ thời chống Diệm. Ông ta được xem như là linh hồn của phong trào Phật giáo và luôn công khai chủ trương phải ưu tiên tái lập lại các cơ chế dân chủ và chủ quyền dân tộc ở miền Nam Việt Nam. Điều này rõ ràng là không phù hợp chút nào với sách lược của Mỹ và nhóm tướng lĩnh của Khánh. Cho nên người Mỹ quay sang kết hợp với đồng minh tự nhiên của họ là phe Công giáo di cư chống Cộng.

Nhiều cuộc đụng độ đẫm máu đã nổ ra giữa phe đấu tranh Phật giáo và nhóm Cần lao Công giáo theo Diệm cũ tại miền Trung. Tại Sài Gòn, tuy đa số sinh viên vẫn còn ít nhiều mang ý thức chống Cộng nhưng cũng bất bình với thái độ ngày càng hung hăng và kiêu binh của các nhóm sinh viên Bắc di cư luôn mồm kêu gào Bắc Tiến. Xung đột giữa các phe chủ hòa và chủ chiến cũng không tránh khỏi ở thời điểm gay go này.

Chiến cuộc Việt Nam leo thang với tổng thống mới ở Mỹ là Johnson thay thế tổng thống Kennedy bị ám sát chết. Ông ta rõ ràng đã ngụy tạo "Sự kiện Vịnh Bắc Bộ", lấy cớ ném bom miền Bắc, gia tăng số cố vấn cùng lực lượng đặc biệt Mỹ, đưa thêm vũ khí vào miền Nam. Quyết tâm mở rộng chiến tranh của Washington được thực hiện rõ khi Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân Mỹ là Thống tướng Taylor được đưa sang làm đại sứ cùng với đại tướng Westmoreland làm chỉ huy quân đội Mỹ. Tướng Khánh được người Mỹ đưa lên nắm quyền với sách lược mở rộng chiến tranh đó. Trước tiên, Khánh một mặt phải dẹp tan những khuynh hướng gọi là thân trung lập do Tổng thống Pháp De Gaulle (8) nêu lên mới rồi ở sát nách Sài Gòn khi viếng thăm thủ đô Phnôm Pênh của Campuchia. Mặt khác phải vận động dư luận thuận lợi cho việc mở rộng chiến tranh ra miền Bắc.

Người Mỹ phải tìm cách hạ uy tín của người Pháp. Đối với sinh viên, họ tìm ra được một điểm yếu nhất để chống Pháp lúc này, đó là vấn đề trường Tây. Đây là một vấn đề nhạy cảm nhất trong giới sinh viên phần lớn xuất thân từ trường Việt và không mấy khá giả. Trong khi đó chương trình Pháp ngang nhiên mở ra thu hút các tầng lớp được ưu đãi, giàu có. Sinh viên được nhiều thể lực chính trị đằng sau thúc đẩy xuống đường, vừa chống chính sách trung lập vừa lên án sự thống trị văn hóa của người Pháp, cụ thể qua vấn đề trường Tây. Sinh viên ủa đến đập phá tượng đài tướng niệm quân Pháp hy sinh trong Thế chiến 1914-1918 tại vị trí quảng trường hồ con rùa hiện nay.

Tôi vẫn còn nhớ cuộc tranh luận sôi nổi giữa chúng tôi và viên tham tán văn hóa Pháp. Ông ta xin gặp chúng tôi ở trụ sở Tổng hội sinh viên, tỏ ra ngạc nhiên: "Tại sao các anh nói tiếng Pháp giỏi quá mà lại chống đối chúng tôi mạnh mẽ như vậy?". Rồi ông ta kể ra một lô lốc những lợi

ích mà nền văn hóa Pháp đã đem lại cho người Việt. Tôi trả đũa ngay: "Hệ thống giáo dục của một đất nước có chủ quyền không thể duy trì mãi sự tồn tại của chương trình học hoàn toàn theo lối Pháp, giống như ở một nước thuộc địa!". Việc chống trường Tây khơi dậy ý thức của sinh viên Việt Nam về vấn đề chủ quyền dân tộc. Và "gậy ông rồi sẽ đập lưng ông", sinh viên cũng sẽ quay sang chống đối người Mỹ về vấn đề chủ quyền dân tộc này. Sinh viên Sài Gòn còn đi xa hơn đòi phải sử dụng hoàn toàn tiếng Việt trong giảng dạy đại học ở miền Nam.



Kêu gọi sinh viên xuống đường (tác giả đứng bên phải)

Vào mùa hè năm 1964, tướng Khánh tạo một cú sốc khác khi công bố bản "Hiến chương Vũng Tàu". Lấy lý do tình hình chiến tranh toàn diện, chính quyền cần tập trung quyền lực vào một người đứng đầu Nhà nước mạnh, vừa là Chủ tịch Hội đồng Tướng lĩnh vừa là quốc trưởng kiêm vai trò thủ tướng, đó là Nguyễn Khánh. Theo tin tức, thì bản Hiến chương đã được các tướng lĩnh họp tại Vũng Tàu đồng thanh ủng hộ và vị nguyên thủ nước ngoài đầu tiên gửi điện mừng Chủ tịch Nguyễn Khánh, đó là tổng thống Mỹ! Trước nguy cơ tái lập chế độ độc tài, những lực lượng từng đấu tranh chống Diệm không thể ngồi yên. Phật giáo và sinh viên học sinh lại chuẩn bị xuống đường.

Tập thể sinh viên không thể tin tưởng vào ban chấp hành của Tổng hội Sinh viên, lúc đó có dấu hiệu hòa hoãn với chính quyền. Chủ tịch sinh viên các ban đại diện 14 trường họp lại, ra bản tuyên ngôn lên án độc tài quân phiệt và lập ra "Hội đồng Chỉ đạo Sinh viên Học sinh" nhằm tập trung điều khiển cuộc đấu tranh chống Khánh. Hội đồng trên nguyên tắc không phải là một tổ chức mới, chỉ ra đời trong hoàn cảnh đặc biệt, mọi quyết định quan trọng sẽ do tập thể các chủ tịch sinh viên các trường đưa ra. Nay Hội đồng chỉ cử ra vài ủy viên thường trực điều hành công việc. Tôi trở thành ủy viên đối ngoại và người phát ngôn cho Hội đồng. Sinh viên không còn mấy ảo tưởng về người Mỹ và bắt đầu tố cáo họ đã can thiệp thô bạo vào công việc nội bộ Việt Nam trong vụ ủng hộ tướng Khánh.

Chính quyền không dễ dàng để sinh viên hành động, và bắt đầu ra tay phản công. Một nhóm Công giáo di cư Hồ Nai quá khích được huy động kéo xuống đốt phá trụ sở Tổng hội sinh viên, trong khi đài phát thanh Sài Gòn lại ra rả nói rằng có nhiều nhóm sinh viên ủng hộ Hiến chương Vũng Tàu. Rõ ràng đây là một tính toán sai lầm của chính quyền. Các hành động trên tạo tác động ngược lại, làm cho sinh viên nhìn thấy sự tráo trở của tướng Khánh và siết chặt hàng ngũ, đoàn kết nhau hơn trong cuộc đấu tranh, chỉ nhằm một mục tiêu duy nhất là lật đổ nhà quân phiệt.

Đài phát thanh bị sinh viên học sinh tấn công đập phá trước tiên. Sau cuộc hội thảo ở trụ sở sinh viên, theo lời đề xuất của tôi, ai nấy đều kéo rốc ra đài phát thanh Sài Gòn. Tôi hô một lệnh ngắn gọn: "Tiến lên!" Hàng trăm sinh viên học sinh lao vào đài phát thanh Sài Gòn. Trời bắt đầu đổ mưa nặng hạt. Chúng tôi đều ướt sũng. Thời hạn chót cho viên giám đốc đài Nguyễn Ngọc Linh ra gặp chúng tôi đã qua. Chúng tôi muốn ông ta làm sáng tỏ những tin tức bịa đặt về sinh viên ủng hộ bản Hiến chương của tướng Khánh. Ông ta không dám ra gặp chúng tôi mà lên ra cửa sau trốn mất. Binh sĩ bảo vệ đài phân tán để mặc cho chúng tôi tự do ủa vào đài. Chúng tôi giáng nỗi căm giận của mình bằng cách đập phá điên cuồng những vật vô tri giác như máy móc, micrô, loa, các bản tin, bàn ghế... trong các phòng thu và phòng làm việc. Trong các ngày qua, chúng tôi rất bức bối về các buổi phát thanh ca ngợi Chủ tịch Nguyễn Khánh và các bản tin bóp méo sự thật về các cuộc đấu tranh của Phật tử và sinh viên học sinh. Hành động đập phá đài phát thanh nhằm nói lên sự phản kháng của sinh viên đối với chính quyền quân phiệt mới. Chúng tôi muốn xác định rõ lập trường chống lại chính quyền độc tài, không phải do dân chọn ra mà do sức mạnh của súng ống và hỗ trợ của người nước ngoài.



Kêu gọi sinh viên xuống đường (tức giả đang bìa phải)

Đây là lần đầu tiên tôi bày tỏ thái độ chống Mỹ. Tôi tuyên bố: "Chúng ta phải lên án sự can thiệp của người Mỹ vào các vấn đề nội bộ của người Việt Nam. Điều đó đã thể hiện rõ ràng qua sự ủng hộ trắng trợn của tổng thống Mỹ cho tướng Khánh". Tôi nói tiếp: "Thanh niên sinh viên học sinh chúng tôi cùng với nhân dân đấu tranh lật đổ một chế độ độc tài này mới năm trước, nay không thể lại để cho người ta dựng lên đầu lên cổ nhân dân ta một chế độ độc tài khác!". Trong những ngày này, tôi bận rộn đi nói chuyện tại các cuộc tập hợp lớn của sinh viên diễn ra tại các trường Khoa học, Luật, Trung tâm Kỹ thuật Phú Thọ chuẩn bị cho cuộc đấu tranh sắp tới. Chúng tôi cũng cử các sinh viên ăn nói giỏi đến các phân khoa và trường trung học lớn kêu gọi tập thể sinh viên học sinh tham gia vào cuộc đấu tranh mà chúng tôi nghĩ sẽ khó khăn và lâu dài.

Chúng tôi biết rõ tướng Khánh là một đối thủ đáng gờm và mưu mô, vì cho đến nay ông ta đã luôn lách thành công giữa mê hồn trận chính trị Sài Gòn. Về phía chính quyền, họ cũng dàn giá đưa cảnh sát dã chiến ra tập dượt công khai trên đường phố với ý đồ hăm dọa chúng tôi. Họ tìm kiếm sự ủng hộ của phe Phật giáo Tâm Châu và vài nhóm sinh viên nhằm làm suy yếu và chia rẽ phong trào đấu tranh. Họ tập trung vào việc kích động phe Công giáo di cư qua việc tung tin về các cuộc đụng độ đẫm máu Công giáo-Phật giáo ở Đà Nẵng, gán cho Phật giáo và sinh viên học sinh Sài Gòn là có Cộng sản giết dây. Thật vậy, với cách làm đó họ có thể thuyết phục những kẻ quá khích trong các họ đạo Công giáo nằm chung quanh Sài Gòn. Một số linh mục thực dụng nhân cơ hội này mặc sức mà yêu sách chính quyền mới để kiếm lợi. Riêng tôi không sợ phải đối đầu với phe tướng lãnh mà lại không muốn nhìn thấy cảnh tượng các tôn giáo xung đột đẫm máu giữa đường phố Sài Gòn, như đã từng xảy ra tại Đà Nẵng.



Phát động đấu tranh sinh viên chống tướng Nguyễn Khánh

Đã có một số dấu hiệu đe dọa đã xuất hiện nhằm vào tập thể sinh viên. Nhiều binh lính và cảnh sát mặc thường phục đi trên xe nhà binh, phát xuất từ các họ đạo Công giáo ở Hồ Nai kéo về trụ sở sinh viên trên đường Duy Tân xông vào đốt phá. Rõ ràng là chính quyền đứng đằng sau vụ đó. Nhưng phải nói đây là một nước cờ sai lầm của chính quyền, vì hành động này đã tạo tác dụng ngược là đoàn kết và kích động được khối đa số sinh viên cho đến nay thụ động, lùng khùng chưa tham gia đấu tranh. Hành động đốt phá trắng trợn trên làm họ bất bình. Sinh viên nay đã quyết định tham gia vào cuộc đấu tranh nay chỉ còn tập trung vào một mục tiêu duy nhất lật đổ tướng Nguyễn Khánh. Tấn công đài phát thanh mới chỉ là bước đầu tiên.



Riêng người biểu tình chống tướng quân phiệt Nguyễn Khánh và dựng tượng Quách Thị Trang, 1964

Cuộc xuống đường vĩ đại ngày 4 tháng 9 năm 1964 là một sự kiện đáng ghi nhớ khác. Tôi

không thể tưởng tượng một lực lượng đàn áp nào có thể ngăn chặn nổi hàng chục vạn người xuống đường vào ngày đó. Tôi cứ ngỡ rằng hầu như cả thành phố Sài Gòn đã đồng loạt xuống đường bày tỏ sự bất bình của mình đối với tướng Khánh. Theo tôi thì đây có lẽ là một cuộc tập hợp quần chúng quy mô lớn, tổ chức chặt chẽ nhất từ trước đến nay trong lịch sử thành phố. Nó là kết quả của hàng chục cuộc mít tinh, hội thảo, nhiều đêm không ngủ ở chùa chiền, trường học mà chúng tôi góp phần thực hiện, đã diễn ra suốt cả tuần lễ qua.

Từ sáng sớm tinh mơ, hàng chục khối sinh viên học sinh đã tập hợp tề chỉnh ở trường mình. Đồng đạo nhất là hàng ngũ Phật tử, tiểu thương các chợ, công nhân, tư chức, thanh niên sinh viên học sinh. Phát xuất từ Viện Hóa đạo, đoàn người kéo xuống Chợ Bến Thành dựng tượng Quách Thị Trang, người nữ sinh đã ngã xuống hồi chống Ngô Đình Diệm năm ngoái, đọc các lời hiệu triệu và hô to các khẩu hiệu chống độc tài quân phiệt, rồi diễu qua các đường phố tụ về hội với tập thể sinh viên học sinh tại Dinh Thủ tướng (nay là đường Lê Duẩn, trước Thảo cầm viên). Tôi tách khỏi hàng ngũ, thử quan sát và ước lượng đoàn tuần hành: Toàn người là người, khúc đầu ở Sở thú mà đoạn đuôi còn chưa qua khỏi Dinh Độc lập (nay là dinh Thống Nhất).

Một chiếc xe lam có đặt loa phóng thanh dẫn đầu đoàn tuần hành. Xe ngừng trước cổng Dinh. Hai sinh viên đứng trên nóc xe, chĩa loa vào yêu cầu gặp thủ tướng. Một sĩ quan xuất hiện nhưng sinh viên yêu cầu gặp chính tướng Khánh để được giải thích về Hiến chương Vũng Tàu trước mặt quần chúng nhân dân. Hàng vạn con người cùng hô to các khẩu hiệu đả đảo độc tài, quân phiệt, đòi xé bỏ Hiến chương Vũng Tàu!

Cuối cùng tướng Nguyễn Khánh cũng xuất hiện. Hai bên tranh luận. Tôi không biết, hoặc do bị ấn tượng và hoang mang trước đoàn người đông đảo, hoặc do một toan tính chiến thuật nào đó mà ông ta cũng vung tay cùng đồng bào hô lớn: "Đả đảo độc tài! Đả đảo Hiến chương Vũng Tàu!"

Phải chăng nên xem đây là một hành động chối bỏ quyền lực. Một loại quyền lực không phải do nhân dân ủy nhiệm mà do người Mỹ đặt lên! Sự kiện đó có hàng vạn người chứng kiến không dễ dàng chối bỏ được. Nó cũng là biểu tượng sự đầu hàng của bạo quyền trước sức mạnh của nhân dân. Hành động đó đã làm tiêu tan sự nghiệp chính trị của tướng Khánh. Nó cũng làm sụp đổ biết bao nỗ lực của guồng máy chiến tranh đế quốc, từ tổng thống Mỹ cho đến Lầu năm góc.

Chưa bao giờ sức mạnh của tập thể sinh viên lại to lớn như vậy. Phải chăng đây là thắng lợi của ý chí con người trên sức mạnh của vật chất. Đã từng có nhiều tiền lệ như vậy, ví như sự kiện sinh viên Nam Triều Tiên xuống đường lật đổ tổng thống độc tài Sun Man Rhee vào cuối các năm 1950, sinh viên học sinh cùng đồng bào Phật giáo miền Nam chống Diệm mới năm ngoái. Sau khi tướng Khánh công khai rút lại Hiến chương Vũng Tàu. Đám đông cuồng nhiệt reo mừng thắng lợi và chủ quan rút về, cứ ngỡ rằng cuộc đấu tranh đã thắng lợi. Chắc ít ai biết rằng tướng Khánh là con người nổi tiếng tráo trở, một con thò lò nhiều mặt!

Thực tế diễn ra khác hẳn. Sau khi thực hiện vụ rút lui chiến thuật, tướng Khánh vẫn nắm chặt được phe quân sự và bày ra thế trận khác. Ông ta hứa sẽ trở lại Sài Gòn với thế mạnh. Không ai ngờ rằng Thành phố đã bị bỏ ngỏ, nghĩa là người ta cố tình thả nổi chính quyền, không còn một lực lượng giữ gìn trật tự nào nữa, để mặc cho các lực lượng chống đối xô xát nhau. Từ lâu nay, tôi vẫn e ngại xảy ra đụng độ giữa Phật giáo và Công giáo, như đã từng xảy ra ở miền Trung trong thời gian qua. Lúc này rõ ràng là chúng tôi đang thực sự làm chủ đường phố Sài Gòn, nhưng không biết phải làm gì và cũng chưa được chuẩn bị gì để đối phó với một cuộc xô xát đường phố. Mối đe dọa đang đến gần. Không phải từ lực lượng cảnh sát hoặc quân đội, mà từ những đồng bào Công giáo di cư, gồm cả ông bà già, phụ nữ, trẻ em với gậy gộc giáo mác, bị các linh mục kích động ủa về Sài Gòn gọi là để cứu các họ đạo đang bị những kẻ ngoại đạo bách hại! Xô xát đã xảy ra, và nhiều học sinh trường Nguyễn Trường Tộ, Cao Thắng đã bị thương tích.

Những lãnh tụ Phật giáo, các nhà chính trị từng thúc đẩy chúng tôi xuống đường nay đã biến mất, vào những giờ phút quyết liệt như thế này đây. Bản thân tôi cũng bất lực không thuyết

phục nổi các chủ tịch sinh viên phân khoa và cả ban chấp hành Tổng hội Sinh viên đứng ra trực tiếp lãnh đạo phong trào. Qua kinh nghiệm đó, tôi nghĩ rằng phong trào sinh viên học sinh chỉ có thể đảm nhận vai trò ngòi nổ, chứ không thể làm lực lượng sống chết trong đấu tranh. Sinh viên chưa thể làm cách mạng trong khi họ luôn mồm nói đến cách mạng. Trừ phi họ tham gia vào một đội ngũ có kỷ luật, do một tổ chức cách mạng thực sự lãnh đạo, hướng về các mục tiêu cụ thể. Một tổ chức cách mạng như vậy, về sau tôi nhìn thấy không ai khác hơn ngoài Đảng Cộng sản.



Học sinh giao đấu với cảnh sát dã dã, 1964

Chính quyền dân sự Trần Văn Hương (9), với nào Thượng Hội đồng Quốc gia, Quốc trưởng chỉ là những trò hề do người Mỹ vội vã dựng lên, không giải quyết được gì, mà còn làm cho tình hình xấu thêm. Tướng Khánh lại đảo chính, bắt giam đối lập. Tôi cũng bị bắt cùng nhiều sinh viên học sinh khác vào những ngày tháng cuối năm 1964.

4. Nhận dạng kẻ thù

1965: Mỹ ồ ạt đưa quân chiến đấu vào miền Nam Việt Nam, leo thang cuộc chiến vào cuối năm 1964. Tôi chống đối người Mỹ và chính quyền quân sự Sài Gòn, bị bắt vào tù lần thứ nhất. Tâm tình với những người Việt Cộng trong nhà tù, tranh luận với các chính khách quốc gia, quan chức Mỹ... tôi dần dần "nhận dạng ra kẻ thù". Trước mắt tôi đang có hai sự lựa chọn: Nhận học bổng du học Mỹ hoặc theo về phía Mặt trận Giải phóng. Tôi quyết định không đi Mỹ du học, nhưng sự việc này cũng gây ra sự nghi ngờ dai dẳng của phía Cách mạng trong suốt cuộc chiến và lâu dài về sau này.

Vào một buổi sáng cuối năm 1964, mới bước chân vào trụ sở Tổng hội Sinh viên 4 Duy Tân, tôi bỗng nhìn thấy nhiều bộ mặt lạ. Tôi vội quay ra đường và tự nhủ: "Hãy coi chừng, mới tháng trước bọn quá khích Hồ Nai đã kéo xuống đốt phá Tổng hội sinh viên!" Tôi vẫy chiếc taxi và leo lên. Hai người mặc thường phục bỗng xuất hiện hai bên cửa xe, dí súng vào bên sườn tôi, bảo: "Xin lỗi, chúng tôi được lệnh bắt anh!" Họ trưng thẻ cảnh sát và bản danh sách những sinh viên họ phải bắt, ra lệnh cho tài xế đưa tôi về cảnh sát quận I gần đó.

Tôi bị bắt cóc như thế đó, vài hôm trước lễ Giáng sinh năm 1964. Vào đêm hôm qua, đài phát thanh Sài Gòn đã thông báo rằng nhóm tướng lĩnh do chính tướng Nguyễn Khánh cầm đầu đã trở lại nắm quyền, chỉ đơn giản bằng cách gạt qua một bên các cơ cấu chính quyền dân sự, nào là Thượng Hội đồng Quốc gia, Nội các dân sự.

Trong những tháng ngày nhiễu nhương vừa qua, tình hình Sài Gòn thật rối ren. Hàng ngũ sinh viên cũng hỗn độn không kém. Các tổ chức dân sự do viên đại sứ Mỹ vờ vờ dựng lên không cứu vãn được tình hình. Quân đội nay quay lại nắm chính quyền và công bố tình trạng thiết quân luật. Họ lên danh sách và bắt giữ các chính khách và lãnh tụ sinh viên chống đối. Tên tôi nằm trong danh sách đó. Vào khuya đêm hôm trước họ đã bắt mấy chục người, dùng máy bay trực thăng mang cô lập tại Pleiku trên Tây Nguyên. Tình hình không diễn biến khá hơn với các vụ bắt bớ này.

Đây là lần đầu tiên tôi bị bắt vào tù. Năm trước, khi chống Diệm tôi chạy thoát được nhiều lần. Trong mấy tháng nhiễu nhương, tôi từng đi can thiệp trả tự do cho nhiều sinh viên bị bắt lầm trong thời gian sinh viên đi cứu trợ nạn lụt. Miền Trung đã bị lũ lụt lớn, tập thể sinh viên tạm gác sang một bên mọi thứ để tập trung cứu giúp đồng bào. Trong tình hình nhiễu nhương này, sinh viên học sinh dễ bị hàng chục tổ chức an ninh tình báo cả Mỹ lẫn Sài Gòn bắt bớ. Vào thời điểm đó, tôi vẫn còn là lãnh tụ sinh viên được nhiều người biết tên tuổi, tuy ở vị thế đối lập, nhưng dẫu sao cũng nằm trong phe Quốc gia. Họ không thể cáo buộc tôi là Việt Cộng hoặc trung lập hoà bình thân Cộng, những người thường bị tố giác là phản bội lại chính nghĩa Quốc gia. Họ không thể dễ dàng bắt tôi công khai. Chính quyền Ngô Đình Diệm mới sụp đổ năm ngoái. Tay chân Diệm đã phải trả giá đắt cho việc họ đối xử tàn bạo đối với sinh viên. Cảnh sát mật vụ nay phải khéo léo hơn trong việc đối xử với chúng tôi. Dĩ nhiên, bọn họ không nương tay đối với người có bằng cớ là Việt Cộng hay thân Cộng.

Tình hình lúc đó rối rắm đến nỗi mà lúc đầu không một cơ quan nào chịu trách nhiệm về việc bắt giữ chúng tôi. Tôi nằm trong một nhóm lãnh tụ sinh viên, học sinh và giáo viên trẻ, bị bắt giữ lẻ tẻ tại nhiều điểm khác nhau, nay đều được tập trung tạm thời ở Tổng nha Cảnh sát. Viên chỉ huy ở đó là đại tá Nguyễn Văn Bền đã từng biết tôi qua các vụ can thiệp trả tự do cho sinh viên, nay cũng thực sự bối rối. Tuy là một quân nhân, nhưng ông ta lại ủng hộ chính quyền dân sự. Ông ta đối xử tử tế với chúng tôi và mời lên gặp, tìm cách xoa dịu: "Hãy bình tĩnh, tôi không được lệnh trực tiếp bắt giữ các bạn. Ráng đợi cho tình hình sáng sủa hơn rồi chắc anh em cũng sớm được trả tự do thôi". Người nhà được phép thăm nuôi chúng tôi tùy thích, một sự ưu đãi hiếm thấy tại trung tâm thẩm vấn nổi tiếng ghê gớm này. Nhưng tình trạng này không kéo dài được lâu. Cuối cùng họ cũng đẩy chúng tôi lên xe quân sự bí bùng, kéo còi inh ỏi, chuyển sang nhốt ở khám Chí Hòa đợi ngày ra tòa án quân sự Mặt trận. Như vậy là nhóm tướng lĩnh tìm

cách trả thù các sinh viên dám tìm cách hạ bệ họ mấy tháng trước đây.

Thật kỳ lạ, khám Chí Hòa là một công trình hợp tác xây dựng giữa người Pháp và người Nhật. Đây là một trại giam tập trung quy mô lớn nhất ở nước ta do người Nhật thiết kế và người Pháp xây dựng vào đầu các năm 1940. Nó trông giống một pháo đài hình 8 cạnh, cao 4 tầng, chứa được năm đến bảy nghìn người, đầy đủ các bộ phận nào là khu biệt giam tử tội, phòng máy chém, khu đất hành quyết. Họ làm thủ tục nhập khám kéo dài hàng giờ. Cuối cùng họ đẩy chúng tôi lên khu biệt giam ED nằm trên lầu tư, hoàn toàn cô lập với các phòng giam khác. Như vậy là chúng tôi đã được sắp vào nhóm tù đặc biệt và nguy hiểm. Đêm đầu tiên đó tất cả chúng tôi không ngủ được.

Chúng tôi thức trắng đêm nói chuyện với một nhóm tù nhân chuyển từ nhà tù Côn Đảo về, chắc không phải để trả tự do vì tình hình rối ren bên ngoài. Chúng tôi hiếu kỳ muốn biết về những người bạn tù mới. Chúng tôi dễ dàng làm quen với nhau và thức nói chuyện suốt sáng. Cho đến nay tôi vẫn còn nhớ như in những người tù gầy gò quần áo rách nát này. Những dấu hiệu thiếu dinh dưỡng, bệnh tật lẫn đờn tra, đầy ải còn in hằn trên mặt họ, tuy chúng vẫn sống đông. Hình ảnh họ như nhòa đi trong khói thuốc rê tự vấn lấy và hăm hở lắng nghe như muốn nuốt chửng từng lời những thông tin về các biến cố gần đây ở bên ngoài. Có lẽ họ bị bùng bít quá lâu về tình hình đất nước. Chúng tôi thông báo với họ về phong trào đấu tranh của Phật giáo và sinh viên học sinh chống lại các chính quyền áp bức như Ngô Đình Diệm và các tướng lãnh Sài Gòn. Các thông tin này rõ ràng làm họ mừng vui như uống được thang thuốc bổ. Chúng tôi hăng hái kết luận: "Nay chúng tôi hoàn toàn chống lại bọn tướng lãnh quân phiệt này vì họ đã phản bội cuộc cách mạng chống Diệm". Lúc đó chúng tôi hãy còn non nớt trong chính trị, cứ tưởng mình là những người tiên phong làm cách mạng, từ ngữ mà chúng tôi thường sử dụng để chỉ cuộc đấu tranh chống Diệm và xây dựng một chế độ dân chủ. Chúng tôi còn ngây thơ không biết rằng đó là những vấn đề mà người Mỹ và đám tướng lãnh Sài Gòn ít quan tâm nhất.

Đến phiên mình, những người tù Côn Đảo nói về câu chuyện của họ, tôi chỉ nhớ những điểm chính. Họ là những thanh niên nông thôn lớn lên trong vùng Việt Minh trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Chính quyền Ngô Đình Diệm sau năm 1956 chẳng những đã không thi hành các điều khoản của Hiệp định Genève về tổng tuyển cử, thống nhất đất nước mà còn ra tay bắt bớ giam cầm những người kháng chiến cũ hoặc gia đình có ai tập kết ra Bắc. Tệ hại hơn là biện pháp thu hồi lại ruộng đất thời Việt Minh đã tịch thu của đại địa chủ chia cho người dân không có ruộng cũng như chiến dịch Tố Cộng đẫm máu. Một tình trạng khủng bố trắng diễn ra khắp vùng nông thôn qua hoạt động của các toán Công dân vụ gồm phần lớn những kẻ từng có nợ máu với nhân dân, từng cộng tác với thực dân Pháp hoặc thuộc các đảng phái Quốc gia chống Cộng như Việt Nam Quốc dân đảng, Đại Việt hoặc Công giáo chống Việt Minh.

Tôi có dịp theo người anh họ thăm người quen cũ ở Quảng Ngãi trong vùng kháng chiến Việt Minh cũ vào cuối năm 1956, nhớ rằng người dân có vẻ sợ sệt, buồn bã. Tôi hỏi có phải năm đó tình hình căng nhất không. Các anh gật đầu, kể tiếp:

- Chính quyền Diệm mở màn một chiến dịch đẫm máu gọi là tiêu diệt những người nằm vùng do Việt Minh cài lại ở miền Nam. Từ Việt Cộng bắt đầu xuất hiện trong ngôn ngữ báo chí miền Nam. Họ xác nhận: "Trước tình hình đó, tui tui chỉ biết, hoặc trốn tránh đi nơi khác sinh sống hoặc ở lại để bị bắt bớ tù đầy, bị thủ tiêu... Người nông dân bình thường cũng đâu có yên thân, bị trưng tập đi lao động không công, xây dựng các khu trù mật, áp chiến lược để cuối cùng họ bị dồn vào đó. Nạn khủng bố và áp bức ở nông thôn có lẽ là nguyên nhân của các cuộc nổi dậy ở miền Nam vào cuối các năm 50, đúng như quy luật của cách mạng: Ở đâu có áp bức ở đó có đấu tranh! Những người tù Côn Đảo kết luận: "Trước mặt, bọn tui không còn nhìn thấy con đường nào khác là chống cự lại. Cuộc kháng cự có tổ chức dần hình thành, lúc đầu rất gian khổ. Vũ khí thì tự chế lấy hoặc lấy được của dân vệ địch. Như vậy là tui tui đã đứng lên". Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam ra đời như thế đó vào năm 1960.

Anh em chúng tôi bị bắt lúc đó phần lớn gồm những thanh niên thành thị, còn tự cho mình là

những người Quốc gia chống Cộng. Chúng tôi đâu có biết nhiều về cuộc chiến đấu của Mặt trận Giải phóng đang diễn ra ở nông thôn. Từ Việt Cộng còn xa lạ và cấm kỵ đối với chúng tôi. Nhưng rõ ràng là câu chuyện những người tù Côn Đảo kể cho chúng tôi là trung thực và xúc động. Chúng tôi tin rằng đó là sự thật. Những lời chân thực đó đã tác động mạnh mẽ và gieo vào tâm khảm chúng tôi, những sinh viên tuy non nớt nhưng vẫn còn tấm lòng biết phải trái, đang trên đường tìm kiếm sự thật. Chúng tôi thù ghét bất công và áp bức, luôn muốn nhìn thấy những đổi thay không phải hời hợt mà mang tính triệt để, và lòng mình luôn đứng về phía kẻ yếu chống lại cường quyền. Tôi không nghĩ những người tù Việt Cộng này mong muốn tranh thủ ngay chúng tôi về phía chính nghĩa của họ, nhưng chí ít họ cũng làm cho chúng tôi mở mắt nhìn thấy được một thực trạng khác của đất nước, của một cuộc cách mạng đang thực sự diễn ra trên quê hương mình. Phải chăng đây là những hạt giống cách mạng đầu tiên đã được gieo lên những mảnh đất màu mỡ là tâm hồn thanh niên chúng tôi ở khu biệt giam ED khám Chí Hòa năm đó. Có lẽ trong thâm tâm, tôi đã bắt đầu ngả về phía những người bị áp bức này.

Nhà tù đã làm tôi thay đổi. Cuộc gặp gỡ ngắn ngủi với những người tù Việt Cộng đêm hôm đó đã làm chuyển hướng những suy nghĩ của tôi. Tôi nhớ là mình thật sự đứng dưng trước lệnh Tòa án quân sự Mặt trận ấn định ngày đưa chúng tôi ra xét xử với tội danh: "Phá rối trị an, gây xáo trộn an ninh quốc gia!" Thay vì chú ý đến phiên tòa sắp tới, tôi cùng một số bạn sinh viên thật tâm và chín chắn bàn thảo về phương hướng đấu tranh sắp tới trong bối cảnh mới của cuộc chiến tranh, không còn là giữa người Việt với nhau mà có cả sự can thiệp của người Mỹ.



Sinh viên Sài Gòn được trả tự do trước khám Chí Hòa, 2/1965 (từ trái, thứ hai từ trái là các người bạn Tuyết Hoa, thứ tư và Nguyễn Xuân Lộc, thứ nhất từ phải)

Tôi thảo luận nhiều nhất với Nguyễn Xuân Lộc (1), chủ tịch sinh viên trường Khoa học và là một sinh viên cao học Toán có đầu óc logic, tỉnh táo và chín chắn. Anh ta đồng ý với tôi rằng chúng tôi không thể cứ mãi chạy theo các sự kiện xung đột phe phái của chính trường miền Nam mà phải tìm cho ra con đường đấu tranh chính nghĩa đích thực. Phong trào đấu tranh của tập thể sinh viên học sinh không thể mãi chạy theo những lời hô hào hời hợt của những người gọi là lãnh đạo tôn giáo hoặc đảng phái. Chúng tôi thật sự chưa khẳng định được với nhau đâu là con đường chính nghĩa phải theo, nhưng đã le lói trong lòng ý thức rằng có lẽ đó là con đường của Mặt trận Giải phóng. Tuy vậy, phải nhìn nhận vào thời điểm đó ý niệm này cũng hãy còn mơ hồ lắm. Bao nhiêu năm bị nhồi nhét ý thức chống Cộng ở miền Nam, ngày một ngày hai chúng tôi khó mà nghĩ mình dễ dàng chuyển hướng theo phía người Cộng sản.

Ngoài kia, lực lượng Phật tử và sinh viên học sinh ồ ạt xuống đường. Người Mỹ lo ngại tình hình các đô thị xấu thêm, có lẽ đã buộc các tướng lãnh Sài Gòn phải nhượng bộ, đình hoãn các phiên tòa xét xử chúng tôi. Sau này tôi mới biết rằng ngày chúng tôi bị đưa ra xét xử, các đoàn biểu tình đã vây chặt tòa án và buộc phe quân sự rút khỏi chính trường Sài Gòn. Họ trả tự do các chính khách và sinh viên học sinh bị bắt lâu nay. Bản thân tôi không còn thấy quan tâm đến việc các cơ quan truyền thông Sài Gòn làm rùm beng việc trả tự do cho chúng tôi, nào chụp hình, đăng báo, nói trên đài phát thanh, xem như cử chỉ thiện chí của phe tướng lãnh. Tôi không ngót ưu tư về vị thế và hướng tới của phong trào đấu tranh sinh viên. Trước mắt tôi mở ra hai con đường: Phải chăng tôi nên quay về tập trung học hành cho xong ngành kiến trúc, tìm một vị thế yên thân nào đó trong cơ quan nhà nước, có bị gọi lính thì cũng về chỗ chuyên môn yên thân, hoặc tìm kiếm một hướng đi cho đời mình trong cuộc đấu tranh mới mà tôi nghĩ bản thân mình khó tránh khỏi nếu tôi còn là một người yêu nước và một người hoạt động trong phong trào sinh viên tranh đấu Sài Gòn.

"Ngày Thái, mau theo mình. Giáo sư Britton trước khi về Mỹ đã dặn mình phải đưa Thái trốn

tạm tại nhà đại tá Wilson cho an toàn. Tình hình căng thẳng, nhóm tướng lĩnh trẻ đang muốn làm mạnh trở lại. Họ thề phải diệt cho được một vài sinh viên hay xuống đường, quấy phá họ như Thái đó!". Một người quen biết trong chính giới Sài Gòn cũ, anh Nguyễn Thái nguyên giám đốc cơ quan Thông tấn xã thời cũ mới du học thêm ở Mỹ về, vừa nói vừa đẩy tôi lên xe. Anh cho hay: "Anh cũng đã thận trọng nói trước với Wilson xin ý kiến đại tá Bền. Ông Bền khuyên Thái nên lánh đi một thời gian đợi cho tình hình rõ ràng hơn. Vì em nằm trong danh sách đen của phe quân sự đó". Như vậy là tôi phải đi trốn trong nhà của người Mỹ chỉ mới mấy ngày sau khi được thả ra từ khám Chí Hòa. Cái tin anh bạn thông báo cho tôi là đúng.

Tình hình chính trị ở Sài Gòn vào những tháng đầu năm 1965 khá căng thẳng và phức tạp. Sau Sự kiện Vịnh Bắc bộ hồi cuối năm ngoái, tổng thống Mỹ được quốc hội giao cho toàn quyền lãnh đạo cuộc chiến ở Việt Nam. Ông ta cho ném bom miền Bắc và chuẩn bị đổ bộ quân Mỹ vào miền Nam. Tướng Nguyễn Khánh đã làm họ thất vọng. Nay họ cần có một chính quyền mạnh và dễ bảo nhưng khôn khéo hơn tại Sài Gòn để rảnh tay dội bom đạn xuống miền Bắc hồng trừng phạt đưa nó "trở lại thời kỳ đồ đá!" như tuyên bố của viên tướng tư lệnh không quân Mỹ.



Tướng Mỹ Westmoreland

Chị Ngô Bá Thành, một giáo sư luật tôi quen biết có mặt trong cuộc tiếp tân ở sứ quán Mỹ sau đợt bỏ bom đầu tiên xuống miền Bắc, đã diễn tả cho tôi nghe cái không khí lạc quan của quan chức Mỹ. Viên tư lệnh quân Mỹ ở Việt Nam là tướng Westmoreland không che giấu sự vui mừng của mình khi tuyên bố huênh hoang trước đông đủ giới chính khách và trí thức Sài Gòn: "Bắc Việt Nam không thể nào chịu đựng nổi bom đạn Mỹ đâu. Tôi có thể thông báo trước cho quý vị biết rằng chỉ cần mấy ngày nữa thôi là những kẻ cầm quyền ở Hà Nội sẽ quỳ mọp xuống xin đầu hàng không điều kiện!"

Sinh viên chúng tôi dẫu cho mình là ở phe Quốc gia chống Cộng, nhưng không thể không đau lòng trước thân phận của quê hương, dẫu cho đó là miền Bắc hay miền Nam, Cộng sản hay Quốc gia. Người mình hay nói: "Máu chảy ruột mềm!"



Quân Mỹ đốt phá làng xóm Việt Nam

Tôi còn nhớ có một lần đã đụng độ nặng với nhóm chính khách người Bắc di cư chống Cộng lên tiếng ủng hộ hành động bỏ bom miền Bắc của Mỹ hồi năm ngoái. Tôi thì biết rất rõ bọn họ, thường được mệnh danh là các chính khách xôi thịt, chống Cộng bằng mồm, những người chống Cộng đến giây phút cuối cùng, nhưng với xương máu của kẻ khác! Vì bản thân họ thì tìm cách ăn trên ngồi trước trong xã hội Sài Gòn, chuyển tiền bạc sang ngân hàng Thụy Sĩ và đưa con cháu sang Âu, Mỹ du học yên lành! Đến phiên tôi có ý kiến, tôi nói ngay: "Bắc hay Nam đều là người Việt Nam. Tại sao người Mỹ không bỏ bom Trung Cộng hoặc Nga Xô?". Trong một cuộc hội thảo sinh viên sau đó, tôi phát triển thêm ý kiến đó: "Nếu người Mỹ nói rằng cuộc chiến này là do Cộng sản quốc tế lãnh đạo, thì tại sao họ không tiêu diệt nó tận gốc rễ, bằng cách bỏ bom xuống Trung Cộng hoặc Nga Xô?" Sinh viên vỗ tay tán đồng. Trông thâm tâm, mọi người Việt Nam, dẫu có ưa hoặc không ưa Cộng sản, vẫn xem đồng bào Bắc Nam như anh em

một nhà. Có lẽ kể từ ngày đó, tên tôi bị đưa vào sổ bìa đen của cảnh sát, nằm trong danh sách thành phần đáng nghi ngờ.

Việc tôi lánh nạn ở nhà đại tá Wilson (2) là qua sự giới thiệu của giáo sư Ted Britton (3). Tôi biết ông khi tìm mấy người bạn Mỹ có thể tiếp tay cho tập thể sinh viên trong việc cứu lút miền Trung vào cuối năm 1964. Ông giúp chúng tôi liên hệ với cơ quan viện trợ Mỹ USOM xin ủng hộ vật dụng, thực phẩm cứu trợ khẩn cấp cũng như phương tiện đi lại cho các đoàn cứu trợ. Ông ta rất năng động, trông hóm hỉnh với bộ ria mép kiểu Ang-lê, miệng luôn nở nụ cười và nhiệt tình giúp sinh viên. Nghe nói nhà giáo Mỹ này đang làm cố vấn cho trường sư phạm và quen biết cả tướng Nguyễn Chánh Thi khi còn lưu vong ở Phnôm Pênh, nay đang là tư lệnh quân đoàn I ở miền Trung và cả đại tá Wilson đang điều hành cơ quan viện trợ Mỹ USOM.

Lập luận của người cho tôi tá túc là đại tá Wilson dĩ nhiên là đứng trên quan điểm một quan chức cao cấp Mỹ, sâu sắc hơn, tuy cũng quyết liệt chống Cộng sản. Tôi biết rõ ông hơn qua hai tháng trốn tránh ở nhà ông ta. Tình nguyện ở tuổi 17 vào quân đội Mỹ ngay trước Thế chiến II, ông hoạt động chống quân Nhật ở chiến trường Miến Điện. Sau chiến tranh, với cấp bậc đại úy ông quay về đại học. Ông cho biết bản thân mình có mặt ở Đông Âu sôi sục chống Liên Xô giữa những năm 50. Sau chiến tranh, qua các bản tin hạn chế của Thông tấn xã Việt Nam tôi nhìn thấy tên ông là thiếu tướng tùy viên quân sự tại sứ quán Mỹ ở Matxcova, và vào những năm 80 là người đứng đầu ngành tình báo quốc phòng Mỹ DIA.

Ông đến Việt Nam lần đầu tiên vào năm 1963 trong đoàn của bộ trưởng quốc phòng Mỹ McNamara. Vào cuối năm 1964, ông nằm trong đoàn thống tướng Maxwell Taylor khi vị tướng lãnh cao cấp này được cử giữ chức vụ đại sứ Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Vào lúc đó ông có hai sự lựa chọn trước mặt, hoặc là tư lệnh Lực lượng Đặc biệt Mỹ hoặc giám đốc điều hành cơ quan USOM. Ông đã chọn chức vụ sau. Tại nhà ông, tôi đã từng gặp gỡ những con người như John Paul Vann (sau này nổi tiếng như cố vấn Mỹ khá xông xáo tại Quân đoàn II) và Daniel Ellsberg (viên chức Mỹ đã tiết lộ Tài liệu mật Lầu Năm Góc).

Ông không giấu giếm và nhìn nhận là người Mỹ bó buộc phải đưa quân đội mình vào miền Nam và bỏ bom miền Bắc là do tình hình quân sự miền Nam diễn biến quá tồi tệ suốt hai năm qua. Chính quyền và quân đội Sài Gòn đã ở trên bờ vực sụp đổ vào cuối năm 1964. Người Mỹ không muốn nhìn thấy con bài domino tiền tiêu của mình ở Đông Nam Á bị sụp đổ. Ông ta lập luận y hệt như những nhà lý luận Chiến tranh Lạnh kinh điển phương Tây thời đó: "Chúng tôi muốn giữ được miền Nam Việt Nam trong Thế giới Tự do, đánh bại Cộng sản, ngăn chặn làn sóng Cộng sản châu Á ở ngay tại đây, không cho nó lan tràn khắp vùng Đông Nam Á". Nhất thiết phải củng cố chế độ Quốc gia Sài Gòn và không chấp nhận những xáo trộn chính trị nào nữa. Ông ta khiêm tốn không nói rõ mình là ai, nhưng tôi cho rằng ông ta là một trong những quan chức xuất sắc và quan trọng nhất của chính quyền Mỹ gửi sang Việt Nam. Các công việc ông kể cho tôi nghe xác định điều đó.

"Chúng tôi đã đích thân gặp tổng thống Ngô Đình Diệm hồi đầu năm 1963 nhằm thuyết phục ông ta thực hiện những thay đổi cần thiết, nhưng ông ta đã không làm nên kết cục là như vậy". Nay Wilson đến Việt Nam trong nhóm của tướng Taylor (4), nguyên Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân Mỹ, đảm nhiệm vai trò vừa là đại sứ lẫn "đặc sứ toàn quyền" đảm nhiệm việc phối hợp mọi nỗ lực can thiệp quân sự của Mỹ ở Việt Nam. Với vai trò trưởng ban điều hành tổ chức USOM, Wilson là một trong những viên chức Mỹ cao cấp nhất ở Việt Nam.

Tôi biết thêm một số ý đồ của người Mỹ trong chiến tranh Việt Nam. Wilson thổ lộ: "Đối với người Mỹ, Việt Nam không quan trọng gì về mặt kinh tế, nhưng tối cần về mặt chiến lược. Mục tiêu chiến lược của Mỹ tại Việt Nam là ngăn chặn sự bành trướng của Trung Hoa Cộng sản tại châu Á." Và ông nói lấp lửng: "Nếu Hồ Chí Minh cũng giống như một Tito tại châu Á, có lẽ chúng tôi đã giao cho ông toàn bộ Việt Nam rồi!". Ông ta muốn nói đến Chủ tịch Tito ở nước Nam Tư cộng sản, nhưng đã chống lại Stalin và giữ lập trường trung lập trong Chiến tranh Lạnh. Đây là một điều mới lạ tôi nghe được từ miệng một quan chức Mỹ vào đầu năm 1965.

Về phần tôi, Wilson mong muốn được gửi tôi sang Mỹ lấy các bằng cấp cao hơn. Ông ta nói rằng tôi đã là một sinh viên tên tuổi ở Sài Gòn, lại biết được cả tiếng Anh lẫn tiếng Pháp. Ông nghĩ tôi phải thuộc lớp lãnh đạo mới của Việt Nam có thể làm việc và am hiểu được người Mỹ, chứ không phải các viên chức Việt Nam Cộng hòa chỉ nói được tiếng Pháp, tuy ông ghét cay ghét đắng mà vẫn phải làm việc với họ hàng ngày. Tôi đang phải trau chuốt tiếng Pháp cho ông ta hàng đêm. Ông đề nghị thẳng thừng: "Anh có thể chọn bất kỳ đại học Mỹ nào để lấy bằng tiến sĩ trong vòng vài năm. Tôi sẽ điện ngay cho Bùi Diễm để dàn xếp việc này". Bùi Diễm (5) đang là Bộ trưởng Phủ Thủ tướng của chính phủ dân sự Phan Huy Quát vừa mới lên thay thế tướng Nguyễn Khánh.

Tôi thực sự bối rối trước đề nghị du học bất ngờ này. Vấn đề không phải đơn giản, tôi phân vân giữa hai lựa chọn: Đi hay ở? Sau hai năm tham gia hoạt động sinh viên, xuống đường cũng lắm mà đấu tranh nội bộ cũng nhiều, nhưng tất cả đều không dẫn đến đâu, còn tương lai của bản thân thì mờ mịt. Thú thật tôi có nhiều tham vọng chính trị, nhưng cho đến lúc đó tôi vẫn chưa gia nhập vào một tổ chức tôn giáo hoặc đảng phái chính trị, cũng như theo một tướng lãnh hoặc chính khách nào. Phải nói là không khó cho tôi tìm một vị thế chính quyền với tư thế một sinh viên từng có tiếng tăm như tôi. Phải chăng tôi quá tự kiêu và không phục một lãnh tụ Quốc gia nào, dẫu cho đó là tướng lãnh, chính khách hay lãnh tụ tôn giáo. Nhưng rõ ràng là từ trong thâm tâm, tôi nhìn thấy họ thật không xứng đáng. Nhưng nay thì thời gian không còn nữa để tôi mãi chần chừ. Với đà leo thang chiến tranh kiểu này thì tôi sẽ sớm bị đẩy vào quân đội. Chấp nhận du học, ít ra tôi cũng được mấy năm an bình ở nước ngoài. Và về nước thì cũng cầm chắc một địa vị cao trong xã hội. Phải chăng đây là một cơ hội nghìn vàng cho một thanh niên trung lưu thành thị vào thời điểm 1965 ở Sài Gòn.

Tuy vậy trong tận đáy lòng, tôi nghe như vang lên một tiếng nói khác của lương tâm của một con dân Việt biết tự trọng. Bản thân tôi không muốn mình mang tai tiếng là những Trần Ích Tắc, Lê Chiêu Thống từng bị nghìn đời nguyền rủa trong lịch sử dân tộc.

Và thật lạ lùng, tôi liên tưởng ngay đến cuốn phim Spartacus (6) mới chiếu, nhìn thấy mình trong hình ảnh một thiếu niên nô lệ trong phim. Tuy tôi thích diễn viên Mỹ Kirk Douglas trong vai Spartacus hơn, nhưng vai chàng thiếu niên nô lệ lại hợp với tâm trạng của tôi lúc này. Người nô lệ nhỏ tuổi đang phục vụ cho vị tướng La Mã tư lệnh đoàn quân chinh phạt đám nô lệ nổi loạn. Tôi vẫn còn nhớ rất rõ cảnh vị tướng La Mã dẫn tên nô lệ lên sân thượng tòa lâu đài để chỉ cho xem sức mạnh của đội quân La Mã trùng trùng điệp điệp ngày mai đây sẽ nghiền nát đạo quân ô hợp của chàng giặc đầu nổi loạn Spartacus. Viên tướng hứa sẽ đem lại một tương lai tươi sáng cho nó nếu tỏ ra trung thành với người La Mã. Vào đêm đó, chàng nô lệ trẻ tuổi quyết định bỏ trốn sang hàng ngũ Spartacus để tham gia vào trận đánh vô vọng cuối cùng, cái chết cầm chắc trong tay. Tình trạng của tôi bấy giờ cũng giống như cậu bé nô lệ trong phim, nghe theo tiếng nói của lương tâm mình. Nếu đề nghị du học đó mà được đưa ra mấy năm trước thì tôi dễ dàng chấp nhận. Nhưng rõ ràng là tôi không thể chấp nhận nó vào lúc này, vào một thời điểm mà quân Mỹ đang ào ạt đổ lên miền Nam và bỏ bom miền Bắc Việt Nam.

Chính vào lúc bối rối đó, Nguyễn Xuân Lộc, người bạn sinh viên cao học toán cùng năm với tôi trong tù đã đến giúp tôi tìm câu trả lời. Nay chúng tôi thường gặp nhau tiếp tục bàn thảo về những vấn đề còn dang dở nêu lên trong nhà tù. Anh là người chúng tôi thường gọi đùa là chàng "Bắc kỳ di cư chống Cộng"! Vào năm 1954, gia đình Lộc vẫn ở lại Hà Nội, chỉ có anh được gửi theo gia đình một người quen vào Nam để tìm cách đi du học Pháp. Gia đình này làm ăn bị phá sản và mộng đi Pháp học của anh đổ vỡ. Lộc tích cực đấu tranh chống Diệm và được bầu làm chủ tịch sinh viên khoa học. Tôi thích lối lập luận rất logic toán học của anh. Cả hai chúng tôi nay không còn ảo tưởng về tự do dân chủ, cách mạng do mấy chính khách Quốc gia đưa ra, càng không tin tưởng gì các chính quyền nối tiếp nhau sau Diệm.

Lộc kết luận dứt khoát: "Chúng mình không thể cứ chạy theo những kẻ cơ hội tôn giáo như Tâm Châu lên đường xuống đường mãi, vì bản thân bọn họ chả có lý tưởng gì rõ ràng, chỉ toàn tham vọng, quyền lợi cá nhân. Và cũng thật mất thì giờ nếu cứ để mình rơi vào những xung đột

nội bộ giành quyền lãnh đạo sinh viên chả đưa chúng ta đi tới đâu. Hiện nay trước mắt chúng mình chỉ còn rất ít sự lựa chọn. Hoặc dám quyết tâm gia nhập Mặt trận Giải phóng để chiến đấu một cách nghiêm chỉnh. Hoặc quay trở lại học hành đảng hoàng". Lộc không nói ra, nhưng chắc anh cũng không quên rằng với đà leo thang chiến tranh kiểu này, không sớm thì chầy thanh niên miền Nam rồi cũng sẽ bị đẩy vào quân đội hết! Tôi rời nhà viên đại tá Mỹ và cố tình không nhắc gì đến vụ du học nữa.

5. Một thế hệ ảo tưởng

Suốt thời gian 1964-1965, giai đoạn sau ngày chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ, không phải chỉ riêng bản thân tôi mà cả lớp tuổi trẻ trí thức thành thị miền Nam cũng rơi vào tình trạng lúng túng trong đường hướng hoạt động. Chúng tôi có khá nhiều ảo tưởng và tin tưởng vào lắm huyền thoại. Những người trong hàng ngũ Phật giáo đề xuất giải pháp đấu tranh bất bạo động, người trẻ phe quốc gia còn tin tưởng vào sự hợp tác với Mỹ, nhiều người khác cho rằng họ có thể tranh đua với Cộng sản trong công cuộc cách mạng xã hội. Nhưng mọi người rồi cũng nhanh chóng không còn ảo tưởng nữa khi quân Mỹ ngày càng có mặt đông đảo và cuộc chiến leo thang ác liệt.

ình hình đã sáng sủa trở lại khi các tướng lãnh trẻ gây sức ép buộc tướng Nguyễn Khánh rời khỏi Việt Nam. Tôi rời nhà đại tá Wilson đến trú ngụ tại nhà giáo sư Ted Britton. Vào cuối năm 1964, ông về Washington vận động việc thành lập "Chương trình Thanh niên Công tác Hè" (Summer Youth Program). Ông yêu cầu tôi tiếp tay giúp ông.

Tôi ở đây với hai mục đích: Trước hết là để biết thêm về giáo sư Britton, thứ hai là tìm cách bắt liên lạc với Mặt trận Giải phóng (sau quyết định ra chiến khu với bạn Nguyễn Xuân Lộc ở nhà đại tá Wilson).

Vào cuối năm ngoái, giáo sư Britton đã mời một nhóm người hoạt động thanh niên, đề nghị họ cùng hiệp lực nhau lên một phương án hoạt động xã hội phối hợp chung vào dịp Hè 1965.

Phải nhìn nhận rằng vào thời điểm này nhiều sinh viên đã chán ngán việc xuống đường đấu tranh và mong muốn làm một công tác gì cụ thể giúp ích xã hội, đến được với lớp người cùng cực. Phong trào làm công tác xã hội kiểu như đợt cứu trợ miền Trung vừa qua hấp dẫn lớp trẻ. Họ cảm thấy được trực tiếp tham gia vào một công cuộc to lớn mang tên "cách mạng xã hội" mà từ sau ngày lật đổ Diệm người ta nói đến rất nhiều.

Vì sao công tác xã hội lại hấp dẫn lớp trẻ thành thị lúc đó? Thứ nhất là sinh viên luôn được thuyết phục đóng góp phần mình trong cuộc chiến đấu chống lại nạn đói nghèo và chậm tiến của người nghèo đô thị trong các khu nhà ổ chuột ngày càng xuất hiện nhiều theo đà leo thang cuộc chiến. Sau ngày lật đổ Diệm, người ta nói nhiều về cách mạng xã hội, xem như cơ hội cuối cùng của phe Quốc gia trong cuộc chiến tranh ý thức hệ này. Thanh niên thành thị mong muốn tham dự vào sách lược xã hội to lớn này. Thứ hai là sau hai năm xuống đường đấu tranh do Phật giáo lãnh đạo và kiểu tiến hành chiến tranh của nhóm tướng lãnh Sài Gòn rõ ràng không phải là giải pháp cho một cuộc chiến cách mạng. Đặc biệt vào năm 1964 xuất hiện rất nhiều nhà lý luận về đề tài này. Tất cả đều nhấn mạnh vào sự cần thiết phải tìm kiếm một đường lối chống Cộng hữu hiệu hơn, bằng cách kéo những người nghèo từ tay người Cộng sản về mình. Họ chủ trương "chiến đấu chống Cộng sản với người nghèo, cho người nghèo!"



Giáo sư Lý Chánh Trung

Các giáo sư Công giáo theo khuynh hướng tiến bộ của đại học Sài Gòn như Nguyễn Văn Trung, Lý Chánh Trung (1) tuyên bố rằng trong 10 năm qua, chính quyền Sài Gòn là "chính quyền của người giàu", kể từ Ngô Đình Diệm đến các tướng lãnh ngày nay. Các chính khách đảng phái Quốc gia lẫn tướng lãnh bất tài và tham nhũng kiểu cũ khó lòng mà chiến thắng Cộng sản. Hai ông Trung đều cho rằng: "Trong thế giới chậm phát triển, vấn đề cách mạng xã hội là một vấn đề sinh tử, một vấn đề danh dự". Họ nói đến những mẫu hình cách mạng như Algeria, Ai Cập với các lãnh tụ cách mạng dân tộc vừa giữ được vị thế trung lập đối với cả phương Tây lẫn phe Xã hội chủ nghĩa. Họ hô hào một dạng "Chủ nghĩa Xã hội Dân tộc không Cộng sản". Tuy vậy các ông cũng đang bối rối trước sự có mặt ngày càng đông đảo của quân Mỹ ở Việt Nam và còn rất mơ hồ trong việc đưa ra các giải pháp và hành động cụ thể.



Giáo sư Nguyễn Văn Trung hôm nay

Bên phía Phật giáo cũng có Thầy Nhất Hạnh (2), tốt nghiệp đại học nổi tiếng Princeton ở Mỹ về, từng tích cực trong phong trào Phật giáo chống Diệm ở nước ngoài, cũng nhấn mạnh: "Nếu chiến tranh cứ kéo dài như kiểu này với các tướng lãnh thì trước sau gì người Cộng sản cũng chiến thắng!" Ông chủ trương lớp trẻ phải tham gia tích cực vào công tác xã hội. Ông đã thăm viếng Philippines và bị ấn tượng nhiều về Phong trào tái thiết nông thôn diễn ra ở đó, nên khi về Sài Gòn đã tập trung xây dựng một trường đào tạo cán bộ công tác xã hội Phật giáo. Nhưng phải chăng bản thân ông ta cũng hết ảo tưởng khi quân Mỹ ào ạt tràn lên đất nước. Vào cuối năm đó, Nhất Hạnh xuất bản tập thơ hòa bình đầu tiên mang tên: "Chấp tay nguyện cầu cho bồ câu trắng hiện!"



Thượng toạ Thích Nhất Hạnh

Tôi cũng bị cuốn hút về hướng đó, từ những năm dưới thời Diệm. Trước hết, tôi bị ấn tượng sâu sắc về hình ảnh "những biên giới mới" do tổng thống Kennedy phát động cho giới trẻ Mỹ vào đầu các năm 60 và nghiên cứu hoạt động của Đoàn Hoà bình Mỹ tại các nước nghèo của Thế giới thứ ba. Tôi cũng tán phục các tổ chức Kibbutz (làng sản xuất và chiến đấu) của thanh niên Do Thái quay về định cư trên vùng đất mới và cả Phong trào Tái thiết Nông thôn của Jimmy Yen tại Philippines trong những năm 50. Tôi đã viết nhiều bài báo kêu gọi sự tham gia thiết thực của thanh niên thành thị vào một phong trào có thể xóa đi các căn bệnh của chậm phát triển, đó là các nạn đói nghèo, lạc hậu, mù chữ và nền hành chính yếu kém. Ngay sau ngày lật đổ Diệm, tôi đã viết báo nói rằng thanh niên sinh viên Sài Gòn nên tổ chức thành nhiều nhóm đa ngành, cùng tham gia công tác xã hội cụ thể tại nông thôn, xem như một đóng góp tích cực của tuổi trẻ vào cuộc chiến đấu to lớn, làm cuộc cách mạng xã hội do chính Hội đồng Quân nhân Cách mạng mới lật đổ Diệm đề ra.

Tuy vậy vào năm 1965, chính bản thân tôi lại rơi vào một tình trạng hoàn toàn mâu thuẫn. Với tư thế là chủ biên, tôi viết hai bài có lập trường trái ngược nhau trong số báo ra mắt Lên Đường, tiếng nói của Chương trình Công tác Hè (chương trình công tác xã hội phối hợp do giáo sư Britton đề xướng). Một bài thì kêu gọi thanh niên Sài Gòn lên đường làm cách mạng xã hội, còn bài kia lại lên án Mỹ xâm lăng Santo-Domingo, một nước ở Trung Mỹ vào thời điểm đó.

Trong bài đầu, tôi đi xa hơn khi yêu cầu chính quyền giao trách nhiệm cho sinh viên tự tổ chức những đoàn người tình nguyện tấn công vào những căn bệnh xã hội của miền Nam. Tôi nêu lên những gương mẫu Đoàn Hoà bình Mỹ, thanh niên Kibbutz Do Thái, Phong trào Tái thiết Nông thôn Philippines. Tôi viết tiếp: "Chỉ sử dụng sức mạnh quân sự mà thôi thì không thể thắng trong cuộc chiến tranh này. Thanh niên phải tấn công vào những biên giới của đói nghèo, lạc hậu, bệnh tật và hành chính yếu kém". Tôi còn đề xuất việc thành lập các đội sinh viên hoạt động gồm nhiều ngành nghề khác nhau quay về nông thôn tham gia ba cùng (cùng ăn, cùng ở, cùng làm) với nhân dân, nhằm nâng cao đời sống lẫn ý thức chính trị của người dân. Thanh niên thành thị sẽ giúp xóa đói nghèo với các kỹ thuật canh tác mới, xóa nạn mù chữ, cung ứng dịch vụ y tế, và đem đến cả những kiến thức cơ bản về pháp luật và quy định hành chính. Thanh niên trí thức phải trở thành cán bộ của xã hội mới. Và thật là nguy hại vì không biết là vô tình hay cố ý, chính những ý tưởng này trùng hợp với sự hình thành các đội Bình định nông thôn ác ôn và biến các nhà giáo trẻ thành công cụ lừa sinh viên học sinh vào "Chương trình Thanh niên Phụng sự Sinh hoạt Học đường" (CPS) kiểm soát mọi cấp sinh hoạt học đường!

Các nhóm thanh niên trí thức tôn giáo còn đi xa hơn khi tiếp tay với nội các chiến tranh Nguyễn Cao Kỳ. Nhóm thanh niên trí thức Công giáo với kỹ sư Võ Long Triều (người thân cận của giám mục Sài Gòn Nguyễn Văn Bình) xin đứng ra đảm trách luôn hoạt động của bộ Thanh niên. Còn nhóm thanh niên Phật giáo với tiến sĩ Trần Quang Thuận (cố vấn thân cận của thượng tọa Thiện Minh, người phụ trách lực lượng thanh niên của giáo hội Phật giáo thống nhất) thì phụ trách bộ Xã hội. Một nhóm bạn bè tôi quen biết đã được giao quản lý cả một quận 8 nằm ở giáp ranh Rừng Sát. Theo báo cáo mật của người Mỹ sau này thì quận 8 đã thành công xây dựng một quận hành chính gương mẫu về mặt hoạt động xã hội và sinh hoạt thanh niên cũng như "triệt hạ" được tổ chức hạ tầng Việt Cộng trong khu vực! Chính phó tổng thống Mỹ Humphrey khi thăm viếng Sài Gòn đã đến đó quan sát và khen ngợi.

Có lẽ bài báo thúc giục thanh niên lên đường làm cách mạng xã hội đã làm hài lòng những quan chức Mỹ tài trợ cho Chương trình Hè. Nhưng họ rất bất bình về bài báo sau. Bài báo đã thực sự gây chấn động như một quả bom nổ trong giới quan chức Mỹ. Tôi viết về vụ quân đội Mỹ xâm lược nước Santo-Domingo tại vùng Trung Mỹ. Tôi lấy tài liệu trong báo sinh viên quốc tế mới gửi cho, nói rõ về việc người Mỹ nhân danh tự do dân chủ đã đưa quân lên hòn đảo để lật đổ một chính quyền do dân bầu lên nhưng bị gán là thiên tả và thay thế bằng một chính quyền bù nhìn thân Mỹ. Tất cả màn kịch đẫm máu đó đều do một tay viên đặc sứ Bunker (sau này làm đại sứ Mỹ ở Sài Gòn) dàn dựng. Đây là một sự vi phạm trắng trợn chủ quyền dân tộc của một quốc gia độc lập!

Bài báo gây cú sốc cho những người Mỹ liên quan đến Chương trình Công tác Hè, từ các thành viên IVS đến các quan chức USOM, vì lúc đó đúng là thời điểm quân Mỹ đang đổ quân lên Đà Nẵng trực tiếp tham chiến ở miền Nam Việt Nam. Như vậy là cả người Mỹ lẫn người Mặt trận Giải phóng vào thời điểm đó không biết tôi là ai, đứng về phe nào nữa?

Mùa hè năm đó, tôi có nhiều dịp tham gia các trại công tác xã hội chung quanh Sài Gòn. Cảnh tượng trại tỵ nạn An Phú Đông làm tôi bi quan hơn và cảm thấy công tác xã hội rõ ràng là không có tác dụng gì trong cuộc chiến hủy diệt này. Chúng tôi đi xây dựng mấy ngôi nhà, đắp con đường, đào vại hố vệ sinh cho người dân quê bị bom đạn Mỹ lừa về đây. Chính các công việc đó càng khuyến khích quân Mỹ và Sài Gòn tiếp tục giết chóc và phá hủy. Tôi ghi lại trong nhật ký của mình: "Chúng ta không thể nói hời hợt rằng mình đã làm cách mạng xã hội khi thực hiện một số việc trong một hai ngày, rồi ca hát, hót tót, phát bánh kẹo cho trẻ em, khám bệnh phát thuốc cho vài người. Những thanh niên thành thị như chúng ta chưa vượt qua cái

ranh giới đi công tác từ thiện...".

Tôi đã nhìn thấy trong mắt người tỵ nạn chưa hết nỗi kinh hoàng bom đạn, họ thụ động nhìn chúng tôi làm việc, ai nấy đều quần jeans áo thun kiểu đi picnic, như những kẻ xa lạ. Tôi biết không ít thanh niên đã lợi dụng các chương trình công tác xã hội kiểu này để lo cho cá nhân mình. Nhiều người nhờ công tác xã hội học đường mà được miễn đi lính hoặc có đi lính cũng sớm được biệt phái khỏi phải ra chiến trận. Người khác thì qua đó tìm cách xin học bổng du học, đi tham quan Mỹ. Sau này khi nội các chiến tranh của Nguyễn Cao Kỳ thành lập các toán "Bình định nông thôn", nguồn cán bộ đào tạo lấy từ các sinh viên công tác xã hội loại này.

Phong trào hoạt động mang danh nghĩa cách mạng xã hội thật ra đã từng gây tranh luận trong hàng ngũ sinh viên và trí thức Sài Gòn. Giáo sư Nguyễn Văn Trung tỏ thái độ dứt khoát về ảo tưởng này khi cho rằng cách mạng xã hội là điều cần thiết cho xã hội miền Nam nhưng không thể làm với người Mỹ và kết luận: "Thực là một điều vô ích và mất thì giờ nói về cách mạng xã hội với những đảng phái Quốc gia hoặc người Mỹ. Cuộc chiến tranh của Mỹ hiện nay có những điểm giống với cuộc chiến tranh của Pháp lúc trước". Ông khẳng định tiếp: "Chính nghĩa dân tộc ngày càng rơi vào tay Mặt trận Giải phóng. Làm cách mạng xã hội với người Mỹ hoặc nói là lợi dụng người Mỹ để thực hiện nó là một điều không tưởng!"

Vào mùa hè năm đó, bản thân tôi sẽ rơi vào ngõ cụt không lối thoát nếu còn tiếp tục theo đuổi những hoạt động mâu thuẫn kiểu này. Nguyễn Xuân Lộc lại ghé thăm tôi và chúng tôi cùng ngồi lại bàn thảo nghiêm chỉnh vấn đề. Cuối cùng đi tới kết luận là không thể nào đợi chờ gì nữa, đã đến lúc phải chọn một hướng đi mới cho các hành động của mình. Chúng tôi đồng ý rằng chỉ tạo thêm ảo tưởng khi tập trung vào công tác xã hội giữa lòng cuộc chiến tranh.

Chúng tôi nhìn lại quá khứ và xác định rõ hơn lập trường của mình: Chính sách đàn áp của Ngô Đình Diệm đã tạo ra sự phản kháng ở nông thôn và gây mất niềm tin nơi người dân thành phố là chỗ dựa của chế độ. Sự dấn lú của người Mỹ càng làm trầm trọng thêm các mâu thuẫn trên. Sự can thiệp vũ trang trực tiếp của họ lúc này mang nhiều yếu tố của cuộc chiến tranh thuộc địa của Pháp, chỉ càng làm bùng lên ý thức chống Mỹ khắp cả nước, từ thành thị đến nông thôn. Cách mạng xã hội không thể thực hiện trong một nước không có chủ quyền, vì cách mạng xã hội không phù hợp chút nào với quyền lợi của người Mỹ. Và cũng là một điều phi lý khi đòi người Mỹ thực hiện tự do dân chủ và cách mạng xã hội.

Lộc có lối lập luận thật logic của một nhà toán học: Lúc này chủ quyền dân tộc không còn, chính nghĩa dân tộc không còn nằm bên phe Quốc gia nữa. Sinh viên chúng mình thì không thể lãnh đạo cách mạng, giỏi lắm chỉ làm được vai trò ngòi pháo đấu tranh, chứ không phải là những người làm cách mạng. Thực hiện được cuộc cách mạng chân chính ở Việt Nam, những người làm cách mạng thực sự lúc này là những người của Mặt trận Giải phóng. Chúng mình cũng không thể ngồi yên hoặc bình thản học hành vào lúc này, mà phải tích cực tham gia vào cuộc chiến đấu, và phải chọn thế đứng về phía Mặt trận Giải phóng.

Tôi tìm cách liên hệ với phía Mặt trận Giải phóng. Một người bạn giúp tìm đầu mối và thăm dò khả năng chúng tôi có thể ra chiến khu. Tôi nhận được câu trả lời thuận lợi. Hình như phía Mặt trận Giải phóng cho rằng đây là một thắng lợi nếu lôi cuốn được các thủ lĩnh sinh viên Sài Gòn ra khu. Chúng tôi được lệnh sẵn sàng lên đường. Người ta dặn chỉ nên đem theo những gì thật cần thiết cho cá nhân mà thôi. Tôi chọn vài bộ quần áo, đồ dùng vệ sinh, hộp kim chỉ và mua luôn một chiếc xe đạp cũ. Bỗng nhiên vào giờ chót, không biết vì có gì mà chúng tôi được lệnh phải đợi và chờ tin mới. Không còn cách nào khác hơn là chờ đợi, nhưng tôi rất bối rối và lo lắng. Phải làm gì đây khi mà sự chờ đợi ngày càng kéo dài và những người móc nối chúng tôi cũng biệt tăm luôn? Một người bạn gợi ý thực hiện một chuyến thăm viếng miền Trung, tôi đồng ý. Tôi bay ra Huế vào tháng bảy năm 1965. Trên danh nghĩa chính thức, tôi đi một vòng quan sát sự phát triển của Chương trình Công tác Hè cùng các công tác xã hội khác tại khu vực Huế, Đà Nẵng và Quảng Nam. Trong thực tế, người bạn đã dàn xếp cho tôi tham quan một vùng Giải phóng ở Quảng Nam. Vậy là bảy năm đã trôi qua nay tôi mới trở lại Huế. Cách đây hai năm,

chính Huế là nơi khởi động phong trào phản kháng đưa đến việc lật đổ Ngô Đình Diệm, viên tổng thống người Công giáo mà gốc gác cũng ở đây. Từ đó, Huế bỗng nhiên trở thành căn cứ địa của phe Phật giáo đấu tranh. Theo truyền thống thì Huế hướng nội và giữ gìn bản sắc dân tộc hơn là một Sài Gòn thường hướng ngoại và bị ảnh hưởng của phương Tây nhiều hơn. Nhiều bạn học cũ của tôi ở Huế nay giữ các vị thế quan trọng trong phong trào thanh niên sinh viên Phật giáo đấu tranh.

Thành phố vẫn còn sôi động với một đợt chống kháng nội các chiến tranh của tướng Nguyễn Cao Kỳ. Hàng trăm nhà giáo đại học ở tuổi thanh niên cả miền Nam đã tụ tập về đây. Họ đến Huế để tiếp tay với giới giáo chức đại học địa phương chống lại ý đồ của nội các chiến tranh kiểm soát đại học bằng cách động viên lừa tất cả thanh niên giáo chức đại học vào quân đội. Họ vừa tụ tập tại đây thì chính quyền nhượng bộ, tuyên bố tạm thời đình chỉ lệnh động viên. Vậy là mạnh ai về nhà nấy. Phải chăng đó là cách đấu tranh của giới trí thức. Một khi mà quyền lợi được thoả mãn thì họ dễ dàng thỏa hiệp! Tuy vậy, tập thể sinh viên Huế nhân đó tấn công luôn chính quyền quân sự Sài Gòn, đòi họ phải tiến hành tổ chức bầu cử quốc hội, lập lại các định chế dân chủ như đã hứa hẹn từ ngày lật đổ Diệm.

Nhân có mặt một thủ lĩnh sinh viên Sài Gòn, họ mời tôi lên phát biểu tại một cuộc họp đông đảo sinh viên ở giảng đường trường khoa học (rạp chiếu bóng Morin cũ). Tôi nhấn mạnh sự cần thiết phải để cho nhân dân miền Nam được tự do thể hiện quyền của mình thông qua bầu cử tự do. Chủ quyền dân tộc trước tiên phải được tái lập. Chính nhân dân Việt Nam có quyền quyết định về chiến tranh hoặc hoà bình, chứ không phải do ai khác! Cho đến nay, chính quyền luôn rơi vào tay một nhóm tướng lãnh hoặc phe phái chính trị không tên tuổi nào đó, không biết từ đâu tới và hoàn toàn do ngoại bang điều động. Sinh viên Việt Nam chúng tôi quyết không chấp nhận kéo dài một tình hình như vậy.

Ngay tối hôm đó, đài phát thanh BBC của Anh mà nhiều người mình rất thích nghe, đã nói về sự có mặt và lập trường chính trị mới của tôi ở Huế, đặt vấn đề phải chăng đây là dấu hiệu của một đợt phản kháng mới đang hình thành. Họ cũng suy đoán rằng đang có một sự phối hợp hành động chặt chẽ hơn giữa sinh viên Sài Gòn và Huế, một sự kiện chưa bao giờ xảy ra trong các năm gần đây. Bản tin này chắc chắn là không làm hài lòng người Mỹ và các tướng lãnh Sài Gòn.

Ở Huế, tôi đã gặp gỡ nhiều bạn cũ lẫn bạn mới. Nào các bạn học cũ như: Vĩnh Kha, Chủ tịch Đoàn sinh viên Phật tử kiêm luôn Chủ tịch Tổng hội sinh viên đại học Huế; Hoàng Văn Giàu, chủ tịch Đoàn giáo chức trẻ đại học thân Phật giáo. Đó là các lực lượng nòng cốt cho cuộc đấu tranh Phật giáo miền Trung bấy lâu nay. Trong số các bạn mới có Nguyễn Đắc Xuân, một sinh viên Phật tử năng động trong phong trào đấu tranh đồng thời là một nhà thơ có tiếng. Hai anh em họ Hoàng Phủ, một người là nhà giáo dạy triết ở trường Quốc Học tên là Ngọc Tường và người kia là Ngọc Phan, một sinh viên y khoa rất năng động (3).

Tôi dự buổi họp mặt tại Thảo lư, ngôi nhà vườn nhỏ trong thành nội của anh em họ Hoàng. Đây phải nói là một buổi thảo luận phản ánh được tâm tư nguyện vọng của giới trẻ miền Nam lúc đó. Tôi quyết định không nói gì nhiều, cốt lắng nghe lập luận các bên. Tôi nhìn thấy sự có mặt của mấy thanh niên hoạt động ở Sài Gòn. Nào Thế Uyên và nhóm biên tập tờ tạp chí Văn học. Uyên đang ở trong quân đội, chủ bút một tạp chí nhỏ mang tên Thái Độ. Anh là cháu của nhà văn Nhất Linh, một tên tuổi lớn trong nhóm Tự lực Văn đoàn" thời tiền chiến và lãnh tụ Quốc Dân Đảng đã từng giữ chức vụ bộ trưởng ngoại giao chính phủ Hồ Chí Minh năm 1945. Ông ta đã tự sát phản kháng chế độ Ngô Đình Diệm năm 1963.



Hoàng Phủ Ngọc Tường trong đoàn giáo chức, sinh viên Huế thách thức chính quyền Sài Gòn

Uyên thành thật thú nhận rằng các đảng phái Quốc gia lẫn tướng lãnh thân Mỹ không thể nào đương đầu nổi cuộc chiến tranh cách mạng. Anh ta đề xuất giải pháp thực hiện một "cuộc cách mạng thực sự do chính những người trẻ lãnh đạo". Anh ta nói thao thao bất tuyệt về các lập luận làm cách mạng xã hội trong vòng tay người Mỹ đang thời thượng ở Sài Gòn, một ảo tưởng lớn! Tôi có thể dễ dàng bác bỏ từng điểm một của lập luận đó, nhưng không nói ra. Ngọc Phan nóng mặt phản pháo ngay: Một cuộc cách mạng thực sự đòi hỏi phải có chủ quyền dân tộc và một chính quyền độc lập. Đó là những cái mà hiện tại chúng ta đâu có. Người Mỹ thì có mặt ngày càng nhiều trên đất nước. Vấn đề chính yếu bây giờ là phải có chủ quyền dân tộc.

Ngọc Tường thì ôn hòa hơn, còn tin tưởng vào một số giải pháp nhân văn mang tính bất bạo động Phật giáo cho cuộc xung đột nhưng cũng thất vọng về leo thang chiến tranh của người Mỹ và sự kiện chính quyền tướng lãnh Sài Gòn ngày càng nhượng quyền cho người Mỹ.

Khi bàn về vấn đề Phật giáo đấu tranh đòi thực hiện dân chủ qua bầu cử, Ngọc Phan cho rằng đó là biện pháp nửa vời của những phần tử cơ hội chủ nghĩa trong Phật giáo. Nhiều anh em thất vọng về diễn tiến đấu tranh của phong trào Phật giáo hiện nay. Nếu khởi đầu chống Diệm, Phật giáo đã được tổ chức, đoàn kết và lãnh đạo tốt bao nhiêu thì nay đã chia năm xẻ bảy. Nhất là ở Sài Gòn, họ chia phe phái xung đột lẫn nhau, người Phật tử không biết hướng về đâu. Tôi chỉ đồng ý với ý kiến của Thế Uyên cho rằng cuộc chiến Việt Nam đã rẽ sang một bước ngoặt mới khi người Mỹ trực tiếp đổ quân lên. Cuộc chiến Việt Nam đã biến thành một phần của xung đột quốc tế không dễ dàng giải quyết giữa người mình với nhau, như Phật giáo mong muốn. Nhưng tôi lại cho rằng Ngọc Phan có lý khi nói rằng cần đặt lại vấn đề từ gốc rễ, khởi đầu với chủ quyền quốc gia dân tộc.

Nhóm thanh niên từ Sài Gòn đến thì cho rằng phải đánh Cộng sản trước, nhưng cuộc chiến đấu phải do những người lãnh đạo tốt hơn là nhóm tướng lãnh hiện nay. Họ cho rằng nay vẫn còn nhiều lãnh tụ quốc gia có năng lực có thể đảm nhận vai trò lãnh đạo quốc gia. Có lẽ họ muốn nói đến những người Quốc Dân Đảng, Đại Việt được gài vào guồng máy các cấp. Họ hy vọng lợi dụng được người Mỹ để thực hiện cuộc cách mạng xã hội đồng thời chiến đấu chống Cộng sản. Phải chăng đây lại là một ảo tưởng khác của thể hệ mới của phe Quốc gia Sài Gòn. Tôi không muốn gây nghi ngờ khi bày tỏ công khai ở nơi đây những điều mình thực sự suy nghĩ, chỉ thấy mình tán đồng với ý kiến của Ngọc Phan là: "Ưu tiên của mọi cuộc đấu tranh lúc này là chủ quyền dân tộc, trước khi chúng ta muốn đặt các vấn đề khác".

Cuối cùng, chúng tôi bàn về tình trạng Phật tử đấu tranh Huế. Tuy lập trường của tôi khác biệt với người Phật giáo tin tưởng vào giải pháp bầu cử, tôi vẫn nhìn thấy họ là một lực lượng quần chúng đô thị đáng chú ý. Dầu sao cho đến nay họ vẫn còn ý thức đặt vấn đề chủ quyền dân tộc cũng như chưa liên hệ nhiều với quyền lợi Mỹ, không giống như các chính khách hoặc phe Phật giáo Tâm Châu người Bắc di cư ở Sài Gòn. Tuy vậy, phong trào đấu tranh Phật giáo ở Huế đang thực sự đứng trước ngã ba đường.

Sau ngày Diệm bị lật đổ, nhân dân không mấy hy vọng vào đám tướng lãnh đảo chính mà nhìn về phía phong trào Phật giáo miền Trung, với vị thượng tọa bí ẩn và uy tín Trí Quang cùng những đồ đệ của ông ở đại học Huế (4). Cơ quan ngôn luận của họ là tuần báo Lập trường, mà ai cũng muốn đọc và theo dõi. Tuy vậy, lập luận của nó nhiều lúc rất mâu thuẫn nhau, có lẽ vì lý do chiến thuật, nặng về lập trường dân tộc, nhưng cũng tỏ ra chống Cộng và thân thiện với Mỹ. Ban biên tập gồm toàn các giảng viên Phật tử trẻ ở Đại học Huế như Cao Huy Thuần, Tôn Thất Hanh, Lê Tuyên, Hoàng Văn Giàu...

Họ rất tự hào về vai trò tiên phong trong cuộc đấu tranh chống Diệm và chủ trương phục hồi bản sắc dân tộc Việt Nam. Họ thường phê phán Sài Gòn, cho rằng thành phố này chịu ảnh hưởng quá nhiều của phương Tây và họ còn đi xa hơn khi gợi ý nên chuyển chính quyền trung ương miền Nam về cố đô Huế. Những điều đó đã từng gây nên trận bút chiến giữa Sài Gòn và Huế. Trong thực tế, họ có đầy đủ lý do để mà hãnh diện vì họ thuộc thể hệ những người Quốc gia trẻ tuổi hơn ở miền Nam không dính dáng gì đến quá khứ thuộc địa Pháp hoặc Mỹ giống

như hầu hết những lãnh tụ Quốc gia già nua hoặc tướng lãnh Sài Gòn. Họ ý thức được vai trò mới của họ trong tình hình hiện tại của miền Nam. Tuy vậy, một khi cần phải đưa ra các giải pháp cho cuộc chiến, họ lại chỉ đưa ra được giải pháp kinh điển, nào là bầu cử quốc hội, lập lại các định chế dân chủ, điều mà cả Mỹ, Sài Gòn và cả Mặt trận Giải phóng đều không mong muốn vào giai đoạn này. Ví như tờ Lập Trường vào tháng 4 năm 1964 phải chăng đã ngây thơ khi kêu gọi: "Nước Mỹ phải làm hết sức mình để giúp người Việt Nam thành lập một chế độ thực sự dân chủ!"

Vào lúc tôi ra Huế giữa năm 1965, Thượng tọa Thích Trí Quang còn là nhà lãnh đạo nổi bật. Ông từng là một nhà lãnh đạo trẻ cách tân Phật giáo Việt Nam từ những năm 1940 và năng nổ trong phong trào đấu tranh chống Diệm. Ông cũng là một người yêu nước nhiệt thành thường bị các phe phái chống đối cho là có tham vọng muốn biến Phật giáo thành quốc giáo và luôn chủ trương đòi tái lập chủ quyền quốc gia. Một nhà báo Pháp đã đưa ra nhận xét: "Trí Quang là một người Việt chân chính, đó cũng là điểm mạnh lẫn điểm yếu của ông ta!" Có vẻ như nhà báo Pháp muốn nói đến nhiệt tình của một người yêu nước lẫn tầm hiểu biết giới hạn của một con người chỉ ở trong nước về chính trường quốc tế thời Chiến tranh Lạnh.



Thượng tọa Thích Trí Quang, 1965

Trong thực tế, tình hình chính trị ngày càng tồi tệ hơn sau ngày Ngô Đình Diệm bị lật đổ. Vào năm ngoái, Phật giáo thất bại trong việc chống lại những kẻ theo Diệm còn rơi rớt lại, gồm phần lớn là người Công giáo và cả việc đòi thực hiện bầu cử dân chủ ở các cấp địa phương với phong trào thiết lập các Hội đồng Nhân dân Cứu quốc. Đó là các tổ chức mang tính quần chúng cơ sở do Phật giáo chiếm đa số tại các tỉnh thành lớn ở miền Trung. Tuy vậy, phong trào không thể lan rộng đến Sài Gòn và Đồng bằng Sông Cửu Long. Các hội đồng cứu quốc bị tố cáo là đầy đầy Cộng sản xâm nhập, thù nghịch Công giáo, gây rối loạn và có hành động chống Mỹ và chính quyền Sài Gòn.

Phải nhìn nhận sinh viên Huế có lẽ là những người đầu tiên ở các đô thị miền Nam Việt Nam dám ngang nhiên kéo tới phòng thông tin Mỹ công khai đốt phá để phản đối những tin tức xuyên tạc bôi nhọ phong trào đấu tranh Phật giáo của đài Tiếng nói Mỹ VOA. Tiếp theo là việc săn đuổi tàn dư đảng Cần lao Nhân vị còn trung thành với Diệm và đã từng xảy ra đổ máu. Tại Đà Nẵng, các nhóm Công giáo di cư được người Mỹ vũ trang và huấn luyện để tung ra miền Bắc, phản ứng lại và gây thương tích nhiều người biểu tình Phật giáo. Tình hình diễn ra trông giống như một cuộc chiến tranh tôn giáo đã xuất hiện tại các đô thị miền Trung. Quân đội phải can thiệp để tránh đổ máu thêm nữa.

Lúc này thì những thủ lĩnh Phật tử trẻ tuổi tôi quen biết ở Huế đang bận rộn với chiến dịch vận động bầu cử tự do. Họ thực sự đang rơi vào ảo tưởng nắm chính quyền vào lúc mà Mỹ leo thang chiến tranh và củng cố nội các chiến tranh do tướng không quân cao bồi Nguyễn Cao Kỳ cầm đầu. Tuy vậy, nếu tôi thất vọng với đường lối lãnh đạo Phật giáo chính thống bao nhiêu thì tôi lại lạc quan bấy nhiêu với phần lớn anh em trong phong trào sinh viên Huế, khi nhìn thấy họ tự tin và tràn đầy nhiệt huyết yêu nước. Có lẽ họ đang chờ đợi một thời cơ khác để dẫn thân quyết liệt hơn.

Tôi rời Huế sau một đêm thức trắng nói chuyện với hai anh em nhà Hoàng Phủ. Tôi nghĩ rằng Ngọc Phan có lẽ đã đứng hẳn về phía Mặt trận Giải phóng rồi. Nhưng Ngọc Tường thì vẫn còn

trần trở trong việc tìm kiếm một hướng đi mới. Anh bối rối trước các giải pháp cho miền Nam Việt Nam và có lẽ cũng đang trải qua quá trình "nhận dạng kẻ thù" cam go như chúng tôi ở Sài Gòn suốt cả năm qua. Lớp tiểu tư sản thành thị chúng tôi lúc đó dẫu sao cũng còn e dè về chủ nghĩa và con người Cộng sản. Dù sao anh vẫn là một nhà triết học, không dễ dàng chấp nhận các giải pháp làm sẵn. Tuy vậy, tôi nghĩ hiện nay anh đang bối rối trước sự kiện có mặt ngày càng đông đảo của binh lính Mỹ. Lúc này tình hình không còn sự êm ả của những năm trước khi ta còn có thể ngồi cân nhắc các giải pháp. Tôi nhớ Ngọc Tường từng chủ trương một lập trường Phật giáo mang tính nhân văn và ôn hòa trong việc giải quyết chiến tranh Việt Nam. Tình hình hiện nay không còn cho phép một giải pháp đứng trên hoặc đứng giữa tương tự xuất hiện. Đối với những thanh niên trong phong trào đấu tranh đô thị như chúng tôi, trước mắt nay chỉ còn rất ít sự lựa chọn, hoặc chính quyền Sài Gòn hoặc Mặt trận Giải phóng.

Ngày hôm sau, tôi rời Huế cùng mấy thanh niên IVS Mỹ (5) tham quan vài điểm công tác xã hội trong vùng. Phong trào công tác xã hội do người Mỹ yểm trợ đang hình thành. Các giáo viên đưa học sinh đến công tác tại mấy trại dân tỵ nạn ở ngoại ô Hội An, lúc đó là tỉnh lỵ Quảng Nam. Họ dựng các căn nhà khung sườn bằng gỗ lợp tôn, vắn cột tre, rồi đào vôi vữa mấy cái hố vệ sinh cho những người nông dân bị bom đạn lửa về từ các vùng nông thôn chung quanh. Lính Thủy quân lục chiến Mỹ đã bắt đầu các cuộc hành quân Lùng và Diệt chung quanh Đà Nẵng. Bom đạn đang lửa người nông dân về thành phố, vào các trại tỵ nạn, trong chiến dịch Tát cá khỏi nước của Mỹ.

Trại tỵ nạn này dựng trên một khu đồi cát khô cằn không có một bóng cây, kẽm gai rào chung quanh giống như các trại tập trung, trông thật thê lương. Tôi nhìn thấy rõ những khuôn mặt mệt mỏi và sợ sệt. Không biết họ nghĩ gì về chúng tôi? Có lẽ họ cho rằng đây là mấy quan chức Mỹ và đám thông dịch người Việt đi kiểm tra công tác của nhóm thanh niên học sinh vô công rồi nghề, sinh sống yên lành trong vùng thành thị không có chiến tranh.

Các thanh niên IVS Mỹ cũng không nói gì nhiều. Phần lớn họ là những sinh viên đã tốt nghiệp đại học và tình nguyện làm công tác xã hội ở nước ngoài, đáp lại lời kêu gọi của tổng thống Kennedy tiến về các biên cương mới của đói nghèo và lạc hậu. Khi đã bắt tay vào một việc gì thì họ làm cật lực theo như tính cách Mỹ, hoàn thành tốt công việc được giao. Đó là công tác trung gian điều phối giữa các nhóm công tác xã hội địa phương và phòng đại diện USOM trong khu vực. Tuy họ giữ thái độ im lặng, nhưng tôi nghĩ rằng trong đầu óc họ đã bắt đầu xuất hiện những điều nghi vấn về tình trạng phi lý và mâu thuẫn mà họ đang dính dáng vào. Một mặt thì họ đi cứu trợ những người dân tỵ nạn, mặt khác, bom đạn Mỹ tạo ra người tỵ nạn cho họ chăm sóc!

Chúng tôi phải lên xe về Đà Nẵng sớm vì đoạn đường ngắn chỉ có 20km từ Hội An về Đà Nẵng thường không mấy an toàn cho xe Mỹ. Xe có thể bị du kích bắn tỉa. Về đến Đà Nẵng mà trời vẫn còn sáng. Tôi chào từ giã họ đi tìm một người cần gặp, theo như sự sắp đặt từ Sài Gòn.

II. CHỐNG MỸ

Sự can thiệp quân sự của Mỹ và nhà tù Sài Gòn đã làm thay đổi hẳn cuộc đời tôi, biến tôi từ một thủ lĩnh sinh viên thành một người chiến đấu chống Mỹ trên mặt trận đô thị. Trong suốt mười năm xung đột Mỹ-Việt, từ 1965 đến 1975, chúng tôi đã sát cánh với đồng bào Phật tử yêu nước và người của Mặt trận Giải phóng chống Mỹ và phe quân sự Sài Gòn. Bản thân tôi hết xuống đường, đi tù lại hoạt động bán công khai hoặc bí mật. Tôi chỉ có thể sống sót nhờ hoạt động luôn lách giữa hai làn đạn trong mê hồn trận chính trị Sài Gòn.

6. Trong vùng Việt Cộng

1965: Quân Mỹ đổ bộ lên Đà Nẵng và xây dựng nơi này thành căn cứ quân sự khổng lồ. Trong một chuyến đi thực tế miền Trung, tôi tham quan một vùng do Việt Cộng kiểm soát tại phía Nam Đà Nẵng trong giai đoạn quân Mỹ đang tiến hành những cuộc hành quân lùng và diệt Việt Cộng đầu tiên ở miền Nam Việt Nam. Tôi thảo luận với cán bộ Mặt trận Giải phóng, chứng kiến tinh thần chiến đấu cao của các chiến sĩ nông dân. Họ đã thật sự gây ấn tượng mạnh nơi tôi nhưng đồng thời cũng làm tôi băn khoăn về viễn tượng chiến thắng của cuộc cách mạng nông dân. Nhưng rõ ràng chính nghĩa đã nằm về phía họ.

ôi còn bà nội, cô chú và nhiều bà con ở Đà Nẵng, nhưng chưa thăm viếng được họ suốt mấy năm qua, nay lại không có thời gian. Lấy cớ về thăm họ ở Đà Nẵng, tôi tách ra khỏi đoàn công tác Chương trình Hè và vội vã đi tìm đầu mối Mặt trận Giải phóng theo như sự sắp xếp trước đây của một số bạn hữu ở Đà Nẵng và Sài Gòn để đi tham quan một khu giải phóng.

Người đó cũng đang nóng lòng chờ tôi. Thì ra không ai xa lạ mà là Phan Duy Nhân (1), một nhà thơ sinh viên mà tôi đã có dịp đăng thơ anh sáng tác khi phụ trách tạp chí Mai ở Sài Gòn mấy năm trước. Anh tên thật là Dinh, làm giáo viên trung học và nổi tiếng là một người đấu tranh Phật giáo hăng hái. Gia đình rất nghèo và đông con, có đứa em bại liệt, cha gác cổng xe lửa. Trong những ngày còn theo học ở Đại học Huế, anh gây chú ý với các bài thơ nẩy lửa nói lên thân phận của tuổi trẻ hôm nay và gây kinh ngạc tất cả mọi người khi cưới cô vợ nhà giàu ở đất Hội An. Đêm đó tôi nằm ngủ lại nhà anh và chúng tôi nói chuyện suốt đêm. Anh thú nhận đã ngạc nhiên khi biết lập trường đứng về phía Mặt trận Giải phóng của tôi, vì trước đó anh vẫn nghĩ tôi là một thủ lĩnh sinh viên quốc gia Sài Gòn có vẻ thân Mỹ. Anh được lệnh tiếp cũng như sắp xếp chuyến tham quan vào vùng giải phóng của tôi. Chúng tôi thảo luận các vấn đề cụ thể về cuộc đi sắp tới. Anh không nói rõ là tôi sẽ gặp ai, chỉ cho biết họ là những người trách nhiệm về công tác đô thị của Mặt trận Giải phóng Quảng Đà (tên bên Mặt trận gọi chung cho cả vùng thành phố Đà Nẵng và các tỉnh Quảng Nam, Quảng Tín thuộc Liên khu 5). Chính tại nơi đây đang diễn ra các trận đánh thử lửa đầu tiên giữa quân Mỹ và quân Giải phóng.

Dinh dặn tôi: "Bạn sẽ được gặp các cán bộ quan trọng của Mặt trận. Mình chỉ được lệnh đưa đi rồi trở ra Đà Nẵng ngay. Mình sẽ không ở lại. Có thể chỉ vài ngày yên lành thôi. Nhớ báo cho mình biết tin ngay khi trở lại Đà Nẵng nghe". Vài ngày yên lành theo dự trù của Dinh kéo dài thành một tuần lễ đầy sóng gió. Khi báo cáo diễn tiến sự việc lại cho Dinh, chính anh cũng không tin nổi. Có lẽ anh nghĩ: "Thật là một chuyến đi đầy ấn tượng đối với một thủ lĩnh sinh viên Sài Gòn!" Đối với tôi, chuyến đi thật nguy hiểm, nhưng phải chăng đó là số phận hàng ngày mà người chiến sĩ Giải phóng phải gánh chịu vào các năm đó.

Chúng tôi đi xe đò, dừng lại ở một khúc đường vắng đồn bốt và biến ngay vào sau lũy tre làng, giống như sinh viên về quê thăm gia đình. Dinh giao tôi cho trạm giao liên, dặn dò mấy câu rồi nhanh chân quay trở lại thành phố. Tôi phải thay bộ đồ Tây và mặc vào bộ bà ba nông dân và theo chân một cậu bé liên lạc vào xóm trong. Bỗng hàng loạt súng nổ chát chúa và tiếng máy bay gầm rú. Ban đầu tôi hơi hoảng nhưng cố trấn tĩnh lại. Tuy tôi cũng từng có kinh nghiệm chiến tranh thời Pháp và đã nghe súng đạn rít bên tai, nhưng tôi chưa hề nghe tiếng đạn bắn thật gần, có vẻ như nhắm vào mình. Chúng tôi thoát chạy ven theo mương nước và núp vào

hầm ẩn giấu trong tàn cây. Em giao liên cúi vào tay tôi hộp sữa đặc phòng khi trận đánh kéo dài thì có cái ăn cầm hơi. Có lẽ địch đang hành quân ngang qua. Tôi nhìn thấy những người du kích bình tĩnh triển khai đội hình sẵn sàng chống trả.

Khi tình hình có vẻ như trở lại bình thường, tôi được hai cán bộ vào độ tuổi trung niên tiếp. Một anh tên Võ Văn Đăng, cao gầy, khá lớn con và vui tính, dáng dấp nông dân rất, chào hỏi tôi với một giọng đặc Quảng Nam ồm ồm, có lẽ từng bám trụ năm vùng lâu năm tại chỗ. Người kia là Hà Kỳ Ngộ, thấp người nhưng rắn chắc, mang nét công nhân, bình lặng ít nói, có lẽ đã tập kết ra Bắc rồi trở về Nam chiến đấu vì giọng anh đã pha tiếng Bắc (2). Vừa ngồi, mới nói với nhau được mấy câu đã lại báo động khẩn cấp. Mũi hành quân của địch tiến vào khu vực này.

Chúng tôi vội theo chị phụ trách hầm núp bí mật dành cho cán bộ qua lại công tác. Người tôi đã gầy mà cũng phải chắt vật lắm mới chui lọt vào. Trong hầm tối như bưng, chật chội, ẩm ướt và khó thở. Chúng tôi cố thở thật nhẹ để tiết kiệm không khí. Tôi không còn nghe gì từ bên ngoài, có cảm giác như mình nằm trong nhà mồ. Mắt tôi theo dõi những tia ánh sáng li ti chói xuyên lỗ một lũy tre qua hầm. Hàng giờ trôi qua như thế đó. Tôi bỗng thấy lòng mình thanh thản, nghĩ suy về quá khứ, hiện tại và cả tương lai của bản thân mình. Nghĩ lại hoạt động đã qua, tôi cảm thấy chúng như xoay tít không mục đích, trông giống như các hạt bụi nhiều màu sắc trong lần ánh sáng mong manh xuyên qua hầm này. Mọi hành động và sự kiện đời tôi bỗng chốc xuất hiện như cuốn phim quay chậm trước mắt. Từ trẻ thơ đến khi khôn lớn, và nhất là quá trình khó khăn nhận dạng được kẻ thù. Cụ thể là sự kiện bản thân tôi đang nằm trong chiếc hầm bí mật ngay trong vùng giải phóng này, phải chăng là bước ngoặt trong cuộc đời tôi. Một hành động chối bỏ phe Quốc gia của quá khứ để chọn thể đứng về phía đối nghịch là Mặt trận Dân tộc Giải phóng. Tôi ý thức được rằng từ đây cuộc sống của tôi sẽ không còn bình an nữa. Vì theo về phía Việt Cộng trong thời điểm này là đồng nghĩa với gian khổ, tù đày, tra tấn và cả cái chết.

Ngay vào thời điểm này đây, nếu bị phát giác, tôi là kẻ thù của Việt Nam Cộng hòa. Tôi cũng nghĩ đến cái chết nhưng tôi không còn sợ nó nữa, vì tôi tin là mình đang đứng về phía chính nghĩa. Đó là chính nghĩa của những người bị áp bức vùng lên đấu tranh cho độc lập dân tộc và cách mạng xã hội, phát khởi từ thời Việt Minh đến Mặt trận Giải phóng ngày nay. Trước đây kẻ thù là người Pháp nay là người Mỹ. Nếu được CIA Mỹ đưa đi du học thì đối với nhân dân và lịch sử, trước sau gì bản thân tôi cũng trở thành những kẻ bán nước "đem voi về dày mả tổ" mà thôi! Nằm trong căn hầm nhỏ hẹp ngày ấy, trí óc tôi bình yên, lòng tôi bỗng thanh thản lạ. Cuối cùng tôi cũng tìm được hướng đi cho cuộc đời, mục tiêu của các hoạt động của mình, cuộc đấu tranh đúng đắn vì tự do và hạnh phúc của nhân dân tôi. Tôi cảm thấy mình như tiếp bước cha ông, lớp sĩ phu yêu nước từ thế hệ này đến thế hệ khác đã từng dấn thân vào con đường chính nghĩa cứu nước, hy sinh không tiếc thân mình.

Hình như ngoài kia trời đã xế chiều và sao im ắng quá, vậy mà vẫn không thấy dấu hiệu nào của chị phụ trách hầm bên ngoài, ai cũng lấy làm lạ. Anh Ngộ nóng lòng hé nắp hầm ra thăm dò tình hình. Bỗng anh hụp vội xuống, đây ngay nắp lại, mặt mày tái ngắt. Anh đã nhìn thấy binh lính địch nằm ngời la liệt quanh khu hầm. Đơn vị hành quân của địch đang tập kết xung quanh. Trong lúc vội vã, anh Ngộ để chênh nắp miệng hầm. Bên trong nghe rõ tiếng nói chuyện, đùa giỡn, la hét của địch. May mắn là chúng không đem theo chó và cũng không xục xạo về phía hầm chúng tôi. Một giờ nữa trôi qua mà tôi cảm thấy dài như hàng thế kỷ, địch mới chịu rút. Chị phụ trách kéo chúng tôi lên và cầu nhàu luôn miệng về sự hớ hênh vừa qua. Sau tôi có hỏi thử các anh, nếu như bị phát hiện thì tính sao? Anh Ngộ không do dự chỉ vào trái lựu đạn đeo bên mình: "Vậy thì đành phải cho nổ chớ sao!". Tài liệu lặn trong người anh đã ghi chú danh sách các cơ sở hoạt động bí mật nội thành Đà Nẵng. Như vậy thì tất cả chúng tôi cũng hy sinh theo. Tôi nhủ thầm: "Trong cuộc chiến đấu này, đường ranh giữa cái sống và cái chết sao quá mong manh!"



Chiến sĩ Giải phóng

Đêm đó chúng tôi tranh thủ đi miết vào sâu trong vùng Tiên Phước an toàn hơn. Tôi trượt chân té hoài vì không quen đi chân trần trên đất lầy lội. Anh Toàn phải nhường đôi dép râu cho tôi mang. Đúng là con người nghĩ ra dép râu làm bằng vỏ xe hơi rất tài tình, bám đất tốt và có thể đi qua bất cứ địa hình phức tạp nào. Chúng tôi đi xuyên qua các làng chiến đấu, mương giao thông hào xẻ ngang dọc, chạy men theo đường làng và lũy tre với nhiều hố hàm ếch khoét sâu tránh bom đạn.

Vào giữa khuya, chúng tôi tạt vào nghỉ bên vệ đường, nhường đường cho một đoàn quân có cơ giới nặng di chuyển về hướng Nam. Họ thực sự là bộ đội chính quy, trang bị súng lớn. Đoàn quân di chuyển như bất tận. Tôi nghe giọng nói xen lẫn Bắc Nam. Trước mắt tôi là hàng hàng lớp lớp thanh niên Việt đang hành quân chiến đấu. Họ có thể là những nông dân miền Trung chiến đấu để bảo vệ chính xóm làng của mình. Và họ cũng là những thanh niên các vùng Đồng bằng sông Hồng, sông Mã, sông Gianh đang tiếp máu cho cuộc chiến đấu của đồng bào miền Nam chống lại kẻ thù chung xâm lược. Trước mắt tôi, họ đều là người Việt, cùng nói một thứ tiếng Việt, không hề giống như luận điệu tuyên truyền của người Mỹ nói rằng có một nước Bắc Việt xâm lăng một Việt Nam Cộng hòa! Vài trận đánh thăm dò quân Mỹ đang diễn ra quanh vùng. Cuộc chiến trực tiếp với quân Mỹ chỉ mới bắt đầu. Có lẽ họ đang tập kết đến các trận địa đó. (3)

Tôi thấy bộ đội nhiều người còn trẻ hơn tôi, vóc dáng không to lớn nhưng chắc nịch của người nông dân Việt, trong đồng phục ngấn màu sẫm tối. Họ mang vác thật nặng nhưng miệng luôn ca hát, đùa nghịch vui vẻ. Họ lên đường đi đánh trận mà cứ như đi trẩy hội. Vậy là một thế hệ mới lại lên đường chống Mỹ, tiếp nối lớp cha anh đã chiến đấu quyết liệt chống Pháp. Lần này thì họ may mắn là rút tỉa được các bài học kinh nghiệm của lớp người đi trước cũng như được lãnh đạo bởi lớp người dày dạn kinh nghiệm như các anh Đặng, anh Ngô đang tiếp tôi lúc này.



Thanh niên miền Bắc lại Nam tiến đánh Mỹ

Trong khung cảnh đất trời bao la đêm nay, giữa các cánh quân trẻ tiến ra trận chiến, tôi liên tưởng đến hình ảnh của những mạch máu trong một cơ thể sống. Những chiến sĩ giải phóng trông giống như vô số hồng cầu nuôi dưỡng sức chiến đấu của một dân tộc. Kẻ xâm lăng mạnh hơn ta bội phần, nên chiến trường luôn cần các dòng máu mới. Trong cái biển lớn dân tộc Việt đó, tôi cảm thấy cá nhân mình chỉ như giọt nước, như hạt cát nhỏ nhoi. So sánh với cuộc chiến đấu thật vĩ đại đang diễn ra trước mắt, thì hoạt động trong quá khứ của mình không nghĩa lý gì cả. Bỗng dưng tôi cảm thấy hổ thẹn về các hành động vừa qua của mình, về dự định đi du học. Rõ ràng là trong một thời gian dài, tôi đã ứng xử như một thủ lĩnh sinh viên tự gán cho mình vẻ quan trọng, là trung tâm của vũ trụ! Nay tôi mới ý thức là phải biết hành động như một người yêu nước khiêm tốn, hoạt động một cách có tổ chức trong lòng cuộc cách mạng. Tôi cảm thấy hạnh phúc và kiêu hãnh được đứng vào hàng ngũ những con người kiên cường dám vùng lên đòi quyền được sống, quyền được làm người. Từ trong trái tim mình, tôi đã chấp nhận tham gia vào cuộc chiến đấu này rồi, bắt đầu vào cái đêm tháng 8 năm 1965 ở một vùng giải phóng nằm ở phía Nam thành phố Đà Nẵng đó.

Tuy vậy, cuộc chiến đấu không phải diễn ra dễ dàng cho những người nông dân miền Trung

vào năm 1965 này. Xuyên qua các cuộc nói chuyện và thái độ của nhân dân trong các vùng chúng tôi đi qua, tôi nhìn thấy dấu hiệu của nỗi sợ hãi và cả tinh thần ngại khó, ngại khổ, có lúc còn mang tính chủ bại trong các vùng đang trực tiếp đối đầu với guồng máy chiến tranh khùng khiếp của Mỹ, mạnh hơn gấp nhiều lần so với Pháp trước đây hoặc của quân đội Việt Nam Cộng hòa thời Diệm.

Các cán bộ của Mặt trận Giải phóng phải đối đầu với công tác khó khăn, nào thuyết phục, tổ chức lại, củng cố và nâng cao tinh thần của nhân dân. Các anh Đặng và Ngô tuy không trách nhiệm về các hoạt động của cán bộ địa phương, nhưng trên đường đi các anh tìm cách tiếp sức cho họ. Các anh đã phải cãi nhau tay đôi với nông dân, cán bộ địa phương cho ra lý lẽ, rồi tiếp tục thảo luận, thuyết phục nữa. Anh Đặng kinh nghiệm hơn vì năm trụ lại xuyên suốt qua hai cuộc kháng chiến ở phía Nam. Anh nói nhiều về các kinh nghiệm chống càn quét, chống bình định nông thôn, bám trụ chiến đấu ở Bến Tre, Củ Chi ở trong Nam mà anh có dịp tham quan học tập.

Lần khác, tôi thấy nhiều nông dân tụ tập kháo nhau về các đợt càn bằng cơ giới nặng vừa qua của quân Mỹ, cho xe ủi đất và xe bọc thép 113 phá sạch nhà cửa, hầm hố làm dân phải bỏ chạy tán loạn. Một chị cán bộ chất vấn:

- Trong trường hợp đó chúng ta phải làm sao đây?

Anh Đặng bình thản trả lời:

- Làm sao mà có thể đánh Mỹ bằng cách bỏ chạy? Họ chưa bắt đầu tấn công mà mình đã chạy. Chị có nghĩ rằng bọn chúng có thể giết hết dân làng? Chúng ta phải trụ lại và tìm mọi cách đánh trả. Trước hết ta phải đấu tranh công khai qua kiểu đấu tranh chính trị đã có kinh nghiệm với quân nguy ngày trước. Chúng ta đang ở thế có lẽ phải, nên có thể cãi lý và kháng cự lại. Chúng phải nhượng bộ thôi. Tại làng C., dân cả làng lớn nhỏ đều cùng một lòng kháng cự lại. Cuối cùng chúng đành bỏ đi và không dám quay trở lại nữa. Mình chưa thử tổ chức kháng cự lại, sao biết là đã thua. Nếu mình cho chúng thấy mình có sức mạnh thì chúng sẽ nhượng bộ, nhưng nếu cứ động một chút là rút chạy thì nhất định chúng sẽ sẵn tới thôi.

Cứ như thế các anh thuyết phục, đưa ra những ví dụ cụ thể và kinh nghiệm bản thân để củng cố tinh thần chiến đấu của đồng bào và cán bộ.

Gần trưa hôm sau, chúng tôi đến được vùng căn cứ yên tĩnh và ngồi lại làm việc. Tôi được các anh yêu cầu trình bày căn kẽ toàn bộ bức tranh của phong trào đấu tranh đô thị, tập trung vào giới sinh viên, kể từ ngày Ngô Đình Diệm bị lật đổ đến nay. Nếu tôi còn mù tịt về cuộc chiến đấu ở nông thôn, thì phải nói tôi là người trong cuộc của cuộc đấu tranh công khai ở đô thị và có thể cung cấp được nhiều thông tin và kinh nghiệm về khía cạnh này. Nay thì đến lượt các anh ngồi yên lặng, giống như những sinh viên chăm chỉ, tập trung nghe tôi báo cáo, thỉnh thoảng yêu cầu tôi ngưng lại để giải thích cho rõ hơn, luôn tay ghi chép cẩn thận. Tôi biết nhiều về tình hình chính trị Sài Gòn, không chỉ riêng phong trào sinh viên. Các anh cũng hay hỏi tôi về hoạt động của các lãnh tụ tôn giáo, chính đảng, tướng lãnh và người Mỹ. Tôi không chủ quan, nhưng phải nói là cái mê hồn trận chính trị Sài Gòn của những năm đầu thập kỷ 1960 khó mà nắm bắt được, nếu không phải là người Sài Gòn!

Bộ mặt chính trị Sài Gòn phức tạp hơn Huế, Đà Nẵng nhiều. Tôi đặc biệt trình bày trung thực về các xu hướng suy nghĩ mới xuất hiện trong sinh viên và trí thức Sài Gòn. Nào các đề xuất giải pháp "Cách mạng Xã hội không Cộng sản", "Sử dụng trí thức và sĩ quan quân đội trẻ làm cách mạng", "Về nông thôn với nông dân xây dựng xã hội mới", "Làm Cách mạng xã hội cùng với người Mỹ"... gọi là để phá đi sự độc quyền cách mạng của người Cộng sản và cuối cùng là để thắng Cộng sản. Tôi lưu ý các anh về phong trào "Lên đường" mới xuất hiện nhằm lôi cuốn sinh viên học sinh đi làm công tác xã hội thay vì xuống đường đấu tranh, mà bản thân tôi cũng một thời mù quáng tham gia vì bế tắc trong đấu tranh sinh viên và Phật giáo. Tôi cũng thú thực rằng cuộc tham quan ngắn ngủi này đã thực sự mở mắt cho bản thân tôi nhìn thấy thực tế

của cuộc chiến đấu to lớn của nhân dân ta và làm cho tôi quyết tâm hơn trong việc mong mọi được tham gia vào cuộc chiến đấu chống Mỹ của Mặt trận Giải phóng.

Như vậy là chúng tôi đã làm việc được hai ngày trong ngôi nhà gỗ vững chắc còn ghi dấu vết về cơn lụt khủng khiếp năm ngoái mà tập thể sinh viên Sài Gòn chúng tôi có tham gia cứu trợ. Tôi đã được các anh và gia đình bác nông dân tiếp đãi ân cần. Vùng đất này còn an bình, yên tĩnh và xa vùng chiến sự. Chính tôi đang ở trong một vùng chiến khu Việt cộng, làm việc với những cán bộ của Mặt trận Giải phóng. Vậy mà mới mấy ngày trước đây thôi, tôi có thể bị du kích bắn chết trong xe Mỹ trên đường Hội An-Đà Nẵng, như một nhân viên tay sai của người Mỹ. Trong những ngày này, nếu tôi bị binh lính Việt Nam Cộng hòa hoặc quân Mỹ phát hiện, với bộ bà ba trong hầm bí mật, trong đường giao thông hào, hoặc ở tại ngôi nhà này, tôi sẽ bị bắn chết như một Việt cộng. Tôi sẽ là một con số vô danh trong bảng đếm xác Việt cộng mà người phát ngôn Mỹ thông báo mỗi buổi chiều ở Phòng Thông tin Mỹ JUSPAO nằm giữa trung tâm Sài Gòn. Đây có lẽ là điều phi lý nhất của cuộc chiến, không có giới tuyến, mọi việc đều rất tương đối. Một người có thể là bạn hay thù trong chớp mắt.

Tôi từ giã các cán bộ của Mặt trận và theo hai người giao liên vũ trang đưa tôi đi đường tắt ra quốc lộ 1 về lại Đà Nẵng. Chúng tôi phải di chuyển suốt cả một ngày đường. Ban ngày, tôi có thể quan sát rõ vùng nông thôn mênh mông nằm trong vùng giải phóng. Cuộc sống và sinh hoạt vẫn diễn ra bình thường. Chúng tôi cố tình tránh đi sâu vào làng có đông người để tránh gây chú ý và cả gián điệp địch gài lại theo dõi dòm ngó. Tôi nhìn thấy vẫn còn nhiều dấu vết các ấp chiến lược dựng lên vội vã thời Ngô Đình Diệm. Các khẩu hiệu chống Cộng chưa được xóa sạch hẳn.

Giữa trưa, chúng tôi đến một bãi bồi trên sông trơ cát và không một bóng cây. Bỗng xuất hiện hai chiếc trực thăng vũ trang Cobra Mỹ, chúng có thể săn đuổi chúng tôi giống như điều hâu săn mồi. Tôi đã được căn dặn nếu bị rượt đuổi, cứ nhanh chóng tạt vào tìm chỗ nấp trong làng hoặc lùm cây nào gần đó và để mặc cho du kích đối phó, đánh lạc hướng mấy chiếc trực thăng theo săn đuổi. Họ đã dày dạn kinh nghiệm rồi. Nhưng khi đó thì chúng tôi kịp lánh vào ngôi làng cây cối dày đặc gần đó. Khi tạm dừng lại tại các bến sông hay trạm giao liên, tôi nhìn thấy nhiều cán bộ và bộ đội giải phóng. Tôi nhìn ra nhiều người còn đáng vẻ thành thị, có lẽ họ là học sinh sinh viên hoặc giáo viên trẻ mới theo quân giải phóng nhưng đã tỏ ra dày dạn với cuộc chiến đấu ở nông thôn. Tôi nghe nói vừa qua khi quân Mỹ đổ vào Đà Nẵng, nhiều người trẻ thành thị đã theo về phía Giải phóng. Tôi không hé răng nói một lời nào, chỉ gật đầu mỉm cười đáp lại lời chào hỏi của họ. Tôi phải tuân thủ các nguyên tắc bảo mật của cuộc chiến tranh cách mạng.

Đêm đó tôi nghỉ tại nhà một cơ sở không xa cầu Bà Rén. Sáng sớm hôm sau, tôi được giao trả và thay lại bộ quần áo thành thị, giày tất trắng hoàng, tiến ra đường lộ đón xe đò về Đà Nẵng. Thoạt đầu, tôi có mất tự nhiên đôi chút khi gặp binh lính Việt Nam Cộng hòa lục soát trên đường nhưng nhanh chóng bình tĩnh lại ngay, giống như một sinh viên về quê thăm nhà trở lại thành phố. Tôi đã để lại đằng sau mình một vùng nông thôn sớm biến thành chiến địa ác liệt. Tôi đã giã từ những người đồng chí nông dân để trở lại chiến trường của tôi là những thành phố do chính quyền Sài Gòn kiểm soát, bắt đầu với thành phố Đà Nẵng trông giống như trại lính khổng lồ. Thành phố lúc này nhưng nhúc xe cộ và máy bay quân sự gầm rú ngày đêm. Cuộc đụng đầu đẫm máu chỉ mới bắt đầu.

Tôi vội gặp Dinh báo cáo chuyển đi và nói lời giã từ gia đình anh rồi lên máy bay Mỹ vào Sài Gòn, sau gần một tháng vắng mặt.

Tôi có biết đâu mọi việc lại không diễn ra song suốt như đã tưởng. Sau này tôi nghe thuật lại rằng, khi tôi vừa rời khu giải phóng, họ bối rối đọc bức điện mật từ trên chuyển xuống: "Cảnh giác, Nguyễn Hữu Thái là người của CIA"! Họ phải tuân thủ thực hiện các nguyên tắc của tổ chức nhưng trong lòng vẫn không tin một sinh viên nhiệt tình yêu nước, nhận thức được thực trạng tình hình miền Nam chân thật và sâu sắc như tôi lại là một tình báo của địch.

Sau ngày giải phóng tôi mới được biết là việc tôi và Nguyễn Xuân Lộc xin được ra chiến khu đã gây không ít tranh luận trong lãnh đạo Khu ủy Sài Gòn-Gia Định. Phía lãnh đạo Đoàn thanh niên vẫn khẳng định tôi và Lộc có dính dáng CIA. Người khác thì cho rằng đây là một thắng lợi tuyên truyền cho Mặt trận, dầu cho đó là người của địch thì ta vẫn nắm dao đằng chuôi có gì phải sợ. Kết luận là họ phải tôn trọng quyết định của tổ chức phụ trách thanh niên, chưa vội chấp nhận chúng tôi vào khu mà đợi thời gian để thử thách. Tôi cũng nghe nói những người giới thiệu chúng tôi vào vùng Giải phóng đã bị gọi vào khu khiển trách và kiểm điểm. Tuy vậy, cho đến sau chiến tranh những anh em móc nối cho chúng tôi vào khu vẫn không thông, không cùng lập trường với lãnh đạo Thành Đoàn về trường hợp tôi. Họ vẫn nghĩ chúng tôi là những người yêu nước thành thực.

Người tiếp tôi trong vùng giải phóng Quảng Nam là anh Hà Kỳ Ngộ đã thả dài thườn thượt, nói với người phụ trách Đoàn ở miền Trung là Lê Công Cơ (4):

- Trên điện thì mình biết vậy, chứ có ai giải thích kỹ lưỡng đâu. Có nhiều chuyện phải hàng chục năm sau chiến tranh kết thúc mới xác minh được thực hư. Tôi thấy Nguyễn Hữu Thái có kiến thức sâu sắc, có bản lĩnh và nhiệt tình yêu nước. Cũng có thể anh ta đóng kịch. Nhưng đóng kịch đến mức ấy, trước mặt tôi thì...

Cơ là một trong các nhân vật hoạt động thanh niên thần kỳ nhất mà tôi biết được ở miền Trung. Người nhỏ con nhưng thông minh, năng nổ ấy đã thành công tổ chức được cả một mạng lưới sinh viên học sinh Giải phóng hoạt động bán công khai, nương theo phong trào Phật giáo, làm điên đảo hệ thống công an tình báo Việt Nam Cộng hòa. Ý kiến trên thì như vậy, nhưng tôi nghĩ các anh Đặng và Ngộ, cả Cơ và Dinh đều tin tưởng tôi. Năm 1971 khi tôi ra tranh cử quốc hội ở Đà Nẵng, cơ sở Mặt trận Giải phóng ở đó đều được chỉ thị ngầm ủng hộ tôi. Năm 1974 khi tôi mới ra tù, Lê Công Cơ đã lặn lội vào Sài Gòn yêu cầu tôi tham gia Phong trào Hòa hợp hòa giải dân tộc Phật giáo. Sau giải phóng, các anh đều có gặp tôi ở Tp. Hồ Chí Minh và nói nếu gặp gì trở ngại thì cứ về Đà Nẵng làm việc.

7. Có một nước Mỹ khác

1966: Tôi gặp gỡ những người Mỹ hòa bình và chống chiến tranh, một nước Mỹ khác. Đó là những tiếng nói mà ở Việt Nam ít được nghe thấy nhưng ngày càng lớn mạnh ở trong lòng nước Mỹ, và cuối cùng đã tạo được sức ép buộc chính quyền Mỹ chấm dứt cuộc chiến Việt Nam. Những người Mỹ hòa bình đầu tiên tôi gặp là đại biểu của Hiệp hội Sinh viên Quốc gia Mỹ (NSA), rồi những người hoạt động bất bạo động trong phong trào hòa bình Mỹ, nhà giáo, nhà văn, nhà báo... Tôi bắt đầu liên hệ và phối hợp hành động với họ, nhiều người đã trở thành bạn thân của tôi trong suốt năm thập kỷ qua.

Cuộc chiến Việt Nam leo thang nguy hiểm vào giữa các năm 60 đã làm dư luận quần chúng nhân dân nước Mỹ chia làm hai phía. Trên đất nước mình, chúng tôi chỉ nhìn thấy những người Mỹ trong guồng máy chiến tranh và đâu có biết rằng có những người Mỹ khác không muốn có cuộc chiến tranh này.

Cuộc chiến tăng cường độ khi 20 vạn quân Mỹ đã có mặt tại chiến trường miền Nam Việt Nam và không lực Mỹ oanh tạc miền Bắc ngày đêm. Tướng tư lệnh quân Mỹ Westmoreland luôn đòi tăng thêm quân. Dư luận thế giới và chính giới Mỹ ngày càng quan tâm đến cuộc chiến. Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc U Thant và Đức Giáo hoàng Ki-tô giáo La Mã lên tiếng kêu gọi các bên tham chiến chấm dứt xung đột vũ trang và ngồi vào bàn thương thảo tìm giải pháp hòa bình. Nhiều nghị sĩ Mỹ cũng lên tiếng chất vấn Nhà Trắng về tính cách pháp lý về sự can dự của lực lượng quân sự Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Họ không biết nhân dân miền Nam Việt Nam có thực sự yêu cầu người Mỹ can thiệp quân sự vào đất nước họ hay không?

Tôi nhận được nhiều thông tin về các cuộc thảo luận lớn chống chiến tranh Việt Nam diễn ra tại các đại học và lực lượng sinh viên Mỹ cũng bắt đầu lên tiếng và có hành động phản đối cuộc chiến từ cuối năm ngoái. Giới tôn giáo cũng như nhiều tổ chức nhân đạo Mỹ lên tiếng vì hòa bình Việt Nam. Các báo chí Mỹ bắt đầu tranh luận, gay go nhất là giữa Alsop bên vực và Lippmann phản đối sự can thiệp Mỹ. Vào đầu năm 1966, tôi gặp gỡ ngay tại Sài Gòn hai đoàn thể quần chúng Mỹ: Hiệp hội Quốc gia Sinh viên Mỹ (NSA) (1) và một đoàn tôn giáo phản chiến cũng như nhiều nhà báo, trí thức Mỹ, Tây Âu.

Đoàn đại biểu NSA do chính chủ tịch sinh viên Mỹ dẫn đầu. Anh không vừa lòng với thông tin thu lượm được qua các cuộc gặp gỡ do sứ quán Mỹ và bộ ngoại giao Việt Nam Cộng hòa sắp đặt trước. Không biết qua giới thiệu của ai mà đoàn tìm cách gặp chúng tôi. Tôi được đưa đến một địa điểm an toàn gặp họ. Chủ tịch sinh viên Mỹ khá trẻ, có lẽ mới được bầu vào nhiệm kỳ năm nay, kèm theo hai cố vấn lớn tuổi và già dặn hơn, chuyên về các vấn đề châu Á và châu Phi. Phải nói là tôi thực sự kinh ngạc khi đọc bản nghị quyết đặc biệt về chiến tranh Việt Nam thông qua tại đại hội toàn thể sinh viên Mỹ vào tháng 8 năm vừa qua. Lập trường của họ rất mạnh mẽ và dứt khoát, nằm ngoài dự kiến của tôi: kêu gọi Mỹ ngưng ném bom, chấm dứt giao tranh, tiến hành ngưng bắn, bắt đầu hiệp thương vô điều kiện với Mặt trận Dân tộc Giải phóng, rút quân Mỹ về nước cũng như tổ chức trưng cầu ý dân để thống nhất đất nước Việt Nam. Đây thực sự là những điều bản thân chúng tôi vào thời điểm đó cũng không dám mơ ước tới. Tôi nhớ mãi cuộc trao đổi ngắn ngủi đó.

Trước hết, họ ngạc nhiên khi nhìn thấy Sài Gòn an bình như vậy:

- Trước khi sang đây chúng tôi cứ tưởng người ta đang đánh nhau trên đường phố Sài Gòn, và cũng không ngờ rằng tập thể sinh viên các bạn khác biệt chính kiến nhau như vậy. Thú thật chúng tôi rất bối rối!

Tôi trả lời:

- Các bạn không nên quên rằng đây là một cuộc chiến tranh cách mạng, không có giới tuyến rõ

rệt. Cũng đừng quên rằng chúng ta đang sống trong một chế độ cảnh sát trị, với một nội các chiến tranh và áp dụng quân luật. Người Việt không ai có thể phát biểu tự do. Mặt khác, người Mỹ các anh thì ai cũng bị nghi ngờ. Chắc các anh cũng biết rằng chung quanh chúng ta luôn có hàng chục cơ quan cảnh sát, tình báo theo dõi.

Một người trong đoàn ngắt lời tôi, đặt ngay vấn đề:

- Tập thể sinh viên Mỹ chúng tôi luôn mong mỗi nhân dân Việt Nam được quyền tự quyết. Chúng tôi ý thức được rằng dư luận thế giới chống lại sự can thiệp quân sự của Mỹ ở đất nước này. Tuy vậy, Washington vẫn cho rằng một chính phủ hợp pháp miền Nam Việt Nam đã yêu cầu họ can thiệp để ngăn chặn sự xâm lăng của miền Bắc Việt Nam. Anh nghĩ sao về điều đó?

Tôi từ tốn phân giải:

- Đây đúng là vấn đề mấu chốt. Tôi chắc không một ai trong số các bạn đây tin rằng chính phủ quân sự hiện nay là một chính quyền hợp pháp. Tôi nghĩ chúng ta không cần dài dòng nhắc lại các vấn đề Việt Nam kể từ sau cuộc kháng chiến chống Pháp, các điều khoản của hiệp định Genève, việc người Mỹ ngay từ đầu đã phá hoại việc bình thường hóa giữa hai miền Việt Nam nhằm tiến tới thống nhất đất nước. Chỉ kể riêng giai đoạn từ sau ngày lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm 1963, chúng tôi luôn đòi phải lập lại các cơ chế dân chủ. Nhưng rõ ràng là điều đó đi ngược lại ý đồ thực sự của người Mỹ và phe quân sự Sài Gòn, muốn được rảnh tay để tiến hành cuộc chiến theo ý họ. Ai cũng biết rằng chính quyền quân sự hiện nay không do ai bầu lên cả, chỉ do người Mỹ đặt lên thôi!

Họ bày tỏ sự bối rối:

- Ở Mỹ chúng tôi đã làm hết sức mình để chấm dứt cuộc chiến này. Vậy mà đến đây, chúng tôi lại nghe nhiều người Việt Nam nhất định yêu cầu người Mỹ giúp họ chống Cộng sản cho đến thắng lợi cuối cùng. Tôi từng gặp một sinh viên Việt Nam theo học bên Mỹ nói rằng: "Chẳng thà phá sạch thôn làng Việt Nam còn hơn để cho Việt Cộng sống sót!". Chúng tôi thực sự không hiểu ra sao nữa.

Tôi điềm tĩnh nói:

- Tôi không ngạc nhiên về điều này. Dĩ nhiên là tùy theo anh đã gặp người nào và ở tại đâu. Cho đến nay các anh chỉ gặp gỡ toàn những người do chính quyền Sài Gòn sắp đặt. Điều này cũng giống như vào thời cách mạng Mỹ chống lại đế quốc Anh năm 1776. Những người tìm hiểu sự thật từ London đến sẽ được chính quyền thuộc địa bố trí cho gặp toàn những người yêu cầu đế quốc Anh ủng hộ họ chống lại cuộc cách mạng giải phóng của nhân dân Mỹ. Và chắc chắn những kẻ đó đã không thể ngăn cản nổi cuộc cách mạng Mỹ thắng lợi! Cuộc chiến này cũng vậy. Ví như trong cuộc phân tranh Nam Bắc ở Mỹ vào giữa thế kỷ trước, bỗng các tướng lãnh phe miền Nam yêu cầu quân đội Trung Quốc với súng ống, tàu chiến đến giúp họ. Các bạn có nghĩ rằng nhân dân Mỹ chấp nhận điều đó?



*Sinh viên Mỹ chống đối chiến tranh Việt Nam
trước Lưu Niên Góc, 1965*

Đoàn sinh viên Mỹ thú nhận họ có quá ít thời gian ở Việt Nam và chỉ gặp toàn những người được sắp xếp sẵn. Tuy có cơ hội gặp các lãnh tụ Phật giáo đấu tranh, nhưng theo họ thì các vị này tỏ ra thận trọng và không hé mở thực sự những ý nghĩ của mình. Sinh viên Mỹ yêu cầu tôi dàn xếp cho gặp gỡ đại diện của Mặt trận Giải phóng nhằm biết rõ lập trường của họ để về báo cáo lại cho sinh viên Mỹ. Tôi thành thực khuyên họ không nên tìm gặp người của Mặt trận Giải

phóng giữa Sài Gòn, mà người Mỹ thì đâu có khó khăn gì nếu thực sự họ muốn tìm gặp Mặt trận Giải phóng. Tổ chức này hiện có nhiều cơ quan đại diện thường trú khắp nơi ở thế giới phương Tây.

Tôi cũng lưu ý họ rằng:

- Người Việt không thể tin tưởng vào những người Mỹ đang có mặt ở Việt Nam được. Như các bạn cũng biết đó, nhân viên an ninh tình báo Mỹ có mặt cùng khắp, dưới dạng nhà báo, người tu hành, doanh nhân, từ thiện, sinh viên... Các bạn cũng nên biết rằng tại miền Nam Việt Nam, ai cả gan bày tỏ quan điểm hòa bình, tự quyết dân tộc, là bị xem như Cộng sản. Và chắc các bạn đã biết điều gì sẽ xảy đến cho họ rồi...

Sau cùng họ thành thực hỏi tôi:

- Anh có sợ nếu khi người Mỹ ra đi Việt cộng sẽ vào làm khó dễ hoặc là có thể sát hại anh?

Tôi trả lời ngay:

- Vào thời điểm này, tai họa lớn nhất đối với người Việt Nam chúng tôi là guồng máy chiến tranh của Mỹ. Cuộc chiến phải được chấm dứt trước tiên. Xương máu đã đổ quá nhiều rồi. Ngay trong trường hợp Việt cộng thắng, tôi không nghĩ họ phạm sai lầm làm đổ máu hoặc dày dạn đồng bào của họ thêm nữa. Cộng sản hay Quốc gia cũng đều là người Việt Nam, chứ không phải là người Pháp hay người Mỹ. Giữa người Việt Nam tuy có khác nhau về chính kiến thì cũng phải tìm cách sống chung với nhau. Đối với lớp trẻ, chúng tôi có cách nghĩ về Cộng sản khác hơn lớp người Quốc gia chống Cộng kiểu cũ. Các chính khách Quốc gia đã chọn con đường sai lầm cầu viện người nước ngoài vào tiến hành cuộc chiến tranh diệt chủng này. Tương lai của đất nước phải để cho người Việt Nam chúng tôi quyết định với nhau. Điều mà chúng tôi mong muốn lúc này là người Mỹ hãy rút ra khỏi đất nước Việt Nam và để cho người Việt Nam tự giải quyết các vấn đề của mình.



Nhân dân Mỹ xuống đường đòi Mỹ rút khỏi Việt Nam

"Kẻ thù của ta đâu có phải là người

Giết người đi thì ta ở với ai ?...

Gửi nhân dân Việt Nam, những người phải chờ đợi hòa bình quá lâu, gửi tất cả người Mỹ ở Việt Nam, gửi nhân dân toàn thế giới. Chúng tôi là những người Mỹ đến Việt Nam để phản đối sự can thiệp quân sự của Mỹ. Chúng tôi yêu cầu người Mỹ ngưng ngay việc sát hại người Việt Nam...



Ước vọng hòa bình – tranh Báu Chí

Đó là lời mở đầu bức tâm thư gửi đến nhân dân Việt Nam của Đoàn đại biểu nhân dân phản chiến Mỹ do mục sư M. J. Muste (2) 81 tuổi dẫn đầu và là lần đầu tiên đến nước ta. Chúng tôi nhanh chóng dịch ra tiếng Việt nội dung và phân phát rộng rãi lá thư khắp Sài Gòn. Họ đến

thành phố thật đúng lúc, vào giữa những ngày tháng 4/1966 chúng tôi đang tiến hành cuộc đấu tranh chống nội các chiến tranh của tướng Nguyễn Cao Kỳ. Mục sư Muste đến Sài Gòn cùng với 5 đại biểu của nhiều nhóm chống chiến tranh khác nhau, gồm các giới đại học, báo chí, tổ chức hòa bình.

Mục sư Muste đã nổi tiếng hoạt động chống chiến tranh từ trước Thế chiến II. Ông được biết đến nhiều trong giới chủ trương hòa bình bất bạo động khắp thế giới khi tổ chức các cuộc tuần hành vì hòa bình từ New York đến Genève, rồi từ Paris đến Matxcova.

Riêng giới sinh viên chúng tôi thì bị cuốn hút về phía cô nữ sinh viên Sherry Thurber của Đại học nữ Sarah Lawrence nổi tiếng. Cô đã từng tham gia rất sớm vào phong trào đấu tranh nhân quyền cho người da đen ở miền Nam nước Mỹ đầu các năm 60. Cô đã bị cảnh sát đánh đập và đẩy vào tù chung với người da đen nghèo khổ. Cô tham gia phong trào phản chiến khi Mỹ can thiệp quân sự vào Việt Nam. Cô đã xuống đường biểu tình và lại bị đánh đập. Tuy đã dày dạn với đấu tranh, nhưng trông Thurber vẫn mảnh mai và có vẻ điềm đạm, hiền lành của một tín đồ giáo phái Quaker vốn chủ trương bất bạo động và đối xử như anh em cả với kẻ thù.

Chúng tôi gặp gỡ đoàn hòa bình Mỹ tại nhà chị giáo sư Ngô Bá Thành (3), một luật gia chuyển sang hoạt động chống chiến tranh tích cực sau ngày người cha của chị là bác sĩ Phạm Văn Huyền bị tổng xuất ra Bắc vì chủ trương hòa bình trung lập, một lập trường mà chính quyền Sài Gòn đánh giá là làm lợi cho Cộng sản. Trường hợp từ một giáo sư đại học chuyển sang đấu tranh cho hòa bình, hòa giải dân tộc của chị cũng khá hy hữu. Sau khi tốt nghiệp bằng tiến sĩ luật tại châu Âu và Mỹ, chị cùng chồng con quay về nước làm việc. Hồi đầu chị từng hợp tác với chế độ Ngô Đình Diệm, nhất là đứng chân trong tổ chức Phụ nữ liên đới của bà Ngô Đình Nhu, một phong trào bị nhiều người khinh ghét. Chị trở thành phản chiến khi tham gia vào phong trào chủ trương hòa bình trung lập của bố và bị bắt giam. Nhà tù đã làm thay đổi lập trường của chị cũng giống như trường hợp của nhiều sinh viên chúng tôi gần đây.



Nạn nhân chiến tranh – Bưu Chi

Mục sư Muste mở màn cuộc họp mặt với lời phát biểu thật xúc động: Chúng tôi thành thực không muốn nhìn thấy cái cảnh guồng máy kỹ thuật chiến tranh tồ tề phương Tây tàn sát những người anh em trên khắp thế giới, nhất là các dân tộc bị áp bức ở châu Á và châu Phi. Washington đã phạm sai lầm lớn khi đem bom đạn, xe tăng, tàu chiến, máy bay và cả lực lượng viễn chinh đàn áp nhân dân một quốc gia đất không rộng người không đông nhưng có nền văn minh hàng nghìn năm như nhân dân và đất nước Việt Nam. Chúng tôi đi tiên phong trong số những người phương Tây quan tâm nghiên cứu phương Đông thăm nhuần các nền văn minh Trung Hoa và Ấn Độ, nguyện noi theo những lý tưởng cao đẹp đấu tranh bất bạo động của các vị thánh như Gandhi, Quảng Đức... Họ tiêu biểu cho ý chí con người thắng lại bạo lực.

Chúng tôi rất thán phục và đồng thời cũng cảm thấy xót xa cho dân tộc các bạn bị bó buộc phải tiến hành một cuộc chiến đấu sống còn chống lại những kẻ xâm lược hùng mạnh nhất thế giới. Chúng tôi biết rằng các bạn phải sử dụng các phương tiện bạo lực của kẻ yếu để chống trả lại những lực lượng đàn áp mạnh mẽ nhất của thế kỷ XX. Và chính các bạn, nhân dân thành thị miền Nam Việt Nam chỉ với sức mạnh của ý chí mà vừa qua với tay không đã lật đổ được các chính quyền độc tài Ngô Đình Diệm, Nguyễn Khánh...



Bom đạn Mỹ tàn phá xóm làng Việt Nam

Phía chúng tôi có người đáp lại: Đây là lần đầu tiên chúng tôi được trực tiếp nghe thấy những tiếng nói và những con người khác từ nhân dân Mỹ. Nước Mỹ không chỉ là chiến tranh, bạo lực mà còn có một nước Mỹ khác của hòa bình, nhiều tầng lớp nhân dân không mong muốn chiến tranh. Thú thật là các bạn đã nói ra được hết những điều chúng tôi suy nghĩ và mơ ước rồi. Chúng tôi chỉ có một yêu cầu là các bạn hãy làm sao nói được cho rộng rãi các tầng lớp nhân dân Mỹ, những nghị sĩ và cả những viên chức ở guồng máy chính quyền, các tôn giáo ở Mỹ hiểu rằng nhân dân Nam, Bắc Việt Nam chỉ là một dân tộc, đất nước Việt Nam chỉ có một. Chúng tôi không cần người nước ngoài đem bom đạn đến gọi là để giúp chúng tôi có độc lập tự do, mà yêu cầu hãy để cho chúng tôi được tự do giải quyết các vấn đề nội bộ với nhau trong hòa bình...

Chị Thành mô tả những nỗi khổ đau dưới bom đạn của người dân nông thôn, sự đàn áp dã man mà người dân thấp cổ bé họng thành thị phải gánh chịu khi dám lên tiếng chống chiến tranh, đòi hòa bình, chủ quyền dân tộc... Chính bản thân chị đã cùng chia sẻ số phận đó với họ trong nhà tù Sài Gòn và nay chị ý thức rằng bản thân mình phải đứng về phía những người bị áp bức để nói lên tiếng nói hòa bình, chủ quyền dân tộc. Cô Thurber chạy đến ôm chặt lấy chị và cả hai đều òa lên khóc. Tất cả chúng tôi đều xúc động.

Giáo sư Bill Davidson xác định mục tiêu của Đoàn hòa bình nhân dân Mỹ là yêu cầu chấm dứt ngay cuộc chiến ở Việt Nam và rút lập tức con em họ trong quân đội Mỹ về nước. Ông cho biết đoàn đã vượt bao nhiêu trở ngại mới đến được Việt Nam. Đến đây họ dự định sẽ mở một cuộc họp báo công khai nói lên lập trường của đa số nhân dân Mỹ là phản đối cuộc chiến tranh diệt chủng mà chính quyền Johnson đang tiến hành ở khắp hai miền Nam Bắc Việt Nam và thực hiện cuộc tuần hành đến sứ quán Mỹ trao kiến nghị hòa bình, để rồi chắc chắn sẽ bị trục xuất ra khỏi Việt Nam. Đoàn hứa sẽ quay lại Mỹ và tìm cách nói đến rộng rãi nhân dân Mỹ biết những nguyện vọng tha thiết vì hòa bình độc lập của nhân dân Việt Nam, để cho những người dân Mỹ lâu nay bị bùng bít nhìn thấy rõ đâu là sự thật.

Chúng tôi đề nghị họ ngay bây giờ nên phổ biến rộng rãi nội dung bức tâm thư và lưu ý rằng họ sẽ phải đối đầu với những lời thóa mạ lẫn đối xử thô bạo từ phe chống Cộng ở đây. Họ cảm ơn nhưng cho biết sẵn sàng chấp nhận mọi thách thức, kể cả cái chết. Nếu có chết thì cũng xem như một sự đóng góp nhỏ nhoi vào sự thống khổ to lớn gấp nghìn lần mà nhân dân Việt Nam đang gánh chịu! Chính gương tự thiêu của Quảng Đức đã tiếp thêm sức mạnh cho họ đến Việt Nam. Đoàn dự kiến sẽ mở cuộc họp báo vào ngày chót ở khách sạn Caravelle trước khi xuống đường đến sứ quán Mỹ.

Khách sạn bị phong tỏa. Tuy vậy, người của sứ quán Mỹ ngăn cản không cho chính quyền Sài Gòn sử dụng bạo lực, dẫu sao thì họ cũng còn sợ dư luận công chúng Mỹ. Nhưng vào ngày hôm sau, khi đoàn hòa bình Mỹ vừa bước ra khỏi cửa khách sạn, tay cầm bích chương xuống đường thì họ bị cảnh sát lừa về tòa Đô chính gần đó. Cảnh sát nói rằng nếu họ mong muốn gặp gỡ nhân dân Việt Nam thì đến đó mà gặp. Hội trường đã bố trí đầy người của chính quyền, nhất là thành viên của đoàn "Thanh niên Trừ gian" và "Ủy hội Thanh niên Quốc gia" do Nguyễn Cao Kỳ dựng lên.

Họ liệng trứng thối, cà chua vào người Mỹ hòa bình và hô lớn: "Hãy rút đi, ra Hà Nội mà đòi hòa bình!" rồi sùng sộ: "Các người là bạn bè của Việt Nam hay là Cộng sản? Nói hòa bình bây giờ là Cộng sản!" Họ xông vào giật xé bích chương. Một cái bóng đèn rơi trúng mục sư Muste và áo của giáo sư Davidson dính đầy cà chua. Tuy vậy, một người Mỹ vẫn từ tốn nói: Chúng tôi

là bạn của tất cả mọi người Việt Nam, không phân biệt là Cộng sản hay không Cộng sản. Chúng tôi mong mỗi từ tận đáy lòng mình rằng người Việt Nam sẽ tự giải quyết các vấn đề của mình mà không cần phải sử dụng bạo lực! Đám đông càng điên tiết la lớn: "Đả đảo tay sai Cộng sản, hãy rút đi!"

Sáng sớm hôm sau, cảnh sát lùa đoàn hòa bình Mỹ lên xe đưa ra sân bay Tân Sơn Nhất, tổng xuất họ về nước. Chúng tôi chờ sẵn bên ngoài, cô sinh viên Tuyết Hoa (3) chuyển vội gửi cho cô sinh viên Mỹ Thurber bức Tâm thư kêu gọi hòa bình của sinh viên Việt Nam. Hai cô đều khóc. Thurber nói rằng các bạn Mỹ lo lắng cho các bạn ở Việt Nam quá, các bạn sẽ bị bắt bớ tra tấn mất! Cảnh sát áp tải ulla đến. Chúng tôi không làm được gì hơn, chỉ chạy theo vẫy tay tiễn đoàn lên đường. Không ai cầm được nước mắt!

Tôi thực sự không hiểu rõ ngóc ngách các sách lược của chính quyền Mỹ. Ta không thể chủ quan chỉ căn cứ vào những hiện tượng bên ngoài như guồng máy chiến tranh Mỹ ở Việt Nam hoặc phong trào phản chiến nổi lên ở chính nước Mỹ để hoạch định một đường lối đấu tranh phù hợp cho phong trào đô thị miền Nam. Tôi có dịp hiểu rõ hơn chiến lược của Mỹ vào thời điểm này khi gặp được cặp vợ chồng nhà báo Mỹ mới từ Washington sang Việt Nam đảm trách văn phòng một tạp chí lớn. Ông khá thông thạo tình hình chính trường Mỹ và tỏ ra thẳng thắn. Tôi muốn nghe ý kiến bao quát về tình hình miền Nam Việt Nam dưới mắt người Mỹ. Ông phân tích: Sau ngày lật đổ Ngô Đình Diệm cuối năm 1963, miền Nam đã thực sự ở bên bờ vực thảm tan rã cả về mặt chính trị lẫn quân sự. Người Mỹ buộc phải trực tiếp can thiệp nếu không muốn nhìn thấy chính sách ngăn chặn Cộng sản châu Á phá sản lần tiền đồn của họ ở vùng Đông Nam Á sụp đổ.



Cuộc chiến tranh hủy diệt của Mỹ

Tôi thắc mắc về tính cách thực dụng của Washington, ông nhìn nhận: Chính sách Mỹ luôn thực dụng, máy móc, chỉ nhằm phục vụ trước tiên lợi ích đế quốc của mình, không tình cảm hoặc chú ý đến con người riêng lẻ, mang tính nhân văn. Những con người như Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu tỏ ra tự ái dân tộc hoặc dám lộ hế ý tưởng độc lập, tuy là người đồng đạo Công giáo và quyết liệt chống Cộng như tổng thống Kennedy, vẫn bị chính ông ta loại bỏ không thương tiếc. Những tướng lãnh có khuynh hướng trung lập thân Pháp như Dương Văn Minh hoặc tỏ ra hơi bướng bỉnh không tuân phục như Nguyễn Khánh vào giai đoạn chót nắm chính quyền của mình không thể nào tồn tại. Vậy thì ai là những người họ cần?

- Chính là những tay sai ngổ ngáo, cao bồi điếc không sợ súng và ăn chơi playboy kiểu như Nguyễn Cao Kỳ, hoặc tuýp người khôn vặt nhưng dễ bảo như Nguyễn Văn Thiệu vào giai đoạn này. Nhưng cũng chỉ là sử dụng cho một giai đoạn. Kiểu người như Kỳ sẽ bị vứt bỏ nhanh, nhưng tuýp Thiệu có thể được sử dụng lâu dài hơn.

- Vậy theo ông thì vấn đề bận tâm lớn nhất của Mỹ hiện nay là gì?

- Đó là Trung Quốc. Họ đã kèm chế được Liên Xô nhưng chưa thể tiếp cận được với Mao Trạch Đông.

- Phải chăng thời Kennedy có nghĩ đến một giải pháp trung lập cho Đông Dương?

- Ở Washington có một lúc người ta nghĩ đến một giải pháp trung lập kiểu De Gaulle nào đó

cho Đông Dương, nhưng với điều kiện là các lãnh tụ như Hồ Chí Minh, Sihanuc và Phuma không quá nghiêng về phe Cộng sản. Điều này có thể Campuchia hoặc Lào làm được nhưng khó xảy ra ở Việt Nam. Hồ Chí Minh tuy được kính trọng nhưng đối với Washington dẫu sao ông vẫn là người Cộng sản. Đặc biệt vào giai đoạn này đang xuất hiện sự kình chống và ganh đua nhau giữa Liên Xô và Trung Quốc trong việc lãnh đạo phong trào Cộng sản quốc tế. Trung Quốc đang phát động cuộc Đại Cách mạng Văn hóa, tố cáo lãnh đạo Liên Xô là xét lại và ngán sợ Mỹ, rêu rao rằng Mỹ chỉ là con hổ giấy không đáng sợ và chủ trương thế giới nghèo khổ toàn thế giới hãy đứng lên tấn công phương Tây tư bản chủ nghĩa thù địch, với khẩu hiệu: "Nông thôn thế giới hãy bao vây đô thị thế giới!"

- Ông nghĩ sao về cuộc đấu tranh của Phật giáo đòi bầu cử quốc hội gần đây?

Rõ ràng ông không mấy lạc quan. Vì làm sao người Mỹ có thể để cho người Việt tự quyết định về chiến tranh hay hòa bình trong khi họ đang tiến hành cuộc chiến tranh với tất cả sức mạnh guồng máy vật chất-kỹ thuật to lớn của mình. Thượng tọa Trí Quang là một nhân vật độc đáo nhưng không nằm trong số lãnh tụ chính trị được Washington ưa thích vì quá độc lập và yêu nước. Nội các chiến tranh Nguyễn Cao Kỳ phải nhất nhất tuân thủ ý đồ của người Mỹ nếu không muốn rơi vào kết cục bi thảm của những Ngô Đình Diệm, Nguyễn Khánh vừa qua. Nếu Kỳ có hứa hẹn bầu cử thì chỉ làm một bước chiến thuật nhằm xoa dịu tình hình, rồi sẽ nhanh chóng tìm cơ hội quật lại. Nếu bị bắt buộc phải nhượng bộ lập quốc hội, các định chế dân chủ thì họ cũng tìm cách đưa các phe phái thân Mỹ vào. Một lực lượng hỗn tạp và quá độc lập như phong trào Phật giáo đấu tranh miền Trung đối với người Mỹ lúc này thật khó chấp nhận. Phải nên nhớ rằng hiện nay đang có mặt hàng chục vạn quân Mỹ trên đất nước Việt Nam.

- Vậy theo ông thì không có giải pháp nào cho cuộc chiến?

- Có lẽ giải pháp cho cuộc chiến hiện nay đang nằm trên thực tế chiến trường. Mà cuộc đụng độ quân sự thực sự giữa Mỹ và Cộng sản Việt Nam thì chỉ mới bắt đầu...

Tôi đồng ý với ông về nhiều điểm, nhất là về cuộc đấu tranh đòi tái lập cơ cấu dân chủ lúc này. Tôi nhìn thấy cuộc đấu tranh Phật giáo đòi bầu cử một quốc hội thực sự đại diện nhân dân miền Nam là một điều không tưởng và không có lối thoát. Bản thân tôi, nếu có làm được việc gì vào lúc này thì không phải là vì các đòi hỏi nêu trên của Phật giáo, mà thực sự chỉ nhằm góp phần mình vào nỗ lực chung của cách mạng, làm suy yếu chính quyền Sài Gòn mà thôi.

8. Yankee go home!

1966: Cuộc chiến mang tính diệt chủng leo thang nguy hiểm, Phật giáo mong muốn thể hiện tiếng nói hòa bình của mình thông qua cuộc đấu tranh nhằm tái lập các thể chế dân chủ. Cuộc chống kháng lan rộng và biến thành "một cuộc nội chiến trong cuộc chiến tranh", cuối cùng rơi vào ngõ cụt và bị đàn áp đẫm máu. Nhiều sinh viên Huế và Sài Gòn theo về phía Mặt trận Giải phóng. Tôi vào tù lần thứ hai sau nhiều đợt xuống đường đấu tranh phối hợp giữa tập thể sinh viên, đồng bào Phật tử, bà con lao động chống Mỹ và tập đoàn tướng lãnh Sài Gòn.

Phải nói rằng thời điểm 1966, một năm sau ngày người Mỹ trực tiếp đổ quân vào miền Nam, là một năm đầy biến động đối với phong trào đấu tranh đô thị. Bản thân tôi lao vào hoạt động chống chính quyền quân sự Sài Gòn quyết liệt nhất để cuối cùng bị đẩy vào tù lần thứ hai, kỳ này kéo dài đến gần 2 năm.

Các cuộc gặp gỡ với "một nước Mỹ khác" là phong trào phản đối chiến tranh của quần chúng nhân dân Mỹ vào đầu năm càng củng cố niềm tin của chúng tôi vào cuộc đấu tranh cho chính nghĩa hòa bình và chủ quyền dân tộc. Tuy nhiên đối với phong trào đấu tranh đô thị thì biến cố Phật giáo nổi dậy ở miền Trung năm 1966 đã phơi bày được bộ mặt thật của cuộc chiến, làm cho nhân dân đô thị miền Nam không còn mơ hồ về người Mỹ cũng như có tác dụng tích cực chuyển hướng nhiều lớp thanh niên đô thị về phía Mặt trận Dân tộc Giải phóng.

Sau cuộc hội họp với Tổng thống Mỹ Johnson ở Honolulu vào đầu năm 1966, các tướng Nguyễn Văn Thiệu - Nguyễn Cao Kỳ muốn nhanh chóng tóm thu quyền hành về một mối để dễ cai trị với bàn tay sắt cũng như rảnh tay điều hành cuộc chiến theo ý đồ của người Mỹ. Cái gai trước mắt của họ là lực lượng Phật giáo miền Trung và tư lệnh Vùng I, Trung tướng Nguyễn Chánh Thi, người hùng của cuộc đảo chính chống Diệm năm 1960. Tướng Thi bị nhóm tướng lãnh Sài Gòn cách chức. Vụ bãi chức này chỉ là một cái cớ để Phật giáo tung ra cuộc đấu tranh mới, đòi các tướng lãnh đáp ứng các yêu cầu chính đáng của nhân dân. Đó là lập lại các định chế dân chủ như soạn thảo hiến pháp, bầu quốc hội dân cử như đã hứa hẹn từ ngày lật đổ Ngô Đình Diệm. Binh lính Quân đoàn I hầu như đã đồng loạt nổi dậy, sát cánh cùng đồng bào Phật tử chống lại chính quyền Sài Gòn. Cuộc biến động này được báo chí nước ngoài gọi là "Một cuộc nội chiến trong cuộc chiến tranh!"

Sài Gòn chuyển Thủy quân lục chiến ra sân bay Đà Nẵng, quyết dẹp tan cuộc binh biến. Các thành phố Đà Nẵng-Huế hầu như biến thành các căn cứ địa nổi dậy mới, với các đội Sinh viên Quyết tử, quần chúng vũ trang sát cánh cùng binh lính nổi loạn, chuẩn bị sẵn sàng đánh trả quân Sài Gòn. Binh lính Quân đoàn I cũng quay nòng súng đại bác chĩa vào sân bay và căn cứ Mỹ. Thấy quân dân miền Trung làm dữ, tướng Nguyễn Cao Kỳ một mặt hứa hẹn sớm tổ chức bầu cử Quốc hội, đưa cả tướng Thi ra xoa dịu tình hình. Nhưng mặt khác vẫn ráo riết tăng cường lực lượng đàn áp, có quân Mỹ hỗ trợ ngầm đằng sau.

Tôi gặp lại một anh bạn thanh niên Pháp trước đây học nay quay sang viết báo, mới từ Đà Nẵng vào. Anh cho rằng tình hình ngoài đó trông giống như Công xã Paris hồi thế kỷ trước. Quân dân đều cầm súng và sẵn sàng đánh trả quân Sài Gòn và cả quân đội Mỹ. Đài Giải phóng cũng hàng ngày kêu gọi họ cùng hợp lực chống Mỹ, nhưng họ vẫn muốn duy trì vị thế trung lập của Phật giáo. Theo anh thì cuộc nổi dậy kiểu này chắc chắn sẽ sớm đi vào ngõ cụt không lối thoát mà thôi. Tuy vậy, bản thân anh rất thích thú với dạng nổi dậy có lập trường không chấp nhận một phe phái nào trong cuộc chiến. Lớp trẻ phương Tây như anh đã thực sự chán ngán xã hội tư bản kỹ thuật vô hồn, điều kiện hóa con người và mơ ước xây dựng một mô hình xã hội chống lại cả sự thống trị của guồng máy tư bản kỹ thuật phương Tây lẫn nạn thư lại quan liêu kiểu Cộng sản Đông Âu. Các ý tưởng đó sẽ nở rộ ở Tây Âu trong phong trào nổi dậy của lực lượng sinh viên vào năm 1968, muốn xét lại toàn bộ các giá trị của phương Tây cũng như làm điều đúng không ít chính quyền tư sản lỗi thời kiểu cũ. Tổng thống Pháp tướng De Gaulle đã phải ra đi do sức ép của phong trào sinh viên và quần chúng Pháp. Ở Mỹ, tổng thống Johnson

cũng chịu chung số phận, nhưng có lẽ do lãnh đạo Mỹ bị phá sản trong việc điều hành cuộc chiến tranh Việt Nam nhiều hơn.

Cuộc biến động miền Trung lần này có tác động phân chia lực lượng quốc gia đô thị làm thành hai phe rõ rệt. Trong hàng ngũ Phật giáo, nhóm chủ chiến Bắc di cư của thượng tọa Thích Tâm Châu đứng hẳn về phía nội các chiến tranh Nguyễn Cao Kỳ. Đa số Phật tử thì đứng về lập trường hòa bình nhưng cũng không mấy đồng nhất. Thượng tọa Thích Trí Quang nay lại xuất hiện, chủ trương tiến hành bầu cử quốc hội thể hiện được nguyện vọng của toàn dân. Hy vọng với đa số nằm trong quốc hội, Phật giáo sẽ nói lên được ý nguyện của nhân dân là đem lại chủ quyền và hòa bình cho Việt Nam.

Phong trào chống kháng nhanh chóng lan ra toàn miền Nam. Tại Sài Gòn, chúng tôi nhập cuộc ngay, nhưng nay không còn đứng dưới chiêu bài Phật giáo đòi bầu cử quốc hội mà chĩa thẳng mũi dùi vào người Mỹ, đòi chủ quyền dân tộc, đòi họ không được can thiệp vào nội bộ Việt Nam, chấm dứt cuộc chiến tranh diệt chủng.

Tại cuộc hội thảo ở Đại học Y khoa, các diễn giả sinh viên nói thẳng ra những điều đó. Họ cho rằng lịch sử Việt Nam đầy đầy những Trần Ích Tắc, Lê Chiêu Thống cống rắn cắn gà nhà' và đã bị nhân dân phỉ nhổ. Nói như vậy là tập thể sinh viên đã trực diện thách thức nội các chiến tranh của Nguyễn Cao Kỳ, luôn cùng người Mỹ đòi tiêu diệt đến người Cộng sản cuối cùng. Một "Ủy ban Sinh viên Học sinh đấu tranh cho Hòa bình và Chủ quyền dân tộc" ra đời. Ban chấp hành Tổng hội Sinh viên lại trốn biệt, tránh né phải bày tỏ thái độ. Lúc này thực ra lằn ranh đã vạch, phân rõ bạn thù, không còn thỏa hiệp được nữa.

Trong cuộc đấu tranh này, tôi hoạt động cùng hai người bạn sinh viên rất năng nổ. Một người học sư phạm và là nhà báo sinh viên Trần Triệu Luật (1) yểm trợ tôi soạn thảo nội dung các cuộc hội thảo và người kia học ngành công nghệ Trần Thiện Tứ (2) phụ trách ban hành động, nghĩa là đảm nhiệm sự an toàn của tổ chức đấu tranh sinh viên.

Trần Triệu Luật thuộc một gia đình người Bắc di cư chống Cộng nhưng lại ngả về phía Mặt trận, dĩ nhiên sau không ít trần trở và cả đấu tranh với gia đình. Trần Thiện Tứ thì đơn giản hơn, anh dễ dàng đứng về phía Giải phóng sau khi đã chán ngán những cuộc đấu tranh do Phật giáo lãnh đạo không đưa tới đâu. Tại nhiều cuộc hội thảo và xuống đường, chúng tôi đã tranh luận công khai và cả đánh nhau tay đôi với các nhóm phá hoại len lỏi vào phá đám, nhiều anh em bị thương tích. Chúng tôi cũng bắt đầu đốt xe Mỹ, đuổi đánh lính Mỹ giữa đường phố Sài Gòn.

Một số sĩ quan cao cấp thân Phật giáo tìm gặp chúng tôi và đề nghị cùng mở một thể trận thứ hai ở Sài Gòn. Họ có thể cung cấp vũ khí và bí mật huấn luyện chúng tôi như người ta đã làm ở Đà Nẵng, Huế. Ý tưởng đó có vẻ hấp dẫn, tuy vậy khi bàn luận giữa nhóm anh em với nhau, chúng tôi cuối cùng phải từ chối vì nghĩ rằng khó mà đảm đương nổi một cuộc kháng cự vũ trang giữa lòng đô thị. Chúng tôi thiếu yếu tố cơ bản là có được một hậu phương vững chắc với sự hậu thuẫn tích cực của nhân dân. Nhìn trên bản đồ Sài Gòn, nay tôi không còn nhìn thấy một vị trí nào thuận lợi để lập một trung tâm đấu tranh mới. Vành đai Thành phố bị bao chặt bởi các họ đạo Công giáo Bắc di cư chống Cộng và căn cứ quân sự Mỹ. Trong khu vực nội thành thì gồm toàn người Hoa lẫn người Việt làm ăn buôn bán chắc chắn không thích thú gì khi ủng hộ một cuộc đấu tranh phiêu lưu.

Ngay cuộc đấu tranh Phật giáo chống Diêm vào năm 1963 tuy đã được rộng rãi nhân dân Sài Gòn đồng lòng ủng hộ, vậy mà người Hoa vẫn đứng ngoài cuộc. Phật giáo lúc đó được sự hậu thuẫn của khu Bàn Cờ, với nhiều chùa chiền và khu lao động. Nhưng vào lúc này, vùng đó lại đầy người Bắc di cư của phe Tâm Châu. Sự hứa hẹn phối hợp hỗ trợ của các đơn vị quân đội nổi dậy không mấy chắc chắn. Đó là chưa kể một cuộc nổi dậy vũ trang như vậy sẽ dễ dàng bị các nhà lãnh đạo Phật giáo ôn hòa tố giác và cô lập vì mang tính bạo lực. Vậy chẳng khác nào lao vào một cuộc tự sát!



Sinh viên học sinh Huế đi phi ảnh tại quân Mỹ

Thanh niên sinh viên học sinh Huế và Đà Nẵng sở dĩ tổ chức được thành lực lượng vũ trang là nhờ sát cánh với quần chúng nhân dân và quân đội nổi dậy. Sài Gòn chưa chín mùi cho một hoàn cảnh tương tự.

Biến cố miền Trung có thể gây đau đầu cho Washington, nhưng nay họ có đầy đủ phương tiện và nhân sự để giải quyết vấn đề. Họ đã đưa trở lại Sài Gòn những tay sành sỏi như đại sứ Cabot Lodge, người từng âm mưu lật đổ Ngô Đình Diệm, nay thay thế tướng Taylor làm đại sứ. Ông ta đem theo viên phó đại sứ là tướng Edward Landsdale (3), nổi tiếng với các âm mưu kiểu CIA từ Philippines đến Nam Việt Nam cả chục năm qua. Họ sẽ có trăm mưu nghìn kế để làm thất bại ý đồ của Phật giáo và những người nổi dậy ở Quân đoàn I.

Một mặt tướng Kỳ tuyên bố sẽ tổ chức bầu cử, mặt khác ông ta chuyển thêm quân ra sân bay Đà Nẵng chuẩn bị dẹp phe nổi dậy.

Tại Sài Gòn, họ sử dụng nhiều phương kế chia rẽ phong trào đấu tranh. Người Mỹ tìm cách tiếp cận hầu hết các phe phái chính trị. Charles Sweet, một tình nguyện viên IVS quen biết tôi từ nhiều năm nay qua công tác xã hội sinh viên, nay làm việc với tướng Landsdale (phó đại sứ Mỹ, phụ trách bình định), đã tìm gặp tôi. Anh ta đề nghị nên biến lực lượng sinh viên thành các đoàn giám sát cuộc bầu cử sắp tới và sau đó tôi hãy nhận học bổng đi Mỹ du học vài năm. Anh khuyên tôi nên gặp Landsdale. Tôi không nhận học bổng cũng không muốn gặp Landsdale. Sau này khi đã vào tù, Sweet còn đến thăm và lặp lại đề nghị học bổng Mỹ.

Vào những ngày tháng 4 năm 1966, các nhóm tranh đấu đã tập hợp nhau lại, hợp lực đấu tranh chung. Nào các nhóm Hòa bình và Tự quyết, Thanh niên Phật giáo đấu tranh cho bầu cử quốc hội, Hội phục hồi văn hóa dân tộc, Lực lượng sinh viên học sinh các đại học và trường kỹ thuật... Tuy khuynh hướng và mục tiêu đấu tranh có khác nhau, chúng tôi cũng đồng ý với nhau về các điều cơ bản cho đợt đấu tranh này:

- Xác định quyền tự quyết dân tộc trong mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế xã hội và quân sự.
- Giành lại quyền thiêng liêng của nhân dân Việt trong việc thiết lập các định chế chính trị, bảo vệ chủ quyền dân tộc cũng như các quyết định về chiến tranh và hòa bình.
- Ủng hộ và đoàn kết với phong trào thanh niên sinh viên học sinh đấu tranh vì hòa bình và chủ quyền dân tộc ở Huế, Đà Nẵng, Đà Lạt, Sài Gòn và các tỉnh thành khác.

Vào cuối tháng tư, lãnh đạo Phật giáo ở Sài Gòn bỗng ra lệnh ngưng các cuộc xuống đường, có lẽ đã đạt được một số thỏa thuận ngầm nào đó với chính quyền. Các lực lượng Phật giáo đấu tranh ở Sài Gòn lâu nay do thượng tọa Thiện Minh lãnh đạo án binh bất động chờ lệnh mới. Nhân gần ngày Lao động Quốc tế Một tháng Năm sắp tới, chúng tôi quyết định dồn lực lượng quay sang yểm trợ cuộc đấu tranh của nhân dân lao động. Những mục tiêu đấu tranh của người công nhân chân chính Sài Gòn lúc đó như đòi công bằng, cơm áo, hòa bình, chủ quyền dân tộc, chống độc tài áp bức rõ ràng là không xa với các mục tiêu đấu tranh của giới trẻ chúng tôi. Sinh viên chúng tôi kết hợp với các nhóm thanh niên đấu tranh Phật giáo hăng hái nhất kéo rốc về trụ sở Tổng Liên đoàn Lao động đường Lý Thái Tổ. Đây là tổ chức lao động có khuynh hướng tiến bộ và luôn đối kháng với Tổng liên đoàn Lao công do những tay chân thân Mỹ như trùm tình báo Trần Quốc Bửu lãnh đạo.

Tại trụ sở lao động đêm trước, chúng tôi sốt ruột đợi tin tức về việc xin phép tuần hành với chính quyền. Cuối cùng thì Chủ tịch Lê Văn Thốt (4) đi về cho biết chính quyền đã răn đe đủ

điều và muốn ngăn cản cuộc tuần hành. Nhưng ông vẫn cương quyết nói rằng, nếu không được phép người lao động vẫn cứ xuống đường tuần hành, cho nên cuối cùng họ đành nhượng bộ, nhưng lưu ý rằng lãnh đạo lao động phải chịu trách nhiệm về nội dung các biểu ngữ và trật tự đoàn tuần hành. Chắc họ đã được báo rằng vào ngày mai 1/5, ngoài lực lượng công nhân lao động sẽ có sự tham gia của nhiều lực lượng sinh viên học sinh và Phật tử đấu tranh khác.

Tôi thức trắng đêm cùng soạn thảo diễn văn, góp ý viết và dịch tâm thư gửi nhân dân và lao động Mỹ. Số đông anh em khác thì kẻ biểu ngữ, bích chương, in truyền đơn.

Tôi thiếp đi trong một giấc ngủ ngắn. Nằm nhớ lại, như vậy là đã hơn một tháng nay, tôi chưa về nhà, di chuyển từ cuộc hội thảo này đến cuộc xuống đường khác. Kể từ hồi tháng 7 năm ngoái, khi việc ra khu Giải phóng bị đình hoãn lại, tôi có quay trở về trường kiến trúc làm mấy bài tập. Nhưng biến cố mới lại dồn dập đến, kéo tôi xuống đường bên cạnh những thanh niên Phật tử đấu tranh và các tổ chức sinh viên bạn bè mà tôi biết có quan hệ với Mặt trận Giải phóng. Tôi giống như một nhíp cầu nối giữa hai lực lượng tranh đấu đô thị chính yếu vào giai đoạn này. Cả hai phe khác nhau về chính kiến và mục tiêu này đều xem tôi như một gương mặt cần thiết, một người có thể vận động được lực lượng sinh viên học sinh và quan hệ với giới báo chí. Riêng đối với bản thân mình, tôi ở trong một tình trạng như một võ sĩ đạo Nhật Bản không có chủ soái. Tôi thường được tự do hành động nhưng vẫn không xa rời đường lối của Mặt trận Giải phóng. Tôi biết họ đang theo dõi và còn muốn thử thách tôi qua hành động cụ thể. Trường hợp của tôi đã từng gây không ít ngộ nhận, không ai biết tôi đang ở phe phái nào. Nhiều bạn bè cũ của tôi phát xuất từ Chương trình Công tác Hè năm xưa nay công tác ở bộ Thanh niên cũng đến tìm cách thuyết phục tôi không nên xuống đường vào lúc này vì chỉ có lợi cho Cộng sản. Vậy mà họ có biết đâu tôi đang hành động trong đường lối của Mặt trận Giải phóng rồi.

Mới sáng sớm, tôi cùng người bạn sinh viên trẻ Nguyễn Trọng Minh (5) lấy xe máy chạy một vòng khắp thành phố thăm dò tình hình. Sài Gòn vào ngày lễ lao động mà trông giống như một đô thị bị bao vây. Đâu đâu cũng dựng rào cản, đóng đầy lực lượng cảnh sát và quân đội. Khi quay về, tôi đã nhìn thấy các đoàn thể tham dự cuộc tuần hành hàng ngũ sẵn sàng. Nội dung cái rưng biểu ngữ ngày 1/5 đó đã đặt thẳng nhiều vấn đề:

- Hòa bình là nguyện vọng chính đáng của nhân dân lao động Việt Nam
- Đả đảo cuộc chiến tranh diệt chủng
- Yêu cầu chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình, độc lập cho dân tộc Việt Nam
- Yêu cầu lập một chính phủ hòa bình
- Hãy để cho người Việt Nam tự quyết định các vấn đề của mình.

Phối hợp cùng tổ chức Thanh niên Phụng sự Lao động đã nằm ngay trong tổ chức lao động, tập thể sinh viên học sinh đấu tranh chúng tôi nay tham gia xuống đường cùng bà con lao động. Chủ tịch lao động Lê Văn Thốt đọc một bài phát biểu ngắn với nội dung như ghi trong các biểu ngữ, mô tả tình trạng thê thảm của người nông dân và công nghiệp Việt Nam trong cuộc chiến tranh diệt chủng này, cho rằng người Việt hoàn toàn có "quyền chính đáng quyết định về số phận của mình, không ai có quyền can thiệp vào công việc nội bộ của nhân dân Việt Nam". Những điều mà các nhà lãnh đạo Phật giáo không dám nói lên công khai thì nay những người lao động đã nói lên hết.



Hàng rương biểu ngữ nói lên khát vọng hòa bình
và công bằng xã hội của người lao động Việt Nam

Hàng trăm tổ chức nghiệp đoàn, hàng ngũ chỉnh tề, trong rừng cờ và biểu ngữ chậm rãi vừa diễu hành vừa hô to khẩu hiệu. Đoàn người đi chậm chậm qua các đường phố Lý Thái Tổ, Cổng Quỳnh, ra Trần Hưng Đạo hướng về Chợ Bến Thành, rẽ sang Hàm Nghi có trụ sở tòa Đại sứ Mỹ (lúc đó còn đặt tại đường Hàm Nghi, từng bị đặc công Giải phóng tấn công hồi năm ngoái). Trên đường đi, hàng chục thanh niên ulla ra, lon sơn trên tay, kẻ vội lên mặt đường các khẩu hiệu chống Mỹ bằng tiếng Anh lẫn tiếng Việt to tướng: "Yankee go home!" (Người Mỹ hãy cút đi), "Hòa bình, chủ quyền dân tộc"... Nặng nề nhất là bạn Tổng Viết Thọ. Đoàn tuần hành cũng hô vang các khẩu hiệu chống Mỹ khi đi ngang qua các cao ốc có người Mỹ trú ngụ.



Dòng người và biểu ngữ tiến về Tòa Đại sứ Mỹ ngày 1/5/1966

Bỗng chúng tôi bị cảnh sát dã chiến chặn lại cách sứ quán Mỹ 100m. Họ giương cao tấm biểu ngữ ghi dòng chữ: "Bất tuân lệnh, sẽ dùng biện pháp mạnh!" Tôi nhìn thấy lỗ hố trước mặt nào viên đại tá đô trưởng Sài Gòn, quan chức Việt-Mỹ. Tình hình thật căng thẳng. Cuộc đụng độ có thể xảy ra vào bất cứ lúc nào. Đằng sau đoàn người càng dồn tới gần.

Tôi trèo vội lên nóc chiếc xe loa dẫn đường, đảo mắt nhìn một vòng đoán định tình hình. Một thoáng bối rối và lo sợ, nhưng lấy ngay lại sự bình tĩnh. Tôi biết đây là giây phút quyết định. Vào lúc đó, chỉ cần hô lên một tiếng lệnh ngắn: "Tiến lên!" là không có rào cản nào có thể ngăn được làn sóng người kia cuộn cuộn ào lên. Súng sẽ nổ, và máu sẽ đổ. Bao ống kính truyền hình của phóng viên trong và ngoài nước kia đang chĩa thẳng vào phía chúng tôi, như chờ đợi ghi lại hình ảnh một biến cố lịch sử! Tôi không biết rồi ra báo chí thế giới sẽ viết gì, truyền hình sẽ tường thuật ra sao về cuộc đụng độ đẫm máu xảy ra tại sứ quán Mỹ ở Sài Gòn vào ngày Lao động Quốc tế 1/5/1966. Bản thân tôi sẽ ra sao: Ngã gục chết ngay với loạt đạn đầu tiên, hoặc bị thương nặng rồi bị tống vào tù chung thân. Hậu quả sẽ ra sao đây đối với tổ chức nghiệp đoàn, những người lãnh đạo lao động và hàng trăm gia đình nạn nhân. Phải quyết định ngay.

Tôi cố tranh thủ kéo dài thời gian, yêu cầu đoàn tuần hành bình tĩnh tạm thời ngồi xuống, chờ đợi quyết định của những người lãnh đạo nghiệp đoàn đang tiến lên thương thảo với chính quyền. Tôi từ tốn đọc bức tâm thư của giới lao động Việt Nam gửi nhân dân và lao động Mỹ bằng tiếng Việt lẫn tiếng Anh rồi yêu cầu người Mỹ cử đại diện ra nhận thư. Nội dung tâm thư tố cáo chính quyền Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh diệt chủng tại Việt Nam và kêu gọi lao động và nhân dân yêu chuộng hòa bình Mỹ hãy ngăn chặn bàn tay đẫm máu đó.



Chiếc xe loa dẫn đầu đoàn biểu tình đến trước Tòa Đại sứ Mỹ (lúc giờ ngồi ở giữa, chủ tịch Lê Văn Thọ đang trên cao), 1/5/1966

Có người sau đó nói rằng họ mong muốn nhìn thấy đoàn tuần hành cứ xông lên, tiến vào sứ quán Mỹ. Máu sẽ đổ nhưng gây được tiếng vang lớn và kích động được phong trào đấu tranh đô thị. Bản thân tôi cũng bị một số người nghi ngờ có thể là CIA cài vào để ngăn cản một cao trào cách mạng! Nhưng phải chăng đó chỉ là hành động tự sát, phải trả với một cái giá quá đắt cho một lực lượng lao động hoạt động hợp pháp và công khai ở đô thị. Dĩ nhiên, ý kiến đó không được những người trong lãnh đạo nghiệp đoàn chấp nhận và họ cho rằng hành động của tôi lúc đó là đúng.

Cuối cùng ban lãnh đạo lao động quyết định chuyển đoàn tuần hành sang đường khác, diễu qua

các đường phố chính ở trung tâm thành phố, rồi quay về trụ sở chuẩn bị đêm văn nghệ. Tướng Kỳ đầu dễ dàng tha thứ cho hành động thách thức trên. Cùng lúc với việc đàn áp phong trào đấu tranh Đà Nẵng-Huế, họ bao vây đàn áp Liên đoàn Lao động ở Sài Gòn. Những người lãnh đạo lao động lần lượt bị bắt và trụ sở nghiệp đoàn bị đóng cửa.

Trong lúc lực lượng Phật giáo miền Trung được lệnh án binh bất động, thì Nguyễn Cao Kỳ không ngồi yên. Vào ngày 15 tháng 5, lực lượng Thủy quân lục chiến Sài Gòn từ sân bay Đà Nẵng tấn công vào thành phố, đánh chiếm khu Quân đoàn I, các ngôi chùa tỉnh hội Phật giáo. Tại Sài Gòn, họ lùng bắt những người lãnh đạo phong trào đấu tranh Phật giáo, lao động và sinh viên.

Từ Huế, Thượng tọa Thích Trí Quang lần đầu tiên lên tiếng tố cáo cái mà ông gọi là sự "tráo trở" của tổng thống Mỹ Johnson. Sau này tôi nghe nói đích thân tổng thống Mỹ đã hứa hẹn tổ chức bầu cử và yêu cầu Phật giáo tạm ngưng đấu tranh. Nay rõ ràng họ đã nuốt lời hứa để cho Nguyễn Cao Kỳ hành động! Tình hình còn tồi tệ hơn khi Thượng tọa Thích Thiện Minh, người được xem như lãnh đạo phe Phật giáo đấu tranh ở Sài Gòn bị mưu sát bằng lựu đạn, không chết nhưng bị thương nặng. Sinh viên chúng tôi phân tán lánh mặt nhiều nơi nên ít người bị bắt.

Tuy vậy, vào lúc này hàng ngũ thanh niên sinh viên chúng tôi cũng bị phân hóa rõ rệt. Chính quyền triệu tập một Đại hội Chính trị quy tụ hầu hết các phe phái Quốc gia chống Cộng, gồm cả Ủy hội Thanh niên Quốc gia vừa mới thành lập và một số thành viên ban chấp hành Tổng hội Sinh viên Sài Gòn, gần đây ra mặt trực tiếp đương đầu với phong trào tranh đấu của chúng tôi. Như vậy là cuộc đấu tranh ở Sài Gòn nay chỉ còn lại lực lượng sinh viên tranh đấu. Chúng tôi vận động tổ chức ngay cuộc tuần hành vào ngày khai mạc đại hội chính trị. Hàng nghìn sinh viên đã đáp lời và kéo xuống đường. Phản ứng trước sự tráo trở của chính quyền, trên đường tuần hành qua các đường phố Sài Gòn họ đã phần nộ giật tung các biểu ngữ lên án Phật giáo đấu tranh và cổ vũ cho đại hội chính trị. Cảnh sát ngăn cản không cho chúng tôi tiến về nơi họp đại hội trên đường Thống Nhất, đoàn biểu tình quay về trụ sở sinh viên 4 Duy Tân.

Chúng tôi họp lại, cử ra một Ban hành động và hẹn tối nay sẽ hội họp lại làm đêm văn nghệ không ngủ chống Nội các chiến tranh. Chúng tôi dự tính sử dụng nơi đây làm chỗ phát động cuộc đấu tranh mới. Đồng bào nghe tin ulla đến ủng hộ và đem đồ tiếp tế tới. Trần Thiện Tứ đã bố trí nhiều đội hành động sẵn sàng đánh trả nếu bị tấn công. Tuy vậy, suy đi tính lại mới nhìn thấy trụ sở sinh viên dễ dàng bị cô lập trong khu vực bao quanh chỉ toàn công sở và biệt thự, anh em dễ bị bao vây và bắt tĩa từng người. Một người bạn biết được tin tức mật về âm mưu của chính quyền sẽ tấn công trụ sở, vội điện cho chúng tôi hay. Dự kiến họ sẽ cho đám Thanh niên Trừ gian (6) của Nguyễn Cao Kỳ cùng du đảng giả dạng sinh viên vào tham dự đêm không ngủ, tìm có xung đột với ban tổ chức. Lấy cớ lập lại trật tự, cảnh sát đã chiến và quân đội sẽ ulla vào bắt giữ tất cả. Nhưng họ sẽ thanh lọc, thả phe của họ ra và bắt giữ sinh viên tranh đấu.

Một số anh em ra ngoài đã bị bắt lẻ tẻ, trong đó có Tuyết Hoa, một thành viên tích cực và là thủ quỹ của phong trào tranh đấu của chúng tôi. Chúng tôi quyết định phải rút lui thôi, sớm tản anh em ra ngoài bớt, đến tối phải tản đi cho hết. Tôi và Tứ ở lại sau cùng, đèn đuốc vẫn cố tình thấp sáng choang. Đợi đến gần tối mịt, hai đứa tôi mới lườn theo lối chó mặt đường phía sau ít ai để ý chuồn ra ngoài. Chúng tôi về tạm trú an toàn ở nhà chị Ngô Bá Thành gần đó. Tự nhủ: "Tránh voi chẳng xấu mặt nào!" Đành phải bảo toàn lực lượng để đợi cơ hội khác vậy.

Nhân có một phóng viên trẻ của một tờ báo Mỹ có uy tín Christian Science Monitor (Người hướng dẫn Ki tô giáo khoa học) mới từ Washington đến muốn phỏng vấn, tôi tổ giác luôn sự lặt lọng của Mỹ cùng chính quyền Sài Gòn và nói thẳng ra lập trường của phong trào tranh đấu sinh viên Sài Gòn, khác với lập trường trung lập và ôn hòa của Phật giáo miền Trung. Có lẽ nội dung bài báo này là nguyên nhân chính khiến tôi bị chính quyền quân nhân cho nằm tù mấy năm.

Anh ta vào đề ngay không rào đón:

- Lực lượng đàn áp của các tướng lãnh Sài Gòn có vẻ đang thắng thế. Anh có nghĩ rằng lực lượng nổi loạn Phật giáo miền Trung sẽ sớm bị tiêu diệt?

Tôi chỉnh ngay:

- Tôi không muốn anh dùng từ nổi loạn để chỉ những người Phật giáo đấu tranh. Anh mới chỉ nhìn thấy khía cạnh quân sự của vấn đề. Nếu quân Sài Gòn có thể dễ dàng tấn công Đà Nẵng là do các lãnh tụ Phật giáo đã ra lệnh ngưng kháng cự vũ trang để đáp lại việc chính quyền chấp nhận tổ chức bầu cử. Cho nên nếu xem Phật giáo như một tổ chức nhân dân tranh đấu cho dân chủ, hòa bình và chủ quyền dân tộc, thì đây là một lực lượng chính trị không dễ dàng bị tiêu diệt.

Anh ta lại đặt câu hỏi thường thấy của giới báo chí phương Tây vào lúc này:

- Tại sao giữa một cuộc chiến tranh đang leo thang gay go như thế này mà Phật giáo lại đòi tiến hành bầu cử quốc hội. Vì sao không tạm thời để chính quyền hiện nay hoạt động cho đến hết chiến tranh rồi hẵng hay?

Tôi phản ứng ngay:

- Chính là do chiến tranh leo thang nguy hiểm mà chúng tôi cần có các tổ chức dân cử của nhân dân miền Nam, như vậy thì tiếng nói đích thực của nhân dân mới được nghe thấy. Kể từ ngày Ngô Đình Diệm bị lật đổ đến nay, chính quyền luôn nằm trong tay các tướng lãnh. Họ thực ra không đại diện được cho một ai cả và chỉ là những bù nhìn thi hành các chỉ thị của người Mỹ. Đối với chúng tôi, nội các chiến tranh Nguyễn Cao Kỳ hoàn toàn lệ thuộc Mỹ và không hề đại diện nhân dân Việt Nam.

Anh ta thú nhận:

- Tôi mới từ thủ đô Washington đến và biết rằng ở đó người ta không thể nào chấp nhận cho Phật giáo chủ động tham gia bầu cử tự do đâu. Tôi thực sự lo ngại cho cuộc đấu tranh của các anh...

Tôi nhìn nhận rằng mình cũng ý thức rõ việc người Mỹ không bao giờ chấp nhận cho Phật giáo tham gia vào cuộc bầu cử vì e sợ họ sẽ chiếm đa số và như vậy sẽ đặt ra các vấn đề chủ quyền dân tộc và hòa bình. Chúng tôi biết sẽ bị người Mỹ cản trở, nhưng thực sự không còn cách nào khác để cho nhân dân Việt Nam bày tỏ nguyện vọng của mình.

Anh ta bèn hỏi tiếp:

- Như vậy, nếu nắm được đa số trong quốc hội thì các anh sẽ làm gì ngay nào?

Tôi nói thẳng không giấu giếm:

- Chúng tôi sẽ đặt ngay vấn đề sự có mặt của người Mỹ ở Việt Nam, tìm cách chấm dứt cuộc chiến và để người Việt Nam giải quyết các vấn đề nội bộ với nhau. Nhân dân Việt Nam phải có toàn quyền quyết định về số phận của mình.

Anh ta lại đẩy xa vấn đề hơn: "Và cứ như vậy thì rồi sẽ ra sao đây?"

Tôi bày tỏ nguyện vọng của mình:

- Trước tiên sẽ chấm dứt ngay cuộc chiến tranh ở miền Nam, rồi sẽ đối thoại với miền Bắc tiến hành thống nhất đất nước không có sự can thiệp của nước ngoài.

Anh ta thành thực nói:

- Chính đây là điều mà người Mỹ hiện nay lo sợ xảy ra nhất. Cho nên với bất cứ giá nào họ phải tìm cách loại bỏ phong trào đấu tranh Phật giáo và sinh viên. Bản thân tôi rất có cảm tình với các anh nhưng không thể lạc quan về phong trào đấu tranh gan dạ của các anh.

Tôi hoàn toàn ý thức về tình trạng tuyệt vọng "lấy trứng chọi đá" này, như câu người mình thường nói. Nhưng bằng mọi cách, chúng tôi phải làm suy yếu chính quyền Nguyễn Cao Kỳ, xem như một cách đóng góp vào nỗ lực chung của Cách mạng vậy.



Bàn thờ Phật xuống đường ở Huế

Sinh viên dự tính tổ chức cho được một cuộc tuần hành phản kháng lớn phối hợp với những lực lượng Phật tử ngay giữa trung tâm Sài Gòn vào ngày quân của Kỳ từ Đà Nẵng tiến ra đàn áp phong trào Phật giáo Huế. Ở ngoài đó, nhân dân đã đưa bàn thờ xuống đường, nhưng làm sao ngăn nổi được xe tăng và súng đạn. Nhiều người trong phong trào đấu tranh bị bắt. Không còn đường nào khác, nhiều sinh viên học sinh đã lên chiến khu Giải phóng tiếp tục cuộc chiến đấu.

Tại Sài Gòn, chúng tôi đã tổ chức được cuộc hội thảo cuối cùng ở trường Y, dự định sau đó kéo ra kết hợp với lực lượng thanh niên Phật tử tuần hành. Nhưng đoàn Phật tử đã bị chặn lại và giải tán giữa đường không đến được, sinh viên chúng tôi bị cô lập vây chặt ở trong giảng đường trường Y (vị trí Bảo tàng chứng tích Chiến tranh hiện nay) không thoát ra được. Phải đối đầu với lực lượng đàn áp quá mạnh, chúng tôi không thực hiện nổi ý đồ của mình. Hầu hết những người lãnh đạo phong trào đấu tranh sinh viên đã bị bắt vào giữa tháng 6 năm đó.

Phong trào đấu tranh của sinh viên học sinh năm 1966 đã rẽ sang khúc ngoặt mới. Họ ý thức được rằng không thể nào thỏa hiệp được với những thế lực Quốc gia phản động, các tướng lãnh bù nhìn của Mỹ để xây dựng tự do dân chủ và công bằng xã hội. Cuộc đấu tranh sinh viên chỉ còn một hướng duy nhất là trực tiếp chống người Mỹ và chính quyền Sài Gòn.

9. Ghi chép trong tù

1966-1968: Nhà tù đã có tác dụng mở mắt cho chúng tôi nhìn thấy thực tế đất nước, hết còn ảo tưởng về những huyền thoại tự do dân chủ giả hiệu của chính quyền Sài Gòn, và trở thành "nhà trường cách mạng" đối với nhiều người yêu nước. Bản thân tôi cũng đã phần nào trưởng thành trong các đợt tù đầy này. Đây là cơ hội giúp tôi quan hệ được với nhiều tầng lớp đồng bào, khẳng định được quyết tâm chiến đấu chống Mỹ. Tôi ra khỏi nhà tù để rồi bị lừa vào trại huấn luyện quân đội Sài Gòn vào thời điểm xảy ra cuộc tấn công Tết Mậu Thân đầu năm 1968.

Đêm nay không ngủ được. Tối hôm qua, tôi chỉ thiếp đi sau buổi thẩm vấn căng thẳng. Giữa khuya thức giấc và trần trọc cho đến sáng, nghĩ về những diễn biến mấy ngày qua. Như vậy là hơn một tuần nay, tôi vẫn còn bị nhốt riêng một mình tại Trung tâm thẩm vấn của Tổng nha Cảnh sát Quốc gia Sài Gòn. Không một ai được phép tiếp xúc với tôi.



Trong gông cùm – tranh Bùi Chí

Hàng ngày, ngoài giờ bị kêu lên thẩm vấn, chỉ có người tù tạp dịch xuất hiện như một chiếc bóng câm lặng đến đặt và lấy đi phần ăn, mở cửa cho tôi đi vệ sinh, đổ thùng nước tiểu, rồi lảng đi ngay.

Vì sao tôi không bị nhốt chung với các tù nhân khác hoặc nhóm sinh viên cùng bị bắt mà lại để riêng ở đây. Riêng tôi bị cô lập, phải chăng họ muốn khai thác điều gì đặc biệt nơi tôi? Trong các cuộc thẩm vấn vừa qua, tôi có cảm giác những người hỏi cung còn mơ hồ về bản thân tôi: Người của CIA, liên hệ Việt cộng, hay gián điệp đôi?

Suốt tuần qua họ cứ tập trung hỏi tôi về các mối quan hệ với các nhân vật Mỹ, các người cầm đầu phong trào đấu tranh Phật giáo, lao động và hòa bình và nhất là nội dung các bài phỏng vấn của các nhà báo Ý và Mỹ. Họ chìa cho tôi xem các tài liệu đó. Nhà báo Ý tên là Totti (1) có lẽ bị tịch thu hết tài liệu ở sân bay Tân Sơn Nhất, trong đó có bản ghi chép phát biểu của tôi và tài liệu phong trào đấu tranh tôi nhờ chuyển hộ ra cho báo chí nước ngoài. Còn bài phỏng vấn của tờ Christian Science Monitor thì có lẽ họ ghi lên telex nhà báo đánh đi. Viên thẩm vấn hỏi: Bộ anh không biết Totti làm báo Cộng sản sao? Lập trường thân Cộng trong báo Mỹ là ở đâu ra, có phải bọn Việt cộng mớm mồi cho không?

Tôi không có gì giấu giếm họ về lập trường đấu tranh công khai của mình cũng như các mối quan hệ với người Mỹ, nhưng dĩ nhiên là không hề hé răng về mối quan hệ với Mặt trận Giải phóng. Họ bắt tôi làm đi làm lại các lời khai mong tìm ra các sơ hở, xem có điều gì không khớp nhau. Tôi không bị đánh đập hoặc áp dụng các biện pháp mạnh như thường thấy ở các phòng khai thác. Có lẽ họ còn xem tôi như một người thuộc phe đối lập Quốc gia. Bằng đi một tuần không hỏi han gì, rồi họ lại thẩm vấn tiếp. Lần này với các người lạ, có lẽ là từ bên An ninh quân đội sang, toàn là người Bắc di cư. Dưới thời nội các chiến tranh Nguyễn Cao Kỳ, Tổng nha cảnh sát và An ninh quân đội điều hành chung dưới quyền của đại tá Nguyễn Ngọc Loan (2). Có vẻ họ đã qua khóa huấn luyện đặc biệt của Mỹ nên cách hỏi cung bài bản hơn. Họ ghi chép tỉ mỉ nhưng có vẻ cũng không khai thác được thêm điều gì mới. Rồi ngưng lại, hình như để có thì giờ kiểm chứng. Thôi thì mặc cho có ra sao thì ra. Tôi bỗng nhớ bài hát: "Que sera sera!" Biết ra sao ngày mai.

Đây là lần thứ hai tôi vào tù Tổng nha. Ba năm đã trôi qua kể từ ngày tôi dẫn thân vào cuộc đấu tranh. Nếu lần vào tù trước tôi có bị sốc và hoang mang, lần này sao tôi cảm thấy bình thản lạ. Có lẽ là do trong lòng tôi đã xác định được phần nào về con đường trước mặt, sự chọn lựa đã rõ ràng hơn.

Điều bối rối duy nhất là tổ chức Cách mạng chưa chấp nhận tôi. Thực ra cũng khó trách họ. Cách mạng là việc sống chết. Trường hợp bản thân tôi khá phức tạp cần nhiều thời gian xác minh, thử thách. Dầu sao tôi cũng chưa được luyện rèn qua đấu tranh gian khổ, nhận định bạn thù chưa rõ ràng, bản thân tôi còn dễ chao đảo. Nói theo kiểu toán học, tôi chưa hội đủ các điều kiện ắt có và đủ để có thể trở thành một người cách mạng.

Cụ thể là vào lúc này đây, ngay những kẻ thẩm vấn vẫn không xem tôi như thành phần nguy hiểm, dĩ nhiên còn lâu mới là một Việt cộng. Đối với họ, tôi chỉ là một kẻ "ăn cơm Quốc gia thờ ma Cộng sản" kiểu lửa rơm, non nớt, lý tưởng hão, dễ bị Cộng sản rử rê xỏ mũi! Tóm lại tôi là một kẻ mà chỉ cần cô lập nhốt tù rần đe một thời gian rồi tổng đi quân trường đày đi làm lính là yên chuyện, rồi đâu cũng vào đấy thôi!

Hôm nay tôi được "thăm nuôi mù", nghĩa là được nhận đồ tiếp tế mà không được gặp người thân. Tôi nhận ra những món ăn quen thuộc má tôi thường nấu. Khổ cho má tôi, một đời tần tảo nuôi con, tưởng tập trung lo lắng cho tôi là đưa con đầu đàn ăn học đảng hoàng để dẫn dắt đàn em nên người. Ai ngờ tôi chỉ là kẻ gây lo lắng phiền toái nhất trong gia đình. Má tôi vẫn tiếc rẻ: "Biết vậy má đã tổng con đi Pháp học sớm cho rồi!" Còn người thân quen ai cũng than thở: "Phải chi năm ngoái nó nhận học bổng đi Mỹ!"

Họ chuyển tôi sang phòng giam người bị cáo buộc dính dáng Việt cộng hoặc đấu tranh hòa bình thân Cộng. Tôi gặp lại chị giáo sư trường luật Ngô Bá Thành đấu tranh cho hòa bình. Ở trại đó tôi có dịp nhìn thấy những người Việt Cộng bị giam riêng mé sau, tôi không được phép quan hệ. Nào là nhóm đặc công của anh Bảy Bê (3) (từng tấn công sứ quán Mỹ trên đường Hàm Nghi hồi năm ngoái), nhóm cầm đầu học sinh Giải phóng các trường trung học và lẻ tẻ có cả các anh chị tình báo đơn tuyến (sau này tôi mới biết). Các cuộc đấu tranh thường nổ ra ở đây: Chống chào cờ, không hát quốc ca Việt Nam Cộng hòa, phản đối điều kiện ăn ở thiếu vệ sinh, lên án sự đối xử tàn tệ. Tôi có dịp cho ra khiêng nước cung cấp cho các phòng giam nên nhìn thấy quả thực điều kiện ăn ở quá tồi tệ. Khẩu phần bị nhà thầu cắt xén quá nhiều nên người tù chỉ còn ăn mắm mục, cơm ầm mốc và đầy cát sạn. Phòng mấy mét vuông mà nhét vào cả chục con người, nằm ngủ sấp lợp như cá mè trong hộp, mỗi lần muốn trở mình phải thức anh em dậy đồng loạt. Tắm giặt chỉ được mấy lon nước. Khổ nhất cho các cô thời gian có kinh! Có giữ gìn vệ sinh cách mấy rồi ai cũng bị ghẻ ngứa và lang ben, bạch diện. Cứ mỗi lần đấu tranh đòi cải thiện điều kiện ăn sống là bị đem ra trừng trị đánh tướt máu, xỉu lên xỉu xuống thật thê thảm. Để phản đối chỉ còn cách tuyệt thực tập thể. Phản ứng lại, giám thị lại đàn áp, đánh đập, đẩy người cầm đầu đi nhốt cát-sô cô lập ra. Tôi đã nhìn thấy nhiều thanh niên bị nhốt cát-sô, lột trần truồng, tay khóa ngoặt ra sau lưng, miệng đeo hàm thiết như ngựa (do sợ người tù quần trí cắn lưỡi tự tử).

Với bầu máu nóng thanh niên, tôi cũng muốn tham gia chịu chung số phận với tập thể, nhưng chị Thành nháy mắt lắc đầu có ý khuyên tôi không nên manh động tham gia. Lúc đó tôi bực bội, sau này mới hiểu là cần như vậy để giữ mình. Tôi cũng như chị Thành luôn cần giữ nhãn hiệu Quốc gia hợp pháp, cuộc chiến đấu còn dài, có nhiều chuyện phải làm trong thể công khai tương lai.

Sáu tháng sau, họ mới chuyển tôi đi giam ở Trung tâm Cải huấn Tân Hiệp (4), gần Nhà thương điên ở tận trên Biên Hòa. Vụ việc của tôi không thể chuyển thành án, cho nên họ đã đưa tôi tới đây, giam giữ theo biện pháp hành chính, do Hội đồng An ninh quyết định hạn tù. Tại đây mọi người phải vào khuôn phép của một trung tâm cải tạo quy mô lớn, giam giữ cả nghìn người, cưỡng bức học tập chính trị kiểu thời Ngô Đình Diệm. Trung tâm này lập ra không chỉ nhằm cải tạo những người thân Cộng mà cả những người khác chính kiến với chính quyền Sài Gòn, nên

lúc này cũng nhất nhiều người dính líu vào cuộc đấu tranh của Phật giáo miền Trung vừa qua.

Tất cả những người mới đến đều phải tham gia học tập đường lối quốc gia, nghe giảng chung ở giảng đường và thảo luận tổ có thu hoạch ở các phòng. Trung tâm phân chia thành nhiều trại và phòng với các đội sản xuất, trồng trọt, sửa chữa, dịch vụ linh tinh. Thời biểu sinh hoạt như một trại lính, răm rắp theo lệnh tiếng kiếng.

Tôi thường nhìn thấy hàng chục người vi phạm kỷ luật trại, trần truồng bò lết trong khu kỷ luật, tay chân bị còng ngoặt ra sau lưng, thường bị đánh đập. Mỗi ngày chỉ được một vắt cơm. Tắm thì chỉ là một xô nước tạt lên người, tiêu tiểu tại chỗ. Khi hết hạn phạt thì tự bò lết về trại mình, không ai được giúp đỡ, nhằm răn đe tập thể tù nhân.

Mỗi trại đều có ban đại diện cùng với nhóm trật tự do giám thị cắt đặt. Vào các giờ cơm sáng, trưa, chiều các phòng cử người khoẻ mạnh xuống khu ẩm thực khiêng phần ăn cho hàng trăm người. Trại rộng như trại lính, bố trí lối đi giữa, thềm ngỏ bằng xi măng hai bên. Đồ đạc của người tù bó gọn trong mảnh chiếu, chiếc chăn và một thùng cát tông sữa Guigoz đựng vật dụng và áo quần cá nhân. Ngủ dậy phải sắp xếp gọn ghẽ lên đầu nằm. Mỗi chiều đều điểm danh và khóa phòng lại. Ngày thứ sáu là ngày thăm nuôi, thân nhân lên thăm viếng và tiếp tế áo quần, vật dụng, thức ăn thêm. Có người ở tỉnh xa lên phải tìm nhà trọ sáng mai đến thăm nuôi sớm. Sáng thứ bảy đặc biệt có mục sư đạo Tin lành Kì tô Phục lâm đến giảng đạo.

Tại trại giam này tôi được nhiều người thăm viếng. Có người lên thăm như một lời giã từ, vì sau đó tôi chỉ gặp lại họ cả chục năm sau chiến tranh hoặc không bao giờ gặp lại.

Nguyễn Xuân Lộc, người bạn ở trường khoa học đến thăm và sau đó đã đi luôn không về sau khi dự một hội thảo quốc tế về toán học ở Bắc Âu. Anh là người đã cùng tôi chuẩn bị ra khu theo Giải phóng nhưng không thành. Vậy là anh tìm cách thoát ra nước ngoài, lấy bằng tiến sĩ toán học tại Đức, hoạt động trong phong trào Việt kiều Yêu nước hải ngoại và về Hà Nội rất sớm ngay sau ngày Giải phóng. Gia đình anh vẫn còn ở lại Hà Nội, anh em mọi người đều thành đạt.

David Marr (5) là một người bạn Mỹ ngoại lệ. Năm 1965 tôi gặp anh ở nhà giáo sư Ted Britton khi anh đã giải ngũ khỏi quân đội về đi học lại, sang Việt Nam tìm tài liệu cho luận văn sử học về phong trào Đông du của cụ Phan Bội Châu. Trong tư thế một sĩ quan thông dịch tiếng Việt, anh đã từng đến vùng Đồng bằng sông Cửu Long rất sớm vào năm 1961 khi người Mỹ bắt đầu giai đoạn Chiến tranh đặc biệt trong đoàn lính thủy quân lục chiến Mỹ. Theo thông lệ đại học Mỹ những sinh viên hưởng học bổng quân đội phải phục vụ mấy năm trong một binh chủng. Anh học tiếng Việt từ đó, đến Đà Nẵng lại cưới một cô giáo gốc Huế nên càng rành tiếng Việt hơn và nói tiếng Việt pha giọng Huế. Anh giải ngũ ở cấp đại úy, quay về trường tiếp tục làm cao học. Anh chú ý nghiên cứu thực tế Việt Nam và bắt đầu bày tỏ thái độ hoài nghi về sự can dự của Mỹ và sau chuyển thành phản kháng quyết liệt cuộc chiến do Mỹ tiến hành. Anh khá thân thiết với các bạn tôi như Trần Triệu Luật, Nguyễn Trọng Văn trong Tổng hội Sinh viên Sài Gòn và chia sẻ quan điểm với họ về chiến tranh Việt Nam. Thăm viếng tôi lần ấy xong anh về Sài Gòn, đi biểu tình chống chiến tranh cùng sinh viên và bị trục xuất. Tôi chỉ gặp được lại anh sau chiến tranh.

Người Mỹ mà tôi ít mong đợi nhất là Charlie Sweet, chàng thanh niên trong Đoàn Thanh niên Chí nguyện Mỹ IVS chuyển sang công tác với tướng CIA Landsdale phó đại sứ Mỹ. Anh đã từng đề nghị tôi tham gia giám sát bầu cử và du học Mỹ hồi năm ngoái giữa mùa tranh đấu biến động Phật giáo miền Trung. Nay anh lặp lại đề nghị du học với học bổng "Leadership" (lãnh đạo thanh niên) (6) mấy năm. Nếu chấp nhận tôi có thể ra khỏi tù để đi ngay. Tôi không biết đây là thiện ý của anh và bạn bè hay lại là một âm mưu gì đó. Tôi cảm ơn anh nhưng nói mình không thể chấp nhận.

Tôi ngạc nhiên nhìn thấy cô bạn sinh viên KM lên thăm tôi. Sau tôi mới biết lần thăm viếng đó là lần cuối cùng trước ngày đi lấy chồng. Hình như tôi đã nhận được lá thư lăm lăm các cánh

hoa màu tím nhạt, nội dung chỉ là những thăm hỏi kiểu bạn bè và ghi lại bài thơ cô vừa sáng tác. Một anh bạn rành về ý nghĩa màu sắc giấy viết thư theo lối Pháp giải thích rằng màu hoa tím có ý nói tình cảm vẫn còn nhưng tiếc rằng phải chia tay! KM học trường Pháp, từng nổi tiếng ở trường Văn khoa như một nhà thơ nữ khá táo bạo, dám nói lên những cảm xúc mà người con gái Việt ở tuổi cô thường che giấu. Năm qua, cô có chân trong ban chấp hành sinh viên đoàn Văn khoa phụ trách ngoại vụ, là đối tượng si mê theo đuổi của nhiều người. Chúng tôi chỉ gặp nhau qua các cuộc xuống đường tranh đấu. Cô bị bắt nhưng ra tù sớm, có nuôi mủ tôi mấy lần, những gói quà tượng trưng ý nhị: Mấy cái kẹo gừng, kẹo cau, vài chiếc bánh Huế. Phải chăng đây chỉ là một thoáng lãng mạn thời sinh viên:

... em đến mang quyền luyện

em đi buồn ngẩn ngơ

em về gieo thương nhớ

em lại đi

tôi gục đầu

qua song sắt

lặng nhìn theo

ôm mặt khóc!

Người con gái tôi nhận được thư từ thường xuyên ở đây lại là KL đang du học Mỹ. Chúng tôi có lẽ đã lấy nhau nếu dòng đời cứ trôi chảy bình thường. KL biết tôi từ lúc còn học các năm cuối trung học. Một mối tình đầu đời thường xảy đến giữa một nữ sinh và một sinh viên mới vào đời. Ý định từ bỏ học bổng đi Mỹ cũng như quyết định ra chiến khu vào năm 65 của tôi có lẽ buộc người chị lớn khôn ngoan và có thể lực của gia đình này quyết định đưa cô em gái của họ đi Mỹ. Một nửa gia đình họ sau cuộc chiến tranh với Pháp đã tập kết ra miền Bắc biên biệt, có lẽ họ không muốn lặp lại tình cảnh đó. KL lên đường sang Mỹ du học khi tôi mất hút trong các tháng đấu tranh năm 66 ấy. Những dòng thư vẫn đầm thắm và dịu dàng nói về đời sống, học hành bên Mỹ: "Hòa nhập vào một xã hội xa lạ thật khó. L phải cố gắng nhiều để theo kịp bạn Mỹ. Nay đã biết lái xe đến khuôn viên đại học. Ở đây thật thanh bình không giống như ở bên nhà..." Đúng, cuộc sống của KL đã rẽ sang một bước ngoặt mới. Không như ở đây, ngay giữa khu trại giam này vẫn nghe tiếng đoàn xe cơ giới quân sự gầm rú, tiếng máy bay phản lực inh tai và tiếng súng ì ầm, hỏa châu chiếu sáng hàng đêm. Tôi không có mặc cảm và ghen tức gì với KL nhưng rõ ràng là cuộc sống của chúng ta hiện nay mỗi người mỗi cảnh quá khác biệt. Không biết rồi ngày mai sẽ ra sao? Khi ra tù, tôi mất liên lạc với KL và nghe tin cô đã lấy chồng.

Tôi và một số người đặc biệt được nhận sách vở học tập, nghiên cứu, dĩ nhiên phải qua khâu kiểm duyệt thường rất kỹ. Nhờ vậy mà tôi học thêm được tiếng Hoa kha khá, bắt đầu đọc được cả cổ văn và mở rộng tầm nhìn về kiến trúc-đô thị. Tôi được chuyển sang dạy tiếng Anh vài buổi chiều trong tuần, ngoài ra giúp việc ở văn phòng. Khi dạy, tôi thường hỏi: "Học tiếng Anh làm gì?" Có người trả lời nửa đùa nửa thật: "Để thăm vấn tù binh Mỹ!" Biết đâu trong số thanh niên này lại không có người trở thành cán bộ Giải phóng thăm vấn tù binh Mỹ thật.

Sau một năm ở đây tôi được lệnh thả. Có lẽ chính quyền cũng chả coi tôi ra gì, một thành phần quấy phá không đáng sợ, chỉ cần cô lập một thời gian là xong. Tuy tiếng là trả tự do, thực ra là tôi bị tổng thẳng lên Trung tâm huấn luyện Quang Trung, nơi đào tạo binh lính Sài Gòn, nằm trong số trốn lính, đào ngũ, mới ra tù. Lại là một loại nhà tù kiểu khác của chế độ Sài Gòn!



Người bạn Mỹ David Marr.

Những dòng sau đây ghi lại những suy nghĩ của tôi khi ra tù, gửi cho người bạn David Marr ở Mỹ. Bài đã được dịch và đăng trên tạp chí Mỹ The Nation (Đất nước) số ra ngày 24/3/1969, giấu tên dưới bút hiệu Nguyễn Văn Minh, với tiêu đề và lời giới thiệu sau đây:

Ai là kẻ thù ?

Ghi chép trong tù

của một thanh niên Việt Nam.

"David Marr, người dịch bài và viết phần giới thiệu dưới đây, là giảng viên sử học tại Đại học California và chuyên gia về lịch sử hiện đại Việt Nam. Hiện anh đang hoàn thành cuốn Phong trào chống thực dân của Việt Nam do nhà xuất bản Đại học California ấn hành.

Kể ra Mỹ đã can dự khá lâu vào thảm kịch Việt Nam, vậy mà người Mỹ không hiểu gì mấy về thái độ của nhân dân Việt Nam đối với chiến tranh, sự có mặt của quân đội Mỹ, chủ nghĩa Cộng sản, tự do chính trị... Điều đó một phần cũng do trong hầu hết các bài báo, báo cáo chính thức, tường trình về các chuyến đi tìm hiểu sự thật và diễn văn chính trị, không mấy ai chú ý đến những điều được nói hoặc được viết ra của chính người Việt Nam.

Nguyễn Văn Minh là bút danh của một lãnh tụ sinh viên Việt Nam khá nổi tiếng, từng hoạt động tích cực trong phong trào đấu tranh đô thị kể từ vụ lật đổ Ngô Đình Diệm năm 1963 cho đến lúc Nguyễn Cao Kỳ đàn áp cuộc đấu tranh Phật giáo năm 1966. Do đó, anh chỉ nói lên được một trong nhiều lập trường khác nhau của người Việt. Và không giống hầu hết những người thuộc giới trung và thượng lưu đô thị như anh, bản thân anh đã xác định cái giới hạn đó. Anh không cho rằng mình là người phát ngôn cho tất cả những người nông dân thâm lặn, người lao động chật vật hoặc người nghèo khó tại đất nước khốn khổ của anh.

Thời điểm mang tính quyết định đối với Minh là tại các nhà tù do chính quyền Sài Gòn và các quan thầy cố vấn Mỹ (từ mà chính Minh đã chua chát sử dụng) dựng lên. Cùng với anh có hàng trăm sinh viên học sinh, con số có thể lên cả nghìn, đã bị đẩy vào nhà tù vào các tháng 5 và tháng 6 năm 1966. Câu chuyện kể của Minh, ngoài phần đóng góp một tư liệu bổ ích cho việc tìm hiểu thái độ chính trị đương đại của người Việt Nam, nó còn ẩn chứa cả một bài học. Chính tại nước Mỹ, ngày càng có nhiều thanh niên nam nữ cũng rơi vào vòng tù tội vì lý do chính trị. Có thể nào họ tìm được nơi đây một sự đồng cảm, chia sẻ các nỗi bất hạnh, và cả một sự đối mặt tâm lý với chính bản thân mình? Phải chăng họ cũng đang trải qua quá trình nhận dạng kẻ thù' tương tự như Minh, dĩ nhiên ở trong một hoàn cảnh khác?

"Tôi thuộc một nhóm thanh niên thành thị miền Nam Việt Nam mới ra khỏi nhà tù và đang bị tống vào quân trường. Cũng giống như các bạn, tôi đang phải tự xác định cho mình một lập trường dứt khoát trong cuộc chiến đẫm máu này. Ở đây tôi chỉ muốn trình bày cho các bạn, có lẽ cũng vào cỡ tuổi tôi và chắc cũng đang có cùng những tình cảm và hoàn cảnh tương tự như tôi. Nhiều người trong số các bạn bị buộc phải chọn lựa giữa quân đội và lao tù.

Trong những năm vừa qua, bản thân tôi đã phải đối mặt với một chuỗi dài những thực tế. Trước hết là đối mặt với những người bạn Mỹ, rồi đến các kẻ thù Cộng sản và cuối cùng, mang tính quyết định là đối mặt với chính bản thân mình. Tất cả đã giúp tôi xác định được thái độ và lập trường của một thanh niên thành thị như tôi giữa cảnh dầu sôi lửa bỏng của đất nước.

Cái ngày tôi thực sự rời xa các bạn người Mỹ xảy ra vào giữa năm 1966 khi xuống đường đấu tranh cho nhân dân miền Nam có được một cuộc bầu cử tự do chọn lựa đại biểu cho người dân thành phố còn chưa nằm trong vùng kiểm soát của Mặt trận Giải phóng. Chúng tôi hy vọng các đại biểu này sẽ cùng ngồi lại với những người Việt Nam có chính kiến khác nhau quyết định về vận mạng của đất nước. Đó là vào thời điểm mà cả hai miền Nam Bắc Việt Nam đang hứng chịu bom đạn nặng nề nhất kể từ ngày lực lượng Mỹ đổ vào đây.

Cũng phải thành thực mà nói, lúc đó chúng tôi cũng không tin rằng sẽ dễ dàng thực hiện được việc đó. Phe quân sự Mỹ, với nửa triệu lính gồm cả không quân và hải quân có mặt khắp hai miền Nam Bắc Việt Nam chắc chắn là không chấp nhận rồi. Những kẻ lợi dụng chiến tranh, gồm cả người Mỹ lẫn người Việt, không thể chấp nhận được một diễn tiến như vậy.

Ngoài ra, sau hội nghị Honolulu diễn ra vào đầu năm 66, người Mỹ cùng các tướng lãnh đồng minh người Việt đã âm mưu sắp đặt kế hoạch đáp ứng yêu cầu đòi bầu cử của người Việt Nam theo cách riêng của mình, nghĩa là làm sao hợp thức hóa được đám bù nhìn để tuyên truyền với thế giới. Thật vậy, chỉ mấy tháng sau khi phong trào đấu tranh đòi dân chủ của chúng tôi bị dẹp tan, thì bỗng như một phép lạ, tại miền Nam đã xuất hiện một lô lốc nào Quốc hội lập hiến, Thượng nghị viện và Hạ nghị viện, rồi cả Tổng thống và Phó Tổng thống, thật hoàn chỉnh và hợp pháp. Mỗi bước thực hiện đều được chính quyền Mỹ quảng bá rùm beng và khoe khoang là đã "giúp đỡ nhân dân Việt Nam thực hiện các định chế dân chủ".

Nếu các bạn mà có mặt ở Việt Nam lúc đó, thì chắc sẽ phải cười ra nước mắt khi chứng kiến một trò bịp bợm lớn, do chính vị đại sứ Mỹ Bunker dàn dựng. Ông ta là con người mà chúng tôi gọi đùa là chuyên viên bầu cử gian lận quốc tế (từ Santo Domingo đến Sài Gòn). Bunker vừa thay thế đại sứ Cabot Lodge, con người mà chúng tôi gọi là chuyên viên đảo chính quốc tế. Ông Bunker đã có sẵn một đội ngũ giúp việc lành nghề viên chức chính quyền Nam Việt Nam còn lại từ thời Pháp đến thời Ngô Đình Diệm. Những con người mà nếu các bạn chuyển cho họ máy bầu cử thì họ cũng có thể làm cho máy gian lận luôn!

Chắc các bạn còn nhớ là vào giữa năm 1966 đó, đã có hàng nghìn thanh niên phải vào tù. Họ gồm nào sĩ quan, binh lính, công chức, cảnh sát, sinh viên, học sinh, nông dân... hầu như đủ mọi thành phần xã hội. Vào thời điểm đó, đầu óc chúng tôi còn nhiều ảo tưởng và huyền thoại. Nhân việc này, tôi nhớ một câu chuyện kể rằng vào cuối năm 67 khi có một đợt sinh viên khác lại vào tù, lần này là vì phản đối bầu cử gian lận. Một viên chức vô tư ở sứ quán Mỹ ngỏ lời với người bạn Mỹ của tôi mong muốn tìm cách can thiệp giúp thả sinh viên ra. Người bạn tôi nói: "Cứ để họ ở trong tù thì tốt hơn, ở tù càng lâu thì họ càng hiểu ra ai đích thực là kẻ thù". Thật ra anh đã nói đúng. Thanh niên nam nữ thành thị chúng tôi còn sống xa rời quần chúng nhân dân, ở tù sẽ là thời gian có lợi cho họ. Cũng giống như trong quá khứ, nhà tù đã trở thành trường học đào tạo biết bao lãnh tụ Việt Nam dũng cảm và thông minh trong chiến đấu.

Và như vậy là tôi đã vào tù, chua chát và bức bối với chính mình là đã ảo tưởng đòi người Mỹ để cho nhân dân Việt Nam tự chọn người bầu vào một quốc hội mong tìm kiếm giải pháp cho cuộc chiến. Tôi còn ngây thơ tin rằng mình có đủ mọi quyền tự do dân chủ theo như kiểu tuyên truyền của chính quyền Sài Gòn. Hầu hết những người ở tù chung với tôi đều bị sắp vào hạng Việt cộng, tình nghi Việt cộng, hoặc Quốc gia nhưng chống đối lại chế độ đang cầm quyền. Người bị giam giữ thường bị chuyển từ nhà tù này đến nhà tù khác, có người đã từng bị chuyển đến 16 lần trong vòng 2 năm. Tất cả là nạn nhân của các biện pháp hoàn toàn mang tính hành chính, vì mọi hội đồng an ninh vùng hay tỉnh đều có quyền bắt bớ và giam giữ bất cứ ai mà không cần án lệnh từ tòa án.

Vài người ở tù chung với tôi nằm trong số này, gọi là để điều tra, trong 2 tới 5 hoặc 10 năm. Ông Z. là một thứ trưởng bộ nội vụ và còn nằm trong danh sách lãnh lương của nhà nước. Ông X., một sĩ quan đang theo học ở Mỹ bị dẫn độ về nước và tống vào tù đã 5 năm. Ông A. tham vụ sứ quán Việt Nam Cộng hòa tại Pháp. Bà L. có ba bằng tiến sĩ quốc tế, đang giảng dạy tại Đại học Luật và là tổng thư ký Ủy ban quốc gia nghiên cứu đối chiếu luật pháp quốc tế. Anh S. là

sinh viên, cô B. học sinh... Tuy vậy đông đảo nhất là nông dân và lao động: S. đập xích lô, X. thợ rèn, N. ông lão nông dân 75 tuổi, cô T. đi ở đợ, C. làm nghề thợ mộc, Y. lính đào ngũ, P. không chấp nhận đi lính vì lý do tu đạo. Trên 70% là người trẻ tuổi, và đàn ông nhiều hơn đàn bà.

"Cũng có mấy cháu bé ba bốn tháng đẻ ra trong tù, còn bú mẹ. Khi tôi ra tù có đứa đã lên hai. Thời gian qua nhanh! Tại đất nước tôi có bốn thế hệ, già trẻ lớn bé cùng đi tù. Phải kể đến con số hàng chục vạn với số người bị giam giữ trong các vùng chiến thuật, 45 tỉnh, hàng trăm quận, và cả tại các làng xã. Đó là chưa kể các trại tạm giam của các đơn vị đang hành quân. Khuynh hướng chính trị của họ cũng không giống nhau. Người thì bị tù vì kêu gọi hòa bình, kẻ trốn lính, không chịu mang vũ khí, mặc quân phục. Số khác bị giữ vì đòi chủ quyền dân tộc, hoặc biểu tình yêu cầu tự do bầu cử. Ngoài ra còn có cả thành viên của các đảng phái quốc gia, người bị bắt vì trả thuế cho Mặt trận Giải phóng, cô gái tình nghi làm giao liên Việt cộng, ông kia có thể là tình báo cao cấp của Hà Nội.

Một số tù nhân quan trọng thì được nhân viên CIA Mỹ trực tiếp thẩm vấn, nói với nhau bằng tiếng Anh không cần thông dịch. Số này thường ít khi bị tra tấn. Trái lại, người tù bình thường, bình dân thì chịu đủ thứ đòn tra tấn dã man như tra điện, trấn nước, đánh đập... Con gái thì bị dùng chai tổng vào cửa mình, con trai thì sử dụng đủ loại cực hình, từ báng súng, gậy gộc, kẽm búa, kim đinh đóng vào tay chân. Ngoài ra còn đủ thứ trò khác như hăm dọa, áp bức tinh thần... Nói chung người ta sử dụng đủ thứ kỹ thuật và dụng cụ tra tấn, hiện đại lẫn sơ khai.

Cuối cùng, chính quyền xem tất cả những ai chống đối lại họ là Việt cộng, tình nghi Việt cộng, hoặc ít ra cũng là thân Cộng, trung lập hay có khuynh hướng hòa bình. Bắt hết, tổng hết chúng vào tù! Bấy giờ, tôi nghĩ nếu cứ để cho mọi người dân miền Nam Việt Nam tự do phát biểu ý kiến thật của mình, thì chắc có đến 95% sẽ nằm trong số người này. Tuy nhiên, chỉ có những người như chúng tôi dám nói, dám đòi hỏi các điều đó một cách công khai nên đã bị tổng vào tù. Có thể là một, mười, hai mươi năm khổ sai, đày ra Côn Đảo, tù chung thân, tử hình.

Như vậy là chúng tôi chuyển dịch từ nhà tù này đến nhà tù khác, gặp gỡ và quen biết nhiều người, nói lời tạm biệt kẻ này người kia. Chúng tôi thuộc mọi tầng lớp xã hội, kẻ Nam người Bắc, sinh sống tam cùng với nhau, bắt chước lối sinh hoạt của Mặt trận Giải phóng, nghĩa là cùng ăn, cùng ở, cùng làm và cả vui chơi giải trí với nhau. Tuy có khác nhau về nguồn gốc xã hội và khuynh hướng chính trị, chúng tôi đều có chung các niềm hy vọng và mơ ước: Hòa bình, độc lập, thống nhất đất nước, xây dựng được một xã hội mới, công bằng và không còn bất công, tham ô. Chúng tôi gồm đủ các tộc người, nào Chăm, Khơ me, Rha đê, Nùng, Thổ, Hoa và nhiều nhất là người Kinh. Chúng tôi đều là anh em sinh sống trong một đất nước và cùng mang quốc tịch Việt Nam. Không có ai là người da trắng, chỉ thỉnh thoảng có một nhà buôn người Âu, cũng có thể là một nhà báo Pháp hoặc Mỹ thường chỉ bị giữ lại vài giờ là nhiều.

Các phòng giam trong các nhà tù này thường có kích cỡ 1,5x2m xây dựng từ thời thực dân Pháp để nhốt 2 hoặc 3 người tù bản xứ. Những ông quan Việt thời hiện đại đã lãnh mệnh lệnh từ quan thầy đế quốc tìm cách nhét vào đây từ 10 đến 12 người. Họ nhận tiền viện trợ Mỹ tính theo đầu người để nuôi tù, và thỉnh thoảng xuất hiện các quan cố vấn Mỹ cùng với các đồng nghiệp Việt bàn bạc, ghi đo, tính toán xây dựng thêm phòng giam mới. Họ có vẻ hãnh diện và trịnh trọng. Không biết họ tính toán cách nào mà tình trạng ngày càng tồi tệ hơn, tuy đã có xây thêm các trại giam mới, phòng ốc hiện đại với nào vách ngăn, sơn đủ màu (thường là các màu đỏ và đen), có lẽ muốn ứng dụng một cách tra tấn tâm lý hiện đại nào đó. Kể ra người Mỹ thật khoa học!

Với cái đà này, cả miền Nam Việt Nam sẽ biến thành trại giam khổng lồ mất, vì nghe nói lúc này con số nhà tù còn nhiều hơn số trường học. Qua câu chuyện tôi nghe lén được từ bọn lính canh gác là người Mỹ đã cung cấp ngân sách một đô la nuôi một người tù mỗi ngày. Mỗi người tù có được 15 xu Mỹ cho việc ăn uống nhưng qua túi của những quan chức tham ô, còn lại cao lắm là 7 xu. Thật ra chúng tôi đã được chi cao hơn người tỵ nạn chiến tranh bên ngoài vì họ chỉ nhận được 5 xu mỗi ngày. Như vậy là để đền bù cho việc mất tự do, chúng tôi được cho thêm 2

xu Mỹ!

Trước khi vào tù, chúng tôi không nghĩ rằng con người có thể chịu đựng được sự cơ cực và đối xử tàn tệ, cả về tinh thần lẫn thể xác. Vậy mà chúng tôi vẫn sống, và nay thì tôi tin rằng chúng tôi sống sót được là nhờ yếu tố tinh thần nhiều hơn là vật chất. Chúng tôi giúp đỡ nhau, bám víu vào nhau mà sống, nuôi dưỡng nhau bằng những niềm hy vọng vào tương lai, cố gắng giữ niềm hân diện chung. Không có sự đoàn kết này, có lẽ chúng tôi đã chết sớm, hoặc do tra tấn đọa đày, hoặc đơn giản vì quá vô vọng và không chịu đựng nổi sự nhục mạ chà đạp thường xuyên. Và một sự kiện lạ lùng là những kẻ như sinh viên chúng tôi, thường rất tự tin, cho mình là những người quốc gia chân chính nhất lại là những người đầu tiên đánh mất niềm tin. Những người nông dân vô tư lự, công nhân nghèo khổ này đã tiếp sức cho chúng tôi, nêu gương can đảm và kiên trì, và đã thực sự là chỗ dựa tinh thần cho chúng tôi. Và cũng có một điều thật khó hiểu đối với tôi là sự kiện phụ nữ thường tỏ ra can trường, dẻo dai hơn cánh đàn ông khi bị tra tấn và đàn áp. Chúng tôi có lẽ chỉ khác biệt với những người ít học này ở điểm mình có quá nhiều ảo tưởng, mù quáng tin tưởng vào những khẩu hiệu tự do, dân chủ, hoặc chiến đấu chống lại sự xâm lăng Cộng sản, lối sống Mỹ, tự do kinh doanh... Những điều mà đáng ra chúng tôi có thể gọi nôm na là thực dân, thực dân mới, hoặc đế quốc.

Sau mấy năm ở tù, không án tiết, một số trong chúng tôi được thả ra, dĩ nhiên là với những thủ tục tuyên truyền thường lệ, với nào chụp ảnh, đăng báo. Rất dân chủ. Nhưng khi trò hề vừa chấm dứt thì tất cả chúng tôi đều bị lừa lên xe nhà binh, có lính cầm súng canh giữ, tổng thẳng vào trại huấn luyện quân đội. Dĩ nhiên, câu chuyện chưa chấm dứt ở đây. Tôi chỉ muốn nói thêm một điều quan trọng khác là những người tù chính trị đã ở cùng với tôi không chiến đấu nhân danh một hệ ý thức ngoại bang, một đế quốc Xô viết hay Trung Quốc nào cả. Những phương pháp họ sử dụng để đạt tới mục tiêu có thể khác tôi, nhưng có một điều chắc chắn là họ không chấp nhận sự lệ thuộc một nước ngoài nào, da vàng, da đen, da đỏ và nhất là da trắng, thực hiện công việc đó cho họ, với nào binh lính, bom đạn, máy bay, buộc chúng tôi gọi là đồng minh, xua chúng tôi đi tàn sát những người cùng máu mủ.

Tôi có nhiều thì giờ để suy nghĩ và đã nghe được sự tuyên truyền của cả hai phía. Tôi đã nghe cán bộ cải huấn ở trong tù nói luận điệu của Sài Gòn. Rõ ràng là chúng không thể thuyết phục được ai khi so sánh với tình hình thực tế bên ngoài. Ví như họ nói rằng miền Nam Việt Nam độc lập. Vậy thì tại sao quân Mỹ xử sự giống hệt quân Pháp trước đây?

Nói về Thế giới Tự do ư? Chúng tôi chỉ nhìn thấy một thế giới tự do của người da trắng, nào người Mỹ, người Úc và người Tân Tây Lan, với các nhóm tay sai người Thái Lan, Đại Hàn và Philippines. So sánh trên cơ sở lương bổng và đãi ngộ, chúng tôi gọi người da trắng đồng minh hạng nhất, người Thái Lan, Đại Hàn đồng minh hạng hai, và quân đội Sài Gòn, gồm binh lính đánh thuê và người bị động viên với lương bổng chết đói, là đồng minh hạng bét. Về hòa bình thì họ nói ra sao? Mọi người Việt nào nói về hòa bình một cách nghiêm chỉnh đều bị tổng vào tù như chúng tôi cả rồi! Ai dám kêu gọi hòa bình thì bị 20 năm tù khổ sai, trong khi tổng thống Mỹ Johnson hay Đức Giáo hoàng lại được ca ngợi với các phát biểu về hòa bình mạnh mẽ hơn gấp mấy lần. Dĩ nhiên họ cũng nói về thống nhất đất nước, nhưng lại quên rằng lý do chính người Mỹ đến đây là nhằm ngăn chặn cái gọi là một miền Bắc xâm lăng miền Nam... Về vấn đề này thì ai cũng có thể nhìn thấy đa số tướng lãnh Việt Nam Cộng hòa là người gốc miền Bắc, vậy thì ra từ lâu nay, người Mỹ đã ủng hộ một bọn xâm lược miền Bắc rồi! Và cuối cùng, họ nói về việc xây dựng một xã hội công bằng ở Việt Nam. Có lẽ chúng tôi nên nhắm mắt lại để đừng nhìn thấy cái gọi là công bằng xã hội của người Mỹ ở Việt Nam là làm cho kẻ đã giàu lại giàu có thêm và người nghèo thì nghèo hơn.

Sau khi bị đẩy vào quân trường, tôi gặp nhiều bạn bè mới, những người bị bắt lính gồm đủ thành phần. Tất cả chúng tôi đều bị cô lập tại đây, bên ngoài rào kẽm gai và binh lính canh gác. Tôi phát hiện 90% người đưa đến huấn luyện đều là dân trốn lính hoặc đào ngũ một hay nhiều lần và cả những người như chúng tôi, mới ở tù ra. Chỉ có khoảng 10% là tình nguyện, và lý do họ vào lính không dính líu gì đến lòng yêu nước yêu nòi, đơn giản họ chán nể sống bên

ngoài, thất nghiệp, bỏ nhà ra đi vì xung đột với gia đình, chán đời. Tôi không nghe một ai nói về những lý tưởng cao xa nào của Thế giới Tự do. À, mà có đấy, tôi đã có lần nghe luận điệu kiểu đó trên truyền hình nhằm quảng cáo tuyển mộ lính! Những người buộc phải đi lính từ các tỉnh thành hoặc trại giam ra, đều bị đẩy lên xe quân sự GMC mười bánh quay kèm gai chung quanh. Xe quân cảnh và cảnh sát súng ống dương cao hú còi dẫn đường đoàn xe lao như bay về các trung tâm huấn luyện. Toán lính bảo vệ ấn chúng tôi ngồi bệt xuống sàn xe, nhiều khi rất mạnh tay, không khác gì chuyển tội phạm. Chỉ có một điều khác là vì chúng tôi đang đi thi hành quân dịch nên tay chân không bị xiềng và bịt mắt. Họ có lý do để sợ thanh niên tìm cách trốn thoát. Ở Sài Gòn, chúng tôi đã nhiều lần nhìn thấy cảnh họ nhảy trốn, đặc biệt khi đoàn xe áp tải buộc phải chạy chậm vì kẹt xe hoặc ngừng lại ở các ngã tư đường. Người trốn chạy có thể bị cảnh sát bắn chết, nhưng họ cũng nhanh chóng biến mất trong các ngõ xóm chằng chịt tại một khu ổ chuột nào đó của thành phố.

Khi ra đơn vị chiến đấu, một số lớn tìm cách bỏ trốn, nghe nói có nơi chỉ có chừng 3/10 người còn ở lại. Nhiều người trong trại của tôi đã kinh qua việc bỏ trốn rồi bị bắt lại cả mấy lần, giống như bắt cóc bỏ đĩa. Có người đã trốn suốt chín mười năm trời mới bị bắt đi lính. Họ hãnh diện kể cho chúng tôi nghe về các mảnh khoé của trò cút bắt này, nghe riết rồi cũng chán. Tôi tự hỏi làm sao với một đạo quân như vậy mà chính quyền này có thể thắng được. Không thể không làm cuộc so sánh, giữa một bên là binh lính Sài Gòn đa phần mệt mỏi, bệ rạc, không có lý tưởng này, và bên kia là du kích hoặc quân chính quy Mặt trận Giải phóng, tinh thần cao và quyết thắng. Tóm lại, ta có thể dễ dàng đoán định được cuối cùng bên nào sẽ thắng. Tuy vậy, các chuyên gia thống kê Mỹ thì rất tài tình về các con số khi công bố rằng họ đang được sự hậu thuẫn của 700 nghìn binh lính Sài Gòn. Các đơn vị thực tế chỉ có một nửa số quân so với con số ghi trên giấy tờ.

Và đối với bản thân tôi thì ra sao đây? Sau tất cả những sự việc xảy ra đó, khi soát xét lại chính bản thân mình một cách nghiêm chỉnh, có thể nào tôi còn có thể tin tưởng gì được nơi chính quyền Sài Gòn? Ngoài việc thù hận những con người đã từng đánh đập, phỉ nhổ tôi trong tù, nay có thể nào tôi lại trở thành một tên lính đánh thuê phục vụ các mục đích ích kỷ của mấy tên bù nhìn cho người Mỹ, những người mà lý tưởng và mục tiêu là ăn cắp, tham nhũng và chỉ biết cúi đầu tuân lệnh người nước ngoài? Có thể nào tôi lại đem thân mình ra làm tội mọi cho những kẻ theo chân ngoại bang, thậm chí còn chết thay cho họ?



Trong tù – tranh Bưu Chi

Tôi ý thức được rằng chính tôi và bạn bè mình, chúng tôi chứ không phải những cô gái bán thân nuôi miệng đứng đường Sài Gòn kia là dĩ điểm ở miền Nam Việt Nam này, cúi đầu xin ăn người ngoài, lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh để được ăn trên ngồi trước trong xã hội, trong khi đất nước mất chủ quyền. Và điều đau đớn hơn nữa là chính chúng tôi đang sống trên xương máu của đồng bào mình ở nông thôn. Phải chăng chúng tôi đang là những kẻ xa lạ trên chính đất nước mình, phản bội lại nhân dân mình. Không một ai trong chúng tôi nghĩ rằng từ năm 1954 đến 1965 chúng tôi sống chung với chủ nghĩa thực dân mới, để cuối cùng nhìn thấy chính quân Mỹ ủa vào đất nước tàn sát người Việt và bình định tất cả mọi người, y hệt như thực dân Pháp đã làm cách đây một thế kỷ.

Trong một thời gian dài chúng tôi không dám chọn lựa con đường dẫn đưa đến việc phải chiến đấu cho một cuộc sống xứng đáng hơn. Ngay cả bây giờ có lẽ chúng tôi mong muốn lại vào tù

an lành hơn là đi chết ngoài mặt trận. Suy ra cho cùng, vào tù chỉ là một hình thức trốn chạy, một cách xoa dịu lương tâm, chứng tỏ cho mọi người thấy rằng mình cũng theo chân tiền nhân đấu tranh cho dân tộc. Chúng tôi phải lựa chọn thôi, không mãi là con đường đứng giữa, ngày càng hẹp dần và đang mất hút. Cuối cùng rồi chúng tôi phải chọn, hoặc bên này hoặc bên kia. Việc gì đến thì nó sẽ đến. Chắc các bạn cũng đã đoán được là tôi sẽ phải chọn con đường nào rồi, vì nếu vào tù lúc này thì chỉ có nghĩa là một kiểu trốn chạy khác, trốn trách nhiệm, để cho mình được yên thân trong khi những người anh em đang chết thay cho mình".

10. Giữa hai làn đạn

1968-1972: Trong tình hình hỗn loạn sau Tết Mậu Thân, tôi không thể đi ra khu theo Mặt trận Giải phóng. Cuộc chiến còn leo thang hơn nữa các bên tham chiến đã ngồi vào bàn hòa đàm Paris. Chính quyền Nixon tấn công Campuchia làm nổ ra cuộc chống kháng mạnh mẽ của phong trào phản chiến Mỹ năm 1969. Trên mặt trận đấu tranh đô thị, tôi đã cùng lúc đóng nhiều vai trò khác nhau: sĩ quan tâm lý chiến Sài Gòn, nhà báo phản chiến, ứng cử viên dân biểu đối lập và cơ sở tình báo giữa lòng địch. Tôi hoạt động "giữa hai làn đạn" trong mê hồn trận chính trị Sài Gòn và luôn bị cả hai phe đối nghịch cảnh giác, nghi ngờ và thử thách.

Tôi vào tù trong giai đoạn chiến tranh Việt Nam leo thang ác liệt nhất, từ giữa năm 1966 cho đến cuộc tấn công Tết Mậu Thân đầu năm 1968. Ra tù, tôi không được về nhà mà bị tổng thăng lên Trung tâm huấn luyện Quang Trung đầy đi lính. Họ đưa tôi vào khu khám sức khỏe để làm thủ tục chuyển sang trại huấn luyện tân binh.

Kể ra không khí ở đây dễ thở hơn là ở tù, nhưng mọi người vẫn bị canh giữ kỹ lưỡng vì hơn phân nửa là dân trốn lính, đào ngũ và ở tù ra. Gần dịp Tết âm lịch năm 1968, truyền hình Sài Gòn còn huênh hoang ca ngợi quân Việt Nam Cộng hòa và đồng minh Mỹ kiểm soát được tất cả các vùng đông dân cư. Vậy mà chỉ mấy hôm sau, vào ngay ngày Tết, quân Giải phóng đã tràn ngập hầu hết các thành phố miền Nam. Chiến sự diễn ra ác liệt khắp nơi, quân trưởng bị mất liên lạc với Sài Gòn. Nghe tiếng súng thật gần, tưởng như khu trại sắp bị tràn ngập mấy lần, nhưng có lẽ quân Giải phóng còn lo thanh toán các mục tiêu quan trọng hơn ở trung tâm thành phố. Sau này nghe nói quân Giải phóng dự định chiếm trại rồi trang bị cho tân binh ở đây vào Sài Gòn chiến đấu. Nếu họ đến chắc tôi cầm súng theo Giải phóng luôn thì có lẽ đơn giản hơn nhiều. Khi các đợt xung đột gia giảm, khu huấn luyện hoạt động trở lại. Hội đồng y khoa thấy tôi ngã bệnh nặng, ở đây lại thiếu chỗ chăm sóc thuốc men nên tạm cho tôi về phép, sẽ trình diện tái khám sau.

Mấy ngày qua, cả gia đình dáo dác đi tìm tôi. Lại nổ ra cuộc tấn công Tết Mậu Thân thật bất ngờ, đường lên Quang Trung bị kẹt hai bên đánh nhau nên đành chịu. Khi tôi xuất hiện về gia đình với thân hình tiều tụy, ai cũng mũi lòng thương.

Tôi muốn tìm cách ra khu Giải phóng, nhưng mới ra tù đâu có móc nối được với ai và tình hình chiến sự lại diễn biến phức tạp. Trước mắt, giấy tổng động viên từ trường kiến trúc gửi về, gọi sinh viên đi lính. Tôi thì quyết không thể đi lính cầm súng bắn lại những người anh em của mình. Thật là tiến thoái lưỡng nan! Tôi chạy đôn chạy đáo tìm đường ra khu.



Quân Giải phóng tràn vào thành phố

Đêm qua, tình cờ Trần Quang Long nhà thơ sinh viên gốc Huế ghé thăm. Chúng tôi quen nhau từ lâu khi anh còn là sinh viên làm thơ gửi tôi đăng báo, sau anh làm thầy giáo và tham gia tranh đấu Phật giáo ở miền Trung, bị đánh gãy giò và bắt bớ tù đầy mấy lần. Trong năm 67 tôi ở tù, anh phụ trách nhóm sinh viên sáng tác Tổng hội sinh viên Sài Gòn và sáng tác nhiều bài thơ đấu tranh rất quyết liệt với bút danh Thảo Nguyên. Anh hẹn tôi cùng ra khu Giải phóng, nhưng mãi không thấy anh trở lại. Mấy tháng sau nghe tin anh cùng một người bạn khác, Trần

Triệu Luật bị bom chết trong chiến khu.

Tôi lên bác Phú Hữu ở bên Gia Định, nhà tư sản yêu nước sắp vào khu tham gia Liên minh Dân tộc Dân chủ và Hòa bình Việt Nam. Ông hứa sẽ nhờ người đưa tôi đi, nhưng giao liên lại bị bắt, mất đường dây đó. Tôi đặt vấn đề với bác Nguyễn Hữu Thiện (1), một kiến trúc sư tên tuổi ở Sài Gòn, bạn đồng học và cùng chí hướng với nhà lãnh đạo Mặt trận Giải phóng Huỳnh Tấn Phát và là thầy dạy kiến trúc của tôi. Ông nhờ người dẫn đi vòng qua đường Long An vào chiến khu, nhưng đường lại bị kẹt đành phải quay về.

Tôi tham khảo một số người khác, họ đều khuyên tôi ráng chờ, cứ đi lính rồi hẵng hay. Nhiều người lúc này cũng ở trong tình trạng kẹt như tôi. Quân Mỹ và Sài Gòn đang phản kích tứ tung, phía Mặt trận Giải phóng đang rối tung lên, ai lo được trường hợp tôi. Cuộc chiến đấu còn dài, ráng kiên nhẫn vậy!

Tôi đành khăn gói cầm giấy gọi đi lính vào trình diện quân trường. Trước hết học quân sự cơ bản 3 tháng ở Quang Trung rồi chuyển sang giai đoạn hai ở Thủ Đức. Huấn luyện quân sự theo lối Mỹ, chủ trương đầy dọa cùng cực cả thân xác lẫn tinh thần con người nhằm tạo sự tuân phục tuyệt đối, rất quân phiệt. Sau nhà tù, quân trường là một trại hành xác khác nhằm chuẩn bị con người bị điều kiện hóa, dễ dàng tuân phục sự điều khiển của guồng máy chiến tranh kiểu Mỹ, không cần biết có chính nghĩa hay không. Hai tháng đầu đầy dọa gọi là huấn nhục, sau đó mới nói lỏng dần. Chương trình huấn luyện quân sự nhằm đào tạo trung đội trưởng cấp tốc trong 6 tháng, ra trường với cấp bậc chuẩn úy trừ bị. Thanh niên miền Nam vào thời đó hoặc tìm cách trốn lính hoặc phải kinh qua đoạn đường khổ nhục đó. Ít học thì đi lính, có trình độ hơn thì làm sĩ quan. Đối với thanh niên, cả miền Nam trở thành một trại lính lớn.

Lần đầu tiên ở quân trường tôi nghe những bài hát phản chiến của Trịnh Công Sơn (2), người bạn học cũ ở trường trung học Công giáo ngoài Huế nay đang sáng tác nhạc rất nhiều, xuất sắc nhất đối với tôi là loạt bài Ca khúc da vàng này. "Tôi có người yêu chết trận Pleime. Tôi có người yêu ở chiến khu Đ chết trận Đồng Xoài..." Những lời ca nhừa nhựa của ca sĩ Khánh Ly trong những đêm quân trường vang lên rờn rợn như từ nhà mồ làm tình cảnh những người như chúng tôi càng thêm thê lương và rã rời hơn. Học với nhau một năm thì Sơn thi rớt tú tài một và biến đâu mất. Tôi vẫn còn giữ tấm hình lưu niệm nhỏ trao đổi nhau khi rời ghế nhà trường năm ấy. Một thanh niên điển trai, khỏe mạnh lạc quan nhìn về tương lai. Khác với hình ảnh hiện nay của anh, gầy ốm, tiều tụy. Nghe nói bây giờ anh cũng đang trốn lính, sống phiêu bạt và đói rách lắm! Tôi không ngờ người bạn học thời trung học nay lại sáng tác được những lời ca làm xúc động lòng người đến như vậy. Trước khi ở tù tôi có thoáng nghe mấy bài tình ca của anh, nhưng lại không để ý lắm vì tôi đã từ bỏ những ca khúc yêu đương lãng mạn và tìm về những bài ca gây sự phấn khích đấu tranh. Mấy năm qua các băng cát xét hàng loạt bài nói về tình yêu, chiến tranh và thân phận con người của Sơn đã thực sự có mặt khắp hàng cùng ngõ hẻm miền Nam và có tác dụng gây ý thức chán ghét chiến tranh rất bất lợi cho phía Sài Gòn và người Mỹ trong cuộc chiến này. Tuy vậy, nội dung nhiều ca từ cũng gợi lên hình ảnh nội chiến không được phía Giải phóng tán đồng. "Một nghìn năm nô lệ giặc Tàu, một trăm năm nô lệ giặc Tây, hai mươi năm nội chiến từng ngày". Tôi nghĩ có lẽ chưa có ai ở miền Nam lại nói lên được thân phận của lớp thanh niên chúng tôi bằng Trịnh Công Sơn qua những ca khúc ngày càng mang tính chống chiến tranh, chống ngoại xâm hơn. Tôi chưa gặp lại Trịnh Công Sơn trên 10 năm nay. Cuộc chiến đã đẩy chúng tôi mỗi người một ngã, không biết ngày mai sẽ ra sao đây?

Ra trường quân sự kiểu này, tôi biết chắc với hồ sơ đen ở tù thân Cộng, mình sẽ bị đẩy ra tiền đồn làm mồi cho bom đạn. Tôi nghĩ dù có chết trong cuộc chiến này thì cũng chết cho ra hồn, biết mình chết ở về phía chính nghĩa chứ không phải cho những tay sai Mỹ như Nguyễn Cao Kỳ, Nguyễn Văn Thiệu. Được về phép mấy lần, tôi lại tìm cách móc nối các đường dây đi khu, nhưng không thành. Quân Mỹ và Sài Gòn phản công sau đợt bị đánh bất ngờ hồi tết Mậu Thân, đẩy quân Giải phóng sang tận bên kia biên giới Campuchia. Các đường dây vào khu đều rối loạn, cơ sở ở nội thành cũng bị lộ gần hết. Chiến dịch Phụng Hoàng do CIA Mỹ phát động đang triệt hạ dần cơ sở Việt cộng. Những năm tháng sau tết Mậu Thân có lẽ là giai đoạn đen tối nhất

của Mặt trận Giải phóng.

Tôi đã viết cho cô bạn gái an ủi tôi nhiều trong lúc khủng hoảng cùng cực này và đang tìm đường cho tôi ra khu: "Hoa thử nghĩ xem làm sao những sinh viên tranh đấu, từng vào tù ra tội kiểu như mình lại có thể cầm súng bắn giết lại những người anh em!" Bình thường, học ngành kiến trúc lẽ ra phải được chuyển về binh chủng chuyên môn là công binh. Nhưng tên tuổi tôi nằm trong sổ đen nên chắc chắn là phải bị trừng phạt đẩy ra tiền đồn tác chiến. Khi niêm yết tên cuối khóa, quả đúng là họ đẩy tôi lên một tiền đồn ở Phú Bổn trên Tây Nguyên. Nếu phải lên đó, chắc tôi sẽ đào ngũ hoặc ra hàng quân Giải phóng thôi! Bỗng vào giờ chót, tên tôi lại được đưa vào danh sách theo học một khóa chiến tranh chính trị cùng hàng trăm người khác có trình độ đại học. Ít ra mình cũng được về Sài Gòn 3 tháng, tạm hoãn binh rồi hãy tính tiếp.

Cuộc tấn công Tết Mậu Thân tuy bên phía Mặt trận Giải phóng phải chịu nhiều tổn thất nhưng đã có kết quả tích cực làm cho người Mỹ nhìn thấy không thể thắng trong cuộc chiến này. Dư luận nhân dân Mỹ không còn ủng hộ đường lối tiếp tục cuộc chiến nữa. Điều đó buộc chính quyền Johnson phải chấp nhận ngồi vào bàn thương thuyết hòa bình. Chính quyền Việt Nam Cộng hòa dự kiến phải đối mặt với một cuộc đấu tranh chính trị tương lai nên họ cần gấp rút chuẩn bị nhân sự cho giai đoạn tới. Theo gương Đài Loan lập hệ thống chính trị viên trong quân đội, họ muốn biến chúng tôi thành các sĩ quan chiến tranh chính trị, tăng cường cho các đơn vị quân đội lẫn guồng máy hành chính cấp cơ sở. Các sĩ quan trẻ sẽ đảm nhận việc quản lý các phường khóm, ấp xã. Như vậy thì chính quyền Sài Gòn sẽ nắm miền Nam cả các mặt quân sự lẫn chính trị theo như ý đồ lạc quan của họ.

Chương trình huấn luyện cấp tốc về "chiến tranh chính trị" gồm nhiều môn học trang bị lý thuyết chính trị lẫn kỹ thuật tổ chức và tranh thủ quần chúng. Bài bản lấy theo chương trình huấn luyện chính trị cho quân đội của Quốc dân đảng Đài Loan cũng như bộ đội Cộng sản Việt Nam. Lý thuyết về chính nghĩa Quốc gia thì pha trộn cương lĩnh các đảng Đại Việt lẫn Quốc Dân Đảng. Họ giảng về chính nghĩa quốc gia, tuyên truyền về Thế giới Tự do và cả các bài về chủ nghĩa Cộng sản, âm mưu của địch. Gọi là để biết rõ kẻ địch Cộng sản, họ dạy cả chủ thuyết, tổ chức và phương pháp đấu tranh của địch, tổ chức và âm mưu của Mặt trận Giải phóng, hệ thống Cộng sản quốc tế. Cũng có thêm các môn mới về tâm lý chiến kiểu Mỹ như tâm lý ứng dụng, điều khiển dư luận, sử dụng phương tiện truyền thông hiện đại, thủ thuật tranh thủ quần chúng nhân dân. Sau khóa học, tôi được giữ lại làm giảng viên và chuyển hẳn về ngành chiến tranh chính trị, một ngành mới thành lập trong quân đội Sài Gòn. Hiện đang có một trường đào tạo dài hạn sĩ quan chiến tranh chính trị ở Đà Lạt, có cố vấn của cục chính trị quân đội Đài Loan và cơ quan tâm lý chiến Mỹ.

Nơi tôi công tác chỉ là một trung tâm huấn luyện cấp tốc của cục Quân huấn thuộc Tổng cục chiến tranh chính trị Quân lực Việt Nam Cộng hòa, dành cho các sĩ quan đang tại chức từ cấp chuẩn úy đến thiếu tá, sẽ được bố trí phụ trách chính trị trong các đơn vị và ra đảm trách các chức vụ dân sự phường khóm. Trường nằm trong Biệt khu thủ đô, đủ chỗ cho hàng trăm sĩ quan về ăn ở học tập. Giảng viên có khi là dân sự mời bên ngoài vào, phần ngoại khóa còn mời cả sĩ quan cao cấp Việt cộng hồi chánh đến nói chuyện về sinh hoạt phía bộ đội Việt cộng. Những kinh nghiệm về sinh hoạt Việt cộng được trình bày trung thực, nhưng rõ ràng là người ta cố tình không nhắc đến yếu tố tinh thần nào đã biến Việt cộng chiến đấu ngoan cường và bền bỉ như vậy.

Trước tiên tôi được giao dạy môn tâm lý học ứng dụng, sau giao thêm cả môn cơ bản về chủ nghĩa Mác xít, không biết có phải họ muốn thử thách tôi chăng? Mặc kệ, họ đã muốn mình trình bày khách quan chủ thuyết địch thì tôi cứ làm. Nhờ vậy mà tôi có thể tiếp cận được tài liệu tham khảo nguyên gốc trong sổ tài liệu tịch thu ở chiến trường.

Trong số giảng viên, tôi chơi thân với nhà văn Nhật Tiến (3) đã khá nổi tiếng, từng đoạt được nhiều giải văn chương miền Nam. Anh vào lính chỉ ở cấp bậc hạ sĩ nhằm tránh ra mặt trận tác chiến và có thời gian viết lách, dạy học thêm. Anh di cư vào Nam năm 1954 theo gia đình bên

vợ nhưng gia đình bên anh còn ở lại miền Bắc. Anh giữ lập trường ôn hòa. Một người bạn khác rất năng nổ là họa sĩ, từng hăng hái trong phong trào Thanh niên chí nguyện mấy năm trước nhưng nay đã hết ảo tưởng về cuộc Cách mạng không Cộng sản rồi. Tôi thuyết phục được anh tiếp tay cho tôi trong hoạt động bí mật yểm trợ Mặt trận Giải phóng.



Gia đình nhỏ của tôi, 1971

Cuối năm 1968 ở tuổi 30, tôi lấy vợ là Tuyết Hoa, người bạn quen biết nhau từ năm 1964, cùng hoạt động trong phong trào hòa bình năm 1966. Gần đây càng thân thiết với tôi vì có người em trai Trần Hưng Đoàn cùng nằm tù chung với tôi. Người em đó khi ra tù đã vào chiến khu. Khi tôi ra tù đi lính, chính cô đã trấn an tôi trong lúc khủng hoảng nhất. Tuyết Hoa hoạt động ở trường Văn khoa khi theo học ban Triết cũng như ở Đoàn Sinh viên Phật tử. Hễ có hoạt động vận động hòa bình nào là lẫn xả vào không kể nguy hiểm. Nữ vương Hòa bình là biệt danh bạn bè đặt cho cô. Tuyết Hoa cũng vào tù mấy lần và là bạn thân của Nhất Chi Mai, cô nữ sinh viên Văn khoa đã tự thiêu cho hòa bình vào năm 1967. Tuyết Hoa lúc đó dạy ở trường Phật giáo Bồ Đề, sau làm giảng nghiệm viên Đại học Phật giáo Vạn Hạnh, có nhiều bạn bè hoạt động bên phía Giải phóng.

Trong lúc này tôi tiếp xúc được với những bạn bè đối lập chính quyền và bắt đầu viết cho những tờ báo có khuynh hướng hòa bình, hòa giải dân tộc. Họ là một nhóm dân biểu quốc hội Sài Gòn chống đối lại tướng Nguyễn Văn Thiệu, ngã theo đường lối hòa giải dân tộc của tướng Dương Văn Minh, trong số họ có người móc nối phối hợp hành động với phía Mặt trận Giải phóng. Cơ quan ngôn luận của họ là tờ báo Tin sáng, nơi quy tụ hàng chục cây bút chống đối chế độ và tôi trở thành một trong các cây bút chủ lực. Dĩ nhiên là tôi phải che giấu tên tuổi và viết dưới nhiều bút hiệu khác nhau như Hoàng Thái Nguyên, Nguyễn Hữu, Nguyễn Đại Hữu, Nguyễn Văn Minh... Tôi cũng viết cho các tờ báo chống đối khác chế độ Sài Gòn ở nhiều mức độ khác nhau như Dân Chủ Mới, Độc Lập, Điện Tín...

Các mục viết thường xuyên kiểu feuilleton đăng nhiều kỳ, kéo dài hàng tháng như các bút ký: "Xuống đường", "Ở tù", "Khi đất nước tôi thanh bình". Tôi cũng viết cả xã luận đứng tên các dân biểu trong nhóm. Nhiều nhất là dịch các tài liệu nước ngoài tố giác tội ác chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam về chất độc hóa học, vũ khí sát hại người hàng loạt, phong trào phản chiến trong nhân dân Mỹ. Chúng đã có tác dụng nuôi dưỡng một phong trào đấu tranh đô thị sôi nổi đòi hòa bình, chủ quyền dân tộc suốt các năm đầu 70. Các bài viết của tôi thường được đài Giải phóng sử dụng trong phần chương trình đô thị.

Sơ hở và có lẽ ưu điểm dân chủ tự do còn rơi rớt lại của chế độ Sài Gòn là ít chú ý đến các hoạt động riêng tư ngoài giờ của nhân viên của guồng máy hành chánh và quân đội của mình, cho dầu là một người bị vào sổ đen như tôi. Không biết có ai theo dõi các hoạt động viết lách chống đối chính quyền trong khi còn nằm trong quân đội Sài Gòn, chứ sau này bị An ninh quân đội bắt, tôi không hề thấy họ nhắc đến các hoạt động báo chí chống đối này của tôi.

Một nhóm sinh viên ở tù Côn Đảo (4) về hoạt động bí mật cho Mặt trận Giải phóng đã móc nối tôi chính thức tham gia công tác. Tôi từ chối làm việc trực tiếp với tổ chức sinh viên Giải

phóng nêu lý do tình trạng tôi đang mặc áo lính Sài Gòn không phù hợp cho hoạt động bán công khai của phong trào sinh viên học sinh. Trong thâm tâm tôi e ngại cơ sở của họ dễ bị vỡ. Tôi chỉ giúp họ một số việc công khai như dịch tài liệu phản chiến Mỹ, giới thiệu họ tiếp xúc với các đoàn hòa bình và báo chí nước ngoài. Tôi mong muốn đóng góp tích cực vào công cuộc chiến đấu chung của Mặt trận Giải phóng nhưng phải có bề sâu và hữu hiệu hơn. Giai đoạn các hoạt động xuống đường, đấu tranh công khai quá lộ liễu nay không còn phù hợp với hoàn cảnh mới của tôi nữa. Vì vậy tôi chấp nhận công tác cơ sở cho tổ chức An ninh Sài Gòn-Gia Định T4 của Mặt trận, vì nhóm này làm việc bí mật, chặt chẽ, có lẽ phù hợp cho hoàn cảnh lúc này của tôi.



Sinh viên phản chiến Đại học Kent bị sát hại, gây cảm phẫn khắp nước Mỹ, 1969



Cựu binh Mỹ và hòa bình Việt Nam

Ban ngày tôi phải làm công tác của một sĩ quan quân đội Sài Gòn, nhưng ngoài giờ hoặc về nhà là tôi lao vào viết lách hoặc thực hiện những công tác bí mật khác. Bản thân tôi nhiều khi cũng rơi vào tình trạng mâu thuẫn. Do nhiệm vụ tham gia tuần tra của quân đội, tôi phải mang vũ khí thi hành nhiệm vụ tuần tra phát hiện Việt cộng, bắt lính đào ngũ. Thường tôi làm qua quýt cho xong chuyện, lính đào ngũ thì tìm cách thả, dĩ nhiên phải làm lơ cho cấp dưới nhận hối lộ. Trong khi ấy rõ ràng tôi ở về phía địch và dễ dàng nhận một phát đạn của một Việt cộng nào đó. Nếu rơi vào tình trạng ấy thì cũng phải chịu thôi. Ấu cũng là số phận trớ trêu trong cuộc chiến này!



Phong trào phản chiến lan rộng trong quân đội Mỹ đang chiến đấu ở Việt Nam

Phong trào phản chiến Mỹ cũng đang có mặt trong quân đội Mỹ ở Việt Nam. Tôi có mấy người bạn sĩ quan Mỹ nguyên là sinh viên phản chiến do các bạn bên Mỹ giới thiệu về, tôi theo họ lên chơi ở căn cứ quân sự khổng lồ Long Bình. Lần đầu tiên tôi gặp gỡ thảo luận với các binh lính phản chiến người da đen. Họ công khai bày tỏ lập trường chống chính quyền Mỹ do ảnh hưởng phong trào tranh đấu của người da đen ở chính quốc.



Trong lòng nước Mỹ, cựu binh ở at xuống đường phản đối chiến tranh, 1971

Ở Mỹ, sau ngày lãnh tụ tranh đấu nhân quyền người da đen mục sư Luther King bị ám sát chết, nhiều tổ chức đấu tranh bạo động thanh niên da đen Mỹ ra đời. Nhiều thành viên của họ có mặt ở Việt Nam. Họ hoạt động và bày tỏ sự phản kháng công khai trong các đơn vị. Trên chiến

trường họ không tuân lệnh chỉ huy, nhiều khi còn bắn lại. Tôi ngạc nhiên nhìn thấy họ chào đoàn kết với nhau bằng cách đứng yên, ra dấu tay đến cả mười giây chứ không chào theo lối nhà binh. Vấn đề binh lính phản chiến người da đen trong quân đội Mỹ đang chiến đấu ở Việt Nam làm chính quyền Mỹ điên đầu sau nạn ma túy lan tràn trong hàng ngũ binh lính da trắng.



Thanh niên phản chiến Mỹ cùng sinh viên Việt Nam xuống đường ngay tại Sài Gòn

Năm 1971 có bầu cử Quốc hội Sài Gòn. Hội nghị Paris về vấn đề Việt Nam chưa ngã ngũ nhưng đang bàn đến việc lập chính phủ ba thành phần, trong đó có thành phần đứng giữa làm trung gian hòa giải trong chính phủ liên hiệp tương lai. Thật khó khăn nếu tự ra ứng cử đơn thương độc mã một mình. Tên tuổi của tôi tuy cũng có một thời được nhiều người biết đến, nhưng nay chắc không ai còn nhớ đến giữa đất Sài Gòn rộng lớn và bận rộn này. Dầu có tự do bỏ phiếu thì tranh cử kiểu không tiền bạc không thế lực như tôi chỉ là chuyện vô ích.

Phải tìm hậu thuẫn nơi khối đông đảo quần chúng đô thị, lúc này không ai khác hơn là lực lượng Phật giáo, nhất là ở miền Trung. Tôi bàn bạc sẽ về Đà Nẵng quê tôi để tranh cử. Tôi vừa có hậu thuẫn ở Sài Gòn của tướng Dương Văn Minh, người sẽ ra tranh cử tổng thống với chiêu bài hòa giải Phật giáo vào cuối năm đó. Mặt khác, Thượng tọa Trí Quang đồng ý giới thiệu, yêu cầu vị sư đại diện tỉnh hội Phật giáo Đà Nẵng sắp tên của tôi vào danh sách những người được Phật giáo ủng hộ công khai. (5)

Tôi có nguồn tin đang có một thỏa thuận ngầm với nhau là từ Nha Trang trở ra Quảng Trị ở miền Trung các ghế dân biểu sẽ nhường cho các ứng cử viên Phật giáo. Tôi phải lên lời cho được vào danh sách đó. Dĩ nhiên phía Mỹ và Sài Gòn mong muốn những ứng viên đó phải được bảo đảm là không thân Mặt trận Giải phóng. Việc thắng cử của tôi có thể xem được như chắc chắn nếu được sự hậu thuẫn của các nhà lãnh đạo Phật giáo uy tín nhất. Vậy mà thực tế đâu phải dễ dàng như mình dự tính ban đầu. Trong lãnh đạo Phật giáo vào lúc đó, thượng tọa Trí Quang tuy uy tín còn lớn nhưng hầu như bị giam lỏng ở Sài Gòn, không nằm trong guồng máy lãnh đạo trực tiếp các tỉnh hội địa phương.

Vào giờ chót, các lãnh đạo Phật giáo cao cấp khác như các thượng tọa Huyền Quang, Thiện Minh thuộc Viện Hóa đạo Phật giáo Ấn Quang đã đích thân bay ra Đà Nẵng đưa ra gà nhà của họ và quyết ngăn chặn Tỉnh hội ủng hộ tôi. Thật kỳ lạ là việc làm của họ trùng hợp với sự kiện lãnh sự quán Mỹ ở Đà Nẵng tung tin hãm cảnh giác tôi là phần tử thân Cộng. Sau 75 mới biết là họ đã liên kết ngầm với Nguyễn Văn Thiệu và Mỹ.

Các cuộc nói chuyện với cử tri của tôi đều bị phá đám. Có nơi còn hô lớn "Bắn ! bắn !" làm mọi người bỏ chạy tán loạn. May mà tôi đã sắp đặt được đoàn truyền hình Mỹ CBS theo dõi giúp đỡ. Nguyên là hãng truyền hình này muốn thực hiện cuốn phim phóng sự về cuộc tranh cử của một ứng cử viên hòa bình, họ đã thực hiện các cuộc phỏng vấn ở Sài Gòn rồi theo tôi ra Đà Nẵng ghi hình hoạt động tranh cử. Có mặt họ, bọn phá hoại cũng không dám làm gì mạnh tay, ngán ngại phía dư luận báo chí Mỹ thường không có cảm tình với chính quyền Sài Gòn.



Đơn vị bầu cử Đà Nẵng chỉ được ba ghế đại biểu quốc hội mà có đến 18 ứng cử viên. Tôi ra tranh cử trong tư thế một sĩ quan Sài Gòn và là một cựu sinh viên tranh đấu có tiếng tăm, rất thu hút giới trẻ và trí thức với lập trường hòa bình và chủ quyền dân tộc, lên án nạn tham nhũng thối nát cũng như sự băng hoại mất chính nghĩa của giới lãnh đạo thân Mỹ nắm quyền ở Sài Gòn. Tôi được giới quen biết giới thiệu cho nói chuyện ngay tại các căn cứ quân sự cho binh lính nghe và được hoan hô vì tôi mạnh mẽ lên án đám con ông cháu cha tránh đi lính, chạy đi du học rồi về nước ăn trên ngồi trước thiên hạ, mặc cho thanh niên nghèo trong nước phải chiến đấu gian khổ. Đề tài đó luôn được thanh niên ủng hộ dẫu họ không ưa thích gì Việt cộng. Mặt khác, tôi biết ở đằng sau, người của Mặt trận được lệnh bí mật ủng hộ và vận động ngầm cho tôi, vì tôi nhận ra nhiều gương mặt quen của sinh viên tranh đấu Sài Gòn gốc miền Trung trong các cuộc vận động tranh cử của tôi.

Tuy vậy, nếu không được Phật giáo chính thức ủng hộ thì khó đủ phiếu bầu, vì số phiếu bầu của quần chúng Phật tử mang tính quyết định, nhưng họ lại chỉ bỏ phiếu cho người được nhà chùa ủng hộ mà thôi. Kết quả như dự kiến là liên danh ba ứng cử viên Phật giáo đưa ra đã thắng. Tôi về suýt soát họ và bỏ xa cả chục ứng cử viên khác.



Bản thân tôi đã mất sự hậu thuẫn quyết định của tỉnh hội Phật giáo, số phiếu bầu của người biết tiếng tăm tôi cũng như người ủng hộ hòa bình, cảm tình với Mặt trận Giải phóng được lệnh dồn phiếu cho tôi không được là bao. Đa phần cử tri Phật tử ít học đi bỏ phiếu chỉ chọn tên và dấu hiệu của ứng cử viên do tỉnh hội Phật giáo đưa ra. Một trong ba người thắng là Phan Xuân Huy đã là đại biểu Phật giáo cũ, hai người khác cũng là Phật tử, một người nguyên là sinh viên tranh đấu trong phong trào Phật giáo Huế nhưng cũng là thân nhân của tướng tư lệnh Vùng I, người kia là sĩ quan Phật tử, đạt tiêu chuẩn không thân Cộng như đã thỏa thuận ngầm với Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Sau ngày giải phóng tôi mới biết các thượng tọa Phật giáo này có quan hệ với chính quyền Nguyễn Văn Thiệu và người Mỹ. Các ông đã bị chính quyền cách mạng bắt giữ sau 75.

Nếu hồi đó mà đắc cử, với cương vị một đại biểu quốc hội có lập trường hòa bình thân Cộng, bản thân tôi dễ bị các phe phái chống Cộng quyết liệt ở thành phố miền Trung này như Đại Việt, Quốc Dân Đảng sát hại, như họ đã từng làm đối với những người khác chính kiến hoặc tỏ ra lập trường thân Cộng.

Xung đột tiếp diễn ác liệt vào cuối cuộc chiến tranh Việt-Mỹ cùng lúc với những mặc cả cuối cùng trên bàn hội nghị thương thảo hòa bình. Chúng tôi càng cần đấu tranh cam go hơn trên mặt trận chính trị. Phong trào sinh viên xuống đường càng dữ dội thì đàn áp cũng mạnh tay hơn. Hàng loạt cơ sở sinh viên giải phóng hoạt động công khai quá lộ liễu và khinh địch nên bị vỡ, nhiều người bị bắt. Cơ sở hoạt động bên cánh an ninh của tôi cũng bị vỡ, do quan hệ các cơ sở sinh viên bị bắt khai ra. Không biết họ có đủ dũng khí để không tiết lộ tổ chức trước những trận đòn tra khảo ác liệt và ngày càng tinh vi. Tôi phải thật cảnh giác mới được. Lúc này nhiều nhóm của Mặt trận Giải phóng lại tới tập tiếp cận tôi, nhất là bộ phận trí vận trẻ hoạt động bán

công khai. Họ vội vã và làm việc quá lộ liễu. Hội đàm Paris sắp bước vào giai đoạn quyết định, trong đó có đặt ra việc thiết lập chính phủ gồm ba thành phần. Họ vận động tôi tham gia vào Thành phần thứ ba thân Mặt trận Giải phóng, tìm cách tiến hành ra mặt hoạt động công khai ở Sài Gòn. Thật khó cho tôi!

Vào cuối năm 1972, khi sắp sửa ký kết hiệp định Paris, tôi cùng nhóm sĩ quan cán bộ chiến tranh chính trị cao cấp thực hiện một chuyến công tác ra Quy Nhơn nhằm giải độc, củng cố tinh thần binh sĩ Việt Nam Cộng hòa trước viễn tượng ký kết Hiệp định Paris. Vừa về đến Sài Gòn, tôi bị mời lên trình diện Cục An ninh quân đội và bị giam giữ lại. Tôi bị bắt vì lời khai báo của nhiều cơ sở Việt cộng từng bị lộ suốt mấy tháng qua. Hiệp định Paris gần ký kết, những thành phần thứ ba có hồ sơ thân Cộng như tôi khá nguy hiểm không thể để cho nhõn nhõn hoạt động công khai ở Sài Gòn.

Đáng ra tôi đã bị bắt từ lâu rồi. Có lẽ họ còn chờ đợi để có thể vồ được các thành phần quan trọng hơn đến quan hệ với tôi. Nhưng nay thời gian không cho phép nữa, họ phải bắt tôi gấp gáp trước ngày ký kết hiệp định Paris. Mặt khác, người bạn tôi Vũ Quang Hùng, trưởng tổ An ninh T4, nguyên là sinh viên khoa học ở tù Côn Đảo về, đã bị tra tấn dã man, đưa cả người thân vào gây sức ép và đã khai báo nhiều, trong đó có cả tên tôi. Anh ta xuất hiện trên truyền hình thú nhận đã tổ chức ám sát Nguyễn Văn Bông, một nhân vật thế lực của đảng Đại Việt cầm quyền đang là viện trưởng Trường Quốc gia Hành chính và một ứng viên sáng giá đảm nhiệm chức vụ thủ tướng Sài Gòn. Tuy tôi có làm việc với Hùng, nhưng vụ này thì tôi không hề hay biết theo nguyên tắc cách ly các hoạt động an ninh.

Tòa án quân sự đã tuyên phạt Hùng án chung thân và người cộng sự án tử hình, đày đi Côn Đảo. Nhưng án chưa thi hành thì giải phóng 75 và họ sống sót trở về. Nhóm trí vận cũng có nhiều người bị bắt lại biết quá nhiều về hoạt động của tôi, nên cũng khai báo lung tung. Hồ sơ khai báo rành rành tôi không chối cãi được. May mà họ chỉ khai tôi được Mặt trận Giải phóng liên hệ nhằm bố trí vào thành phần thứ ba hoạt động công khai nên cũng không đến nỗi nào.

Hiệp định Paris về hòa bình Việt Nam đã ký kết tiếp sau đó. Có lẽ phía an ninh Sài Gòn nghĩ rằng thành phần thân Cộng như tôi sẽ trao trả về phía bên kia theo tinh thần hiệp định hòa bình nên kết thúc sớm hồ sơ của tôi. Nhờ vậy, tôi cũng không bị sử dụng biện pháp tra tấn gì. Việc thi hành hiệp định Paris không song suốt, trường hợp tôi đưa danh sách trao trả cho bên Mặt trận không nhận. Họ phải chuyển tôi lên giam ở quân lao Gò Vấp, đợi ngày ra tòa quân sự. Ủy viên công tố phiên tòa xử tôi lại là người anh họ cùng học luật với tôi, nên tôi chỉ lãnh án một năm rưỡi, với tội danh "phá rối trị an, biểu tình sinh viên có lợi cho Cộng sản". Hết hạn tù theo án lệnh, tôi được trả tự do nhưng buộc phải làm thủ tục giải ngũ và không được đi đâu ra khỏi Sài Gòn, hàng tuần trình diện cảnh sát địa phương.

Cho đến nay tôi vẫn chưa biết do sức ép quốc tế như việc Hội Ân xá Quốc tế và tập thể sinh viên Đại học Stanford ở Mỹ yêu cầu trả tự do cho tôi hoặc do đã hết hạn tù. Ngày được giấy thả tôi vẫn ngại họ lại đưa tôi lên trại giam Tân Hiệp, sử dụng một biện pháp hành chính nào đó để giam giữ tôi vài năm nữa vì lý do gọi là an ninh thì cũng đành chịu. Nhưng rõ ràng là lần này tôi được tự do về nhà.

11. Stanford

1973-1974: Cuộc chiến Việt Nam sắp bước vào giai đoạn kết thúc khi các phe phái tham chiến gần thỏa thuận được các điều kiện ngưng bắn và lập chính phủ liên hiệp ba thành phần ở miền Nam Việt Nam. Vào tháng 10 năm 1972, tôi bị bắt trước ngày ký kết Hiệp định Paris, do bị cáo buộc thuộc "Thành phần thứ ba" thân Cộng. Hội Ân xá Quốc tế và bạn bè phản chiến ở Mỹ và Tây Âu tích cực vận động trả tự do cho tôi. Tập thể sinh viên Đại học Stanford cùng Đại học Tự do Berlin mời tôi sang thỉnh giảng. Nhưng tôi quyết định ở lại trong nước hoạt động cho phong trào hòa hợp hòa giải dân tộc.

Sự kiện tập thể sinh viên của Đại học Stanford (1), một trong các đại học lớn nhất Mỹ đòi trả tự do và mời tôi thỉnh giảng diễn ra vào tháng tư năm 1974 là có thật. Tuy vậy, tác động của sức ép đó cùng nỗ lực của Hội Ân xá Quốc tế trên chính quyền Sài Gòn hiệu quả tới đâu thì không ai được biết. Chỉ biết là phát ngôn viên chính quyền Sài Gòn khi bị báo chí chất vấn về việc đó thì họ xuyên tạc sự thật và tỏ ra rất bực bội.

Trường hợp của tôi nằm trong một khung cảnh chung, rộng lớn hơn về hoạt động của phong trào vận động chấm dứt chiến tranh Việt Nam của nhân dân Mỹ trong các năm cuối cùng của cuộc chiến. Vào năm 1974 đó, tuy Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh Việt Nam ký kết đã được một năm, lực lượng trên bộ Mỹ thực tế đã rút, nhưng chính quyền Nixon vẫn bố trí để lại hàng nghìn cố vấn quân sự cũng như chuyển trang bị chiến tranh giá trị hàng tỷ đô la cho quân đội Việt Nam Cộng hòa.

Họ hy vọng Sài Gòn trụ lại được tuy không có quân Mỹ trực tiếp tham chiến và cứ dằng dai vừa đánh vừa đàm để tìm cơ hội khác quật lại phe Cộng sản. Sài Gòn xua quân tràn ngập các vùng do Mặt trận Giải phóng chiếm giữ vào ngày ký Hiệp định đình chiến. Chiến tranh như vậy là vẫn tiếp diễn, ngày càng có dấu hiệu xấu đi. Dĩ nhiên, về phần mình Hà Nội cũng tiếp tục củng cố sức mạnh ở phía Nam. Hai bên thường xuyên tố cáo lẫn nhau vi phạm lệnh ngưng bắn. Phía Mỹ tố cáo Bắc Việt chuyển quân và vũ khí bằng đường mòn Hồ Chí Minh vào Nam và đe dọa sẽ sử dụng bom nguyên tử chiến thuật cỡ nhỏ nếu cần để ngăn chặn việc đó.

Bỗng chính trường Mỹ nổ ra một sự kiện trọng đại thực sự có tác dụng sớm đem lại hòa bình cho Việt Nam. Đó là vụ xì căng đan Watergate do việc phe cầm quyền Nixon đã vi phạm luật lệ Mỹ khi cho người xâm nhập do thám trụ sở đảng Dân chủ đối lập (2). Mặt khác, tài liệu mật Lầu Năm Góc (Bộ quốc phòng Mỹ) với nội dung âm mưu đối gạt nhân dân Mỹ về cuộc chiến tranh Việt Nam đã bị tiến sĩ Ellsberg (3) một trí thức phản chiến đánh cắp và tung ra dư luận công khai làm cho nhân dân Mỹ càng mong muốn chấm dứt ngay một cuộc chiến hao người tốn của lại mang tính đối gạt. Vụ bê bối Watergate như đổ thêm dầu vào lửa càng làm cho bộ mặt hiếu chiến của tập đoàn Nixon-Kissinger lộ rõ. Sinh viên Mỹ lại tổ chức xuống đường tuần hành rầm rộ đòi chấm dứt ngay cuộc chiến tranh Việt Nam. Vấn đề tù chính trị ở miền Nam Việt Nam bỗng trở thành đề tài nổi bật.

Tại các đại học nổi lên phong trào khá sôi nổi chống bắt bớ giam cầm tù chính trị ở miền Nam Việt Nam sau khi Don Luce cùng đoàn nghị sĩ Mỹ phát hiện sự ngược đãi dã man tù Côn Đảo. Một số người hoạt động đô thị tiêu biểu của thành phần thứ ba bị bắt giam như chị luật gia chủ trương hòa bình Ngô Bá Thành, chủ tịch sinh viên đấu tranh Huỳnh Tấn Mẫm (4), nhạc sĩ phản chiến Phạm Trọng Cầu và tôi như một cựu chủ tịch sinh viên vào tù vì hòa bình... được sinh viên các đại học Mỹ vận động trả tự do và mời sang Mỹ nói chuyện. Phải chăng đây chỉ là một cách gây sức ép để chính quyền Việt Nam Cộng hòa trả tự do cho chúng tôi và buộc chính quyền Sài Gòn hướng về biện pháp chính trị giải quyết cuộc chiến hơn là mãi sử dụng biện pháp quân sự. Người Mỹ đã thực sự chán ngán không còn muốn dính vào cuộc chiến này nữa rồi.

Sở dĩ các đại học Mỹ có các biện pháp trên chủ yếu là nhờ công lao vận động của các tổ chức

phản chiến Mỹ, trong đó các người bạn tôi như David Marr nhà sử học, Don Luce (5) nguyên giám đốc IVS...

Giữa cao điểm cuộc chiến, vào năm 1967 mà Don Luce cùng John Sommer cầm đầu nhóm lãnh đạo thanh niên tình nguyện Mỹ IVS ở Việt Nam công khai gửi thư lên tổng thống Mỹ Johnson nói lên sự phản kháng của hàng trăm thiện nguyện viên, trí thức trẻ Mỹ đang công tác ở Việt Nam và yêu cầu Mỹ chấm dứt ngay cuộc chiến tranh diệt chủng. Họ cho rằng việc làm thiện chí của họ là vô ích, chỉ làm cho quân Mỹ mạnh tay tàn phá đất nước Việt Nam. Họ từ chức tập thể, chấm dứt công tác tại Việt Nam để bày tỏ sự chống kháng. David Marr cùng sinh viên Sài Gòn xuống đường biểu tình phản chiến và gửi bức tâm thư cho sinh viên Việt Nam nói về chính nghĩa của những người trẻ đã dám xuống đường chống Mỹ và bày tỏ nguyện vọng của thanh niên Mỹ thực sự mong muốn nhìn thấy cuộc can thiệp quân sự này chấm dứt ngay. Các anh đều bị đại sứ Bunker ra lệnh trục xuất ra khỏi Việt Nam vào năm 67. Trước đó David Marr đã lên thăm tôi ở trại giam Tân Hiệp như một lời giã từ. Tôi cứ nghĩ anh còn ở lại Việt Nam một thời gian nữa vì cần làm cho xong luận án tiến sĩ sử học. Cuộc chiến leo thang không làm người còn lương tâm yên ổn được nữa! Khi về Mỹ anh cùng với Fred Branfman (6) (người sau này trở thành em rể tôi) thành lập "Trung tâm Tư liệu Đông Dương" chuyên cung cấp tài liệu cụ thể tố giác các hoạt động bất hợp pháp của Mỹ ở các nước Việt Nam, Campuchia và Lào.

Fred cũng là một trường hợp khác nói lên sự chuyển hóa của giới trí thức trẻ Mỹ, từ một thiện nguyện viên IVS không có chính kiến rõ rệt phục vụ ở Lào trở thành người phản chiến quyết liệt. Branfman đã được mời sang tham quan miền Bắc Việt Nam, qua Lào và lên vào miền Nam Việt Nam để thu thập thêm các chứng cứ về tội ác của Mỹ. Lúc đó Fred có ghé thăm tôi ở nhà giam Quân lao Gò Vấp. Các tư liệu chống chiến tranh của các anh rất thuyết phục, được giới chính trị đối lập Mỹ sử dụng rộng rãi, góp phần tích cực chống đối cuộc chiến Việt Nam về mặt lý luận. Washington rất đau đầu về các tài liệu này.

Don Luce thì về Mỹ cùng John Sommer viết cuốn sách mang tên "Việt Nam - Những tiếng nói không được nghe thấy" nêu lên kinh nghiệm công tác của đoàn chí nguyện IVS tại Việt Nam, mô tả cuộc chiến như các nhân chứng hàng đầu, chứng kiến sự tàn phá vô nhân của guồng máy chiến tranh Mỹ và đặt nhiều hy vọng ở lớp thanh niên Việt Nam về tương lai đất nước này. Don Luce sau đó làm chuyên gia nghiên cứu chương trình xây dựng hậu chiến Việt Nam cho Hội đồng Tôn giáo Thế giới có trụ sở ở Genève, quay lại Sài Gòn công tác. Anh đã phối hợp cùng các sinh viên từng nằm tù Côn Đảo vẽ bản đồ vị trí khu nhà tù, hướng dẫn các nghị sĩ Mỹ ra Côn Đảo phát hiện tù chính trị bị ngược đãi trong các "Chuồng cọp". Những hình ảnh và bài viết về sự thật phũ phàng này đã có tác dụng gây nên làn sóng phản kháng mới ở Mỹ, lần này là về vấn đề tù chính trị. Chính quyền Sài Gòn thì nhất định cho rằng không hề có tù chính trị. Sự thật phơi bày nói ngược lại tất cả những gì chính quyền Nguyễn Văn Thiệu công bố lâu nay: Miền Nam đã là một nhà tù lớn giam giữ không chỉ kẻ đối địch Việt cộng mà hàng vạn người khác chỉ vì khác chính kiến với chính quyền Sài Gòn về cuộc chiến. Hiệp định Paris mới ký kết chưa ráo mực vào năm trước nghiêm cấm việc bắt bớ giam cầm tù chính trị, vậy mà Sài Gòn đã vi phạm trắng trợn các điều khoản đó.

Tôi không ngờ cô em gái tôi NT nhu mì, ít xông xáo ngày nào ở trong nước, nay trở thành một trong các người Việt trẻ ở nước ngoài hoạt động mạnh mẽ cho hòa bình Việt Nam. Em kém tôi 4 tuổi, chưa được học lên tới đại học, phải thôi học ở nhà phụ giúp mẹ tôi chăm sóc một gia đình quá đông con. Chúng tôi có cả thảy 10 anh em. Sau em xin đi làm ở một tổ chức từ thiện Mỹ là "Ủy ban Trách nhiệm" đưa trẻ em nạn nhân chiến tranh bị thương tích nặng sang Mỹ chữa chạy. Em ở lại Mỹ để chăm sóc các em và lăn xả vào cuộc vận động chống chiến tranh. Em cũng rất lo lắng về vấn đề của tôi và tiếp tay nhóm bạn phản chiến Mỹ.

Tiếng nói của tổ chức Ân xá Quốc tế (7) khi tố cáo vấn đề tù chính trị ở miền Nam Việt Nam cũng có trọng lượng trong dư luận phương Tây. Về trường hợp tôi bị giam giữ, Ân xá Quốc tế ngày 4/4/1973 lên tiếng báo động như sau: "*Nguyễn Hữu Thái năm nay 36 tuổi, bị bắt giữ vào ngày 21/10/72 sau khi được mời đến Cục An ninh quân đội nằm trên đường Nguyễn Bình Khiêm*

ở Sài Gòn. Vào lúc đó anh là đại úy trong quân đội Việt Nam Cộng hòa, đang là giảng viên tại Trung tâm Huấn luyện Chiến tranh chính trị nằm trong trại Nguyễn Trãi, đường Lê Văn Duyệt Sài Gòn. Anh bị giam giữ tại An ninh quân đội cho đến tháng hai năm nay, còn hiện tại đang ở đâu thì không ai được biết. Trước khi bị gọi vào lính, Thái theo học ngành kiến trúc của Đại học Sài Gòn. Anh đã bị tù vào các năm 1964, rồi từ 1966 đến 1968, chủ yếu là do dính líu vào phong trào đấu tranh hòa bình của sinh viên. Anh đã từng viết cho nhiều tờ báo lớn ở Sài Gòn phản ánh các quan điểm bất bạo động chống chiến tranh, và đã được xem như một lãnh tụ phản chiến kể từ thời sinh viên tuy vẫn ở trong quân đội. Khi bị giam giữ, An ninh Quân đội đã thẩm vấn anh về các hoạt động chống chiến tranh từ thời sinh viên, và về mối quan hệ với năm người bạn sinh viên trong số những người mới được trả tự do từ Côn Đảo. Một trong 5 người đó là Vũ Quang Hùng đã bị cảnh sát Sài Gòn bắt vào tháng 5/1972 kết tội đã sát hại một nhà chính trị tên tuổi thường phê phán chính quyền Sài Gòn là Nguyễn Văn Bông. Hình như trong thẩm vấn, Hùng đã nêu tên nhiều người trong số đó có tên anh Thái. Người vợ của ông Bông đã công khai phủ nhận việc Hùng liên quan đến cái chết của chồng mình."

Sự can thiệp của tổ chức Ân xá Quốc tế đã tác động đến nhiều đại học phương Tây, cụ thể là các đại học Mỹ Hamline (Minnesota), Stanford (California) ở Mỹ và Đại học Tự do (Tây Berlin). Họ đều mong muốn tiến hành thủ tục mời tôi sang thỉnh giảng như một biện pháp gián tiếp gây sức ép cho tôi được ra tù.

Cả mấy người bạn của tôi ở Mỹ đã đến Đại học Stanford vận động cũng như mời các nhà chính trị địa phương khác viết báo, đến nói chuyện về tình hình Việt Nam nhằm khơi dậy ý thức phản chiến của tập thể giảng viên và sinh viên một trường nổi tiếng bảo thủ dành cho con cái giới thượng lưu Mỹ. Stanford được sắp vào hàng sáu đại học nổi tiếng nhất toàn nước Mỹ, vị trí ở phía bắc bang California trong vùng vịnh San Francisco. Học phí rất cao, thi tuyển vào cũng không dễ, ban giảng huấn toàn giáo sư giỏi, nhiều giải Nobel nên sinh viên ở đây được xem như thuộc thành phần ưu tú. Bên cạnh đó có trường Berkeley cũng nổi tiếng không kém, xuống đường chống chiến tranh Việt Nam cũng dữ dội, nhưng chất lượng đào tạo khó qua mặt trường Stanford.

Khi tên tuổi tôi cũng như lời mời thỉnh giảng được đưa vào các đề mục trong nội dung tranh cử ban chấp hành sinh viên năm học mới của một liên danh sinh viên, có người ủng hộ nhưng cũng không ít người phản đối. Họ cho rằng không nên đưa một nhân vật chính trị vào sinh hoạt học đường, có biết chắc tôi được trả tự do để sang Mỹ không? Người ủng hộ thì xác định rằng tập thể sinh viên Stanford đã đứng ngoài lề quá lâu về vấn đề chiến tranh và hòa bình ở Việt Nam, nay cần ủng hộ một vấn đề mang tính lương tâm lẫn bày tỏ thái độ phản kháng cuộc chiến Việt Nam. Sinh viên chỉ cần đóng góp mỗi người một đô la để một người tù chính trị được trả tự do và còn đem được một nhân chứng sang trình bày sự thật về cuộc chiến đó. Họ nêu danh sách hàng chục nhân vật có uy tín ủng hộ sự trả tự do cho tôi, nào nghị sĩ liên bang có tiếng Pete McCloskey (người đã từng thách thức tổng thống Nixon khi tranh đua với ông này trong nội bộ đảng Cộng hòa khi chọn ứng viên tranh ghế tổng thống nhiệm kỳ thứ hai vào năm 72), các nghị sĩ bang, nghị viên hội đồng thành phố trong vùng, nhiều giáo sư trưởng khoa, trưởng bộ môn và dĩ nhiên là đông đảo sinh viên cầm đầu trong toàn trường.



Truyền đơn vận động mời Nguyễn Hữu Thái giảng dạy tại Đại học Stanford, Mỹ 4/1974

Các sinh viên ủng hộ tích cực nhất việc mời tôi gồm các em còn rất trẻ của các năm đầu đại

học, tụ tập lại với nhau lập nên một Câu lạc bộ mang tên Trung tâm Quốc tế với sinh viên Lee Zeigler đứng đầu, bắt tay cụ thể vào việc vận động. Họ tung người đi dán đầy truyền đơn màu vàng nội dung nêu ý nghĩa việc ủng hộ tù nhân chính trị:

"HÃY MỜI NGUYỄN HỮU THÁI

với tư cách là giáo sư thỉnh giảng của ASSU (Hiệp hội Sinh viên Đại học Stanford)

Với sự hậu thuẫn của: Nghị sĩ Pete McCloskey

Kevin OGrady, Beth Garfield, Jim Friend, Charles Ogletree, trong Hội đồng các Chủ tịch ASSU đương nhiệm

Lee Zeigler, Giám đốc Trung tâm Quốc tế

Robert Textor, Giáo sư Nhân chủng học

Michael Closson, Phó Khoa trưởng phụ trách Nghiên cứu đại học

Lý lịch Nguyễn Hữu Thái, 36 tuổi:

- Nhà báo Việt Nam trong 10 năm qua
- Cao học kiến trúc và quy hoạch đô thị đại học Sài Gòn
- Cựu Chủ tịch Tổng hội Sinh viên Đại học Việt Nam
- Lãnh tụ phong trào hòa bình Việt Nam từ năm 1963

- **MỘT TÙ NHÂN VÌ LƯƠNG TÂM.** Do đã viết các bài báo kêu gọi hiệp thương và thành lập chính phủ liên hiệp cũng như chỉ trích chính quyền đàn áp của Nguyễn Văn Thiệu, mà Thái đã bị bắt giam vào tháng mười năm 1972. Hiện nay anh vẫn còn ở trong tù. Không ai thông báo chính thức anh bị tội danh gì hoặc bị đưa ra tòa án xét xử.

- Nguyễn Hữu Thái có thể làm được gì cho sinh viên Stanford?

Ông Thái có thể giảng dạy nhiều lĩnh vực căn cứ trên kinh nghiệm sâu rộng của ông về tình hình xã hội và chính trị Việt Nam. Ông ta đặc biệt có thể hướng dẫn các cuộc thảo luận về các ngành báo chí và qui hoạch đô thị tại các nước đang phát triển ở châu Á.

- Tập thể sinh viên Stanford có thể làm gì cho Nguyễn Hữu Thái?

Chúng ta có thể giúp thúc đẩy việc trả tự do cho ông Thái bằng cách mời ông đến đại học này với tư cách là giáo sư thỉnh giảng của ASSU. Sức ép của dư luận quần chúng có thể góp phần buộc chính quyền Sài Gòn phải trả tự do cho ông cũng như các tù nhân chính trị khác.

Hãy bỏ phiếu cho Nguyễn Hữu Thái trở thành giáo sư thỉnh giảng của ASSU vào ngày 17 và 18 tháng tư năm 1974.

Và cũng nhớ bỏ phiếu tán đồng việc đóng góp mỗi sinh viên một đô la cho Quỹ hỗ trợ chương trình mời giáo sư thỉnh giảng của ASSU".

Nhóm sinh viên của Câu lạc bộ vận động cho Nguyễn Hữu Thái thức dậy thật sớm ngày tập thể sinh viên đi bầu cử ban chấp hành mới và quyết định về việc mời Nguyễn Hữu Thái như giáo sư thỉnh giảng. Họ phân công nhau đi nhét vào giữa lòng các sổ Stanford nhật báo gửi đến tất cả sinh viên. Họ nhắm vào khối đa số sinh viên trẻ với số phiếu bầu mang tính quyết định vì lớp sinh viên lớn thường lơ là với việc bầu bán. Cuối cùng liên danh sinh viên có đề xuất việc

mời tôi sang Mỹ thỉnh giảng thẳng cử. Như vậy là tập thể sinh viên Stanford năm đó dành một quỹ khoảng 10 nghìn đô la chi phí cho việc mời tôi sang Mỹ giảng bài. Ngoài ra, giáo sư nhiều khoa như chính trị học, đô thị học, nhân chủng học... của trường cũng muốn tôi tham gia giảng dạy với họ. Một vài trường ở xa như Đại học Hamline (bang Minnesota) cũng đồng thời mời tôi đến dạy. Các đại biểu quốc hội Mỹ như thượng nghị sĩ Kennedy, dân biểu Closkey ủng hộ việc yêu cầu chính quyền Sài Gòn phóng thích tôi và hứa sẽ can thiệp cho tôi được dễ dàng sang Mỹ.

Vài ngày sau khi tôi được trả tự do ở Sài Gòn, tờ Stanford Nhật báo đăng tin do David Marr thông báo về việc tôi được ra khỏi nhà tù nhưng chưa được tự do hoàn toàn, còn phải trình diện cảnh sát và không được đi khỏi Sài Gòn. Anh cũng nói rằng chính quyền Sài Gòn đang phải đối mặt với nhiều điều mâu thuẫn. Nếu tiếp tục giam giữ Thái thì bị sức ép dư luận bên ngoài. Ví như sức ép dư luận Mỹ sẽ tác động xấu lên tiền viện trợ cho Sài Gòn buộc họ phải tính toán hơn thiệt. Mặt khác, nếu thả ra thì anh ta sẽ lên tiếng phê phán chính quyền Sài Gòn và trở thành một trong các nhân vật của Thành phần thứ ba trung lập có dự trù trong Hiệp định Paris hồi đầu năm 1973. Theo nhận định của David Marr thì Thái nằm trong số "khoảng từ 10 đến 15 người hàng đầu trong lực lượng thứ ba độc lập" tại miền Nam Việt Nam. Nếu Thái được Sài Gòn cấp giấy xuất cảnh thì việc nhập cảnh vào đất Mỹ với tư cách giáo sư thỉnh giảng chắc không có gì trở ngại. David Marr đã quen biết Thái từ năm 65, nói rằng Thái quan tâm về cơ hội được đến Stanford, trong một môi trường cởi mở, anh có thể thảo luận nghiêm chỉnh về bảo chí, quy hoạch đô thị và chính trị ở Việt Nam cũng như các nước đang phát triển khác.

Anh còn cho biết Trung tâm Tư liệu Đông Dương còn một danh sách dài về tù nhân chính trị ở miền Nam Việt Nam và có thể cung cấp cho các tổ chức và hội đoàn nào quan tâm đến việc vận động trả tự do từng nhân vật một. Anh nói rằng có lẽ đại học Berkeley sẽ theo chân Stanford can thiệp trả tự do cho lãnh tụ sinh viên Huỳnh Tấn Mẫm. Trước khi bị bắt, Mẫm là sinh viên năm thứ năm y khoa và là Chủ tịch Tổng hội sinh viên Sài Gòn. Nguyễn Hữu Thái cũng là cựu chủ tịch sinh viên Sài Gòn trước Mẫm và đã bị giam giữ hai năm không xét xử vào năm 1966. Vào năm 1972, anh lại bị giam giữ mà không có án tiết gì rõ ràng.

Vào tháng bảy năm đó, tôi cũng nhận được lá thư từ Pháp của anh Cao Huy Thuần đang giảng dạy tại Đại học Paris gửi về. Anh thông báo rằng qua vận động của bạn bè và tổ chức Ân xá Quốc tế, nhiều phân khoa Đại học Tự do Berlin như Viện Quy hoạch Đô thị và Quy hoạch Vùng, Viện Quan hệ Quốc tế đều bày tỏ ý định mời tôi sang thỉnh giảng trong sáu tháng. Cuộc vận động chủ yếu do chi nhánh tổ chức Ân xá Quốc tế ở Tây Đức qua sự vận động của một người bạn Đức tên là Heinz Kotte tôi có nhiều dịp tiếp xúc ở Sài Gòn trước đây. Kotte là một trí thức, từng là linh mục Dòng Tên, ra đời hoạt động cho một tổ chức từ thiện Đức và thích bàn bạc về diễn biến tình hình chính trị với tôi ở Sài Gòn.

Vào đầu năm 1975, tôi đang tránh việc truy bắt của chính quyền Sài Gòn, tạm trú ẩn tại nhà dân biểu Lý Quý Chung thì được bố trí gặp nghị sĩ McCloskey (8) đến Việt Nam trong một chuyến công tác. Ông rất vui khi gặp tôi vì tưởng tôi đã bị bắt lại và nói rằng tập thể sinh viên Stanford vẫn còn hy vọng mời được tôi sang Stanford. Vào giữa tháng ba năm 1975, một lá thư của Hội đồng Chủ tịch Sinh viên ASSU do cô Ann Carter ký tên thông báo họ vẫn giữ ý định tha thiết mời tôi sang vào năm học 1975-1976 tới. Dĩ nhiên là tôi không trả lời được vì bản thân tôi đang phải trốn tránh sự truy tìm của chính quyền Thiệu và ngày giải phóng Sài Gòn cũng gần kề.

Sự kiện Đại học Stanford mời tôi sang Mỹ bị chính quyền Sài Gòn phản ứng ngay khi có mấy số báo đăng lên tin đó. Dĩ nhiên là họ cố tình nói sai sự thật. Báo Chính Luận ngày 17/10/1974 đăng tin nguyên văn như sau: "Trả lời câu hỏi về trường hợp các người như Nguyễn Hữu Thái, Cao Thị Quế Hương và nhạc sĩ Phạm Trọng Cầu được các đại học Mỹ, với sự hỗ trợ các nghị sĩ Mỹ, mời sang dạy tại các trường đại học, chính phủ có cho phép hay không? Phát ngôn viên chính phủ cho biết ông đã phối kiểm về tin này và được biết những người này là những người trước đây chính phủ Việt Nam Cộng hòa trao trả cho Việt cộng, nhưng họ đã từ chối về bên kia

và xin ở lại phần đất tự do. Như vậy những người này đang ở trong thời gian làm thủ tục để có thể hội nhập vào cộng đồng quốc gia tại miền Nam. Chúng tôi xin miễn bình luận khi những người này được cơ quan này, cơ quan nọ tại ngoại quốc ngỏ ý mời làm việc, vì chúng tôi nghĩ rằng nếu như có một nước nào cũng đặt giấy mời những người đang ở trong tình trạng tương tự thì chính những nước đó sẽ nghĩ sao?"



Báo chí Sài Gòn viết về cựu Đại học Mỹ miền Nguyễn Hữu Trứ, cuối năm 1974

Trong thực tế vào tháng 4 năm 1974 tôi được trả tự do, làm thủ tục giải ngũ ra khỏi quân đội Việt Nam Cộng hòa, không được rời khỏi Sài Gòn và trình diện cảnh sát hàng tuần. Không biết có phải nhờ sức ép quốc tế hay là đã hết hạn tù một năm rưỡi? Với trường hợp như tôi họ có thể viện đủ cớ để bắt giữ trở lại vào bất cứ lúc nào. Tôi bàn bạc với những người quen biết trong phong trào hòa bình, thành phần thứ ba là có nên đi Mỹ để hoạt động trong phong trào phản chiến bên đó hay không? Nhiều người khuyên nếu cần tôi phải sang Mỹ với tư cách Thành phần thứ ba vận động hòa bình. Giống như trường hợp anh Ngô Công Đức (9), chủ nhiệm báo Tin Sáng trốn sang châu Âu và đã phối hợp với Mặt trận Giải phóng bên ngoài làm được nhiều việc. Một số người khác am hiểu tình hình hơn khuyên tôi nên nán ở lại trong nước, họ nói thời gian sắp tới làm gì cũng xảy ra các sự kiện lớn. Ở Mỹ người mình chống chiến tranh không nhiều và mạnh như ở châu Âu, tôi dễ bị lạc lõng và mất phương hướng. Bản thân tôi lại mất hết các mối liên lạc cũ của Mặt trận Giải phóng và không nhận được chỉ thị cụ thể gì mới, nên cũng chưa biết tính toán ra sao. Lại một cơ hội đi Mỹ khác bị bỏ lỡ!

III. ĐỔI ĐỜI

Ngày giải phóng Sài Gòn 30/4/1975, bản thân tôi có mặt tại Dinh Độc Lập rất sớm, giúp treo cờ Giải phóng và lên tiếng nói đầu tiên chào mừng chiến thắng, giới thiệu lời đầu hàng của tổng thống cuối cùng Việt Nam Cộng hòa Dương Văn Minh trên đài phát thanh Sài Gòn. Sau đó, trong 15 năm trời, tôi nhiệt tình tham gia vào công cuộc cải tạo xã hội và xây dựng lại đất nước sau chiến tranh, trong một Việt Nam bị các thế lực thù nghịch vây hãm.

12. Giải phóng Sài Gòn

1975: Hiệp định hòa bình Paris ký kết vào đầu năm 1973 không được các phe tham chiến tôn trọng, xung đột vẫn tiếp diễn trong suốt hai năm. Chiến tranh chỉ kết thúc khi Quốc hội Mỹ quyết định cắt nhiều khoản viện trợ quan trọng cho chính quyền Sài Gòn và lực lượng Giải phóng đồn toàn lực đánh chiếm toàn miền Nam. Nguyễn Văn Thiệu và người Mỹ tháo chạy, tướng Dương Văn Minh lên thay. Tôi hoàn thành nhiệm vụ nội thành cuối cùng của Cách mạng, vào Dinh Độc Lập rất sớm, giúp treo cờ giải phóng và giới thiệu lời đầu hàng của tướng Dương Văn Minh trên đài phát thanh Sài Gòn vào trưa 30/4/1975.

Vào giữa năm 1974 mới ra khỏi nhà tù, cơ sở hoạt động tan tác hết, tôi chưa kịp bắt mối hoạt động lại với cơ sở cũ thì bỗng có nhóm anh em hoạt động Mặt trận Giải phóng ở miền Trung như Lê Công Cơ, Chu Sơn vào Sài Gòn yêu cầu tôi tham gia "Phong trào Hòa giải và Hòa hợp Dân tộc" Phật giáo. Tôi đồng ý vì phù hợp với hoàn cảnh của tôi lúc đó.



Ta phải thấy mặt trời – tranh Bui Chi

Như vậy là bước vào thời điểm quan trọng nhất của đất nước, trong khi tôi mới chân ướt chân ráo ra khỏi nhà tù, thì các bạn Giải phóng quê nhà miền Trung đã sớm vạch lại con đường hoạt động thích hợp cho tôi. Quả vậy, cuộc chiến sắp đến hồi kết thúc và cần thúc đẩy hoạt động của các thành phần nhân dân đô thị yêu nước và yêu hòa bình, không ai hơn là nhắm vào lực lượng Phật giáo.

Vai trò chính của tôi là quan hệ lại các chỗ quen biết cũ như các nhóm hoạt động xung quanh Thượng tọa Thích Trí Quang và Đại tướng Dương Văn Minh, thượng nghị sĩ Vũ Văn Mẫu (1) cũng như đích thân các nhân vật này, nhằm đẩy mạnh phong trào hòa giải và hòa hợp dân tộc. Tờ báo Tin Sáng đối lập mạnh mẽ nhất đã bị đóng cửa, nay tôi tập trung viết báo Điện Tín cơ quan ngôn luận của nhóm tướng Minh, giữ chuyên mục quốc tế. Lập trường hòa bình và hòa giải dân tộc của nhóm này quy tụ được hầu hết các dân biểu đối lập. Nhiều người trong số đó đã quan hệ hoạt động với Mặt trận Giải phóng.

Giáp Tết năm 1974, chính quyền Sài Gòn bỗng ra tay bố ráp bắt bớ những người hoạt động ở Sài Gòn mà họ cho là thuộc Thành phần thứ ba và thân Cộng nguy hiểm. Tên tôi nằm trong danh sách đó nhưng nhanh chân chạy thoát. Tôi vừa ra khỏi nhà thì cảnh sát tỏa ra bao vây cả nơi trú ngụ của cha mẹ tôi trên cư xá sĩ quan quân đội Bắc Hải lẫn nhà bên vợ tôi ở khu trung tâm thành phố. Mật vụ tập trung hành động thật nhanh chóng và quyết liệt nên ít người thoát được. Trong số người bị bắt đó có giáo sư Châu Tâm Luân, nhiều nhà văn, nhà báo như Sơn Nam, Kiên Giang. Luân theo đạo Công giáo và là người bạn học cùng trường Taberd với tôi, học bổng du học ngành nông nghiệp ở Mỹ về nhưng ý thức được ý đồ đen tối của Mỹ nên đã tích cực hoạt động phản chiến, tham gia tổ chức đòi thi hành Hiệp định Paris của luật sư Trần Ngọc

Liễn (2). Nhà văn Sơn Nam chuyên viết truyện dài kiểu "feuilleton" cho các báo Sài Gòn, nhà thơ và soạn giả kịch bản cải lương chuyên viết tuồng xã hội Kiên Giang Hà Huy Hà nổi tiếng với nhóm thơ Mây Tần trên đài phát thanh Sài Gòn... bị xem như Việt cộng nằm vùng.

Nhóm anh em hoạt động bên Phật giáo gửi tôi trú ngụ tạm nơi nhà một dân biểu Phật giáo đối lập thân cận thượng tọa Trí Quang để tiện liên hệ công tác. Sau tôi thấy cần tiếp cận được nhiều thông tin để hành động hơn là trốn tránh một cách thụ động, anh em gợi ý vào nằm ngay trong dinh Hoa Lan của tướng Dương Văn Minh. Tôi lại thấy nơi ấy bị dòm ngó quá nhiều nên chuyển sang ở nhà dân biểu Lý Quý Chung (3) là người thân cận của tướng Minh thì cũng tiện, anh em đi lại tiếp xúc dễ dàng hơn. Nhóm dân biểu thân tướng Minh lúc này đang vận động công khai cho một giải pháp chính trị thay thế Nguyễn Văn Thiệu nhằm tiến tới nói chuyện với Mặt trận Giải phóng, có lẽ dễ được tất cả các phe phái trong cuộc chiến chấp nhận. Nhờ vậy mà tôi nắm rõ được diễn tiến tình hình để hành động kịp thời và biết được ý đồ của phía Cách mạng qua người bạn là họa sĩ Ớt Huỳnh Bá Thành (4), sau này tôi mới biết là cán bộ điệp báo cụm A10 thuộc Ban An ninh T4, cũng là bộ phận mà tôi đã hoạt động trước đây với Vũ Quang Hùng.

Chiến sự bên ngoài nổ ra dồn dập, nào Phước Long bị chiếm, Buôn Ma Thuột thất thủ... Phải chăng trong cả nước Cách mạng đã bật đèn xanh cho một cuộc Tổng tấn công và nổi dậy sớm hơn dự kiến? Lâu nay, cứ được chỉ thị phải củng cố Thành phần thứ ba chuẩn bị chính phủ liên hiệp như Hiệp định Paris đã đề ra. Các đợt bắt bớ gay gắt vừa qua có lẽ là do tình báo Sài Gòn nắm được chỉ thị đó và mắc mưu. Đúng là chiến thuật tung hỏa mù dương đông kích tây! Như vậy là vào những ngày sau Tết, tôi vừa trốn tránh vừa tích cực cùng anh em tổ chức chuẩn bị ngày giải phóng Sài Gòn.



Cảnh tháo chạy trên núi Sư quân Mỹ ở Sài Gòn

Khi quân Giải phóng pháo kích dồn dập sân bay Tân Sơn Nhất đêm 29/4, tôi nghĩ cuộc chiến đấu cuối cùng đã bắt đầu. Lần gặp sau cùng Huỳnh Bá Thành gợi ý rằng: "Chỉ có thuyết phục, tác động những người cầm đầu chính quyền Sài Gòn buông súng trên tinh thần hòa hợp hòa giải mới mong tránh được đổ máu và tàn phá". Cách đây mấy năm, tôi thường gặp một sinh viên nghèo gốc vùng núi Non Nước gần Đà Nẵng làm thiết kế mi báo Điện Tín. Đó là người em kết nghĩa của nhà báo Nguyễn Vạn Hồng, học Quốc gia hành chính nửa chừng bỏ đi làm báo. Anh nổi tiếng dưới cái tên họa sĩ Ớt với những bức biếm họa thời sự châm chọc chế độ Nguyễn Văn Thiệu thật cay độc. Không ai biết anh cũng là một điệp viên của An ninh T4 khá năng nổ. Khi trốn ở nhà dân biểu Lý Quý Chung, tôi với Ớt bàn bạc huých tét với nhau về nhiều vấn đề không giấu giếm. Nghe nói vào ngày gần chót của trận chiến anh đã vào gặp tướng Dương Văn Minh và nói thẳng mình là người của Mặt trận Giải phóng, yêu cầu ông chủ động tuyên bố ngưng bắn.



Binh lính Việt Nam Cộng hòa rải ngụy cốt bỏ áo mũ dây dăng

Nhóm sinh viên chúng tôi cùng binh lính, sĩ quan phản chiến bỏ ngũ âm thầm lấy đại học Phật giáo Vạn Hạnh (5) làm trụ sở, tự trang bị vũ khí, chuẩn bị sẵn vải, sơn. Dự kiến nếu còn chiến

đầu đằng dai thì chúng tôi phải hình thành ngay các ủy ban hòa hợp hòa giải lấy các chùa làm cơ sở quy tụ người dân lánh nạn bom đạn. Nghe nói nhiều nhóm vũ trang phản động vẫn toan tính trụ lại chống cự và phía bộ đội Giải phóng thì cũng quyết tâm sớm dứt điểm cuộc chiến, phải trả giá cao nếu cần. Ban đầu ai cũng nghĩ chiến trận sẽ kéo dài, sớm nhất cũng đến ngày sinh Bác Hồ 19/5 mới ngã ngũ.



*Nội các cuối cùng Việt Nam Cộng hòa:
Dương Văn Minh, Lý Quý Chung và Vũ Văn Mẫu*

Sáng tinh mơ 30/4, tôi mượn xe chạy vội lên chùa Ấn Quang gặp Thượng tọa Trí Quang. Lâu nay tôi vẫn giữ mối quan hệ tốt đẹp với ông, tuy ông biết rõ tôi đến từ phía nào rồi. Tôi báo ngay:

- Tình hình cấp bách quá rồi, xin thầy làm sao tác động gấp nhóm ông Minh chủ động tìm cách chấm dứt ngay cuộc chiến để tránh đổ máu và tàn phá Sài Gòn. Các đường dây liên lạc với bên kia nay đã đứt hết rồi, không còn thì giờ đưa giải pháp này nọ nữa đâu...

Ông hiểu ngay và choàng áo sang phòng bên gọi điện thoại. Tôi nghe vị thượng tọa nói chuyện qua lại một hồi, rồi quay về cho biết:

- Thái cứ yên tâm, thầy không gặp được ông Minh (tổng thống mới nhậm chức), nhưng đã nói chuyện với ông Mẫu (thủ tướng chính phủ mới), có lẽ họ cũng sẽ hành động theo hướng này...



Ngày lịch sử 30/4/1975

(thủ bút của Đại tướng Văn Tiến Dũng)

Tôi quay về Đại học Vạn Hạnh và cùng bàn bạc kế hoạch hành động. Khoảng hơn 9 giờ, tướng Dương Văn Minh tuyên bố trên đài phát thanh Sài Gòn:

Bỗng có tin báo một toán biệt động quân Sài Gòn do một trung tá chỉ huy muốn chiếm tòa nhà đại học làm chốt kháng cự. Tôi phải ra trực tiếp nói chuyện với viên trung tá, thông báo cho ông hay lời tuyên bố của tướng Minh. Còn anh em khác thì tác động các sĩ quan trẻ và binh lính. Họ hội ý với nhau và đồng ý giải tán, bỏ lại nhiều vũ khí.

Tôi trình bày với anh em sinh viên rằng mục tiêu cấp bách hiện nay là phải tranh thủ chiếm đài phát thanh trước một bước, nói lên tiếng nói hòa hợp hòa giải của Cách mạng, nhằm tránh được cuộc đụng độ đẫm máu cuối cùng. Hay tin còn cả một đại đội cảnh sát dã chiến trấn đóng tại khu phát thanh-truyền hình, chúng tôi chia nhau làm 2 mũi lên đường. Số đông anh em có trang bị vũ khí nhẹ lên xe ca đến Đại học Nông lâm súc, áp sát chuẩn bị xâm nhập vào đài. Tôi thì cùng nhà báo Cung Văn Nguyễn Vạn Hồng (6) và tiến sĩ Huỳnh Văn Tòng (7) vào Dinh Độc Lập nhằm thuyết phục những người quen biết trong chính quyền tướng Minh bàn giao chính quyền một cách êm thấm nhất.

Tôi quen biết Huỳnh Văn Tòng từ nhiều năm nay do lập trường thiên tả của anh từ khi mới ở

Pháp về. Anh cũng như tiến sĩ Châu Tâm Luân là người trí thức hoạt động tích cực trong phong trào hòa giải dân tộc và báo chí đối lập. Anh tốt nghiệp tiến sĩ sử học ở Pháp về giảng dạy ngành báo chí tại nhiều trường đại học ở Sài Gòn và các tỉnh. Anh rất lười cuốn sinh viên với các bài giảng và bài báo rất tả nhưng đầy tính thuyết phục.

Cung Văn là bút hiệu của nhà báo Nguyễn Văn Hồng. Anh làm việc ở Thông tấn xã Sài Gòn nhưng nổi tiếng với hàng loạt "thơ chua" châm biếm cay nghiệt chế độ Sài Gòn. Bề ngoài có vẻ ngổ ngáo và giao thiệp rộng rãi với cả giới chống Cộng, có lẽ để che giấu hoạt động ngầm của một điệp viên Giải phóng.



*Xe tăng quân Giải phóng tiến vào Dinh Độc Lập
trưa ngày 30/4/1975*

Chúng tôi lên chiếc xe Renault 8 màu xanh của Hồng. Nhà báo có giấy phép đặc biệt vào ra phủ tổng thống nên chắc không có gì trở ngại. Nhưng khi xe chạy vào cửa hông đường Nguyễn Du, thấy vắng tanh nên tiến thẳng luôn vào thềm dinh. Gặp một toán truyền hình Anh từ dinh đi ra, nhìn thấy tay chúng tôi đeo băng vải màu đỏ xanh ở tay áo, họ nghĩ là người của Mặt trận Giải phóng nên vội chạy đến xin phỏng vấn. Tôi trả lời qua quýt rồi vội vàng đi tìm Lý Quý Chung, lúc đó là Tổng trưởng Thông tin duy nhất được chỉ định chính thức trong nội các mới. Chung đồng ý ra đài phát thanh ngay với chúng tôi nhưng không một tài xế nào chịu đi.

Chúng tôi đang loay hoay thì bỗng mọi người cùng hướng nhìn về đại lộ Thống Nhất. Một cảnh tượng hùng tráng diễn ra, một đoàn xe tăng rầm rộ tiến về hướng dinh. Bỗng chốt cửa dinh bị húc đổ, đoàn tăng cày lên thảm cỏ, tiến thẳng đến thềm dinh. Một anh bộ đội xe tăng, sau này tôi mới biết là Bùi Quang Thận, giật chiếc cần ăng ten có gắn lá cờ Giải phóng xanh đỏ hình tam giác tả tơi, nhuộm màu lửa đạn và bụi đường, leo xuống xe chạy vội vào dinh.

Tôi đang đứng trên tiền sảnh dinh lúc bộ đội xe tăng khai triển đội hình. Có lẽ nhìn thấy chúng tôi đeo băng xanh đỏ của lực lượng quần chúng nổi dậy, nên khi tôi đề nghị dẫn đường thì Thận liền đi theo chúng tôi. Bản thân tôi không rành bố cục bên trong dinh và cũng chưa biết dùng thang máy nào để lên nóc dinh. Có một người mặc thường phục đi qua (đại tá Vũ Quang Chiêm, chánh võ phòng phủ tổng thống), tôi yêu cầu anh dẫn chúng tôi đến thang máy phụ. Tôi giúp anh Thận bẻ gấp chiếc cần ăng ten, mới vào lọt được bên trong chiếc thang máy loại nhỏ này. Đến nóc, chúng tôi còn phải leo thêm chiếc thang gỗ mới đến được chân cột cờ. Phải hạ lá cờ Sài Gòn xuống, cờ quá lớn lại cột giây ni-lông. Chúng tôi phải mất cả mấy phút mới giật nổi nó xuống và kéo lá cờ Giải phóng lên trong tiếng reo hò lẫn tiếng súng chỉ thiên vang trời.

Thật ngẫu nhiên, vào thời điểm lịch sử ấy trên nóc Dinh Độc Lập, trước kia là dinh Toàn quyền Pháp, có ba chàng trai của ba miền đất nước: Anh bộ đội Thận từ Đồng bằng sông Hồng, chàng giáo sư Tòng quê Tây Ninh và tôi gốc ở một thành phố cảng Đà Nẵng của miền Trung. Phải chăng khoảnh khắc lịch sử ấy đánh dấu sự cáo chung của 117 năm thống trị thực dân đế quốc phương Tây và mở ra một thời kỳ mới độc lập thống nhất đất nước Việt Nam. Tất cả chúng tôi không cảm được nước mắt, vừa sung sướng, vừa hãnh diện. Vào giây phút này chắc nhân dân cả nước đang reo mừng. Sài Gòn đã được giải phóng, hòa bình được lập lại, dân tộc ta từ nay trở lại thống nhất làm một, không gì còn thể chia cắt được. Trong khoảnh khắc đó trong đầu tôi như vang lên lời thơ bất hủ của Lý Thường Kiệt (8):

Nam quốc sơn hà Nam đế cư

Tiệt nhiên định phận tại thiên thư

Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư

(Đất nước Nam của vua Nam

Điều đó đã ghi rành rành trong sách trời

Như có quân nghịch tặc nào dám xâm phạm

Chúng nó rồi chỉ chuốc lấy thất bại mà thôi)

Nay tôi không còn nhớ mình đã xuống được sân dinh bằng cách nào. Công tác chính là sớm sử dụng đài phát thanh Sài Gòn chúng tôi vẫn chưa làm xong. Phải ra ngay đài phát thanh. Chính ủy đoàn xe tăng tiến vào dinh Độc Lập trước tiên là Bùi Văn Tùng (9) sau này thổ lộ: Ông nghĩ phải tìm mọi cách đưa được tướng Minh ra đài phát thanh tuyên bố đầu hàng thì sẽ có tác dụng lớn rút ngắn cuộc chiến. Tuy biết là nguy hiểm song ông vẫn quyết làm. Tôi tháp tùng xe của chính ủy Bùi Tùng cùng các nhà báo Tây Đức Von Boric Gallasch và Hà Huy Đĩnh đưa Tổng thống Dương Văn Minh, Thủ tướng Vũ Văn Mẫu và Tổng trưởng Thông tin Lý Quý Chung ra đài phát thanh.

Anh em sinh viên đã cùng bộ đội chiếm giữ đài rồi nhưng không vận hành được cũng như không biết phát đi nội dung gì. Nhà báo Đức cho mượn chiếc cát xét thu lời đầu hàng của tướng Minh và lời chấp nhận đầu hàng của chính ủy Tùng. Tướng Minh nhìn thấy tôi trong đám người này có vẻ cũng yên lòng. Trông ông mệt mỏi và không mấy vui. Thân hình ông vẫn to lớn nhưng mặt ông hơi hốc hác. Dầu sao ông cũng đã hy sinh danh dự của một tướng lãnh (dầu cho là một tướng bại trận) để thực sự cứu thành phố này khỏi cảnh tàn phá và đổ nát. Sau này tôi mới biết là ông và bộ tham mưu từ mấy ngày qua đã quyết định đầu hàng. Đó cũng là một hành động can đảm và đáng ca ngợi của một Phật tử vào cuối đời. Có lẽ ông chưa bao giờ thành công trong hoạt động chính trị. Ông chỉ là nhân vật cần thiết của tình thế nhưng không nắm được quyền lâu dài. Vào năm 1963, không ai ngoài ông trong số tướng lãnh đủ uy tín đứng ra lãnh đạo cuộc đảo chính lật đổ Tổng thống Ngô Đình Diệm. Lần này, có lẽ chính quyền Sài Gòn cũng không còn con bài nào khác để chấm dứt cuộc chiến một cách êm thấm. Ít ra ông còn giữ được nguyên vẹn Sài Gòn và phần còn lại của miền Nam tránh khỏi đổ nát và đổ máu thêm một cách vô ích.

Tôi nhìn sang Giáo sư Vũ Văn Mẫu, ông có vẻ bình thản trong bộ comple luôn chỉnh tề của một nhà giáo. Khi còn học khoa luật, tôi rất thích lối giảng các bài pháp chế sử, mạch lạc, hùng biện và cả hóm hỉnh. Tuy xuất thân trong gia đình quan lại miền Bắc và di cư vào Nam năm 54, vào năm 63 khi đang giữ chức vụ Bộ trưởng Ngoại giao ông dám can đảm từ nhiệm và tự cạo trọc đầu phản kháng Ngô Đình Diệm đàn áp Phật giáo. Nay ra lãnh chức vụ Thủ tướng tôi nghĩ ông không có ước mong gì khác hơn là đem lại hòa bình, hòa hợp hòa giải thật sự cho dân tộc.

Người bạn Lý Quý Chung của tôi là một thanh niên năng nổ và hào hoa nhưng rất ý thức về hướng đi tất yếu của lịch sử dân tộc. Từ khuynh hướng "Nam Kỳ quốc" kiểu Trần Văn Hương, anh trở thành dân biểu đối lập và ngả về phía hòa giải dân tộc. Tôi không nghĩ anh thân Pháp, nhưng có lẽ vào giờ chót anh cùng tướng Dương Văn Minh là các con bài người Pháp đặt nhiều hy vọng trong giải pháp cho một miền Nam trung lập. Trong số những người chủ chốt xung quanh tướng Minh phải kể đến vai trò của luật sư Nguyễn Văn Huyền (10) giữ chức Phó Tổng thống. Ông là một chính khách Công giáo người miền Nam ôn hòa và có tư cách, đại diện được cho tiếng nói của giáo hội Công giáo bên cạnh những Phật tử như Dương Văn Minh, Vũ Văn Mẫu.



*Ghi âm lời tuyên bố đầu hàng của Tổng thống Dương Văn Minh tại Đài phát thanh Sài Gòn trưa 30/4/1975
(tác giả tay cầm cặp giấy trắng, thứ hai từ phải)*

Vào lúc này mới thấy anh em sinh viên của nhóm chúng tôi cần thiết. Chính họ dẫn đường bộ đội đến khu phát thanh-truyền hình, vào tận cổng Dinh Độc Lập. Ở đài phát thanh, họ chạy đi tìm pin thay thế cho máy cát xét, đi tìm kỹ thuật viên cho đài phát sóng lại. Tất cả đều nhờ anh em sinh viên lo liệu. Chính ủy Tùng xác nhận: "Không có các cậu sinh viên giúp tìm pin cho máy cát xét, tìm được nhân viên đài đến phát đi lời đầu hàng của tướng Dương Văn Minh thì thật là gay go...". Chúng tôi tìm được anh Trần Văn Bảng kỹ thuật viên phát sóng trú ngụ gần đấy. Anh còn lên tiếng gọi thêm mấy người khác đến giúp vận hành đài.

Về nội dung bản tuyên bố đầu hàng, tôi nhìn thấy giữa tướng Minh và chính ủy Tùng có lời qua tiếng lại. Hình như tướng Minh không muốn nêu chữ tổng thống mà dùng tiếng đại tướng quen thuộc hơn. Ông Tùng cương quyết không chịu vì cho rằng dấu sao thì tướng Minh cũng đã làm Tổng thống cuối cùng của chính quyền Sài Gòn, nay phải tuyên bố với tư cách đó mới ra lệnh được cho cả bên dân sự lẫn quân sự. Thu băng thử đi thử lại mấy lần mới xong. Lời phát biểu của Thủ tướng Mầu thì ông được nói trực tiếp.

Loay hoay đến gần 2 giờ chiều (giờ Sài Gòn lúc đó, trễ hơn hiện nay một giờ) chúng tôi mới phát đi được tiếng nói Cách mạng đầu tiên trên đài phát thanh Sài Gòn. Nguyên văn tiếng nói mở đầu của tôi:

"Chúng tôi là những người đại diện cho Ủy ban nhân dân cách mạng Sài Gòn-Chợ Lớn-Gia Định. Chúng tôi là những người đầu tiên tới Dinh Độc Lập trước 12 giờ và đã cùng anh em quân đội giải phóng cờ trên Dinh Độc Lập. Chúng tôi là giáo sư Huỳnh Văn Tòng và cựu chủ tịch Tổng hội sinh viên Sài Gòn Nguyễn Hữu Thái. Đời sống bình thường đã trở lại Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố mà Bác Hồ đã mong đợi, nay đã được giải phóng. Xin giới thiệu lời kêu gọi của các ông Dương Văn Minh và Vũ Văn Mầu của chính quyền Sài Gòn về vấn đề đầu hàng ở thành phố này..."

Lời của Tổng thống Dương Văn Minh: "Tôi, Đại tướng Dương Văn Minh, Tổng thống chính quyền Sài Gòn, kêu gọi quân lực Cộng hòa hạ vũ khí đầu hàng không điều kiện quân giải phóng Miền Nam Việt Nam. Tôi tuyên bố chính quyền Sài Gòn từ trung ương đến địa phương phải giải tán hoàn toàn. Từ trung ương đến địa phương trao lại cho chính phủ Cách mạng lâm thời Miền Nam Việt Nam".

Lời chấp nhận đầu hàng của chính ủy Bùi Văn Tùng: "Chúng tôi đại diện Lực lượng quân giải phóng Miền Nam Việt Nam long trọng tuyên bố Thành phố Sài Gòn đã được giải phóng hoàn toàn, chấp nhận sự đầu hàng không điều kiện của tướng Dương Văn Minh, tổng thống chính quyền Sài Gòn".

Giáo sư Vũ Văn Mầu phát biểu: "Trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc, tôi - Giáo sư Vũ Văn Mầu, Thủ tướng, kêu gọi tất cả các tầng lớp đồng bào vui vẻ chào mừng ngày hòa bình của dân tộc và trở lại sinh hoạt bình thường. Các nhân viên của các cơ quan hành chánh quay trở về vị trí cũ theo sự hướng dẫn của chính quyền cách mạng".

Và tôi tiếp tục nói: "... Quân Giải phóng đã tiến vào Dinh Độc Lập và đã làm chủ hoàn toàn các điểm chốt quân sự cũng như dân sự của vùng Sài Gòn-Chợ Lớn-Gia Định..."

Phải chăng những khoảnh khắc, những tuyên bố đó đã chấn động lòng người, làm nước mắt trào ra. Người ta mừng rỡ, hồi hộp và lắng nghe!...

Bộ đội đưa đoàn tướng Minh về lại Dinh Độc lập. Tôi đích thân đứng ra điều hành buổi phát thanh ấy, đọc thêm bản công bố của Cách mạng đối với vùng mới giải phóng, mượn của một chính trị viên. Tôi cố tình xưng tên tuổi mình cùng giáo sư Huỳnh Văn Tòng là nhằm tạo tâm lý trấn an nhân dân Sài Gòn.

Gần đây, nhân dân phía Nam từng bị guồng máy tâm lý chiến của Mỹ và Sài Gòn ra rả tung tin thất thiệt, mô tả nào cảnh tắm máu khi bộ đội đến miền Trung làm dân Sài Gòn sợ hãi đến hồn. Mọi người thực sự đang kinh hoàng, chỉ mong tìm đường tháo chạy thoát thân với bất cứ giá nào! Hy vọng khi nghe được tên tuổi chúng tôi họ sẽ nghĩ: À, nếu mấy tên tư sản kiểu như Tòng, Thái mà còn đó thì chắc cũng không đến nỗi nào! Về sau nghe nói có nhiều người lấy tàu chạy ra biển xa đã quay lại và bị bắt đi học tập hoặc bị giam giữ đã trách cứ chúng tôi lừa gạt họ!

Nhóm sinh viên chủ động tự biên tự diễn chương trình phát thanh, chủ yếu làm sao đưa ra được lời tuyên bố đầu hàng của tướng Minh, thông báo chính sách của chính quyền cách mạng lâm thời về vùng mới giải phóng và trấn an dư luận dân chúng Sài Gòn, vùng Đồng bằng sông Cửu Long, các hải đảo. Xen kẽ vào các lời ghi âm sẵn phát đi phát lại nêu trên, họ tranh thủ kêu gọi đại diện đồng bào các giới đến lên tiếng trên làn sóng phát thanh. Các anh Huỳnh Văn Tòng, nhà báo Kỳ Nhân, nghệ sĩ Nguyễn Đức... lần lượt lên tiếng kêu gọi giới mình tích cực tiếp tay với các tổ chức cách mạng tham gia vào việc ổn định tình hình Sài Gòn.

Thấy trong đám đông ủa đến đài có nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, sinh viên Huỳnh Ngọc Chênh đưa anh vào. Sau lời giới thiệu của tôi, Sơn phát biểu:



Trịnh Công Sơn, 1975

"Tôi, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, rất vui mừng và cảm động gặp và nói chuyện với tất cả các anh em nghệ sĩ ở miền Nam Việt Nam này. Hôm nay là cái ngày mà mơ ước của tất cả chúng ta đó là ngày mà chúng ta giải phóng hoàn toàn tất cả đất nước Việt Nam này cũng như những điều mơ ước (của) các bạn bấy lâu là độc lập, tự do, và thống nhất (thì) hôm nay chúng ta đã đạt được những kết quả đó. Tôi yêu cầu các văn nghệ sĩ cách mạng miền Nam Việt Nam này hãy... và hợp tác chặt chẽ với chánh phủ lâm thời Miền Nam Việt Nam.

Những kẻ đã ra đi chúng ta xem như là đã phản bội đất nước. Chúng ta là người Việt Nam. Đất nước này là đất nước Việt Nam. Chúng ta ở trên đất nước của chúng ta. Chính phủ Cách mạng lâm thời sẽ đến đây... những cái thái độ hoà giải tốt đẹp. Các bạn không có lý do gì sợ hãi để mà ra đi cả. Đây là cơ hội đẹp để và duy nhất để đất nước Việt Nam thống nhất và độc lập. Thống nhất và độc lập là những điều chúng ta mơ ước từ mấy chục năm nay. Tôi xin tất cả các bạn thân hữu cũng như những người chưa quen với tôi ở lại và chúng ta kết hợp chặt chẽ với Ủy ban Cách mạng lâm thời để góp tiếng nói xây dựng miền Nam Việt Nam này... gặp tất cả các anh em ở trong Ủy ban Cách mạng lâm thời. Hiện tại chúng tôi đang ở đài phát thanh Sài Gòn. Và tôi mong các bạn chuẩn bị sẵn sàng để đến đây góp tiếng nói, lên tiếng để tất cả mọi người đều yên tâm và tôi xin tất cả các anh em sinh viên, học sinh của miền Nam Việt Nam này hãy

yên ổn kết hợp lại với nhau; khóm phượng đều kết hợp chặt chẽ để đón chờ Ủy ban Cách mạng lâm thời đến. Xin chấm dứt.

Tôi xin hát một bài. Hiện tại ở trên đài thì không có đàn guitar, tôi xin hát lại bài Nối vòng tay lớn. Hôm nay, thật sự cái vòng tay lớn đã được nối kết:

Rừng núi dang tay nối lại biển xa

Ta đi vòng tay lớn mãi để nối sơn hà

Mặt đất bao la

Anh em ta về

Gặp nhau mừng như bão cát

Quay cuồng trời rộng

Bàn tay ta nắm

Nối tròn một vòng Việt Nam

Cờ nổi gió đêm vui mỗi ngày

Dòng máu nối con tim đồng loại

Dựng tình người trong ngày mới

Thành phố nối thôn xa vời vợi

Người chết nối linh thiêng vào đời

Và nụ cười nối trên môi

Từ Bắc vô Nam nối liền nắm tay

Ta đi từ đồng hoang vu vượt hết núi đồi

Vượt thác cheo leo

Tay ta vượt đèo

Từ quê nghèo lên phố lớn

Nắm tay nối liền biển xanh sông gầm

Nối liền một vòng Việt Nam.

Tất cả chúng tôi cùng anh hát vang bài "Nối vòng tay lớn". Không có đàn trống, anh em vỗ tay, khò nhịp lên bàn cùng nhau hát vang.

Bài hát ra đời từ mấy năm trước, nói lên giấc mơ của dân tộc nay mới trở thành hiện thực. Đây là bài hát đầu tiên được phát lên sóng của đài phát thanh Sài Gòn ngày giải phóng. Phải gần 20 năm sau tôi mới gặp lại người bạn học cũ Trịnh Công Sơn, gặp nhau trong ngày trọng đại này.

Bài hát này xuất hiện cùng với "Huế Sài Gòn Hà Nội", "Ta phải thấy mặt trời", "Việt Nam ơi hãy vùng lên, "Đồng dao hòa bình"... vào các năm 1968-1969 cổ vũ cho tinh thần hòa hợp, hòa giải dân tộc, nói lên khát vọng hòa bình, thống nhất đất nước. Ngày 30/4/1975, chiến tranh chấm

dứt tại Sài Gòn ít đổ máu, ước mơ trong các bài hát của Sơn đã trở thành hiện thực. Có hạnh phúc nào bằng? Vinh dự biết bao! Thế hệ chúng tôi tự hào có Trịnh Công Sơn phát lên tiếng gọi hòa hợp hòa giải dân tộc đầu tiên ngay sau khi chấm dứt chiến tranh. Làm một người nghệ sĩ, Trịnh Công Sơn chỉ cần sự kiện sáng tác "Nối vòng tay lớn", hát "Nối vòng tay lớn" như thế là đã có tên trong bảng đồng bia đá rồi.

"Bài hát đã có tác động làm chùng tay súng. Một ngày, một giờ mà sinh mệnh của hàng triệu con người nằm trên đường tơ kẽ tóc, một sự kiện như thế thật quá trọng đại!" Đó là cảm giác ghi lại của anh bộ đội Nguyễn Văn Thọ (11) khi tiến vào Sài Gòn, anh viết tiếp:

"Mặt đất bao la... anh em ta về... gặp nhau mừng như bão cát quay cuồng trời rộng... Lời ca không phải là tiếng thách thức tử thủ. Lời ca không phải là tiếng bế máu như kết cục thường của chiến cuộc, lời ca khi ấy làm chùng xuống không khí thù hận và hận học. Chúng tôi tiến vào Sài Gòn...

Chiến tranh nào bao giờ chẳng có mặt trái, nhưng tiếng hát kia, bản nhạc ấy, mở ra cho cả hai bên nghe như một liều thuốc vô hình đã làm chùng xuống một thời khắc để nổi cẩu và nổi đóa!"

Riêng tôi không ở lại đài đến cuối phần phát thanh vì anh Lê Công Giàu (12), cán bộ Thành Đoàn của Mặt trận Giải phóng xuống mời tôi lên gặp ban chỉ huy tiếp quản Sài Gòn đang đóng quân ở trường Pétrus Ký (Lê Hồng Phong ngày nay). Họ muốn gặp tôi bàn bạc kế hoạch tập hợp thanh niên sinh viên học sinh Sài Gòn vào sáng hôm sau 1/5. Tôi quen mặt hầu hết các cán bộ Đoàn đang có mặt ở đó nguyên là học sinh sinh viên Sài Gòn, nay rần rỏi trong quân phục quân giải phóng. Những người đã cùng tôi xuống đường đấu tranh từ 10 năm qua.

Tôi được giới thiệu gặp một người lớn tuổi, cao to, nét mặt rần rỏi, giọng nói còn sang sảng là ông Mai Chí Thọ (13), một nhân vật huyền thoại lãnh đạo cuộc chiến đấu quanh vùng Sài Gòn-Gia Định từ thời kháng Pháp đến chống Mỹ. Ông khen ngợi việc sử dụng đài phát thanh phát đi tiếng nói Cách mạng, chỉ tiếc không có được nhiều tiếng nói tiêu biểu hơn của bên lao động như ông Chủ tịch nghiệp đoàn Lê Văn Thốt chẳng hạn. Ngày mai phải làm sao quy tụ thật đông đảo thanh niên học sinh sinh viên đến trụ sở 4 Duy Tân. Cả đêm 30/4 đó chúng tôi đâu có ngủ yên. Không phải vì những thao thức về thân phận, toan tính đối phó với kẻ thù mà suy nghĩ về một ngày mai từ đây phải tươi sáng vì rõ ràng là từ nay ta đã thực sự làm chủ vận mệnh mình.



Bắt đầu một cuộc đời dài...

13. Trong chiến dịch cải tạo

1975-1979: Đây là những năm gian khổ nhất sau cuộc chiến tranh với Mỹ, tôi trở thành một cán bộ thanh niên tham gia vào công cuộc cải tạo và xây dựng lại đất nước đang rơi vào tình trạng nửa hòa nửa chiến, bị xâm lăng trên biên giới phía Bắc và Tây Nam. Tôi tham gia vào các chiến dịch chống tàn dư văn hóa đồi trụy và phản động, cải tạo tư sản, vận động thanh niên xây dựng kinh tế và bảo vệ Tổ quốc. Lực lượng thanh niên lại trở thành đạo quân tiên phong tiến hành cuộc cách mạng xã hội trong một miền Nam mới giải phóng.

Hòa bình đã đến thật rồi! Hầu hết lớp trẻ chúng tôi chưa thể hình dung hết cảm giác có một ngày đất nước chấm dứt chiến tranh, hòa bình trở về. Bắt đầu có lẽ là những ấn tượng kỳ lạ, thật khó tin: Bầu trời sao im ắng không một bóng máy bay, trên phố không có tiếng rú còi đoàn xe quân sự, đêm về không còn ánh sáng hỏa châu, tiếng súng vọng xa xa... Ấn tượng đêm 30/4 đầu tiên là như thế. Chúng tôi thần thờ như người đi trong mơ. Không còn chiến tranh, cả nước có hòa bình và thống nhất thật rồi!

Vậy mà lớp trẻ thành phố chúng tôi đâu thể ngồi yên, lại lao ngay vào một ngày hoạt động bận rộn khác nhằm tập hợp thanh niên thành phố và bắt tay vào việc. Từ sáng tinh mơ 1/5 năm 1975, chúng tôi đã tụ tập nhau lại tại Trung tâm Sinh viên 4 Duy Tân (1) theo thông báo trên đài. Hình như thanh niên thành phố đã ùa hết về đây. Người ngồi kẻ đứng chật các sân vườn, lối nhỏ đầy các tầng nhà, tràn cả lên nóc sân thượng.

Phải chờ đợi bao nhiêu năm mới có được một ngày hội lớn, giới trẻ họp mặt mà không còn nơm nớp lo sợ lựu đạn cay, dùi cui đàn áp, bắt bớ tù đầy... Các hình ảnh đen tối đó bỗng chốc như lùi vào một quá khứ xa xôi nào.



Tuổi trẻ Sài Gòn đón mừng ngày mới

Chen lẫn giữa sơ mi quần tây, áo dài nam nữ học sinh sinh viên, màu áo xanh công nhân nội thành, là bà ba đen, quân phục giải phóng màu chàm, khăn rằn, mũ tai bèo người ở chiến khu về. Nét mặt mọi người hình như chưa hết bàng hoàng, phờ phạc nhưng rạng rỡ, hân hoan. Từ đêm qua tôi đã cùng các cán bộ Thành Đoàn lên chương trình sinh hoạt cho ngày hôm nay, một cuộc gặp gỡ lớn của giới thanh niên thành phố với thanh niên ở chiến khu về đồng thời tìm cách động viên thanh niên đảm trách ngay việc duy trì trật tự và bảo đảm đời sống bình thường cho nhân dân thành phố.

Giới thiệu chào hỏi nhau mừng mừng tủi tủi, rất nhiều nước mắt nhưng cũng không ít nụ cười. Hát vang những bài ca xuống đường "Hát cho đồng bào tôi nghe" ngày nào, để rồi tiếp nối là những bài ca cách mạng, hào hùng nhưng còn lạ lẫm đối với người thành phố, những lời ca tiếng hát như thúc giục cả một thế hệ thanh niên lên đường tiến về phía trước. Ngày hôm qua là chiến đấu trên chiến trường để cứu nước và hôm nay là xây dựng lại đất nước trong hòa bình. Chúng tôi bắt tay ngay vào việc chính, đó là kêu gọi anh em tham gia vào công tác. Tất cả đều được mời đến đăng ký vào một đội, nhóm, tổ hoạt động nào đó, tự nguyện và tùy năng khiếu và sở thích rồi triển khai công tác ngay. Người tình nguyện rất đông, chúng tôi phải lọc lại sử dụng một ít trước đã. Cấp bách nhất là tiếp tay với chính quyền cách mạng tái lập trật tự, ổn định sinh hoạt.

Ở thành phố Sài Gòn đã xuất hiện Ban Quân quản do tướng Trần Văn Trà (2) phụ trách tiếp quản và tạm thời điều hành sinh hoạt thành phố. Từ trên xuống dưới chỗ nào cũng cần người

trẻ. Cấp bách trước mắt là các công việc như điều khiển giao thông xe cộ, thu gom rác, cứu đói các hộ nghèo đến các công tác khó hơn như bảo vệ an ninh đường phố, giữ gìn tài sản nhân dân, lập một guồng máy hành chính cách mạng mới. Guồng máy hành chính lẫn an ninh cũ bị giải tán hết đang cần người thay thế, không ai khác hơn là thanh niên sẽ đảm trách.



*Tướng Trần Văn Trà vào ngày trao trả tự do cho nội thành
Đương Văn Minh 2/5/1975 tại Dinh Độc Lập*

Ngay sáng 1/5 này trên đường phố Sài Gòn đã xuất hiện các toán thanh niên nam nữ ăn mặc đủ kiểu, trên tay mang băng đỏ điều khiển giao thông. Các đội học sinh, sinh viên xung phong thu gom rác, lái cả xe xích, xe chuyển rác làm sạch đường phố.

Tôi ghé ngang Đại học Vạn Hạnh xem anh em mình tiến hành việc đăng ký giao nộp vũ khí của binh lính Sài Gòn. Các phóng viên nước ngoài quan sát đồng súng đạn mới tinh mang nhãn hiệu Mỹ, nhìn nhau lắc đầu. Mới mấy tháng trước Washington đã đổ ra hàng trăm triệu đôla vũ khí vào cho quân Sài Gòn! Về trường kiến trúc, thấy anh em sinh viên đã nhanh chóng cùng vài cán bộ Quân quản kiểm tra và lập phương án sử dụng nhà cửa của người bỏ chạy, cơ sở chính quyền cũ, cử người đi chốt giữ không cho dân hôi của làm càn.



Ủy ban Quân quản ra đi do tướng Trần Văn Trà lãnh đạo

Tôi chỉ có mấy giờ về gặp lại gia đình. Vợ tôi chưa thực sự hoàn hồn sau những ngày hỗn loạn. Mấy cháu vẫn hồn nhiên đòi ba nựng ẵm đi chơi. Em út của vợ tôi là Trần Hưng Đoàn, người cùng nằm chung tù với tôi cũng đã ở chiến khu hành quân về đến nay dắt theo cô vợ áo bà ba, nón tai bèo, súng AK vào nhà. Đoàn thì ốm nheo và đen sạm không ai có thể nhìn ra, nhưng cô vợ khéo léo và đảm đang vào ngay bếp phụ giúp dọn bữa cơm, gây ngạc nhiên và cảm tình với cả nhà.

Phía bên gia đình tôi thì anh em đã tụ về được hết. Trừ ba người em ở nước ngoài, anh em trong nước không sót một ai. Ba tôi thì đã một nửa mù lòa, lạc quan vì tin rằng người Cộng sản sẽ đem lại công bằng xã hội theo như tinh thần đạo Công giáo mà ông tin tưởng. Má tôi vẫn tiếp tục xoay xở được, dẫu ở trong tình huống nào. Đầu óc bà vẫn luôn như một chiếc máy tính điện tử... Trải qua cuộc chiến ghê gớm vừa qua vậy mà gia đình tôi vẫn bình yên. Ở nước ta, có lẽ chỉ những người nông dân là hy sinh nhiều nhất trong cuộc chiến này, cả Bắc lẫn Nam. Tất cả thành viên trong gia đình đã quyết định ở lại, không như nhiều gia đình sĩ quan quen biết trong cư xá đã vội vã ra đi. Như vậy kể như cũng tạm ổn rồi.

Tôi không còn giờ giấc dành cho gia đình nữa. Bao công việc đang chờ tôi giải quyết ở trụ sở thanh niên. Thoạt đầu, tôi không biết mình thực sự giữ vai trò gì trong guồng máy thanh niên mới. Tuy vậy, bao công việc trong ngoài tại trụ sở 4 Duy Tân trong mấy ngày này tôi đều phải làm cả. Góp ý cho công việc của tôi thường có Dương Văn Bảy và Lê Công Giàu, các sinh viên tranh đấu Sài Gòn cũ, nay là cán bộ Đoàn Thanh niên Cách mạng mới ở rừng về.

Dương Văn Bảy (3) tham gia Mặt trận Giải phóng rất sớm hồi còn học trung học ở tỉnh. Thi đậu vào Đại học Y khoa ở Sài Gòn, Bảy hoạt động rất năng nổ với nhóm sinh viên lớp lớn hơn như Trương Thìn, Lê Hồng Chí nhất là vào năm có biến động miền Trung 66. Anh bị bắt nhưng

được thả ra sớm. Anh lại hoạt động tích cực nên bị bắt và bị tra tấn tàn nhẫn với hồ sơ hoạt động trong Đoàn ủy (bộ phận phụ trách hoạt động học sinh sinh viên trong tổ chức thanh niên giải phóng). Ưu điểm của anh là vui tính, dễ hòa đồng, cởi mở nên dễ tranh thủ, thuyết phục người khác. Đúng là mẫu mực một cán bộ phong trào. Tuy vậy các hoạt động bán công khai kiểu đó, cơ sở dễ vỡ, tiêu hao lực lượng. May mà Hiệp định Paris vừa ký kết, anh được trao trả về khu. Nay anh vừa là Tổng thư ký của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố vừa phụ trách Mặt trận thanh niên, có phải là quá nhiều công việc cho anh không?

Lê Công Giàu là sinh viên khoa học, từng giữ chức vụ Tổng Thư ký Ban chấp hành một nhiệm kỳ Tổng Hội sinh viên Sài Gòn trước 75. Anh hoạt động cho Mặt trận Giải phóng nên bị bắt và bị tra khảo nhiều nhưng kiên quyết không tiết lộ cơ sở. Khí tiết của anh được đánh giá cao tuy anh làm việc chậm chạp không năng nổ bằng Dương Văn Bảy. Chính anh là người đến đài phát thanh ngày hôm qua gọi tôi về đảm trách công tác tập hợp thanh niên theo lệnh Thành ủy.

Tổ chức thanh niên thành phố theo Giàu gợi ý, mới ngày hôm qua còn mang tên Ủy ban thanh niên hòa hợp hòa giải, nhanh chóng đổi thành Thanh niên cách mạng. Có lẽ chỉ là các danh xưng phù hợp tình hình từng lúc, kiểu chiến thuật đúng bài bản của Cách mạng, bắt đầu bằng tập hợp rộng rãi nhiều thành phần qua dạng Mặt trận, cuối cùng người của Cách mạng nắm phần lãnh đạo. Cốt lõi vẫn là Đoàn và Đảng chủ động nắm hết thực lực lãnh đạo bên trong.

Tên tuổi luật sư Nguyễn Hữu Thọ xuất hiện khi ông tham gia vào phong trào đô thị phản đối việc Mỹ giúp Pháp chống kháng chiến Việt Minh rất sớm vào đầu các năm 50 ở Sài Gòn, ông tham gia Mặt trận Hòa bình sau Hiệp định Genève 54 và bị chính quyền Ngô Đình Diệm cho là thân Cộng đưa đi an trí ở miền Trung. Người của Mặt trận Giải phóng giải thoát ông và bí mật đưa về chiến khu để cử lên làm chủ tịch Mặt trận Dân tộc Giải phóng ra đời vào năm 1960.

Một gương mặt nổi bật khác trong Mặt trận Giải phóng là Huỳnh Tấn Phát (4), từng tốt nghiệp hạng ưu Trường Kiến trúc Đông Dương năm 1938, ông sớm nổi tiếng khi đoạt giải thiết kế khu trưng bày thành tựu kinh tế Pháp ở Đông Dương tại vườn Bờ Rô Sài Gòn đầu những năm 40 và là tác giả thiết kế nhiều tòa biệt thự cho người Pháp lẫn người Việt giàu có. Vào năm 1945 ông bỏ hết tiền tài danh vọng xếp bút nghiên lên đường tranh đấu. Trong kháng chiến chống Pháp ông phụ trách bộ phận tuyên truyền Nam Bộ. Sau Hiệp định Genève người ta bố trí ông ở lại miền Nam hoạt động công khai trong khi ai cũng biết ông là người của Việt Minh. Chỉ nhờ bạn bè anh em che chở mà ông mới thoát khỏi bộ máy an ninh sừng sỏ của Ngô Đình Diệm. Ông chạy ra khu và cùng luật sư Nguyễn Hữu Thọ lãnh đạo Mặt trận Giải phóng. Tôi được gặp ông tại một cuộc triển lãm sau ngày giải phóng, luôn nhìn thấy nụ cười nở trên môi và rất khiêm tốn.

Thực sự tôi chưa biết hoạt động của hệ thống và cả cách làm việc của tổ chức cách mạng. Tôi lại càng mù tịt về Thành Đoàn (tổ chức thanh niên Cộng sản), cho nên cứ làm theo cách tôi nghĩ là phù hợp cho giai đoạn đầu ở thành phố mới giải phóng. Tôi chủ yếu lo phần đối ngoại, nào gặp gỡ trả lời các đoàn báo chí, truyền hình trong và ngoài nước. Tổ chức các buổi nói chuyện của cán bộ cách mạng đủ mọi ngành nghề, các buổi chiếu bóng, biểu diễn văn nghệ cho thanh niên. Bộ mặt nổi của tôi đối với dân thành phố vẫn còn cần thiết, nhưng rõ ràng là khác với trước kia. Đặc biệt hình ảnh và tên tuổi của tôi không bao giờ được đưa lên truyền hình hoặc báo chí mới. Chính thức chỉ có hình ảnh Dương Văn Bảy là người phát ngôn. Mất thì giờ nhiều nhất là gặp gỡ, giải quyết thắc mắc và trấn an thanh niên còn bỡ ngỡ với sinh hoạt mới của cách mạng. Tóm lại tôi đang làm tốt công tác kiểu Mặt trận Thanh niên được giao. Dĩ nhiên cũng có nhiều va vấp và hiểu lầm đã xảy ra. Ví như báo chí nước ngoài thì nghĩ tôi đóng vai trò chính yếu, cứ gặp gỡ là đề cập hàng loạt vấn đề. Tôi có lẽ cũng bị cán bộ đoàn trách móc vì sao không tham gia họp giao ban nhận chỉ thị hoặc sinh hoạt nội bộ lãnh đạo đoàn. Thật ra tôi có bao giờ được chính thức mời dự các sinh hoạt này đâu, mà dự thì với tư cách gì? Tôi có cảm tưởng người ta vẫn giữ khoảng cách với tôi!

Tuy vậy, ngồi làm việc ở trụ sở 4 Duy Tân, trong thoáng chốc tôi có cảm giác như mình được

quay lui thời gian trở lại thời hoạt động sinh viên sau ngày lật đổ Ngô Đình Diệm. Thật kỳ lạ, tôi cũng đang ngồi tại ngôi nhà mà tôi đã từng ký nhận từ tay Hội đồng tướng lãnh lật đổ Diệm vào năm 63. Nhưng nay đã là thời điểm vào 12 năm sau. Nhiều lớp thanh niên mới đã trưởng thành. Lớp tuổi tôi nay người ta đã hoạt động ở nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau hoặc đã chạy khỏi nước. Tiếng nói của tôi vẫn còn tạo được sự tin cậy ban đầu. 12 năm trước là đối với tập thể sinh viên học sinh Sài Gòn còn mới lạ đối với sinh hoạt mới sau ngày lật đổ chế độ độc tài Ngô Đình Diệm và nay là với đa số thanh niên thành thị còn ngỡ ngàng đối với Cách mạng. Vào tuổi trên 30 tôi vẫn cảm thấy mình còn là một sinh viên. Mà cũng đúng thôi, vì bản thân tôi vẫn còn là sinh viên ngành Kiến trúc 17 năm vẫn chưa tốt nghiệp!

Lực lượng chủ lực ở thành phố mới giải phóng bây giờ là những người cán bộ chính trị Cộng sản dày dạn, có nửa thế kỷ kinh nghiệm đấu tranh cách mạng chứ không phải là một hội đồng tướng lãnh Sài Gòn còn quá mới trong mọi lĩnh vực dân sự của 12 năm trước!

Còn những người cán bộ đoàn mà tôi đang cộng tác ở đây, tuy là những học sinh, sinh viên, công nhân và nông dân tuổi còn trẻ thật nhưng cũng đã được luyện rèn qua gian khổ đấu tranh trên 10 năm qua. Tôi có cảm giác họ không vội nắm các công việc mặt nổi của phong trào thanh niên đô thị kiểu Mặt trận như chúng tôi mà đang quan sát, nghiên cứu cách làm việc mới cho phù hợp với thanh niên thành phố sau ngày hòa bình lập lại.

Trước hết họ tỏ ra xuống, luồn sâu về các cơ sở hạ tầng của từng trường học, nhà máy, ngõ xóm, giữa lòng mọi đoàn thể quần chúng nhân dân, tổ chức tôn giáo. Nhìn những cánh tay hành động của Đảng Cộng sản, những người cán bộ thanh niên gầy ốm, dày dạn và giản dị đến cùng cực này tôi cứ ngại ngại không biết công cuộc cải tạo mà họ sẽ tiến hành ở miền Nam rồi sẽ ra sao đây? Có diễn ra quá triệt để như cuộc Đại Cách mạng Văn hóa Trung Quốc? Hoặc chuyển tiếp từng bước một trong tinh thần hòa hợp hòa giải cho phù hợp với hoàn cảnh miền Nam? Họ sẽ thành công hay thất bại? Cuộc đổi đời này rồi sẽ đi tới đâu?...

Quả thực vậy, chỉ sau có mấy ngày giải phóng, cán bộ cách mạng đã nắm quyền chủ động thay thế tất cả các tổ chức nhân dân hoạt động tự phát, nhất là ở cơ sở phường, khóm. Trong cư xá Bắc Hải nơi gia đình tôi trú ngụ, anh bạn kỹ sư nghĩ mình có quan hệ với cách mạng đã chủ động dựng lên vào ngày giải phóng một ủy ban điều hành cư xá, nay anh bị bắt, ủy ban đó bị giải thể. Mấy bạn sinh viên trong nhóm chúng tôi chốt ở Đại học Vạn Hạnh cũng lập ra một ủy ban thu gom vũ khí của binh lính Sài Gòn cũng sớm bị giải tán. Các anh chưa chắt trách móc lung tung, vì rõ ràng mới ngày hôm qua họ được đề nghị làm việc đó!

Người Cộng sản đã tổ chức được các cuộc tập hợp quần chúng đô thị thật vĩ đại, hàng ngũ chỉnh tề đầu vào đầy nhân các cuộc mít tinh chào mừng thắng lợi hoặc ngày lễ lớn. Bây giờ tôi mới nhìn thấy hết sức mạnh của Đảng Cộng sản cùng hệ thống tổ chức khá hữu hiệu lẫn các phương pháp vận động quần chúng của họ. Phải chăng vừa qua trong cuộc chiến đấu chống Pháp, chống Mỹ chính nhờ hệ thống tổ chức này kết hợp với chính nghĩa giải phóng dân tộc, Đảng Cộng sản Việt Nam đã vượt trội lên trên tất cả các đảng phái quốc gia khác và đã chiến thắng? Chỉ một tuần sau là đội ngũ cán bộ Đoàn đã công khai nắm quyền kiểm soát và điều hành tất cả các hoạt động của thanh niên từ cấp cơ sở đến trung ương.

Những người như tôi đáng ra phải sớm ý thức được rằng vai trò của mình đã qua rồi. Nay thì hoặc ta phải xếp hàng vào guồng máy hoặc bị đào thải. Có lẽ tôi và nhiều bạn bè hoạt động đô thị chưa ý thức được hết điều đó. Không ít người bạn từng tham gia tích cực trong buổi đầu giải phóng với nhiều ảo tưởng, đã bức bối và sinh ra chua chát, chán nản. Ngay bản thân tôi lúc đó, không biết có ý thức được điều này chăng hay vẫn còn tự cao cứ nghĩ rằng mình còn cần thiết cho giai đoạn chuyển tiếp. Tôi vẫn chưa nắm được hết ý về lời khuyên của Thượng tọa Trí Quang, nhắn qua vợ tôi ngay sau ngày giải phóng: "Thầy và Thái như vậy là đã làm được một số việc trong cảnh dầu sôi lửa bỏng rồi. Thành phố này không bị tàn phá và đổ máu trong những ngày cuối cùng của cuộc chiến. Nay họ đã có lớp người mới, phải ý thức rằng ta thực sự không còn cần thiết cho họ nữa. Đừng xông xáo ra quá. Hãy quay về với công việc chuyên môn

của mình đi, may ra còn đóng góp được cái gì có ích chung...".

Về mặt công khai Dương Văn Bảy đảm nhận việc điều hành sinh hoạt thanh niên mặt nổi. Nhưng rõ ràng là anh ta ôm đồm quá nhiều việc, với tư thế phó phụ trách tôi lại phải làm hết mọi việc. Riêng phần mình, tôi cũng ôm đồm công việc không kém. Tôi vẫn còn thích viết lách và tham gia dựng lên tờ báo Tuổi Trẻ của Thành Đoàn ngay từ những số đầu.

Về thăm trường kiến trúc, tôi ngứa ngáy muốn vội truyền đạt cho anh em kiến thức cơ bản về thế giới quan Cộng sản, quan điểm xã hội chủ nghĩa về văn hóa, văn nghệ, kiến trúc. Sở dĩ làm được là do tôi đã nghiên cứu tài liệu tham khảo nguyên gốc từ khi dạy môn Mác xít ở trường chiến tranh chính trị Sài Gòn cũ. Trước 75, tôi còn đọc được sách báo Hà Nội viết về mỹ thuật, kiến trúc. Giáo sư Nguyễn Văn Trung xin được tài liệu, sách báo này do trung tâm văn hóa thông tin Mỹ thả ra thường kỳ và cho tôi mượn tham khảo. Còn tờ báo Tin Sáng của Ngô Công Đức sắp được phép ra mắt, nhắm vào lớp độc giả Sài Gòn và có ý định mời tôi cộng tác thường xuyên. Ngoài ra tôi cũng nhất quyết phải làm cho xong đồ án ra trường kiến trúc, học hành đã kéo dài 17 năm, quá lâu rồi!

Thành Đoàn ra mặt công khai thành lập đầy đủ các ban bộ, tổ chức gần giống như một nha sở phụ trách sinh hoạt thanh thiếu niên từ nông thôn đến thành thị, có một bí thư phụ trách chung cùng nhiều ban bộ. Tôi được chính thức phân công làm cán bộ phụ trách trí thức trẻ trong Ban Mặt trận Thanh niên của Thành Đoàn do một phó bí thư phụ trách. Ban này chủ yếu vận động thanh niên các tôn giáo, người Hoa và trí thức trẻ ở ngoài đoàn thể cách mạng.

Sài Gòn-Chợ Lớn-Gia Định nay sáp nhập làm thành Tp. Hồ Chí Minh (4), quy mô đất đai rất rộng gần 2.000km², dân đông và không cùng trình độ phát triển. Nông dân Củ Chi hoặc Rừng Sắt có người còn chưa bao giờ nhìn thấy ánh điện, nước máy trong khi ở trung tâm thành phố có người sử dụng máy lạnh, cầu tiêu máy...

Sài Gòn nguyên là một trung tâm kinh tế chính yếu của Đông Dương thuộc Pháp. Nhưng thành phố từ nửa thế kỷ qua đã sinh hoạt và phát triển không bình thường theo nhịp độ chiến tranh, từ thời Pháp đến thời Mỹ. Dân số tăng nhanh từ nửa triệu người hồi cuối Thế chiến II lên đến trên 5 triệu ngày giải phóng Sài Gòn, thêm cả triệu người tỵ nạn chiến tranh cả miền Nam ụa về. Bầu vú sữa viện trợ Mỹ không còn, sản xuất kinh doanh nằm trong tay người Hoa Chợ Lớn, hiện đang có hàng chục vạn viên chức giải nhiệm, binh lính giải ngũ không việc làm, nhà máy thì nguyên liệu phụ tùng không còn...

Chỉ nội việc nuôi ăn, cung cấp điện nước hàng ngày cho mấy triệu dân đã là một bài toán quá lớn cho chính quyền cách mạng mới. Có được chính quyền mà thể chủ động kinh tế còn nằm trong tay những người đầu cơ, Hoa kiều lại là một nghịch lý khác. Các biện pháp ưu tiên hàng đầu cách mạng phải làm ngoài việc giãn dân, cứu đói, giữ gìn trật tự là phải nắm được quyền kiểm soát kinh tế.



Các đợt truy quét văn hóa phẩm phản động đòi truy

Tuy vậy, đối với người Sài Gòn lâu nay vốn quen ăn nói tự do, thì chiến dịch truy quét văn hóa phẩm phản động, đòi truy làm mọi người lo ngại. Phải chăng ta đang lặp lại Cách mạng văn hóa Trung Quốc khi tiến hành hủy hoại văn hóa? Bản thân tôi nằm trong ban chỉ đạo chiến dịch truy quét văn hóa đòi truy vậy mà cũng nơm nớp lo sợ không biết sách vở mình đang giữ có nằm trong đối tượng bị truy quét không? Nhiều cảnh tượng cực đoan đáng tiếc đã xảy ra, phá hủy cả tài liệu, công trình khoa học và nghệ thuật. May mà chúng tôi cũng tìm cách can ngăn

kịp thời. Một việc làm chưa cần phải gấp gáp, chỉ gây thêm xáo trộn và hoang mang, không góp phần làm yên lòng dân vùng mới giải phóng!

Chúng tôi tham gia vào việc vận động đồng bào hồi hương về ruộng vườn cũ và người không có công ăn việc làm ra các vùng kinh tế mới sản xuất. Thành Đoàn gấp rút xây dựng phong trào Thanh niên Xung phong tiến về các nông trường ngoài thành canh tác. Các đơn vị làm việc trong nội thành cũng đều tổ chức canh tác bên ngoài thành phố để bổ sung nguồn lương thực thực phẩm. Bản thân chúng tôi đều thay phiên nhau đi lao động sản xuất. Cái gay go nhất là mọi công việc đồng áng đều còn làm kiểu thủ công, không vốn, công cụ sản xuất, người thành phố không quen, thuốc men cần thiết cho vùng đầm lầy, rừng rú nhiều bệnh tật lại khan hiếm. Khó khăn, cơ cực, bệnh tật... là không tránh khỏi.

Dĩ nhiên cũng có nhiều nơi, cán bộ cách mạng địa phương cũng đã từng lên danh sách phân loại dân, dự kiến đưa không ít dân thành phố về sinh sống và lao động dưới sự giám sát của nông dân vùng giải phóng.

Người vượt biên ra nước ngoài bôi bác xuyên tạc các khu kinh tế mới này như thế nào mà ai cũng nghĩ đó là những trại khổ sai, địa ngục trần gian! Theo tôi, khách quan mà nói, bất cứ một chính quyền nào trong hoàn cảnh tương tự cũng phải làm như vậy, ít nhất trước mắt để dân có cái ăn.

Tôi quy tụ xung quanh bộ phận công tác khoa học kỹ thuật trẻ gồm nhiều sinh viên kiến trúc lớp lớn, một số kỹ sư đủ ngành nghề. Nhưng rõ ràng là lối đào tạo phương Tây kiểu cũ không giúp ích được gì nhiều cho chúng tôi trong công tác yểm trợ xây dựng đời sống mới ở nông thôn lúc này. Nhiều lắm chúng tôi chỉ giúp được các ban chỉ huy thanh niên quy hoạch và xây dựng các trại cải tạo thanh thiếu niên hư hỏng, xì ke ma túy và các trại phục hồi nhân phẩm nữ thanh niên. Trong giai đoạn mới, rõ ràng các cơ sở tập trung thanh thiếu niên hư hỏng là cần thiết và đáng hoan nghênh nếu muốn có được một xã hội lành mạnh. Xã hội miền Nam qua mấy thập kỷ chiến tranh đã làm băng hoại nhiều tầng lớp thanh niên. Số trẻ này cần cải tạo để chuyển hóa thành lớp người mới xây dựng đất nước. Khác xa với những luận điệu xuyên tạc ở nước ngoài, phong trào thanh niên lao động tình nguyện đã là một thành công của chính quyền cách mạng.

Lực lượng Thanh niên Xung phong cũng như các đội lao động tình nguyện khác đã thu hút hàng vạn thanh niên lê bêu, nào binh lính rã ngũ, người thất nghiệp, kẻ sống bên lề xã hội thời chiến tranh. Phải nhìn nhận phong trào đã có tác dụng tích cực cải tạo và làm trưởng thành nhiều lớp trẻ thành thị. Chúng tôi lại lên đường đến những công trường thủy lợi, nông trường canh tác Thanh niên Xung phong. Ai cũng mong muốn đời sống anh em phải được tiện nghi, canh tác cơ giới hóa thì mới xứng hợp với trình độ thanh niên thành phố. Nhưng giống như cái vòng lẩn quẩn, yêu cầu thì nhiều nhưng thử hỏi tiền bạc, phương tiện đào ở đâu ra trong một đất nước nghèo mới thoát khỏi một cuộc chiến tranh hủy diệt ghê gớm lại tiếp tục bị bao vây kinh tế?

Từ những ngày còn chiến tranh, trong loạt bài viết "Khi đất nước tôi thanh bình", tôi vẫn ước mơ ngày hòa bình anh em thanh niên trong nước cùng bạn bè năm châu, và cả những người con sinh sống xa quê hương sẽ quay về đây góp sức hàn gắn lại vết thương chiến tranh. Trong thực tế tôi chỉ nhìn thấy vài đợt thăm viếng lễ tế và vội vã của các đoàn bạn bè nước ngoài, mang tính hữu hảo, mặt trận chung chung hơn là tham gia vào sinh hoạt và công tác thực sự. Không nhìn thấy ai đề ra được một kế hoạch dài hơi nào vận động thanh niên bạn bè nước ngoài đến công tác xây dựng sau chiến tranh ở Việt Nam.

Người nước ngoài, dầu cho đó là người của phe xã hội chủ nghĩa hay phe tả phản chiến phương Tây thân hữu với đất nước ta đều bị nghi ngờ, đặt thành vấn đề. Có lẽ về mặt này người Cộng sản Việt Nam thiếu năng động so với người Cộng sản Cuba. Ngay từ những ngày đầu cách mạng Cuba, đất nước này luôn đón nhận hàng nghìn thanh niên lao động tình nguyện nước

ngoài đến công tác như thu hoạch mía, xây dựng nhà ở cho dân nghèo, cải thiện đời sống nông thôn... Họ thực sự hòa lẫn với phong trào thanh niên lao động tình nguyện tại chỗ.

Một số nhà khoa học ở hải ngoại quyết tâm quay hẫn về nước làm việc, sớm bị phân biệt đối xử, không làm việc được và thất vọng não nề. Sau đó, người thì bỏ trốn đi lại ra nước ngoài, phải làm lại sự nghiệp từ đầu và không còn muốn nhắc đến đất nước quê hương nữa. Người khác ần nhẫn chịu đựng, chán nản tìm việc khác bươn trải làm ăn sinh sống. Phụ trách công tác khoa học kỹ thuật, tôi từng tiếp cận với số anh em này nhưng lại hoàn toàn bất lực không can thiệp gì được trong các trường hợp của họ.

Một luồng gió mới thổi đến khi vài đoàn thanh niên Việt Nam đi dự các liên hoan thanh niên thế giới về và tìm cách cải tiến sinh hoạt đoàn đội, nhưng cũng không kéo dài được bao lâu, rồi đâu cũng vào đấy. Sinh hoạt thanh thiếu niên nước ta lúc này có lẽ vào hàng buồn tẻ và già nua nhất thế giới!

14. Cuộc thử nghiệm

1980-1985: Việt Nam vừa thoát khỏi cuộc chiến tranh hủy diệt nay lại bị bao vây cô lập. Cùng với nhân dân cả nước, tôi trải qua những năm tháng gian khổ thời chiến và đất nước kinh qua cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Ở vị thế một cán bộ thanh niên và kiến trúc sư của chế độ mới, tôi thấy cần phải thực hiện một tiến trình phát triển bình thường.



Ước mơ thanh bình – Bửu Chi

Sau chiến tranh, có cơ hội đi lại khắp các miền đất nước, sang cả bên Lào, tôi mới nhìn thấy hết sự tàn phá ghê gớm về các mặt môi trường vật chất và xã hội của cuộc chiến tranh hủy diệt mà người Mỹ tiến hành trên một đất nước nông nghiệp nhỏ bé. Tôi đã ra miền Bắc sau giải phóng, tận mắt nhìn thấy cảnh bom đạn Mỹ cày nát thành bình địa dọc con đường cái quan từ Bến Hải (đường phân ranh Nam Bắc ở vĩ tuyến 17 và khu phi quân sự) đến Hà Nội, Hải Phòng, vào cả tuyến đường sang Lào (điểm xuất phát đường mòn Hồ Chí Minh). Đi ngang thành phố Vinh, quy mô như Đà Nẵng thời Pháp thuộc, nay chỉ còn tro bụi hệ thống đường sá, nhà cửa tan hoang hết.

Tôi đã nhìn thấy hàng vạn hố bom chưa kịp lấp, lỗ chỗ khắp nơi. Vào nhiều gia đình nông thôn miền Bắc, trên bàn thờ đều có mấy liệt sĩ hy sinh ở miền Nam. Các mẹ già vẫn lụm cụm tiều tụy sau lũy tre làng xác xơ miền đất cày lên sỏi đá vùng cực Bắc Trung Bộ.

Tôi chứng kiến rừng tre gai xác xơ miền Đông Nam Bộ, từng là vùng Chiến khu D cũ. Tôi cũng thăm viếng các bản làng cơ cực vùng Tây Nguyên Trung Bộ, đến tận khu vực ba biên giới các nước Đông Dương Việt-Lào-Campuchia, nguyên là rừng nhiệt đới nguyên sinh bạt ngàn nay cũng xơ xác, không còn thú hiếm. Đến nổi thú dữ như cọp cũng chỉ còn vài mươi con. Tôi nhìn thấy rừng ngập mặn Duyên Hải, Cà Mau bị chất độc hóa học diệt trụi, tro cành khô đét khẳng khiu, không còn giữ chân tôm cá từng sinh sống nhưng nhúc trước đây.



Đất nước xơ xác sau chiến tranh

Việt Nam còn rất đông cựu binh tật nguyền của cả hai phía, nhiều thường dân nạn nhân của bom đạn, chất độc hóa học, con nghiện xì ke ma túy và tệ nạn xã hội, còn rất đông băng đảng

tội phạm cướp bóc cũ. Chết đói da cam di hại lâu dài, tôi nhìn thấy một nửa số trẻ em sinh ra dị dạng dọc các bản làng đường Lao Bảo sang Lào. Ra khỏi nhà tù Sài Gòn, có người mất trí, nhưng đa phần đều mang bệnh hậu, trái gió trở trời thân thể nhức nhối, người đau như dằm. Trái với những gì chúng ta tưởng, Mỹ thua trận ở Việt Nam, nhưng họ cũng đã tàn phá Việt Nam thành công, không cho phép đất nước tôi ngóc đầu lên nổi cổ lẽ kéo dài một hai thế hệ nữa. Vậy mà nay họ vẫn còn âm mưu tiếp tục làm đổ máu dân tộc này.

Chỉ mấy năm sau chiến tranh với Mỹ, đất nước chẳng mấy chốc rơi vào tình trạng nửa hòa bình nửa chiến tranh. Mọi nỗ lực lại ưu tiên dồn vào an ninh quốc phòng và củng cố chính quyền cách mạng.

Người dân miền Bắc có thể đã chịu đựng quen rồi nên có vẻ vẫn bình thản trước mọi đổi thay. Nhưng đối với người dân miền Nam thì đây lại là một cuộc đổi đời ghê gớm. Một thiểu số người không chấp nhận chế độ mới, nếu có phương tiện đã tìm cách ra đi. Gây xáo trộn nhiều nhất là việc cả nước đương đầu với một cuộc chiến mới và đặc biệt ở trong Nam là cải tạo công thương nghiệp ở thành phố và hợp tác hóa sản xuất ở nông thôn.

Miền Bắc trong những năm chiến tranh thực sự chưa xây dựng được bao nhiêu, cho nên nay đất nước thống nhất, những người lãnh đạo mới quyết tâm thực hiện phát triển kinh tế theo một mô hình mà họ cho là ưu việt nhất. Tôi thường hiếu kỳ thăm hỏi cán bộ miền Nam tập kết ra Bắc về kinh nghiệm làm ăn ở các nông trường, hợp tác xã nông nghiệp, tình hình xây dựng công trình ở các nơi. Các anh thành thực cho biết chẳng có nông trường nào hoạt động được gọi là thành công, kể cả nông trường quân đội. Hợp tác xã nông nghiệp thì cái nào khá lắm chỉ làm đủ ăn, người dân làm cầm chừng, tranh thủ còn về nhà lo phần kinh tế gia đình, mảnh vườn cá nhân. Dạng tổ chức canh tác này có lẽ phần nào phù hợp với Đồng bằng sông Hồng đất chật người đông và sản xuất còn mang tính tự cung tự cấp thời chiến. Hòa bình lập lại, ta mới nhìn thấy sự kém hiệu quả của loại hình sản xuất này, buộc chính quyền nhiều nơi phải lên thi hành biện pháp khoán sản phẩm giao từng phần công việc cho người dân chủ động làm để tạm thời có đủ cái ăn. Tuy vậy, nhìn chung nông thôn miền Bắc quả thực đã mang bộ mặt mới, về con người và nội dung sinh hoạt kinh tế xã hội. Trám xá, trường học, nhà văn hóa, ủy ban, các cơ sở sản xuất hợp tác xã, công trình thủy lợi, hệ thống cung cấp điện tuy còn thô sơ nhưng đã có mặt.

Các thành phố công nghiệp thì phát triển trên cái nền thành phố thời Pháp thuộc. Trung Quốc và Liên Xô có yểm trợ xây dựng một số khu công nghiệp nhưng kỹ thuật lạc hậu và quy mô cũng không lớn. Hà Nội chỉ xây dựng được một số khu nhà tập thể chưa đồng bộ và chất lượng kém, kiểu lắp ráp cấu kiện tiền chế cùng một số công trình công cộng phục vụ số đông. Sau chiến tranh, thủ đô hình như vẫn là một Hà Nội của 30 năm trước thời Pháp thuộc, có phần còn rêu phong cũ kỹ hơn. Vệ sinh ở đó 60% còn đổ thùng phân người, mỗi sáng xe bò cộc cạch đi thu gom kéo ra ngoài thành sử dụng làm phân bón.

Tình trạng thực tế là như vậy. Cho nên, tuyên truyền thổi phồng thành tích quá đáng và thực tế trần trụi sẽ mâu thuẫn nhau, chẳng những không thuyết phục được ai, thậm chí còn phản tác dụng. Anh Nguyên Trang là một kiến trúc sư lớp đàn anh ở Sài Gòn sau khi tham quan miền Bắc về, đã vội vã bỏ nước ra đi. Sau này gặp lại ở nước ngoài, anh cho biết không thể tưởng tượng được căn nhà ống bé tí tẹo ở Hà Nội 36 phố phường lại có thể chứa cả chục hộ gia đình với chỉ một chiếc cầu tiêu, một vòi nước chung, phân người chứa trong thùng phải chuyển đi mỗi sáng!

Mẫu mực phát triển thì chỉ có Liên Xô và một số nước Đông Âu. Vào những năm 80, ở nước ta người ta thường kháo nhau rằng trong khối xã hội chủ nghĩa chỉ có Cộng hòa Dân chủ Đức (Đông Đức) là đạt được sự phát triển thần kỳ về khoa học kỹ thuật và tiện nghi đời sống. Vậy mà khi tôi hỏi chuyện một người bạn tham quan nước này về, anh cho biết rằng người dân Đông Đức thì chỉ thần phục sự phát triển của người ở Tây Đức mà thôi!

Thực ra bản thân tôi chưa được tham quan các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu hoặc đi ra các nước phương Tây nên khó có cơ sở để so sánh, chỉ đọc sách báo và nghe người ta bàn tán với nhau thôi. Nếu có so sánh được, tôi chỉ so tình hình miền Bắc với những gì đang có ở miền Nam. Mà đến thời điểm chấm dứt chiến tranh năm 1975, theo như đánh giá của nhiều người am hiểu thì về mặt vật chất-kỹ thuật, miền Nam đã phát triển ở mức không thua kém ai ở Đông Nam Á.

Vào năm 79, tôi đã tận mắt nhìn thấy cảnh tượng Khơ me đỏ tàn sát dã man dân chúng vùng biên giới Tây Nam và nghe nói có chiến tranh ở biên giới phía Bắc. Tất cả chúng tôi phải tham gia vào cuộc chiến đấu chống xâm lăng mới, nghe theo lời kêu gọi nhân dân thất lưng buộc bụng cứu nước lại lâm nguy một lần nữa. Các thành phố được vận động trở thành hậu phương sẵn sàng yểm trợ cho tiền tuyến biên giới, như thời chống Pháp và chống Mỹ. Tất cả mọi người nay đều phải luyện tập quân sự và cầm súng. Như vậy là bản thân tôi cho đến nay, xem lại đã cầm đến loại vũ khí thứ tư trong cuộc đời mình. Sau những cây súng Mousqueton thời Bảo Đại, Garant thời Ngô Đình Diệm, M16 thời Nguyễn Văn Thiệu nay đến lượt cây AK của người Cộng sản. Sau cuộc chiến tranh với Mỹ, tôi cứ tưởng không còn nước nào dám đụng đến Việt Nam nữa. Vậy mà chiến tranh bây giờ là có thật.

Sau chiến tranh với Mỹ chúng ta lại mất thêm mấy mươi năm nữa mới mở cửa làm ăn được với thế giới và đàm hòa được với các nước láng giềng ở châu Á. Tôi nghĩ vấn đề nước ta không đơn giản như vậy. Do vị trí địa lý chiến lược, tình hình xung đột Chiến tranh Lạnh, xung đột bá quyền vùng Viễn Đông... đất nước chúng ta nằm ở điểm trung tâm vòng xoáy tranh chấp Đông Tây, không cho phép nước ta dễ dàng thực hiện được điều mình mong muốn. Nếu nói về mặt yêu nước và quyền lợi dân tộc thì tôi vẫn nghĩ người Cộng sản Việt Nam hơn hẳn các chính đảng quốc gia nào khác.

Người Sài Gòn nay bó buộc phải làm quen với cuộc sống nửa hòa nửa chiến. Luyện tập quân sự, công tác tuần phòng, sinh sống với thẻ thực phẩm, sắp hàng mua đồ, đói ăn kém mặc. Làm sao một Sài Gòn chuyên về công tác thương mại, dịch vụ và khoa học kỹ thuật lại có thể tự túc lương thực. Tôi còn nhớ cán bộ Thành Đoàn được lệnh đào bới vườn hoa, lễ đường thành phố lên để có đất trồng khoai sắn tăng gia sản xuất tự túc, khuyến khích nuôi heo trên cao ốc, trong villa... Người ta đưa dân Sài Gòn ra các khu kinh tế mới Lê Minh Xuân đất chua phèn, xuống Rừng Sát rừng ngập mặn đầy muỗi mòng với hai bàn tay trắng thì làm sao họ sản xuất nổi lương thực thực phẩm nuôi mấy triệu dân thành phố.

Đồng bằng sông Cửu Long trù phú như thế mà dân đói là do người dân không quen sản xuất theo kiểu đồn ruộng đồn công, làm việc theo tiếng kèn công trường trên những cánh đồng bao la nhưng cũng cần bàn tay nông dân sớm khuya chăm sóc kỹ lưỡng. Để cứu lấy sản xuất, nhiều địa phương đã phải tìm cách báo cáo láo là đã thành công đưa được dân vào hợp tác nhưng trong thực tế vẫn để người dân sản xuất tự do như cũ. Họ cũng dần xếp trao đổi chui nông sản lấy hàng công nghiệp cần thiết.



Tác giả cùng nhà văn Thanh Nghị tham quan Đồng bằng sông Cửu Long, 1984

"Ngăn sông cấm chợ" là biện pháp không cho phép địa phương nào có sản phẩm dư thừa chuyển đi trao đổi với nơi khác. Điều này chỉ có thể áp dụng cho nền kinh tế tự cung tự cấp thời chiến, nay áp dụng nó vào thời bình là một sự giết lùì về mặt kinh tế. Như vậy thì làm sao hàng hóa lưu thông, kinh tế phát triển được. Kết quả là chỉ sau mấy năm áp đặt hợp tác hóa nông nghiệp, dân ta đói, nước ta phải nhập gạo. Đồng bằng sông Cửu Long, vừa thóc của cả nước mà dân thì càng không đủ ăn, thật là một sự kiện chưa từng thấy ở nước ta.

Ở thành phố vào những năm đó, chúng tôi thực sự thiếu ăn. Gọi đó là thời "bo bo, khoai mì muôn thuở!". Người lớn đã đói, bươn trải làm đủ thứ nghề để kiếm sống thêm. Gia đình ba má tôi nếu không có những thùng đồ từ nước ngoài gửi về đều đặn thì không biết sinh sống ra sao. Trong đầu tôi đã xuất hiện nhiều câu hỏi trả lời cho các vấn đề kinh tế xã hội của chính quyền mới trong thời bình.

Giai đoạn chiến tranh đã đi qua, xây dựng trong hòa bình phải chẳng cần có những con người mới có năng lực chuyên môn ngành nghề chứ không phải những người mãi hô khẩu hiệu chính trị. Làm sao để sử dụng lớp chuyên gia cũ hợp lý lại không để họ thụ động bất hợp tác, làm chiếu lệ, tìm con đường khác sinh sống hoặc tìm đường ra đi. Thấy không còn thích hợp ngồi ở ban Mặt trận Thanh niên hô hào giới trẻ làm khoa học kỹ thuật chung chung. Tôi quyết định xin về làm việc chuyên môn kiến trúc. Tôi rời Thành Đoàn về công tác ở Viện Quy hoạch Tp. Hồ Chí Minh (1) với một bản lý lịch ghi rằng: "Thành phần đáng ra nên được giữ lại Thành Đoàn để tiện theo dõi, quản lý!" và một lô lổc những nhận xét bất lợi về cá nhân tôi. Một cán bộ phòng tổ chức Viện nguyên là sinh viên Sài Gòn biết tôi ngày trước, quá kinh ngạc và thông cảm trường hợp kỳ lạ của tôi, tìm cách cho tôi hay để mà lo lấy thân, đừng có mà ảo tưởng. Bà trưởng phòng là một cán bộ tổ chức từ miền Bắc tập kết về càng có cớ làm khó dễ tôi đủ điều. Nào dám viết báo mà vô tổ chức không thông qua cơ quan duyệt, dám để khách nước ngoài gọi điện thoại tới xin gặp mặt, công an văn hóa báo cáo quan hệ lung tung với những người cũ bất mãn chế độ... Toàn là những tội tày đình so với tiêu chuẩn một cán bộ ở miền Bắc! Thành Đoàn thì như vậy, về cơ quan chuyên môn mấy năm trời, tình hình cũng không khá gì hơn.

Tuy vậy, mấy năm công tác ở đây cũng giúp tôi có được một cái nhìn chung về hoạt động, cái mạnh cái yếu của một cơ quan khoa học tham mưu cho lãnh đạo thành phố về quy hoạch phát triển đô thị. Qua đó tôi mới hiểu được tại sao một trung tâm kinh tế lớn nhất nước như Tp. Hồ Chí Minh suốt một thời gian dài vẫn phát triển ịch và hỗn độn.



Kiến trúc sư Nguyễn Hữu Thiên, Tp. Hồ Chí Minh đầu những năm 1980

Viện Quy hoạch này nguyên là một bộ phận của Sở Xây dựng thành phố. Cách đây mấy năm, chính kiến trúc sư Nguyễn Hữu Thiên, người thầy tôi ở trường kiến trúc cũng như người hoạt động cách mạng, bạn của nhà lãnh đạo Mặt trận Giải phóng kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát, là Phó giám đốc Sở Xây dựng kiêm Viện trưởng đầu tiên. Ông đã nói tôi nên về cộng tác với ông. Nhưng công tác ở Thành Đoàn chưa cho phép tôi đi. Nay ông bệnh nặng và về nghỉ hưu. Người phó thay thế ông là phó tiến sĩ Lê Văn Năm từng học tập ở Trung Quốc và Ba Lan về. Khi còn công tác ở Thành Đoàn tôi cũng có mời anh Năm đến nói chuyện cho thanh niên mấy lần về hướng quy hoạch phát triển thành phố tương lai. Anh cũng mong muốn tôi về Viện làm việc.

Cơ quan bấy giờ chuyển sang trực thuộc hẳn vào Ủy ban Xây dựng Cơ bản là bộ phận tham mưu cho lãnh đạo thành phố về công tác xây dựng. Vào giai đoạn tiến hành cải tạo Sài Gòn cũ và xây dựng mới Tp. Hồ Chí Minh, trung tâm kinh tế hàng đầu của cả nước, chức năng của Viện khá quan trọng. Ngoài nhiệm vụ rà soát, nắm bắt lại hiện trạng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, quỹ nhà đất trên địa bàn còn phải nghiên cứu và thiết kế các phương án mới, từ quy hoạch tổng thể toàn bộ nội-ngoại thành cho đến quy hoạch chi tiết các quận huyện và khu trọng điểm công-nông nghiệp. Nhìn bên ngoài thì đây là một cơ quan mà lãnh đạo đã khéo léo tạo được sự hòa hợp công tác giữa người cũ và người mới. Không ít chuyên viên kỹ thuật cũ được lưu dụng và công tác tốt. Lớp kỹ thuật trẻ như các kiến trúc sư, kỹ sư cũng phục vụ không có mấy vấn đề. Phải nhìn nhận lớp trẻ ở đây được sử dụng và thăng tiến về cả hai mặt hồng và chuyên.

Tuy vậy, ở đây là một điển hình về năng lực và điều hành của một cơ quan Nhà nước mới, thực sự chưa xứng với chức năng được giao. Mang danh nghĩa là một cơ quan chuyên môn cao cấp về quy hoạch xây dựng đô thị, vậy mà phần lớn lãnh đạo lại là kỹ sư chỉ được đào tạo vội vã về kỹ thuật đô thị, thủy lợi chung chung ở miền Bắc trong thời chiến tranh. Bản thân viện trưởng là một phó tiến sĩ, học cơ bản kỹ thuật đô thị ở Trung Quốc rồi sang Ba Lan 2 năm làm một luận văn dạng hữu nghị về đô thị. Anh nguyên là con một nhân sĩ yêu nước miệt Đồng Tháp tập kết ra Bắc và được đưa đi học các nước xã hội chủ nghĩa. Nhược điểm cơ bản của phần lớn những người như anh là không được đào tạo kỹ thuật theo bài bản ngành quy hoạch đô thị lẫn kinh nghiệm làm quy hoạch thực tế. Với vai trò vừa là kiến trúc sư trưởng thành phố lẫn Chủ tịch Hội kiến trúc sư, anh được xem như ông trùm ngành xây dựng của thành phố.

Các trưởng phòng chủ chốt ở miền Bắc về Viện công tác trình độ nghiệp vụ cũng chung chung như vậy. Anh em tại chỗ thường nói đùa rằng trên túi áo các vị này không bao giờ có cây bút chì để vẽ thiết kế mà chỉ có cây bút mực để ký tên mà thôi.

Tuy vậy, tôi cũng đã gặp được một số người trong số họ có chuyên môn khá, được đào tạo bài bản. Nhưng họ lại chuyên nhiều hơn hồng và không luồn lách giỏi nên không có cơ hội thăng tiến.

Phương pháp quy hoạch rập theo khuôn mẫu nền kinh tế kế hoạch xã hội chủ nghĩa, rất mệnh lệnh. Thống kê, số liệu thường bị thổi phồng không chính xác lại thực hiện theo yêu cầu chính trị từng giai đoạn thường mâu thuẫn nhau, nên khó có thể sử dụng để làm cơ sở nghiên cứu quy hoạch nghiêm chỉnh và khoa học. Bước vào giai đoạn chuyển sang kinh tế thị trường thì lối quy hoạch mệnh lệnh, áp đặt từ trên xuống kiểu này càng rơi vào tình trạng hỗn loạn hơn. Kết quả là các bản vẽ quy hoạch nặng về minh họa ý đồ lãnh đạo hơn là quy hoạch thiết kế mang tính khoa học nghiêm chỉnh.

Về Viện Quy hoạch, tôi đã sử dụng các mối quan hệ cũ để mời được các chuyên gia cao cấp thời cũ còn ở lại góp ý về quy hoạch thành phố bước vào thời kỳ mới, như giáo sư kinh tế Nguyễn Xuân Oánh, kỹ sư Dương Kích Như... Tiến sĩ Oánh tốt nghiệp khoa Kinh tế Đại học Harvard Mỹ nổi tiếng, có thời làm Phó thủ tướng Việt Nam Cộng hòa, nay làm tư vấn kinh tế cho bí thư Võ Văn Kiệt. Ông Như tốt nghiệp trường công nghệ Pháp cũng từng là tổng trưởng công chánh thời cũ. Vào thời điểm 80, lãnh đạo Viện Quy hoạch, có thể họ lắng nghe đó, nhưng có tiếp thu được ý kiến của các chuyên gia hàng đầu của miền Nam cũ này thì lại là một vấn đề khác.

Suốt mấy năm công tác, do lý lịch vào hạng không mấy tốt, tôi chỉ là một cán bộ kỹ thuật tầm thường, không có một chức vụ gì cả, lương bổng vào hạng bét của cán bộ kỹ thuật. Tuy vậy, tôi cũng để thời gian tranh thủ cộng tác viết bài cho các báo Tin Sáng, Sài Gòn Giải Phóng và Tuổi Trẻ. Tôi cũng được phái thay trưởng phòng quy hoạch chung bản công tác, sang Đại học Tổng hợp thành phố (3) giảng dạy môn Quy hoạch Đô thị tại khoa Địa lý nhân văn.

Cuối cùng tôi trở thành chuyên viên nghiên cứu để Viện cử ra hợp tác thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học nào khó nuốt trôi và ít sinh lợi nhất. Trong số đó có nhiều đề tài khoa học cấp bộ ở trung ương cần người cộng tác. Nhờ vậy mà tôi có cơ hội tiếp cận với các đề án quy hoạch tổng thể các vùng kinh tế rộng lớn. Ví như dự kiến biến miền Đông Nam Bộ thành khu trọng điểm kinh tế lớn nhất nước. Tp. Hồ Chí Minh cũng được rà soát về tiềm năng và sức bật để trở thành trung tâm kinh tế hàng đầu. Qua đó tôi nắm được nội dung nhiều tư liệu cũ như "Kế hoạch phát triển kinh tế hậu chiến Lilienthal-Vũ Quốc Thúc" thực hiện khá công phu với kinh phí lên đến hàng triệu đôla vào những năm cuối chiến tranh. Cùng lúc, tôi cũng được đọc các dự thảo chiến lược phát triển mới của lãnh đạo Việt Nam.

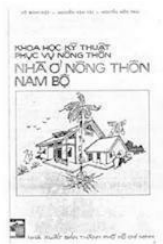
Về mặt khoa học, cơ bản tôi không nhìn thấy sự khác biệt nào lớn lao giữa những nhà làm kế hoạch kinh tế, chuyên gia quy hoạch đều là ở phe xã hội chủ nghĩa hoặc tư bản chủ nghĩa. Nếu có khác nhau là ở hệ ý thức và mục tiêu mong muốn vươn tới. Phương pháp làm việc không

khác nhau lắm, vấn đề là ở kiến thức của người vận dụng. Theo tôi, cách đào tạo và sử dụng cán bộ khoa học kỹ thuật mới ở Việt Nam vào giai đoạn này thì khó lòng xuất hiện sáng kiến mới.



Tác giả và người bạn - nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, 1980

Qua những công tác khoa học về kiến trúc, quy hoạch bản thân tôi khẳng định được thiên hướng nghiên cứu và giảng dạy đại học. Ít ra cũng có một lối thoát khác về sinh hoạt tinh thần trong hoàn cảnh không có mấy cớ mở cửa chế độ mới vào giai đoạn đầu. Nói về các vấn đề khoa học kỹ thuật ít đụng chạm đến quan điểm lập trường hơn.



Cuốn sách tác giả & các bạn xuất bản đầu tiên sau ngày giải phóng, 1984



Và bằng khen của Đại hội Kiến trúc sư Thế giới (1987)

Trong chiến tranh, tôi vẫn mơ ước một khi đất nước thanh bình, nông thôn ta phải giàu đẹp ra, đời sống người nông dân được cải thiện. Trong thực tế đa số nông dân Đồng bằng sông Cửu Long mang tiếng trù phú nhất nước vẫn còn ăn ở trong "chòi đạp", "nhà đá" mong manh, ọp ẹp đến nỗi chỉ cần một cái "đá" cái "đạp" là đổ ngay! Tôi bàn với mấy kiến trúc sư bạn, lớp ngang tôi như kiến trúc sư Võ Đình Diệp, trẻ hơn như kiến trúc sư Nguyễn Văn Tất cùng nghiên cứu về nhà cửa nông thôn Nam Bộ. Lâu nay bạn cùng lớp với tôi là Diệp dạy kiến trúc vẫn tập trung hướng dẫn các đề tài tốt nghiệp về nhà ở nông thôn nên cũng tích lũy được nhiều đề xuất thực tiễn và giá trị. Tất là học trò của Diệp từng đoạt giải quốc tế ACCT (tổ chức hợp tác văn hóa-kỹ thuật) của UNESCO về đề án nhà ở nông thôn. Chúng tôi viết chung cuốn sách về nhà ở Nam Bộ với khá nhiều bản vẽ minh họa và mẫu nhà nông thôn cải tiến phù hợp cho từng vùng khác nhau ở phía Nam. Cuốn sách xuất bản năm 1984, khi đem trưng bày ở cuộc triển lãm Đại hội Kiến trúc sư Quốc tế Sofia, Bungaria, nhận được bằng khen vào năm 87. (3)

Năm đó, tôi cũng hợp tác với một họa sĩ viết cuốn sách nhỏ về nghệ thuật làm đẹp dành cho bạn gái trong thời buổi không có nhiều phương tiện như vải vóc, mỹ phẩm. Tôi dựa vào các quy luật thẩm mỹ trong hội họa và màu sắc để tôn vẻ đẹp người phụ nữ.

Sau này bình tâm nhìn lại tình hình thực tế suốt mười năm sau ngày giải phóng đất nước, tôi cho rằng chính quyền mới có lẽ không thể làm khác hơn những gì họ đã làm, với một tình hình nửa hòa nửa chiến và năng lực của bản thân họ. Trước hết là do đất nước lại rơi vào tình trạng chiến tranh biên giới phía Bắc, Khơ me đỏ và phương Tây phong tỏa. Quốc phòng và an ninh phải được ưu tiên hàng đầu. Nhân sự điều hành guồng máy chính quyền mới bó buộc phải giao vào tay những cán bộ ở rừng ra hoặc miền Bắc tập kết về, tuy không đủ năng lực chuyên môn nhưng dầu sao cũng đáng tin cậy hơn là những người của thành phần thứ ba dễ chao đảo như

chúng tôi hoặc người của guồng máy cũ. Việc họ phải gấp rút đào tạo một lớp chuyên môn mới nặng về hồng hơn chuyên vì vậy cũng có những lý do của nó.

Còn việc đòi hỏi những con người mới từ bưng biền, nhà tù hoặc từ miền Bắc về vực dậy được một đất nước (ở phía Bắc thì không còn yểm trợ của Trung Quốc và khối các nước xã hội chủ nghĩa, phía Nam mất nguồn vú sữa viện trợ Mỹ) rõ ràng là chuyện không tưởng, đập đá vá trời. Duy trì được tình trạng dân không chết đói là may lắm rồi!

Cũng có lập luận cho rằng, nếu không có điều kiện phát triển đất nước ngay thì vì sao phải vội vã thống nhất đất nước mà không để cho miền Nam duy trì tình trạng trung lập, tranh thủ viện trợ quốc tế và để người dân tự do sản xuất trong một thời gian. Tôi nghĩ đây lại là một điều không tưởng khác, vì tình hình quốc tế không cho phép cũng như sẽ đẩy lùi công cuộc đoàn kết, thống nhất đất nước. Mà đây là lý tưởng của bao con dân Việt đã hy sinh xương máu suốt nửa thế kỷ qua.

15. Đi hay ở?

1980-1990: Việc bao vây và cô lập Việt Nam của các thế lực thù nghịch quốc tế suốt các năm 80 đã gây ra nhiều hậu quả tai hại cho giai đoạn hậu chiến ở Việt Nam. Thảm kịch của đất nước cũng là bi kịch của gia đình tôi, chia rẽ và phân tán. "Đi hay ở?" là câu hỏi luôn đặt ra trong thời gian này.



Gia đình nhỏ của tôi sau ngày giải phóng

Tình hình tiếp tục bất ổn cũng như sự đối xử của chính quyền mới đã tác động nhiều đến thái độ của người miền Nam cũ, trong đó có bản thân gia đình tôi và nhiều người tôi quen biết. Anh em chúng tôi mỗi người phân tán đi một đường, chính kiến cũng có khác nhau. Những biến động xảy ra trong gia đình tôi cũng xảy ra ở nhiều gia đình khác, còn trầm trọng hơn nhiều.

Gia đình tôi khá đông đúc. Anh em chúng tôi có đến 10 người, tám trai và hai gái. Tôi là con trai trưởng được đầu tư học hành kỹ lưỡng và là mối hy vọng lớn của gia đình, đáng ra phải sớm du học giết bằng cấp cao về nước làm ăn có thể dẫn dắt đàn em tiến lên theo. Kế hoạch đó bắt đầu bị phá vỡ khi gia đình khánh tận do việc buôn bán của má tôi bị phá sản, đi tù vào năm tôi học hết trung học. Việc tôi lao vào cuộc đấu tranh sinh viên rồi ra vào tù là các cản ngại tiếp theo. Tuy cũng có cơ hội muợn màng có thể vớt vát lấy học bổng du học nhưng tôi lại bỏ lỡ thời cơ. Với đồng lương ít ỏi của ba tôi, má tôi phải bươn trải gồng gánh cả gia đình mới đủ sống, lấy đâu ra tiền cho con đi học nước ngoài. Người đầu tiên trong gia đình du học là do tự nỗ lực bản thân. Đứa em thứ tư học hành xuất sắc nên giết được học bổng Colombo của Liên hiệp Anh đi học Canada năm 1966. Sau trở thành một chuyên gia giỏi về ngành sản xuất giấy ở nước ngoài và là người lo liệu cho cả gia đình đoàn tụ tại Canada. Cô em kế tôi tưởng không có tương lai gì, vì một thời gian dài phải nghỉ học phụ giúp gia đình, thì lại tự tìm cách đi làm với một hội từ thiện Mỹ và xuất cảnh luôn vào năm 1968. Hoạt động rất năng nổ trong phong trào phản chiến Mỹ thời chiến tranh Việt Nam và sau này trở thành một nhà hoạt động xã hội nổi tiếng của cộng đồng người Việt ở bang California. Má tôi tìm cách chạy được cho một cậu em trai con thứ tám trong gia đình, chẳng những khỏi đi lính mà còn đi du học Mỹ vào những ngày gần chấm dứt chiến tranh. Em cũng trở thành một chuyên viên tin học giỏi.

Những đứa em ở lại thì tuy cũng phải vào quân đội Sài Gòn nhưng không đến nỗi nào. Một người tốt nghiệp nhà sĩ làm sĩ quan quân y hải quân. Đứa khác học luật đang dở vào hải quân, được đưa sang Mỹ dự khóa huấn luyện ở Rhodes Island, cùng một khóa trù bị với con rể tổng thống Mỹ Nixon. Em dự tính trốn lại Mỹ hoạt động chống chiến tranh Việt Nam cùng người chị. Nhưng suy đi tính lại, nếu làm vậy thì các em kế tiếp ở bên nhà sẽ dứt đường đi nước ngoài, nên đành quay về phục vụ trong đoàn tàu vận tải do hải quân Mỹ chuyển giao lại. Vào cuối cuộc chiến, một người em đến tuổi lính ra sĩ quan Thủ Đức và bị đưa ngay ra tiền đồn. Nhờ nhanh trí luôn tìm cách tránh né đụng độ nên sống sót được sau chiến tranh. Hai em trai cuối cùng chưa đến tuổi lính. Cô em gái thứ hai đang học năm thứ hai đại học khi hòa bình trở lại và chuyển sang ngành sư phạm.

Ba tôi nằm mãi ở cấp thiếu tá chuyên môn ngành quân cụ và sớm giải ngũ do bị bệnh mờ mắt. Ông suốt đời là một công chức gương mẫu đầu công tác bên ngoài dân sự hay vào quân đội.

Tính cách thật khác xa với má tôi, năng động, giỏi kinh doanh, xoay xở giải quyết công việc nhạy bén như một máy tính điện tử nhưng cũng hay liều lĩnh, phiêu lưu nên đã thất bại, tán gia bại sản mấy lần. Anh em tôi nhiều đứa thành đạt được như ngày nay phần lớn là nhờ tài xoay xở của má tôi. Có lẽ tôi pha trộn được hai tính cách của cả ba lần má, nhưng các em tôi phần lớn đều ngán ngại không dám làm nghề kinh doanh như má tôi và chỉ muốn yên thân làm công ăn lương như ba tôi.

Giải phóng Sài Gòn và việc cách mạng nắm chính quyền không gây xáo trộn gì lớn cho gia đình tôi trong những năm đầu. Mấy em làm sĩ quan Sài Gòn chỉ đi học tập không lâu rồi về, tìm một công việc nào đó tạm sinh sống qua ngày. Có người chú út tập kết ra miền Bắc về làm bác sĩ ở Đà Nẵng (1) cũng thường vào ra nâng đỡ tinh thần, khuyên giải người trong gia đình. Chỉ cô em gái ra sự phạm phải xuống công tác Bến Tre bị chính quyền địa phương phân biệt đối xử vì lý lịch gia đình nguy quân, không nhận cho dạy học.

Bước vào các năm 1980, đời sống kinh tế bắt đầu khó khăn, lại nổ ra chiến tranh biên giới Tây Nam với Khơ me đỏ và xung đột với Trung Quốc ở biên giới phía Bắc. Các em trai tới tuổi lính có nguy cơ phải đi đánh nhau. Tình hình làm ăn ngày càng bế tắc, má tôi cũng theo gương nhiều người thành phố có những toan tính khác cho tương lai con cái và gia đình. Năm 1978, em trai tôi ở Canada được phép về thăm gia đình và đem theo giấy bảo lãnh cả gia đình sang Canada theo đúng quy định quốc tế về đoàn tụ gia đình. Tuy vậy chính quyền Việt Nam lúc đó chỉ cho ra đi nhỏ giọt.

Má tôi cũng gom góp đóng tiền cho vài em ra đi. Đứa em út gửi theo tàu đến được Malaysia, mấy đứa khác nằm ở Rạch Giá đợi tàu đi bán chính thức cả mấy tháng trời không thành. Có một em đi thoát xuyên đường Campuchia đến Thái Lan. Đứa khác bị bắt lại giam ở tỉnh nhưng trốn về nhà được. Bản thân tôi hoàn toàn bất lực không can dự vào được các việc này của gia đình vì sau giải phóng rõ ràng tôi không làm giúp được gì hơn cho gia đình, cả về mặt tinh thần lẫn vật chất. Tôi chỉ xác nhận vài tờ đơn xin học tập sớm (chắc người ta cũng chẳng coi ra gì), giữ lại tên mình trong sổ hộ khẩu để căn nhà gia đình nằm trong cư xá sĩ quan quân đội Sài Gòn cũ khỏi bị tịch thu... Mang tiếng là một cán bộ Thành Đoàn mà tôi lại cảm thấy mình quá bất lực.

Sau vài năm đầu phấn khởi, lạc quan tôi trở thành hoài nghi, chán nản và cả thất vọng. Các em tôi phải đợi đến mấy năm sau mới lần lượt được ra đi chính thức theo diện đoàn tụ. Chỉ người em làm nha sĩ là không muốn đi vì đời sống ở đây cũng không đến nỗi nào, sang xứ người nhiều người phải làm lại từ đầu rất vất vả!

Cũng may mà ba tôi mất vào năm 1979 chưa nhìn thấy cảnh con cái ly tán mỗi người một nơi. Ông trở lại đạo Công giáo khi về già lúc đôi mắt đã bị mù lòa, do niềm tin tưởng từ thời trẻ. Cho đến ngày mất vẫn quan niệm rằng các lý tưởng như công bằng bác ái, sống nghèo mà trong sáng thì giữa người Công giáo và Cộng sản không khác nhau mấy. Và ông vẫn tin tưởng rằng những người Cộng sản Việt Nam chân chính và người Công giáo thực sự sống theo Phúc âm đều là anh em. Nói cho công tâm, kể ra gia đình tôi thuộc vào hàng may mắn, đã thành công vượt qua được giai đoạn gay go chiến tranh và cả những năm sau chiến tranh, ít bị tổn thất nhất. Bản thân tôi từng chứng kiến nhiều tình cảnh bi đát của người quen biết xung quanh, họ đau khổ hơn chúng tôi rất nhiều.

Về phần quyết định ra đi của gia đình nhỏ của tôi, gồm vợ và hai con, để đoàn tụ với các em và mẹ tôi tại Canada cũng có nhiều lý do. Thật ra sau chiến tranh tôi chưa bao giờ có ý định bỏ đất nước ra đi, vào giai đoạn gian khổ nhất ngay sau chiến tranh, chứ không nói là vào cuối các năm 1980 khi đất nước bắt đầu đổi mới và mở cửa. Ai cũng hy vọng cuộc sống sẽ dễ thở hơn và nhiều oan khiên cũng sẽ được giải tỏa. Nhưng vợ tôi, Tuyết Hoa, lại không tin là tình hình sẽ biến chuyển nhanh như vậy và vẫn rất lo sợ cho tương lai lý lịch của hai đứa con. Đương nhiên chúng sẽ bị ảnh hưởng do cái lý lịch phức tạp của tôi. Bản thân và gia đình tôi thì như vậy, còn đa số người tôi quen biết trong hoạt động đô thị cũ, nhất là những người hoạt động nội thành hoặc nằm trong Thành phần thứ ba thân Mặt trận Giải phóng thì mỗi người một số phận.



Chi Ngô Bá Thành vài năm trước ngày chị sinh viên ra đi

Chi Ngô Bá Thành là một trí thức đến với cách mạng cũng qua nhà tù như trường hợp của tôi. Cha chị là ông Phạm Văn Huyền đã lên tiếng kêu gọi hòa bình trung lập vào năm 1965, bị chính quyền Sài Gòn trục xuất ra Bắc, sau đó đi Pháp. Có lẽ sự kiện này đã có tác dụng chuyển hướng suy nghĩ của chị, một luật gia Tây học xa rời thực tế cách mạng Việt Nam, về nước cuối những năm 50 với ba bằng tiến sĩ luật của Pháp, Tây Ban Nha và Mỹ. Phong trào đòi hòa bình và quyền sống phụ nữ của chị đã từng gây bối rối không ít cho chính quyền Sài Gòn thời cũ. Tôi quen chị nhân dịp gặp gỡ đoàn hòa bình của nhân dân Mỹ đến Việt Nam vào đầu năm 1966, gặp lại chị trong nhà tù, rồi qua các đợt đấu tranh trước năm 1975. Sau ngày Giải phóng, tôi ít gặp lại vì chị làm đại biểu Quốc hội thường xuyên ở Hà Nội hơn là Sài Gòn. Có anh em tranh đấu cũ ở Sài Gòn cho rằng, chị không tích cực nói lên tiếng nói của người dân thành phố sau giải phóng. Nhưng chị lại nghĩ rằng mình đã đóng góp được nhiều ở cơ quan Quốc hội, tác động nhà nước cách mạng theo hướng nhà nước pháp quyền, của dân và vì dân. Từ lâu nay chị đã bị bệnh suyễn nặng, nhiều năm ở tù làm bệnh nặng thêm. Đầu năm nay tôi vừa hay tin chị mới qua đời.



Tướng Dương Văn Minh và Lý Quý Chung

Lý Quý Chung tuy là con của gia đình công chức lớn, có bố từng là phó đô trưởng Sài Gòn thời cũ, mà anh lại sớm sống tự lập khi còn là một sinh viên vì lấy người vợ mà gia đình không đồng ý. Anh phải bỏ dở việc học và làm phóng viên thể thao, sau ra ứng cử dân biểu quốc hội. Anh dần ngả về phía đối lập rồi ở thế chống đối lại chính quyền phản động Sài Gòn. Vào cuối cuộc chiến, anh là tổng trưởng thông tin duy nhất được đề cử trong nội các của tướng Dương Văn Minh, làm việc có mấy ngày. Vào thời gian gần giải phóng, tôi ở nhà anh trốn tránh cảnh sát vây bắt và cùng họa sĩ Ớt (Huỳnh Bá Thành) bàn bạc hoạt động nổi dậy giải phóng Sài Gòn. Tôi cũng gặp nghị sĩ Mỹ McCloskey (người hỗ trợ việc mời tôi sang Đại học Stanford giảng dạy) cũng tại nhà anh. Vào sáng 30/4/1975 tôi gặp anh bàn việc lấy đài phát thanh để phát đi tiếng nói cách mạng. Sau ngày giải phóng, anh có chân trong ban chủ biên báo Tin Sáng và sau này là một cây bút bình luận thể thao uy tín. Anh luôn là một người lạc quan và đã can đảm cùng một gia đình đông con vượt qua giai đoạn gian khó, biết cách xoay xở làm ăn và giàu có vào những năm về sau này. Nay anh đã mất sau cơn bệnh ung thư hiểm nghèo.



Nguyễn Xuân Lộc 20 năm sau ở Hà Nội

Nếu không ít người đã ra đi, thì cũng có nhiều người đã từ nước ngoài trở về quyết tâm phục vụ đất nước sau ngày giải phóng. Người bạn thân thời sinh viên của tôi là Nguyễn Xuân Lộc lại từ Pháp quay về nước ngay sau ngày giải phóng. Đơn giản là anh quay về sum họp với gia đình mình ở Hà Nội sau trên 20 năm xa cách. Anh gốc Hà Nội, được gia đình gửi đi theo một gia đình người quen vào Nam năm 1954 nhằm tiếp tục du học Pháp. Lộc và tôi cùng là những người hoạt động tích cực trong phong trào sinh viên sau năm 1963 ở Sài Gòn, cùng vào tù và dự tính ra khu theo Giải phóng vào năm 1965 nhưng việc không thành. Mấy năm sau, nhân đi tham dự một cuộc hội thảo khoa học ở Thụy Điển, anh không quay về nước. Lấy bằng tiến sĩ toán ở Đức và hoạt động tích cực trong phong trào Việt kiều yêu nước ở châu Âu và về công tác hẳn ở trong nước, làm việc ở Viện toán Hà Nội. Anh tham gia hoạt động trong Mặt trận Tổ quốc và tiếp tục công tác như một nhà nghiên cứu khoa học, thỉnh thoảng đi giảng dạy ở nước ngoài. Gặp nhau lại sau hàng chục năm xa cách, anh cũng có không ít trăn trở về tình hình trị tệ của đất nước tuy vậy vẫn chấp nhận cuộc sống mới ở quê nhà.

Nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt (3) là người hiểu rõ giới trí thức Sài Gòn, vì đã từng lãnh đạo cách mạng vùng thành phố thời kháng chiến chống Mỹ. Ông thực sự coi trọng sự đóng góp của chất xám trong công cuộc xây dựng đất nước sau chiến tranh. Đích thân ông lên các trại cải tạo tìm ra các trí thức hàng đầu Sài Gòn. Ví như nhà kinh tế Nguyễn Xuân Oánh (tốt nghiệp Đại học Harvard Mỹ, có thời làm phó thủ tướng Việt Nam Cộng Hòa), kiến trúc sư Ngô Viết Thụ (người Việt Nam duy nhất giạt giải lớn La Mã về kiến trúc ở Pháp, từng thiết kế nhiều công trình như Dinh Thống nhất, Viện hạt nhân Đà Lạt). Từ đó họ luôn nhớ ơn ông và suốt đời trở thành những cố vấn thân cận và hữu hiệu của nhà lãnh đạo Cộng sản này, khi ông ở cương vị Bí thư Thành ủy Tp. Hồ Chí Minh hoặc Thủ tướng Chính phủ.

16. Thời đổi mới

1986-1989: Tôi có mặt ở Hà Nội vào mùa thu năm 1986, chứng kiến cuộc tranh luận sôi nổi giữa các đại biểu cả nước về dự Đại hội Đảng Cộng sản Đổi mới kỳ VI, nhằm vực dậy đất nước đang ở bên bờ vực thẳm muôn vàn khó khăn. Các nhà lãnh đạo Việt Nam đang đối mặt với sự lựa chọn: "Hoặc Đổi mới hoặc Suy đổ!" Đã xuất hiện nhóm lãnh đạo mới như Nguyễn Văn Linh, Võ Văn Kiệt là những người đã từng kinh qua kinh nghiệm đổi mới ở Tp. Hồ Chí Minh sau Giải phóng. Tuy vậy tôi vẫn nhất quyết phải thay đổi cuộc sống mình và quyết định ra đi theo diện đoàn tụ gia đình hợp pháp tại Canada vào năm 1990.

Trong gia đình, vợ tôi nhất quyết nộp hồ sơ xin đi Canada theo diện đoàn tụ gia đình. Lý do chính là nhất định không thể để con trai đến tuổi nghĩa vụ phải đi chiến đấu ở Campuchia và ít ra cũng là cơ hội cho con cái học hành đàng hoàng. Cứ ếch ngồi đáy giếng ngồi lại trong nước mà bị bỏ qua bên lề kiểu này đối với tôi cũng thật phí phạm thời gian. Giấy tờ bảo lãnh đã có từ năm 1978 của người em trai ở Canada đem về. Vào năm 1985, tổng Nhà nước có lệnh ngưng không giải quyết tất cả các trường hợp người xin đi đoàn tụ nước ngoài có trình độ đại học. Lý do nghe nói do việc cố vấn Liên Xô lưu ý chính quyền đã để thất thoát quá nhiều chất xám, vốn quý trí thức cũ được đào tạo bài bản và thực sự có năng lực. Vậy là ngưng việc giải quyết nhiều hồ sơ đi đoàn tụ những ai có trình độ đại học lại. Tôi đành phải quay ra tìm con đường khác sinh sống chờ thời vậy.

Dương Văn Ba nguyên là dân biểu đối lập và thuộc thành phần thứ ba cũ lâu nay công tác ở báo Tin Sáng đồng thời làm tư vấn kỹ thuật cho tỉnh quê nhà. Tôi đã từng giúp Ba về mặt khoa học kỹ thuật, đem người xuống trình bày cho Tỉnh ủy Minh Hải mấy phương án về nuôi cá sấu và xây dựng nhà tiền chế cho địa phương. Khi tôi thôi việc ở Viện Quy hoạch thì Ba đang phụ trách một công ty của tỉnh hợp tác khai thác gỗ xuất khẩu với Lào nên đề nghị tôi về làm việc chung. Vậy là tôi chuyển sang làm tư vấn xây dựng cho công ty Cimexcol, một liên doanh giữa 3 bên: Tỉnh Minh Hải - Tp. Hồ Chí Minh - Bộ Quốc phòng Lào (1).

Phía Tp. Hồ Chí Minh thì có công ty Savimex do Huỳnh Kim Báu làm giám đốc là chỗ quen biết cũ kể cũng tiện. Báu nguyên là sinh viên hoạt động trong tổ chức sinh viên học sinh giải phóng từ năm 1964, bị tù Côn Đảo đến năm 1970 mới về, có liên hệ hoạt động và yểm trợ cho tôi ra tranh cử quốc hội Sài Gòn làm Thành phần thứ ba thời đó. Sau Báu bị bắt lại và khi ký kết Hiệp định Paris năm 1973, được trao trả cho phía Giải phóng.

Lối làm ăn kiểu Sài Gòn nhanh gọn và sòng phẳng rất thích hợp với người Lào. Nước Lào sau chiến tranh vì thân thiện với Việt Nam nên cũng bị cô lập ngoại giao và kinh tế. Lâu nay về mặt kinh tế, Lào chỉ có một đường độc đạo buôn bán làm ăn qua ngã Thái Lan. Nay họ hy vọng qua các cảng Vinh và Đà Nẵng giao thương với bên ngoài và tìm một phương thức làm ăn mới nhằm nâng cao được mức sống của người dân miền núi vẫn còn chìm đắm trong đêm đen lạc hậu và đói nghèo.

Bộ Quốc phòng Lào hợp tác với Việt Nam lập công ty liên doanh nhằm khai thác gỗ thông Lào xuất sang thị trường Nhật Bản. Khởi đầu chỉ với mấy chiếc xe reo chở gỗ miền Đông Nam Bộ và một nhóm công nhân Sài Gòn và bộ đội Lào, đại tá Chặng cùng Dương Văn Ba đã làm nên một chuyện thần kỳ. Chỉ trong năm đầu đã thu được cả triệu đôla cho công ty liên doanh Cimexcol, bước đầu xây dựng lại thị trấn Lạc Sao nằm ở ngã tư chiến lược trong hệ thống giao thông vùng Trung Lào.

Tôi thường hay trao đổi bàn bạc công việc với vị chỉ huy Lào này. Chúng tôi thường sử dụng tiếng Pháp với nhau vì ông là một sĩ quan lực lượng dù từng sang Pháp tu nghiệp, nắm trong đạo quân trung lập của tướng Khong Le ở Viên Chăn, sau ngã về phe cách mạng Pathet Lào.



Công tác tại vùng rừng núi Lào chưa bình yên, 1985

Rừng Lào đã thực sự đem lại một sự thanh thản cho tâm hồn tôi bị xáo trộn quá nhiều suốt 10 năm qua. Hàng ngày tôi đi vào rừng nhiệt đới Trung Lào nghiên cứu thực địa lên phương án sân bay, quy hoạch khu trung tâm thị trấn, lập hệ thống vận chuyển đi lại, định vị các khu nhà ở và sản xuất cho một thành phố tương lai. Tôi thực sự được nghe chim kêu vượn hú từ sáng tinh mơ, trưa ăn cơm nếp với thịt rừng, chiều về tắm mát trong dòng suối, ngắm nhìn những sơn nữ khỏa thân thản nhiên ngâm mình trong dòng nước trong. Tối cuối tuần dự văn nghệ múa điệu lâm vông, uống rượu cần. Hình ảnh nên thơ và lãng mạn như lời ca của nhạc sĩ Trần Hoàn:

Một đêm trên rừng núi

Có cô sơn nữ miệng cười khúc khích

Ngắm anh lũ khách mà lòng băng khuâng...

Dĩ nhiên đời sống ở đây còn thiếu thốn, tiện nghi hiện đại chưa có gì. Nhưng trại sản xuất của chúng tôi đã chạy được máy điện, xây dựng khu nhà gỗ khang trang và bắt đầu sử dụng cơ giới khai thác và chế biến gỗ. Chỉ trong vòng 2 năm, công ty đã lớn mạnh có hệ thống hậu cần hữu hiệu rải từ Cà Mau đến Hà Nội, Viên Chăn. Công ty có cả một đội xe hàng trăm chiếc và đang tiến hành mua cả tàu vận tải biển của Nhật. Chỉ còn mưa lũ, vất rừng, sốt rét... có lẽ là các mặt chúng tôi chưa khắc phục được mà thôi!

Nhiều khi tôi phải lên thủ đô Viên Chăn bằng máy bay trực thăng thảo luận công việc, lại nói tiếng Việt nhiều hơn tiếng Lào vì ở chợ Tà Lat Nát có nhiều kiều bào ta. Đứng bên bờ sông Mê Kông nhìn sang đất Thái Lan, mùa nước cạn là như có thể đi bộ sang đất Thái, cho nên cũng đã có không ít người vượt biên ra đi. Tuy vậy, đời sống ở đây cao hơn Tp. Hồ Chí Minh những năm sau giải phóng. Hằng ngày người ta xem đài truyền hình Thái, ăn mặc áo quần may sẵn của Thái Lan. Có quá nhiều mặt hàng tiêu thụ để chọn làm chúng tôi hoá cả mắt. Chỉ có mấy năm mà Sài Gòn đi xuống một cách thảm hại. Giữa thủ đô Lào, chúng tôi là dân Sài Gòn mà ăn mặc nhếch nhác. Nhiều anh em dồn tiền mua từng hộp kem thoa mặt phụ nữ, đôi dép nhựa, chiếc quần jean đem về Sài Gòn bán kiếm lời. Bây giờ cho đến người Lào mà ta cũng đã thua họ!

Lần đầu tiên tôi có cơ hội đề ra những phương án lớn trao đổi tài nguyên Lào lấy các cơ sở sản xuất như nhà máy ván ép, cửa xẻ đá trang trí, thủy điện nhằm nâng cao đời sống vùng miền núi Lào. Chúng tôi đã liên hệ với các chuyên gia kỹ thuật và nhà kinh doanh Việt kiều mời họ tham quan bàn bạc về việc tiến hành các phương án này. Bệnh viện, trường học, nhà văn hóa, khu nhà ở tiện nghi, cơ sở điện nước, đường sá rồi sẽ mọc lên trên vùng đất nghèo nàn lạc hậu này. Những giấc mơ có thể trở thành hiện thực nếu có tấm lòng và biết cách tổ chức thực hiện, sử dụng ngay nguồn tài nguyên tại chỗ đổi lấy nhà máy, hàng công nghiệp.

Tại cuộc hội chợ triển lãm kinh tế kỷ niệm 10 năm giải phóng Lào ở thủ đô Viên Chăn năm 1985 tôi có dịp gặp gỡ hầu hết các lãnh tụ Lào-Việt, đặc biệt là các Tổng bí thư Lê Duẩn của Việt Nam và Cayxon Phomvihane của Lào, cả Bộ trưởng Quốc phòng Khăm Tầy (sau này là Chủ tịch nước Lào).



Tác giả hướng dẫn Tổng bí thư Lào Ceyson Phommahanh
thăm gian hàng Việt Nam tại Hội chợ triển lãm
Vientiane, 1985

Tổng bí thư Lào là một người lanh lợi, vui tính và hiểu biết rộng. Ông nói chuyện với chúng tôi bằng tiếng Việt rất sôi. Tôi nhận xét thấy tình hữu nghị cách mạng Việt-Lào thực sự khắng khít, giữa Pathet Lào và Cộng sản Việt Nam, có lẽ là do trong quá khứ hai bên đã từng hỗ trợ lẫn nhau về nhiều tình huống khó khăn nhất của cuộc kháng chiến chống Pháp rồi chống Mỹ. Một đất nước rộng bằng 2/3 diện tích Việt Nam mà dân số không bằng Tp. Hồ Chí Minh, có nhiều đường biên giới dài với cả Trung Quốc, Myanmar, Thái Lan, Campuchia và Việt Nam thì khó tồn tại nếu không chọn thế đứng trung lập. Họ đã chọn con đường đứng giữa đó như Campuchia thời Shihanouk nhưng rồi cũng vẫn bị lôi cuốn vào cuộc tranh chấp giữa các thế lực đối nghịch trong chiến tranh Đông Dương. Việt Nam đã khốn khổ rồi, đất nước Lào hiền hòa còn khổ sở hơn với thân phận làm quốc gia trái độn giữa các thế lực tranh chấp nhau.

Trong các đợt công tác ở Lào, tôi đã phiêu lưu lên vùng rừng núi xa xôi để lập đồ án xây dựng thị trấn Viêng Thoong. Mùa mưa lũ khó đi trụ lại giữa rừng đóng quân, ôm súng ngủ để sẵn sàng đánh trả vì vùng này vẫn thường xuyên bị biệt kích Mèo Vàng Pao của Mỹ đưa về quấy phá. Lần đầu tiên tôi tiếp xúc với các bộ tộc Lào Lùm miền núi phía Bắc Đông Dương. Cùng những tộc người có mặt rải rác ở Tây Bắc Việt Nam, Bắc Thái Lan. (2)

Tôi đặc biệt quan sát người Mông, còn gọi là người Hmông. Tiếng nói như pha tiếng Nhật, sinh sống trong nhà đất, lại đào cả hầm để ở nên rất khác với các dân tộc miền núi khác sinh sống trên nhà sàn. Ăn uống quá kham khổ, chỉ nắm cơm khuấy với thật nhiều nước. Lấy vợ lấy chồng quá trẻ, con cái suy dinh dưỡng thoái hóa thấy rõ. Họ đi rừng rất giỏi, rành đánh du kích trên địa bàn rừng núi. Người Mỹ đã lợi dụng họ gây xáo trộn khắp vùng rừng núi Lào nhiều năm sau giải phóng. Vấn đề đông đảo các dân tộc ít người miền núi sẽ còn đặt ra lâu dài cho chính quyền các nước vùng Đông Nam Á. Phải nhìn nhận các chính quyền Cộng sản thường giải quyết hợp tình hợp lý nhất về vấn đề các dân tộc ít người. Họ có được cái nhìn nhân văn và bình đẳng về con người hơn là các chế độ phong kiến, thực dân hoặc tư sản từ trước đến nay.

Nhờ công tác cho Cimexcol mà tôi có dịp thăm viếng quê hương Nghệ An của chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần và nhất là đến Hà Nội vào dịp Đại hội Đảng đổi mới năm 86.

Làng Sen là nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ra và trải qua thời thơ ấu. Tôi ngồi thật lâu trong ngôi nhà tranh khung sườn gỗ, nền đất bé tí teo của Cụ Nguyễn Sinh Sắc bố Bác Hồ. Đầu óc tôi miên man nhìn theo chiếc võng tưởng như vẫn còn đọng đưa thân hình cậu bé nhà quê mang tên Nguyễn Sinh Cung sau này đã trở thành huyền thoại của phong trào giải phóng dân tộc thế giới.

Dân làng đã dựng một ngôi nhà để tưởng nhớ con người đã đem lại vinh dự cho làng nước khi thi đỗ phó bảng ở triều đình Huế. Cũng với các hình ảnh hàng cau cao vút, hàng rào dâm bụt, chiếc sân đất nện trước nhà, vườn rau cải, mấy chum nước mưa, lối đi quanh cơ rợp bóng tre... Sao nó giống ngôi làng thời nhỏ của tôi cũng như hàng vạn ngôi làng Việt từ Bắc chí Nam. Những vùng nông thôn nghèo mà nuôi dưỡng truyền thống quật khởi của dân tộc qua bao thế hệ. Từ vùng đất Nghệ An căn cỗi này đã sản sinh ra bao con người phải phấn đấu để sống còn, phải cứng cỏi để đương đầu với thách thức, phải vượt lên nếu không muốn mãi cơ cực bần hàn.



Chân dung Bác Hồ do bạn bè Ý vẽ

Đại hội Đảng kỳ VI, mang tên "Đổi Mới", xem như một bước ngoặt trong đường hướng hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam lẫn công cuộc phát triển kinh tế đất nước.

Lớp lãnh đạo mới như Nguyễn Văn Linh, Võ Văn Kiệt, Nguyễn Cơ Thạch đã mạnh dạn mở rộng nền kinh tế nhiều thành phần.



Tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội 1986

Nguyễn Văn Linh gốc người miền Bắc nhưng suốt đời hoạt động cách mạng ở phía Nam. Ông đã kinh qua nhiều năm lãnh đạo chính trị bên trong Mặt trận Giải phóng và phụ trách Khu ủy vùng Sài Gòn. Sau giải phóng, nghe nói ông thuộc một số người trong Đảng chủ trương không nên vội vã cải tạo miền Nam mà tập trung vào việc kêu gọi các thành phần kinh tế chung sức sản xuất sau chiến tranh, đặc biệt là giới tư sản dân tộc có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu theo kiểu tiên tiến thế giới. Các ông Linh, Kiệt chủ trương phải mạnh dạn đổi mới và lấy kinh nghiệm làm ăn ở Tp. Hồ Chí Minh và các thể nghiệm đổi mới cách sản xuất công nghiệp lẫn nông nghiệp ở phía Nam ra áp dụng cho phát triển kinh tế cả nước.

Tôi có mặt ở Hà Nội vào mùa thu năm 86 để dựng gian hàng triển lãm thành tựu kinh tế của tỉnh Minh Hải và Công ty Cimexcol hợp tác với Lào tại khu Giảng Võ. Hà Nội đối với tôi hình như rất gần gũi vì tuy sinh ra và lớn lên ở miền Nam nhưng các hình ảnh về chiếc nôi lịch sử và văn hóa dân tộc như luôn hiển hiện trong tôi. Nào Hồ Gươm, Chùa Một Cột, 36 phố phường, ngôi nhà sàn Bác Hồ... những hình ảnh tôi vẫn có trong đầu tuy chưa có một ngày ở Hà Nội. Đêm trước ngày trọng đại bầu bán ở Đại hội, tôi có giấy mời đi xem vở kịch của thời đổi mới "Tôi và chúng ta" của nhà viết kịch trẻ Lưu Quang Vũ từng gây xôn xao dư luận cả nước. Vũ có người bố gốc Đà Nẵng và bà con với tôi.

Vở kịch nói về những bức xúc của mọi người trước sự trì trệ, quan liêu của những người đang điều hành đất nước, lớp người mới phải mạnh dạn làm bước đột phá. Nội dung như muốn khẳng định rằng đất nước muốn tiến lên, cơ chế này phải thay đổi. Hôm đó, nhà hát đầy người, có mặt hầu hết các đại biểu cả nước về dự Đại hội Đảng.

Với hướng đổi mới của Đại hội VI Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương chính sách mở cửa, hy vọng cách làm ăn sẽ thoáng hơn. Một anh bạn rủ tôi cùng người em họ ở Ý về làm ăn trong nước lập một văn phòng tư vấn đầu tư nước ngoài. Dưới danh nghĩa của Trung tâm Phát triển Kinh tế Trung ương chúng tôi lập một văn phòng dịch vụ kỹ thuật "Intertechnic Services" tư vấn kinh doanh và đầu tư dành cho người nước ngoài. Ý định là kinh qua hoạt động này tìm kiếm được đối tác thích hợp để cộng tác làm ăn. Trong trường hợp đi nước ngoài thì cũng có kinh nghiệm và quan hệ làm ăn với trong nước. Qua công tác ở đó tôi làm quen với lĩnh vực

kinh doanh quốc tế và cũng võ vẽ biết được cách mua bán, nhận và đưa hàng, chào hàng và chuyển giao công nghệ, lập phương án đầu tư, viết nghiên cứu khả thi FS, luật lệ và quy định về đầu tư nước ngoài... Như vậy, nếu không xuất cảnh, gia đình tôi cũng hy vọng sinh sống được và con cái cũng có cơ hội học hành đến nơi đến chốn. Bẵng đi mấy năm tôi không còn viết lách được gì. Con sốt làm ăn để sống còn trong thời buổi khó khăn đã làm cho bản thân tôi ít suy nghĩ đi, chỉ sử dụng kiến thức và vốn sinh ngữ sẵn có để nghiên cứu tài liệu làm ăn!

Vào năm 1989, nhiều tin tức thuận lợi cùng đến một lúc. Gia đình tôi được chấp thuận cho đi đoàn tụ tại Canada. Công việc trợ lý nghiên cứu ở một đại học Canada do người bạn giới thiệu đã có kết quả cụ thể. Tôi nhận được bức điện của giáo sư David Wurfel (3) ở Đại học Windsor xác nhận việc tôi sẽ phụ giúp ông trong đề án nghiên cứu Việt Nam trong thời gian một năm. Tôi vừa mừng vừa lo. Vậy là cuộc sống của tôi từ đây đang rẽ sang một hướng mới.

IV. NHÌN LẠI

Tôi đến phương Tây vào thời điểm tan rã của khối các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và chấm dứt cuộc Chiến tranh Lạnh. Tuy vậy, tôi vẫn còn nhìn thấy chiến tranh Việt Nam tiếp tục ám ảnh người Mỹ, tuy họ vẫn không chịu rút ra các bài học từ cuộc chiến đó. Sự trỗi dậy kinh tế châu Á là một yếu tố tích cực khác xuất hiện vào giai đoạn này. Tôi sớm quay về Việt Nam, nhìn thấy quê hương mình đang đối mặt với nhiều thách thức xã hội-kinh tế trong hội nhập vào thời đại toàn cầu hóa ngày nay. Lịch sử đất nước đã thật sự lật sang một trang mới.

17. Bạn và thù

1990-1992: Tôi làm công tác nghiên cứu tại các đại học Canada và nhờ đó mà có nhiều cơ hội đi lại nhìn thấy thế giới rộng lớn hơn sau một đời hoạt động ở trong nước. Tham dự các cuộc hội thảo quốc tế và tham quan nhiều nơi trên thế giới đã giúp tôi mở rộng tầm nhìn, nhất là có được một cái nhìn mới từ xa về đất nước và nhân dân mình. Gần 20 năm đã trôi qua sau ngày chấm dứt chiến tranh Việt Nam, tôi gặp lại không ít bạn bè, người đồng chí hướng nhưng cũng lắm kẻ thù nghịch, còn muốn mãi dìm Việt Nam trong hận thù, đói nghèo và lạc hậu.

Như vậy là tôi được chính thức xuất cảnh đi Canada theo diện đoàn tụ gia đình vào giữa năm 1990, không biết là buồn hay vui đây. Gặp một người bạn đã từng sinh sống ở nước ngoài trước ngày tôi đi, anh nói: "Ở đâu rồi cũng có vấn đề. Ở trong nước đã rắc rối rồi, ra đi tưởng yên thân, ai ngờ cũng sẽ lại gặp một lô những vấn đề kiểu khác!".

Các vấn đề mới thì không ít, nhưng khác biệt thì quả là rất nhiều. Vừa mới đến sân bay Thái Lan tôi đã nhìn thấy sự khác biệt về cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và thực sự đau buồn về sự tụt hậu của đất nước. So với một Tân Sơn Nhất nhếch nhác, trống vắng và hình như không xây dựng được gì 15 năm sau chiến tranh mà tôi mới rời đi, sân bay Ban Muong của Bangkok là một trục giao thông quốc tế hiện đại và rộn rịp. Tôi có cảm tưởng như người ta đang sinh hoạt ở một hành tinh khác. Nếu nước ta còn triền miên trong giấc ngủ dài, thì các nước châu Á khác rõ ràng là đã vươn lên từ hàng chục năm nay rồi. Điều này có thể nhìn thấy rất rõ khi quá cảnh sân bay Amsterdam của Hà Lan. Tôi thử so sánh về các mặt quy mô lẫn trang bị kỹ thuật thì sân bay này đâu có thể sánh bằng các sân bay hiện đại của châu Á ngày nay, xây dựng mới hàng loạt từ Thái Lan, Singapore đến Malaysia, Hồng Kông. Sân bay đối với thế giới ngày nay giống như cổng chào vào một đất nước, một vùng đất. Ta có thể quan sát sinh hoạt sân bay là có thể ước đoán trình độ phát triển ở đó.

Bước xuống sân bay quốc tế Mirabelle của thành phố Montréal, điểm đến Canada của tôi. Tôi thất vọng quá vì nhà ga thì to lớn mà vắng tanh. Thì ra sân bay quốc tế này đang phá sản do sai lầm của căn bệnh không tưởng về quy hoạch đô thị. Không những ở những nước xã hội chủ nghĩa mà cả nhiều nước phương Tây cũng mắc căn bệnh vĩ đại vùng tay khỏi trán. Thì ra, vào những năm 70, do thành phố này được chọn tiến hành tổ chức tranh tài quốc tế Olympic, chính quyền đã vay nợ xây dựng quá mức. Trong khi ở đất nước này, vùng Québec nói tiếng Pháp, nền kinh tế có dấu hiệu đi xuống nhường chỗ cho vùng Ontario nói tiếng Anh gần Mỹ phát triển hơn.

Tuy vậy, đối với tôi sau này dù có đi đến sinh sống nhiều phương trời khác nhau trên thế giới, tôi vẫn mong muốn quay về sinh sống an bình tại Montréal (1). Thành phố mang nhiều tính nhân văn và hài hòa không phải thành phố nào cũng có. Montréal xuất hiện từ cuối thế kỷ XVI ở Bắc Mỹ như một đầu cầu định cư của thực dân Pháp. Chọn vị trí thuận lợi có cả núi lẫn sông trên dòng sông Saint-Laurent từ vùng Ngũ Hồ cuộn cuộn chảy ra Đại Tây Dương, người Pháp xây dựng hẳn một thành phố mới. Khác với thành phố Québec ở phía Bắc là pháo đài trấn giữ ở cửa sông, cũng không giống thành phố Toronto của thực dân Anh nằm sâu trong vùng Ngũ Hồ ở phía Nam chỉ mang tính kinh tế theo hình ảnh chuỗi thành phố công nghiệp Bắc Mỹ, Montréal là thành phố tiêu biểu cho châu Âu ở vùng đất mới.

Đến đây, chúng ta vẫn nhìn thấy tồn tại một phố cảng cổ Vieux-Montréal với tòa thị chính, nhà thờ, tu viện, quảng trường, ngõ phố cổ xưa, cầu tàu, đường sá lát đá... bên cạnh một trung tâm thương mại hiện đại kiểu Mỹ. Một thành phố vừa đắm mình trong thiên nhiên với nào sông, núi, nước, cây xanh, nhưng cũng rất hiện đại với xa lộ, tàu điện ngầm, hệ thống xe buýt, hệ thống đường đi ngầm chằng chịt dưới lòng đất và cả khu cao ốc văn phòng trung tâm. Đặc sắc hơn cả là phức hợp thể dục thể thao xây dựng mới nhằm phục vụ cho đại hội tranh tài thể thao quốc tế Olympic tổ chức vào năm 76. Cả một làng Olympic xuất hiện bên cạnh các công trình tranh tài thể thao hiện đại do nhiều kiến trúc sư nổi tiếng thế giới thiết kế theo kỹ thuật mới nhất vào thập kỷ 70. Ở thành phố này, đặc biệt người ta sinh hoạt và ứng xử như người châu Âu nhưng làm ăn sinh sống lại theo lối Mỹ. Điều này thể hiện rõ nét nhất trong sinh hoạt các trường đại học ở Montréal, có thể học tập theo ngôn ngữ Pháp hoặc Anh, nhưng tham khảo đa phần với sách vở và tư liệu Mỹ. Cách tổ chức sản xuất và sinh hoạt cũng mang tính Bắc Mỹ. Montréal nay đang là trung tâm du lịch thu hút khách Mỹ vì duy nhất ở đây mới nhìn thấy sinh hoạt và lối sống kiểu Pháp, kiểu Anh, từ vui chơi giải trí cho đến phong cách sống, thời trang, ẩm thực.

Tuy thành phố cũng phân chia tự nhiên ra thành khu vực phía Đông nói tiếng Pháp và phía Tây nói tiếng Anh, Đại học Montréal tiếng Pháp và Đại học McGill tiếng Anh, nhưng quan hệ cộng đồng không mang tính xung khắc. Tại đây, ta vẫn có thể tìm lên phố Ý, qua lại khu ở của người Do Thái, vào phố Tàu, ăn ở phố Hy Lạp, xem vũ khỏa thân ở phố Tây, thưởng thức món Việt ở khu phố Côtes-des-Neiges. Đời sống thật phong phú và đa dạng mà hòa hợp. Cho nên chẳng ai lấy làm lạ khi Montréal được xếp vào hàng các thành phố sinh sống tốt nhất thế giới.

Đối với tôi lúc mới từ Việt Nam đến thì thành phố này vừa đồ sộ vừa tuyệt vời. Ban đầu tôi cứ nghĩ rằng mình chẳng bao giờ hội nhập nổi vào khung cảnh đô thị Bắc Mỹ rộn rịp và tất bật này. Chúng tôi phải xây dựng lại cuộc sống từ con số không. Gia đình chúng tôi gồm 4 người đều tóa ra đi làm, đi học. Tôi và vợ tôi đi xe buýt xuống Đại học Windsor, cách nơi tôi sinh sống cả nghìn cây số ở phía Nam để gặp giáo sư David Wurfel, người đã nhận tôi làm trợ lý nghiên cứu. Bấy giờ tôi mới biết không thể sinh sống nổi với số tiền trợ cấp nghiên cứu ít ỏi đó, khi phải chi trả hàng loạt nào tiền thuê nhà, ăn uống, đi lại, điện nước, sưởi ấm, điện thoại... Đến phương Tây sinh sống là phải vật lộn ngay với hàng đồng bill, biên lai chi phí đủ loại vào cuối tháng. Đó là chưa kể sẽ phải sắm xe, mua nhà, áo quần, nghỉ hè, du lịch, giao hảo quà cáp... Nhiều cái có thể được mua trả góp dài hạn, ngân hàng ứng tiền, nhưng suốt cả cuộc đời của bạn sẽ bị trói chặt vào cái vòng kim cô tiền nghi vật chất đó, không có cách nào thoát ra được. Chúng trông giống như những chiếc vôi bạch tuộc, bao vây tứ phía, bám chặt lấy ta, có lẽ không một ai thoát ra được trong cái xã hội tiêu thụ đó.

Vợ tôi nói rằng lần đầu tiên bản thân mình mới thấm thía thân phận của một người công nhân trong xã hội công nghiệp tư bản phương Tây khi làm việc trong một dây chuyền lắp ráp nữ trang. Con người làm việc giống như một cái máy: Sáng sớm trời rét căm căm, gói vội phần ăn trưa lật đật bắt xe buýt, tàu điện ngầm đến xưởng đúng giờ, bấm thẻ kiểm tra lao động. Làm việc kiểu thao tác dây chuyền, không kịp trở tay nếu không muốn bị bọn cai mắng mỏ, đe dọa sa thải. Chỉ nghỉ ăn trưa được nửa giờ, rồi lại lao vào công việc, người đã mệt nhoài rồi khi về đến nhà, cơm nước, tắm rửa xong là ngủ vùi. Chỉ mong tới ngày cuối tuần để nghỉ ngơi lấy lại sức. Nhưng nhiều khi xưởng cần hàng gấp, lại phải đi làm thêm ngoài giờ ngày thứ bảy. Rồi còn hàng đồng công việc nhà, vì càng sinh sống tiện nghi hiện đại càng phải làm đủ thứ, nào vệ sinh, sửa chữa nhà cửa, giặt áo quần, chuẩn bị các phần ăn cho tuần tới... Ở phương Tây, chỉ có triệu phú may ra mới thuê được người giúp việc. Vợ chồng làm việc theo ca, con cái đi học khác giờ, nên người trong gia đình ít khi gặp mặt nhau, trừ mấy ngày cuối tuần.



Nghiên cứu tại Đại học Montréal, Canada, 1991

Công việc của tôi thì nhàn hơn, chỉ nhận tài liệu của giáo sư Wurfel gửi về dịch, ghi chú, bình luận rồi ra bưu điện gửi xuống lại cho ông ta ở Đại học Windsor sát biên giới Mỹ. Thỉnh thoảng chúng tôi mới gặp nhau ở các cuộc thảo luận hoặc hội nghị, hội thảo hoặc có công việc gấp cần bàn bạc trao đổi. Tuy vậy, cũng cần thêm thu nhập mới. Tôi phải thăm dò tìm một công việc nữa. Tôi đến trường Kiến trúc thuộc Đại học tổng hợp Montréal, may mắn gặp người đứng đầu Viện Quy hoạch Đô thị (2) trực thuộc trường Kiến trúc đang có khoản trợ cấp đề tài nghiên cứu Việt Nam cần người tư vấn. Vậy là tôi làm việc thêm với giáo sư René Parenteau. Thu nhập nghiên cứu của hai đại học không lớn nhưng nhờ đó tôi có cơ hội làm quen với môi trường đại học Bắc Mỹ cũng như có cơ hội tham dự các hội thảo quốc tế.

Từ trong nước ra, ta chưa có khái niệm về quy mô đại học ở phương Tây, nhất là các đại học Bắc Mỹ. Tôi có cơ hội quan sát và so sánh chúng với nhau. Ví như tại châu Âu, đại học phân tán trong thành phố và quy mô nhỏ, sinh viên quá đông, tài liệu tham khảo ít cập nhật hóa, không mấy phong phú, không dễ tiếp cận như ở các cơ sở giáo dục đại học Bắc Mỹ. Bạn cứ thử tưởng tượng một khuôn viên đại học, gọi là Campus (3), như trường British Columbia ở thành phố viễn Tây Canada, chiếm hẳn một vùng đồi rộng hàng trăm mẫu, trong đó phân bố hàng chục khoa, gồm cả cư xá cho sinh viên và nhà ở thành phần giảng huấn cùng nhiều cơ sở phúc lợi hỗ trợ khác. Đường xe buýt riêng gắn liền với trung tâm thành phố Vancouver. Còn khuôn viên Đại học Cornell ở bang New York của Mỹ thì quy mô lớn hơn nhiều, rộng bằng cả một thành phố Đà Lạt của ta, có cả chiếc cầu treo bắc ngang dòng sông chảy qua. Các đại học Mỹ khác cũng vậy, đứng ra phải gọi chúng là "thành phố đại học" mới đúng vì quy mô vừa to lớn và thường tách ra khỏi các khu vực đô thị khác. Đối với xã hội, đại học giữ vai trò một trung tâm gìn giữ và truyền bá kiến thức cho toàn xã hội. Ta có thể một phần nào nhìn thấy hình ảnh nền kinh tế tri thức xã hội hậu hiện đại thế kỷ XXI ở đây.

Đang công tác tại các Đại học Montréal và Windsor, vào cuối năm 1990, tôi đã bay sang châu Âu trình bày vấn đề Kiến trúc Nông thôn Việt Nam cho lớp cao học của khoa Kiến trúc Đại học Bách khoa Torino bên Ý (4). Nguyên do là trước khi xuất cảnh, theo gợi ý của người em họ sinh sống ở Ý là Lưu Vân Khương, quen biết nhiều giới đại học ở đó, tôi dịch ra tiếng Anh cuốn "Nhà ở nông thôn Nam Bộ" và gửi cho họ. Cuối năm 1990, tôi được mời sang. Rơi đúng vào thời điểm phương Tây chuẩn bị đánh Irak nên các sân bay khám xét rất kỹ. Mình lại còn mang hộ chiếu Việt Nam nên cũng dễ bị nghi ngờ, nhất là với đám an ninh Anh thái độ kỳ thị khinh khỉnh rất khó chịu ở sân bay quá cảnh quốc tế Heathrow của London. Sang Ý, tôi phải xuống sân bay quốc tế Milano rồi mới bắt xe lửa về Torino sau. Máy bay đến giữa khuya, khi đến nhà ga xe lửa vắng tanh, bị cướp giật mất chiếc cặp tài liệu. May mà tôi đã gửi trước một số tài liệu chính sang Ý nên cũng không sao. Nhờ có mua bảo hiểm nên sau được bồi thường mấy trăm đôla.

Thật ra tôi chỉ nói chuyện một buổi với khoảng mấy chục sinh viên cao học chuẩn bị sang các nước Thế giới thứ ba công tác. Phần trình bày có minh họa hình ảnh nhà cửa nông thôn Việt Nam, nêu lên những vấn đề mà chuyên gia phương Tây thường hay gặp phải ở nước nghèo nàn, lạc hậu. Tôi đã chuẩn bị bài bằng tiếng Anh nhưng sinh viên lại yêu cầu tôi nói tiếng Pháp họ biết rành hơn vì vùng này nằm dưới chân núi Alpes gần biên giới Pháp. Tôi trú ngụ trong gia đình Khương lấy vợ Ý. Khương du học tự túc vào năm chiến tranh nổ ra ác liệt ở Việt Nam, ra nước ngoài nhằm tránh đi lính chết chóc. Gia đình nào có tiền ở miền Nam lúc đó đều tìm cách đẩy con cái đi du học.

Gia đình cha vợ là ông Cherchi rất tốt bụng và dành tất cả tình thương yêu cho Việt Nam. Ông làm giám đốc một nhà máy thủy điện nhỏ, chỉ có một cô con gái Mirella và đã cưới mang người

em họ tôi vì tham gia phong trào chống chiến tranh Việt Nam mà học hành trễ nải, sau ngày giải phóng ở Việt Nam thì không còn một xu dính túi. Sau chiến tranh, ông Cherchi thường qua lại Việt Nam và vận động xin Liên hiệp châu Âu yểm trợ một cộng đồng nông thôn nghèo gần khu thánh địa Châm ở Mỹ Sơn - Quảng Nam.

Hội Ý-Việt Nam thành phố Torino mời tôi nói chuyện, có khá đông người Việt tham dự. Tôi nói bằng tiếng Việt, người em họ dịch sang tiếng Ý. Các báo như La Stampa loan tin, còn tờ Il Manifesto phỏng vấn bổ sung về tiểu sử, tình hình chuyển biến sau chính sách Đổi mới ở Việt Nam và nhận xét của tôi về chiều hướng tương lai. Ngày hôm sau nhật báo Il Manifesto đăng một bài dài. Nội dung nói về hướng đổi mới của Việt Nam trong giai đoạn đất nước mở cửa, phải đợi 15 năm sau chiến tranh mới được phương Tây nói lòng vòng vầy để phát triển, giọng điệu lạc quan. Tuy vậy, tôi cũng nhận cơ hội nói thẳng rằng do tình hình nửa hòa bình nửa chiến tranh nên nhiều người Việt đã ra đi. Chính sách đổi mới đã thực sự tác động làm cho sản xuất lúa gạo ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long tăng vọt, Việt Nam lại trở thành nước xuất khẩu gạo.

Trong chỗ riêng tư trò chuyện sau đó với những người bạn Ý cánh tả đã từng tích cực trong phong trào ủng hộ Việt Nam chống Mỹ, cả bản thân tôi lẫn họ đều cảm thấy bối rối về tình trạng của lực lượng tiến bộ trên thế giới và đường lối của Việt Nam sau giải phóng.

Mâu thuẫn giàu nghèo, sự khống chế của các tập đoàn tư bản quy mô thế giới do Mỹ dẫn đầu... vẫn còn là vấn đề lớn của thế giới. Nhưng xã hội loài người cũng đang bước vào một thời kỳ tiến bộ khoa học kỹ thuật, tin học mang tính toàn cầu. Cải cách, đổi mới là yêu cầu bức thiết của khối các nước xã hội chủ nghĩa, Đông cũng như Tây.

Những người bạn Ý thắc mắc không biết sau chiến tranh, Việt Nam có đi đúng hướng chưa? Vì sao hàng vạn người bỏ nước ra đi, gồm cả những người đã từng tích cực ủng hộ cuộc chiến đấu chống Mỹ? Vì sao chế độ xã hội chủ nghĩa mà chấp nhận kinh tế thị trường?... Bạn bè Ý có biết đâu rằng tôi ra đi vì không thể trả lời nổi các câu hỏi đó cho chính bản thân mình cũng như bạn bè, người quen biết ngay khi còn ở trong nước!



Chùa St. Vatican, Roma, Ý

Tôi tranh thủ cùng người em ở Ý đi tham quan một vòng nước Ý, qua Milano xuyên suốt mạn Bắc đến Venezia (Venice) trên bờ biển Adriatic, vòng xuống Firenze (Florence) đến thủ đô Roma. Nước Ý thực sự là cái nôi của nền văn hóa nghệ thuật phương Tây. Học kiến trúc, tôi đã nghiên cứu và vẽ trên giấy nghệ thuật kiến trúc cổ điển từ thời La Mã đến Phục hưng, vẫn mong muốn một ngày nào được nhìn tận mắt, chạm tận tay các đường nét công trình kiến trúc, tác phẩm điêu khắc và cả cảnh trí của đất nước tươi đẹp và thẩm mỹ tuyệt vời này. Người Ý có thẩm mỹ bẩm sinh, tạo được sự hài hòa giữa cái cũ và cái mới, chẳng những trong những cái lớn lao như đô thị, kiến trúc mà còn trong cách ăn mặc, ẩm thực, ứng xử hàng ngày...

Roma rõ ràng là nơi tập trung đỉnh cao của nghệ thuật loài người. Ta sẽ ngỡ ngàng trước sự hoành tráng của quảng trường Thánh Phêrô với ngôi nhà thờ huyền thoại, công trình tích lũy bao sáng tạo nghệ thuật kiến trúc suốt mấy thế kỷ, với các nhà thiết kế tài danh từ Bramante, Michelangelo, Maderno đến Bernini. Thủ đô Vatican của giáo hội Ki tô giáo La Mã có lẽ là vương quốc kỳ lạ nhất thế giới. Chỉ trên một khu đất nhỏ, không biên giới, sinh sống toàn người độc thân, không thấy bóng cảnh sát... Vậy mà ảnh hưởng của Roma đã lan tỏa khắp hành tinh, trên một tỷ dân, tác động đến cuộc diện chính trị toàn cầu. Thủ đô đích thực của nước Ý rộng lớn nằm bao quanh hình như lu mờ chịu ép một bề bên cạnh vương quốc tôn giáo chỉ có diện tích một nửa cây số vuông này!

Chỉ có tài năng đích thực, niềm tin tuyệt đối lẫn khiếu thẩm mỹ tuyệt vời mới thúc đẩy dân tộc này sáng tạo được những công trình tuyệt mỹ đến như vậy. Nào Fienza (Florence) trung tâm xuất phát nghệ thuật Phục hưng lan tỏa khắp châu Âu, khởi đầu một kỷ nguyên phát triển mới cho nền văn minh phương Tây. Thành phố trên biển độc đáo duy nhất trên thế giới Venezia với quảng trường và thánh đường San Marco từng là một thành bang trù phú trên bờ biển Adriatic mở về phương Đông từ thời Trung cổ. Các chiếc thuyền con gondola thon thả như những con thiên nga đen tuyền chuyển khách du lịch đi lại trên các dòng kênh trong xanh. Verona nổi tiếng với thiên tình sử huyền thoại Romeo – Julietta, nơi xuất phát của thiên tài thi ca Dante làm vẻ vang văn học Ý, và cũng là nơi sản xuất đá trang trí nghệ thuật thế giới.

Trên đường quay về Canada, tôi ghé Paris mấy ngày. Những người bạn mới và cũ rất bận rộn vào các ngày cuối năm vẫn sắp đặt cho tôi tạm trú và hướng dẫn gặp gỡ người này người khác. Tôi không có nhiều thì giờ để tham quan Paris như mong muốn, chỉ quanh quẩn xung quanh khu trung tâm La Cité, phố Monge có Nhà Việt Nam, quảng trường La Bastille, bắt tàu điện ngầm và xe buýt đi lại các nơi. Tôi thường bị kẹt xe trên đại lộ Elysées rộng mênh mông, thẳng tắp những hàng cây cắt xén, sáng lên rực rỡ vào những ngày sắp đến Noel và đầu năm mới. Nhìn từ xa, chiếc tháp bằng sắt Eiffel cao trên 300m mà thon thả, vẫn mãi chế ngự vùng trời Paris và là biểu tượng muôn thuở về một công trình nghệ thuật lẫn kỹ thuật của thủ đô ánh sáng, dựng lên như vậy đã một thế kỷ rồi. Các khối nhà phố 4 tầng nhất loạt làm một kiểu hình như không thay đổi kể từ thời thị trưởng Haussmann cải tạo thành phố này trên quy mô lớn vào giữa thế kỷ trước. Người ta quyết tâm giữ nguyên bộ mặt trung tâm Paris cổ kính và dời ra ngoài vành đai phía Tây khu cao ốc hiện đại La Défense. Tôi nghĩ việc bảo tồn là đúng vì chính cái cổ kính đó đã làm cho Paris hấp dẫn và thu hút hàng triệu du khách mỗi năm chứ không phải các cao ốc hiện đại kia. Dẫu giàu có và hiện đại cách mấy tôi vẫn nhìn thấy người dân Mỹ, dân Nhật đều ước mơ một lần trong đời được đến nhìn ngắm và lang thang trong các đường phố xưa của Paris.

Qua cầu sông Seine, trong màn sương sớm ẩn hiện ngôi Nhà thờ Đức Bà xây dựng theo phong cách độc đáo Gothic theo bản sắc người Goth rất riêng, không cứ phải nhái theo kiểu cổ điển Hy Lạp-La Mã. Tiếng chuông nhà thờ vẫn đồng đưa như ẩn hiện đầu đây bóng hình thẳng gù Quasimodo ngày nào chạy đi chạy lại giữa các tháp chuông nhìn ngắm nàng Esmerella xinh đẹp cách đây 10 thế kỷ, đã trở thành bất hủ qua những trang sách của văn hào Victor Hugo.

Vào đầu năm 1992, tôi có dịp hướng dẫn đoàn nghiên cứu Việt Nam đi khắp một vòng nước Canada trước khi đến thủ đô chính trị Ottawa và cuối cùng là đến Montréal bàn bạc việc hợp tác với giới nghiên cứu đô thị các đại học Canada. Đón đoàn từ Vancouver thành phố cảng cực Tây đất nước này, đưa đoàn đến làm việc trước tiên ở Trung tâm Định cư Con người (tên gọi trường kiến trúc-quy hoạch đô thị) của Đại học British Columbia, nơi có mối quan hệ sớm nhất với Việt Nam ở Bắc Mỹ. Trung tâm này từ năm 1972 đã tổ chức hội nghị lớn nhất của Liên Hiệp Quốc về vấn đề nhà ở của loài người mang tên "Habitat 72".

Sau đó, tôi dẫn đoàn bay về thành phố lớn nhất Canada là Toronto rồi sang thủ đô chính trị Canada là thành phố Ottawa, nói chuyện với cơ quan chính phủ yểm trợ các chương trình nghiên cứu song phương, nay chú ý nhiều đến Việt Nam như một tiềm năng mới. Đi xe buýt về Montréal, các cuộc bàn bạc tại đây đã thực sự mở màn cho việc hợp tác nghiên cứu và đào tạo kéo dài đến ngày hôm nay. Tôi vẫn nhớ mãi những con người trí thức Hà Nội như nhà xã hội học Trương Lai, chị Tô Thị Minh Thông thuộc Viện Thiết kế thị thôn Bộ xây dựng, các anh Phạm Văn Trình, Mai Hà San hiệu trưởng các Đại học Kiến trúc Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh. Tôi mong muốn làm được chiếc gạch nối hợp tác giữa hai bên, nhằm góp phần cho đất nước sớm mở cửa nhìn ra thế giới.



*Cung đoàn nghiên cứu đô thị
từ Việt Nam sang Canada, 1992*

Anh Tương Lai có lẽ thông cảm với những trăn trở của tôi vì bản thân anh cũng đang lo lắng về sự trì trệ trong nước. Anh San ở Tp. Hồ Chí Minh thì sau này gửi cho tôi một bức thư đầy xúc động cho biết báo Việt Nam đã đăng tải về tôi như là người đã tham dự tích cực vào ngày giải phóng Sài Gòn. Anh Trình và chị Thông có sang lại Canada mấy lần, tiếc rằng anh Trình mất sớm nên nhiều dự tính làm việc với anh ở Hà Nội bị bỏ nửa chừng.

Nhờ cộng tác với Đại học Canada trong các đề tài nghiên cứu mà tôi có cơ hội đi đây đó, viết tham luận cho nhiều cuộc hội thảo khu vực và quốc tế ở Canada và Mỹ.

Tôi đi Mỹ lần đầu tiên vào giữa năm 92 dự đám hỏi người em họ ở Ohio, kết hợp đi dự cuộc hội thảo về sử học Việt Nam ở Đại học Cornell với giáo sư Wurfel. Lần đầu tiên tôi nhìn thấy hai bộ mặt mâu thuẫn của nước Mỹ, một bên là thành phố sản xuất xe hơi hàng đầu thế giới Detroit đang điêu tàn và bên kia là một New York vẫn sôi động của một thành phố ngã tư quốc tế.

Detroit từng nổi tiếng với hàng trăm nhà máy sản xuất từ xe con, xe tải đến xe tăng, xe quân sự, cơ giới mang dần phóng tên lửa bỗng chốc hoạt động cầm chừng rồi ngưng hẳn sau Chiến tranh Lạnh. Xe hơi Nhật Bản giá rẻ trong nhiều năm thay thế xe Mỹ trên chính ngay thị trường nước Mỹ. Tôi đã nhìn thấy công nhân Mỹ mất việc xuống đường biểu tình chống nhập xe Nhật và phần nộ đập phá xe mang nhãn hiệu Nhật trên đường phố. Các hãng lắp ráp xe hơi Nhật nay có mặt khắp nơi trên đất Mỹ, trong khi công nhân ngành xe hơi Mỹ thất nghiệp. Các khu nhà ở cao tầng của công nhân da đen không có việc làm ở Detroit biến thành các khu ổ chuột đầy tệ nạn xã hội và tội ác. Trung tâm thành phố với các công trình văn phòng và văn hóa xây dựng to lớn của hãng Ford nay vắng tanh, không còn sinh khí.



Trên đường phố New York, 1993

Thành phố New York đối với tôi quy mô thật quá kích thước con người cả về bề rộng lẫn bề cao. Những tòa nhà chọc trời lớn nhất thế giới hầu như quy tụ hết ở đó. Tôi đi giữa các đại lộ rộng lớn mà có cảm giác như đi trong các con hẻm rợp bóng trong khu rừng bê tông sắt thép, hình như có thể đổ sập trên đầu mình bất cứ lúc nào trong thời đại khủng bố quốc tế này. Vụ phá hoại bằng bom đã từng xảy ra vào đầu những năm 90 này rồi, chứ không đợi đến ngày 11/9/2001. Siêu đô thị New York sôi động như một trung tâm tài chính lớn nhất thế giới và trông giống như một giao điểm quốc tế với sự có mặt của hàng trăm dân tộc sinh sống bên nhau. Những cái mâu thuẫn to lớn nhất dường như hội tụ tại đây. Bên cạnh cái xa xỉ bậc nhất của khu phố đường Số Năm vẫn tồn tại khu ổ chuột tồi tàn Harlem. Bên cái nhếch nhác của Brooklyn vẫn có mặt khu trụ sở Liên Hiệp Quốc đồ sộ và trang trọng.

Cornell là một trong số 10 đại học lớn nhất Mỹ, nằm trong bang New York ở miền Đông nước

Mỹ. Tôi đã nhìn thấy các đại học châu Âu và Canada, so sánh ra thì đại học Mỹ quy mô to lớn và phong phú hơn nhiều lần. Tôi đến Đại học Cornell để dự một cuộc hội thảo về lịch sử Việt Nam. Đã vào hè nên sinh viên nghỉ cả, chỉ còn hoạt động một số lớp đặc biệt về các ngôn ngữ Đông Nam Á quy tụ học viên đến từ khắp nước Mỹ, nhiều người đã lớn tuổi và hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau. Tôi cùng giáo sư Wurfel tạm trú ngụ tại khu nhà sinh viên, chia theo từng khối nhà có 4-5 phòng với vệ sinh riêng nhưng bếp, phòng sinh hoạt dùng chung khá tiện nghi. Sinh viên mỗi người có xe hơi con riêng di chuyển đi lại giữa các môn học và thư viện, trung tâm nghiên cứu. Người ở chung khối nhà là một cô thạc sĩ công tác tại thư viện trung tâm thành phố Minneapolis bang Minnesota xa xôi đến học khóa mùa hè dạy tiếng Việt. Chị đã từng tham quan Việt Nam nhưng không biết Việt Nam thời chiến tranh vì còn trẻ. Chúng tôi thì tham dự thảo luận về sử Việt Nam do các nhà sử học Việt, Canada và Mỹ trình bày. Trong số đó có các giáo sư Hà Văn Tấn, Trần Quốc Vượng từ Hà Nội, Vĩnh Sính, Woodside từ Canada và cả người bạn tôi David Marr từ Úc đến. Marr tuy là người Mỹ nhưng lại sang giảng dạy Đại học Quốc gia Úc ở thủ đô Canberra.

Tôi cố ý lùng sục thư viện Cornell, không nhìn thấy tư liệu cũ thời Pháp nhưng rất phong phú về thời chiến tranh Việt Nam, đặc biệt người ta bắt đầu đưa về khá nhiều micro phim về tài liệu, nhật ký bộ đội ta do Bộ Quốc phòng Mỹ mới công khai hóa ra. Tại Mỹ đang xuất hiện nhiều nhà nghiên cứu am hiểu sâu sắc Việt Nam như một nền văn hóa có lịch sử lâu đời chứ không chỉ là một dân tộc chỉ biết có chiến tranh! Công cuộc khai phá mới đó, công đầu phải ghi cho những người như Marr, Taylor, Woodside, Duiker... Nhưng oái ăm thay người bạn tôi David Marr cho đến nay, theo tôi được biết vẫn còn bị phía ta nghi ngờ là người của CIA. Trong nhiều chuyến công tác Việt Nam, khi ra sân bay anh luôn bị kiểm tra gay gắt. Đến nỗi đứa con trai của anh nói là không muốn đi chung với bố để đỡ bị rắc rối!



*Dự hội thảo mùa hè về Việt Nam
học ở Đại học Cornell cổ kính, 1992*

Cuối năm 1992, nhiều đại biểu nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam được mời dự cuộc hội thảo lớn về Đông Nam Á do Liên hiệp các đại học vùng Tây Bắc Mỹ và Canada tổ chức ở Vancouver. Đây là lần đầu tiên có một đoàn nghiên cứu đông đảo đến từ Hà Nội thảo luận chung với các nhà nghiên cứu Đông Nam Á của cả Mỹ lẫn Canada. Những nhà nghiên cứu Bắc Mỹ có dịp nghe những luận điểm mới của Việt Nam thời đổi mới.

Có mấy nhóm sinh viên Việt ở Vancouver mà tôi biết là từ các nhóm chống đối Việt Nam cử đến, bày trò phỏng vấn các nhà nghiên cứu Việt Nam nhằm chụp lấy sơ hở để xuyên tạc. Tôi khuyên các anh từ chối ngay. Họ không dám làm gì ngoài việc nhét chen lẫn vào tài liệu phát cho đại biểu một số truyền đơn tố cáo vi phạm nhân quyền và tù đày ở Việt Nam. Qua hội nghị tôi biết tại Mỹ, một số đại học bắt đầu mở các tín chỉ về ngôn ngữ Việt. Tôi chú ý nhìn thấy sách báo tiếng Việt xuất bản bên ngoài cũng nhiều nhưng đang sử dụng kiểu tiếng Việt thời cũ trước 75, nhất là từ điển cũ, nay rõ ràng là không thể sử dụng để hiểu và dịch văn bản, tài liệu mới.

Tôi cũng gặp được giáo sư Bob Textor trong một cuộc hội thảo tại Đại học British Columbia. Ông là vị giáo sư khoa Nhân chủng học tích cực nhất trong giới giảng dạy ở Stanford, từng đích

thân viết thư mời tôi dạy chung trong một chuyên đề vào năm 1974. Ông thổ lộ rằng lúc đó họ rất mong tôi sang Mỹ, chuẩn bị rất kỹ việc vận động cho tôi được đi, nhưng khi tình hình chiến sự gia tăng vào đầu năm 1975 thì họ không còn hy vọng gì nữa. Lúc đó ông nghỉ hưu và thỉnh giảng ở Đại học Oregon.

Sau đó, cô em gái đang sinh sống ở California mua vé máy bay cho tôi bay sang San Francisco. Người ta vẫn thường gọi bang này là cửa ngõ mở ra Châu Á-Thái Bình Dương và cũng là một nước Mỹ mới vì hầu như tất cả những cái gì sáng tạo nhất đều được đem ra thể nghiệm ở đây. Nếu vùng bờ biển phía Đông mở ra Đại Tây Dương nhìn về thế giới cũ châu Âu thì vùng bờ biển phía Tây này với chiếc cầu vàng vĩ đại bắc ngang vịnh San Francisco mở ra kỷ nguyên mới nhìn về châu Á-Thái Bình Dương rất sinh động. Nền văn hóa quần chúng Mỹ phát xuất từ California, với nào kinh đô điện ảnh Hollywood làm rang danh nghệ thuật thứ bảy, vùng đất của khu vui chơi giải trí Disney, các ban nhạc Pop nổi tiếng... Nay đây cũng là vùng đất của khoa học kỹ thuật mũi nhọn loài người như khu tin học hàng đầu thế giới Silicon Valley (người Việt đặt tên là Thung lũng Hoa vàng), các đại học hàng đầu nước Mỹ với nhiều giáo sư đoạt giải Nobel như Stanford, Berkeley, Viện Công nghệ California...

Vùng đất ấm áp và thu nạp mọi sắc dân châu Á này đã thực sự cuốn hút người Việt tha hương. 2/3 số người Việt ở Mỹ quy tụ sinh sống tại đó. Sang vùng California, tôi ngại gặp những người chống Việt Nam, phần lớn là người di tản và vượt biên sau 75. Chính quyền và các tổ chức Mỹ thù ghét Việt Nam vẫn còn yểm trợ cho nhiều nhóm phản động vũ trang về trong nước chống phá chính quyền cách mạng. Nói chung là không khí ở đây người ta không ưa Hà Nội, kể cả những người được cho phép đi đoàn tụ gia đình, diện nhân đạo HO.

Nhưng nước Mỹ quá rộng lớn không ai biết ai cả, nếu đừng nêu danh tính hoặc gặp người quen biết rõ mặt mũi, gốc gác mình. Họ có hàng lô lý do để chống đối hoặc không chấp nhận chế độ Cộng sản Việt Nam. Họ đã bỏ nước ra đi, tất cả không phải chỉ vì lý do kinh tế theo như báo chí trong nước. Ở bên này bờ Thái Bình Dương, những người Việt chống Cộng cũng không vừa, tìm mọi cách, mọi sơ hở của người Cộng sản Việt Nam để phản công lại, tố cáo có cái đúng cái trật.

Các tổ chức chống Cộng mọc lên như nấm, có đến hàng trăm, đều có cương lĩnh, kế hoạch rất ư là đao to búa lớn. Tuy vậy, không phải họ chỉ đánh võ mồm mà còn sử dụng cả bạo lực nữa. Nhất là sử dụng các hành động o ép dạng Mafia, vừa khủng bố trắng người Việt không cùng chính kiến vừa thu gom tiền bạc gọi là để ủng hộ mặt trận vũ trang chống Cộng với các người hùng kiểu Rambô Mỹ như Hoàng Cơ Minh, Võ Đại Tôn, Lý Tống...

Tôi chủ yếu đi thăm viếng lại các người quen cũ như giáo sư Ted Britton nay đã về hưu trong một trang trại trồng cây hồng ở Sacramento. Cách đây mấy năm tôi có gặp ông trong một đoàn tham quan Việt Nam. Về Mỹ ông kêu gọi bình thường hóa quan hệ và hợp tác với Việt Nam và bị nhiều nhóm chống Cộng Mỹ lẫn Việt viết thư hăm dọa đòi giết. Có một điều mâu thuẫn lớn ở Mỹ là nước từng công bố triệt để chống khủng bố bất cứ từ đâu tới và dưới hình thức nào, vậy mà chính họ dung dưỡng trên đất nước họ đủ loại tội phạm dám ra mặt công khai đe dọa tính mạng chính công dân Mỹ!

Giữa những người Việt chống Cộng với nhau ở Mỹ, họ cũng giết hại nhau. Hàng chục nhà báo đã bị ám hại vì dám bày tỏ chính kiến khác hoặc tố giác sự lạm dụng tiền bạc gom góp cho tổ chức chống Cộng. Có điều lạ lùng bọn tội phạm đó vẫn nhởn nhơ ngoài vòng pháp luật, nghe nói chúng thuộc các tổ chức vũ trang chống phá Việt Nam được sự bảo trợ của an ninh tình báo Mỹ.

Judy Coburn, cô bạn sinh viên trở thành nhà báo phản chiến trẻ tuổi năm xưa ở Sài Gòn, từng bị giữ trong vùng giải phóng rồi được thả ra, sau chiến tranh có qua lại Việt Nam mấy lần. Lúc đó người cô béo phì, nay trông thon thả do cương quyết ăn kiêng chỉ với rau quả. Cô vẫn hồn nhiên và yêu Việt Nam, nhưng nay đang tập trung vào các vấn đề xung đột cách mạng ở Trung

Mỹ căng thẳng hơn. Judy khuyến khích tôi viết hồi ký về giai đoạn mấy thập kỷ qua, cô sẽ giúp hoàn chỉnh phần tiếng Anh và tìm nhà xuất bản ở Mỹ.

Tôi cùng Judy lang thang vào Đại học Berkeley từng nổi tiếng với phong trào phản kháng của phong trào sinh viên, kể từ đầu những năm 60. Khởi đầu với phong trào phát biểu tự do Free Speech của chàng sinh viên Mario Savio, dẫn đến phong trào chống chiến tranh Việt Nam quyết liệt vào các năm 60-70. Tôi đi lại con đường Telegraph Ave, công viên đại học đã từng diễn ra các cuộc xuống đường rầm rộ chống đưa thanh niên quân dịch Mỹ xuống tàu sang Việt Nam chiến đấu.



Tại Đại học Berkeley nổi tiếng phản chiến nhất nước Mỹ, 1992

Vào khuôn viên đại học nay đông đặc sinh viên gốc châu Á. Thế mới hiểu vì sao lúc đó người ta đã cử một người gốc Hoa làm viện trưởng các đại học California công lập này. Sự thành đạt của sinh viên gốc châu Á thật ấn tượng đến nỗi báo chí Mỹ thường nói rằng tương lai nước Mỹ sẽ do người gốc châu Á lãnh đạo. Nay thì Berkeley an bình quá. Chúng tôi ngồi trong quán cà phê sinh viên vẫn vờ nhìn cảnh sinh hoạt của khu khuôn viên đại học. Một thế hệ mới đang lớn lên, vô tư lự, chiến tranh Việt Nam đối với họ đã thuộc về lịch sử.

Một buổi chiều vào cuối tháng 10 năm 1992 đó, tôi được tổ chức Chương trình nghiên cứu Hòa bình và Xung đột của Đại học Berkeley mời nói chuyện về "Tương lai chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam". Người tổ chức là một nữ tiến sĩ Chính trị học trẻ người Pháp Gisèle Bousquet đang hoạt động ở đại học. Rất đông sinh viên Việt và gốc châu Á đến nghe. Họ thuộc thế hệ mới chỉ muốn nhìn Việt Nam như một con hổ kinh tế đang vươn lên. Tôi chủ yếu trình bày tình hình khách quan sau đổi mới và triển vọng kinh tế Việt Nam giữa lòng một châu Á đang trỗi dậy. Cái khác nhau giữa nước ta và các nước là Việt Nam chủ trương phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong không khí đại học, tôi cảm thấy như những oán thù, dằn vặt của quá khứ có lẽ chỉ còn ở ngoài kia, trong các cộng đồng người Việt nhưng của thế hệ già nua như chúng tôi mà thôi!

Anh bạn John Spragens, chàng thanh niên tình nguyện IVS trở thành nhà báo phản chiến cho đến nay vẫn không lấy vợ, lang thang với nghiệp báo. Nay anh thực hiện trang web báo điện tử, còn khá mới mẻ vào đầu các năm 90. Anh cho tôi biết về tình hình xuống dốc của loại báo viết ở Mỹ, đưa tôi đi tham quan cơ sở một tờ báo, nhìn thấy quả thật người ta đang than vãn về sự kiện này. Nhiều phóng viên đang đổi nghề. Ngày nay mọi người chỉ còn rất ít thì giờ xem vội tin tức trên truyền hình. Báo hình đang thay thế báo viết.

Chúng tôi cũng ghé ngang Đại học Stanford ở thành phố Palo Alto, nơi tập thể sinh viên ASSU đã lên tiếng can thiệp cho tôi ra khỏi tù và quyên góp mời tôi sang giảng dạy vào năm 1974. 18 năm trôi qua, dĩ nhiên không ai còn biết tôi là ai, giáo sư lẫn sinh viên cũ không còn. Tôi nhìn thấy lại các sinh hoạt mang tính phản kháng chính trị của các nhóm sinh viên trẻ. Nào nhóm này thì chống chiến tranh hạt nhân, nhóm kia chuẩn bị biểu ngữ và truyền đơn xuống đường chống đường lối hiếu chiến của chính phủ Mỹ ở Trung Mỹ. Đặc biệt họ đang thảo luận sôi nổi về việc có nên phản kháng việc đại học cho phép lập viện nghiên cứu chiến lược toàn cầu của một cựu ngoại trưởng bảo thủ Mỹ trong khuôn viên nhà trường.

Tôi bay xuống Los Angeles, nằm ở phía nam bang California, trú ngụ tại nhà cô bạn June

Puccini từng là tình nguyện viên IVS phản chiến ở Việt Nam và bỏ về Mỹ hoạt động tích cực trong phong trào phản chiến. Nay chị kết hôn với một nhà sản xuất ăn nên làm ra. Họ đã du lịch sang Canada và ghé thăm gia đình tôi tại Montréal, nay đón tôi về ngôi nhà nghỉ dưỡng trên bờ biển Hermoza Beach, khu nhà của những triệu phú. Chị tập hợp các bạn Mỹ-Việt thân thiện với Việt Nam cho tôi gặp gỡ thảo luận. Ai cũng còn một lòng mong muốn yểm trợ nước ta về nhiều mặt. Nhà khoa học Mỹ tôi gặp say sưa nói về quạt gió sản xuất ra điện và mong chúng được xây dựng ở Việt Nam. Những tấm lòng vì Việt Nam còn nhiều nhưng cách đối xử không mấy thân thiện ở trong nước đã làm xa lánh không ít bạn bè.

Chị Lệ Lý bạn chị June không đến được vì đang bận đi tư vấn cho phim Trời và Đất đang tiến hành quay tại Thái Lan chưa về. Kịch bản phim lấy ra từ cuốn tự truyện của chị "Khi trời và đất đổi chỗ cho nhau". Trường hợp Lệ Lý trông giống như một nàng Kiều tân thời, từ một cô gái nông thôn trong vùng giải phóng chịu nhiều oan trái, lưu lạc vào tận Sài Gòn, ra Đà Nẵng thời chiến tranh, theo một ông chồng già sang tận nước Mỹ. Cuốn tự truyện của cô đã phát hành rộng rãi ở Mỹ, dịch ra nhiều thứ tiếng và nay được nhà đạo diễn cỡ lớn ở Mỹ, Oliver Stone (5), quay thành phim. Nhà đạo diễn nguyên là cựu binh Việt Nam lâu nay vẫn thắc mắc về thái độ của người nông dân Việt trong cuộc chiến, khi đọc câu chuyện của Lệ Lý anh mới vỡ lẽ ra. Nhưng khi viết kịch bản anh quá cường điệu về nhân vật cựu binh Mỹ, sau chiến tranh về Mỹ đã tự tử vì ám ảnh cảnh chém giết ở Việt Nam. Cuốn phim không được dư luận Mỹ hoan nghênh vào đầu những năm 90 vì đã chạm vào tâm lý một nước Mỹ đang mong muốn làm người hùng vô địch thế giới sau Chiến tranh Lạnh. Có lẽ họ không muốn nhắc lại quá khứ đau buồn và nhục nhã một thời ở Việt Nam.

Tôi chưa trực tiếp đối đầu với những người Việt chống Cộng quá khích ở nước ngoài vì tôi cố tình tránh mặt họ. Tại Canada, cứ đến gần ngày giải phóng 30/4, mà người Việt di tản gọi là ngày "mất nước", là báo chí của cộng đồng người Việt lại nêu tên tôi lẫn bí danh Hai Hòa ra chửi bới, cảnh cáo mọi người hãy đề cao cảnh giác tên nằm vùng, khủng bố quốc tế Việt cộng. Họ tố cáo đủ điều, nhất là cho rằng tôi đã rước Cộng sản vào Sài Gòn. Sinh hoạt nghệ thuật dân tộc của đoàn văn nghệ do con cái tôi tổ chức cũng bị theo dõi tố giác là thân Cộng. Nhưng hoài công vì người Canada và nhiều người Việt vẫn ủng hộ sinh hoạt của đoàn. Thực ra, cộng đồng người Việt ở đây không phức tạp và bạo động như ở Mỹ, chính quyền Canada cũng ghét bạo lực nên tôi cũng được yên thân.

Ồn ào nhất là vào đầu năm 1993 khi tôi đăng ký tham luận tại cuộc hội thảo tổ chức ở Đại học George Mason ở thủ đô Mỹ. Hội thảo mang tên "Thế hệ thập kỷ 60" nói nhiều đến tác động của chiến tranh Việt Nam lên lớp người trẻ Mỹ. Tôi gửi tham luận trình bày về tác động qua lại giữa hai phong trào chống chiến tranh ở Mỹ và Nam Việt Nam, với cái nhìn của một người trong phong trào ở Sài Gòn cũ. Khi tên tôi được nêu lên danh sách trình bày tham luận, người Việt chống Cộng làm rùm beng lên, thóa mạ tôi đủ điều. Họ kiến nghị chính quyền Mỹ cấm không cho một tên khủng bố quốc tế như tôi vào đất Mỹ vì họ vẫn tưởng tôi còn ở Việt Nam. Hàng chục đoàn thể người Việt chống Cộng tại Mỹ ký tên kiến nghị và đưa cả người lên sân bay để hành hung và đòi trục xuất tôi. Những người tổ chức hội thảo gồm các cựu chiến binh Mỹ công khai thách thức bọn người nào dám đến quấy phá cuộc hội thảo. Nhất là cuộc thảo luận lại diễn ra trong một khuôn viên đại học, trong một đất nước mà quyền tự do ngôn luận được hiến pháp tôn trọng. Tuy vậy cũng chẳng có chuyện gì xảy ra, ngoài vụ đánh võ mồm ồn ào một thời gian. Sự kiện này chỉ làm cho những người bà con, bạn bè quen biết tôi e ngại không dám để tôi đến nhà. Cho đến nay nhiều người quen vẫn không dám gặp tôi ở bên Mỹ!

Trong không khí tiến tới bang giao, nhiều phái đoàn Việt Nam được chính thức mời sang Bắc Mỹ nói chuyện cũng thường bị dàn chào với hàng chục biểu ngữ tố giác này nọ, nhưng nay họ không còn dám sử dụng bạo lực như mấy năm trước. Tôi đã sang thành phố New York dự một ngày làm việc với đoàn kinh tế Việt Nam sang cổ vũ các nhà đầu tư Mỹ và Việt kiều đến Việt Nam làm ăn. Cuộc thảo luận diễn ra trong hội trường lớn của Hội Nghiên cứu châu Á của Mỹ. Từ sáng sớm, bên ngoài cũng thấy xuất hiện một số người Việt đứng lố nhố với biểu ngữ mang nội dung tố cáo chế độ Cộng sản Việt Nam. Họ bị cảnh sát lừa dắt vào lề đường, người qua lại

thờ ơ chẳng ai buồn để ý. Chừng một giờ sau họ tự động giải tán. Có lẽ tôi đến Mỹ vào những năm mà bang giao Mỹ-Việt sắp triển khai, chính quyền thực dụng Mỹ không muốn việc làm ăn của họ bị phá đám, nên không còn hậu thuẫn cho những tổ chức chống Cộng làm cản nữa. Lúc trước nghe nói họ được quây phá công khai, có khi còn giết người nữa mà không thấy bị trừng trị. Gần tiến tới bang giao với Việt Nam là báo chí Mỹ đăng tải rùm beng vụ đưa ra tòa hàng loạt người cầm đầu nhóm giải phóng Việt Nam Hoàng Cơ Minh với lý do thu góp tiền bạc mà "trốn thuế". Biện pháp này phải chẳng nhằm dẫn dắt các tổ chức chống Cộng mang dạng mafia này, từ nay không thể làm cản được nữa.



Báo chống Cộng ở Bắc Mỹ lên án!

Người Việt mình không hiểu nổi tính thực dụng của các chính sách Mỹ, tất cả chỉ nhằm phục vụ lợi ích cụ thể trước mắt.

Người am hiểu vấn đề hơn thì nói rằng người Mỹ vì muốn trả thù Hà Nội sau chiến tranh, có thể kích động người Việt ra đi thì được, chứ họ đâu có dám kích động người Hoa ở Trung Quốc ra đi. Vì làm như thế thì họ phải tiếp nhận không phải vài chục vạn mà hàng chục triệu người Hoa tỵ nạn Cộng sản vào xứ họ. Đó là điều mà không một chính quyền nào của Mỹ dám nghĩ đến!

Sau Chiến tranh Lạnh, người Mỹ không muốn hao người tổn của kiều Việt Nam nữa mà tập trung vào những miếng mồi béo bở như vùng dầu lửa Trung Cận Đông, nguyên liệu Nam Mỹ... Chống khủng bố quốc tế là một cái cớ khác để đế quốc Mỹ tiếp tục khống chế Thế giới thứ ba nghèo khổ nhưng giàu tài nguyên chưa được khai thác.

18. Việt Nam nhìn lại

1990-1995: Hai thập kỷ sau ngày chấm dứt chiến cuộc, Việt Nam vẫn còn là một nỗi ám ảnh đối với nhiều người Mỹ. Niềm kiêu hãnh giả tạo mà các chính quyền Reagan-Bush dựng lên chỉ tạo ra thêm nhiều bi kịch Việt Nam khác khắp nơi trên thế giới. Cuộc tranh luận giữa bạn và thù' về Việt Nam vẫn chưa có hồi kết. Người ta vẫn thắc mắc về các câu hỏi mãi chưa có lời giải đáp thỏa đáng: "Vì sao chiến tranh Việt Nam đã xảy ra, nó có ý nghĩa gì, đó là chiến thắng hay là thảm kịch, nó làm lợi cho ai?". Đối với tôi, không những ta phải nhìn lại Mỹ mà còn cần nhìn lại cả Việt Nam nữa.

uốt những năm 80 thế kỷ trước, khắp thế giới bùng nổ lên một chiến dịch, không phải ủng hộ nước ta xây dựng lại sau chiến tranh mà là cả một cuộc vận động bôi nhọ Việt Nam như một chế độ hà khắc và bành trướng. Hàng ngày hình ảnh người Việt trốn chạy bằng tàu thuyền, bộ đội Việt Nam đánh nhau ở Campuchia xuất hiện trên truyền hình, báo chí. Tại phương Tây cũng nổ rộ lên nhiều luận điểm trái ngược nhau về ý nghĩa cuộc chiến tranh của người Mỹ vừa qua ở Việt Nam cũng như chuyển biến tình hình Việt Nam dưới chính quyền Cộng sản sau chiến tranh.

Phe Cộng hòa cầm quyền ở Mỹ đã cố tình làm bùng lên niềm hãnh diện giả tạo về chiến tranh Việt Nam. Đến Bắc Mỹ, tôi nhìn thấy người ta thóa mạ Hà Nội đủ điều và đưa lên màn ảnh những người hùng kiểu Rambo xưng tụng chiến binh Mỹ. Tổng thống cao bồi Reagan vẫn không ngưng mồm khi cho rằng người Mỹ đã chiến đấu ở Việt Nam là phục vụ mục tiêu cao cả của Mỹ.

Tuy vậy, sách báo viết lách nghiêm túc, tài liệu mới được công bố về cuộc chiến Việt Nam vẫn không ngừng xác định điều ngược lại. Theo các nhận định đúng đắn này thì Việt Nam là một thảm kịch đối với Mỹ, về mọi mặt từ đạo đức, chính trị, kinh tế lẫn quân sự. Lý do chính yếu người Mỹ đưa ra để tiến hành cuộc chiến là nhằm ngăn chặn sự bành trướng của Cộng sản Trung Hoa là không thật. Nó trở nên lỗi bịch khi tổng thống Nixon bắt tay với Chủ tịch Mao Trạch Đông Người Mỹ trung thực vẫn

minh định rằng: "Người Việt Nam đã kháng cự lại sự can thiệp của ngoại bang một cách thần kỳ và anh dũng ít nhìn thấy trong biên niên sử thế giới".

Đó là nhận định của Tom Hayden, người Mỹ tôi muốn gặp nhất khi đến California. Anh là người sinh viên trong những năm 60 đã sáng lập ra tổ chức Sinh viên vì một Xã hội Dân chủ (SDS), phát xuất từ Đại học Ann Arbor, vùng Michigan, sau lan rộng trở thành nòng cốt cho phong trào phản chiến và tổ chức đấu tranh chính trị của lớp trí thức trẻ Mỹ toàn liên bang, đã phá chính quyền tư sản công nghiệp-quân sự cấu kết nhau, không những bằng hành động mà cả về mặt lý luận. Vào những năm 80, anh là thượng nghị sĩ của thượng viện bang California và chồng của nữ tài tử điện ảnh nổi tiếng Jane Fonda. Cô đã từng đến Hà Nội dưới mưa bom Mỹ hát vang bài Dậy mà đi! của phong trào sinh viên đấu tranh Sài Gòn. Tôi không gặp được Tom Hayden vì anh bận công tác xa. Tuy vậy, tôi đã đọc cuốn hồi ký rất sinh động của anh và tâm đắc nhất chương cuối: "Nhìn lại Việt Nam". (1)

Trong chiến tranh, ngay từ đầu, anh đã đứng hẳn về phía người cách mạng Việt Nam, đến thủ đô Hà Nội giữa bom đạn nói lên lập trường chống chính quyền Mỹ. Anh và bạn bè đấu tranh trong tổ chức SDS xem Việt Nam là biểu tượng của kẻ yếu không phải bao giờ cũng thua thiệt và thất bại trong lịch sử loài người, mà chúng tỏ được rằng một dân tộc nhỏ bé và nghèo khó cũng có thể đánh bại được một đế quốc sừng sỏ nhất thế giới.



*Tom Hayden, lãnh tụ sinh viên phản chiến Mỹ
những năm 1960*

Hayden cho rằng tấm gương chiến đấu của Việt Nam rất quan trọng đối với thế hệ trẻ Mỹ, vì nó tiêu biểu cho sự nổi dậy chống lại xã hội công nghiệp máy móc, chỉ biết tính toán lời lỗ, hơn thiệt, đang điều kiện hóa toàn bộ đời sống xã hội Mỹ. Việt Nam là hiện thân của sự thắng lợi rất lãng mạn đối với cái xã hội điều khiển bởi các thiên tài thống kê học kiểu McNamara (Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ suốt thời chiến tranh Việt Nam), không đếm kể gì đến các khía cạnh nhân bản về yếu tố con người và những cái gì không được hoạch định trước.

Sau chiến tranh, Mỹ vẫn tiếp tục âm mưu làm đổ máu và bủa vây Việt Nam. Nhưng phải chăng, cô lập và đe dọa Hà Nội chỉ làm cho giới lãnh đạo ở đó cứng rắn hơn và đẩy họ về phía Liên Xô. Mỹ đã sử dụng những biện pháp trả đũa vì bị mất mặt, thậm chí hơn là thi hành một chính sách tương xứng với một cường quốc thế giới. Dầu sao Việt Nam vẫn là một nước nghèo khó, lại bị chấn thương nhiều nhất trên địa cầu, và những kẻ từng cố tình hủy diệt nó là Mỹ phải có nghĩa vụ giúp đỡ xây dựng lại. Theo anh, thời gian sẽ có tác dụng làm lành vết thương chiến tranh, và với sự quan tâm và giúp đỡ của thế giới, những con người tài năng như người Việt Nam có thể nhanh chóng xây dựng được một xã hội tốt đẹp và cởi mở hơn.

Quan niệm đó cũng được nhiều cựu binh chiến tranh Việt Nam ở Mỹ chia sẻ. Tôi đã gặp người thương binh phản chiến Ron Kovic không phải ở khu tượng đài chiến tranh Việt Nam ở Washington mà ở Los Angeles trên chiếc xe lăn. Anh là tác giả cuốn tự truyện nổi tiếng Sinh ngày bốn tháng bảy, sau này tài tử đẹp trai Mỹ Tom Cruise thủ vai anh trong cuốn phim truyện. Anh nguyên là lính thủy quân lục chiến Mỹ bị thương nặng tại vùng giới tuyến Quảng Trị, chỉ còn lại nửa thân thể. Anh đã thức tỉnh nhìn thấy cái phi nghĩa của cuộc chiến. Khi quay về Mỹ, anh hoạt động tích cực trong phong trào cựu binh phản chiến, xuống đường biểu tình ném trả huy chương chiến công vào Nhà Trắng. Anh và bạn bè vẫn nghĩ Mỹ là một đế quốc tồi tệ nhất thời hiện đại do một tập đoàn tài phiệt-quân sự thống trị. Anh cùng đồng đội tiếp tục cuộc đấu tranh cho quyền lợi của cựu binh chiến tranh Việt Nam, nhất là những nạn nhân của chất độc da cam. Anh cho biết cuộc đấu tranh đòi bồi thường cho nạn nhân Mỹ đã thắng lợi bước đầu và nói rằng các anh sẽ ủng hộ tích cực cuộc đấu tranh đòi bồi thường của nạn nhân người Việt. Anh cho rằng đây rõ ràng là một tội ác đối với loài người và các công ty chế biến chất độc lẫn giới chức chính quyền Mỹ ra lệnh sử dụng đáng ra phải bị trừng trị như tội phạm chiến tranh. Đối với Kovic và hơn hai triệu rưỡi người Mỹ đã từng tham chiến, vết thương chiến tranh Việt Nam vẫn chưa lành trong lòng họ.

Vào đầu những năm 90 khi Việt Nam đã mở cửa, tôi có dịp gặp lại ở Paris anh bạn nhà báo-giáo viên người Pháp Joel Luguern, người mà có lẽ tôi đã từng gặp khi trước ở Sài Gòn rồi. Anh thuộc nhóm bạn bè từng tham gia vào việc chuẩn bị cho hai người Pháp Débris và Menras cả gan dựng ngọn cờ Mặt trận giữa lòng Sài Gòn, sự kiện một thời làm xôn xao dư luận quốc tế vào đầu những năm 70. Sau chiến tranh, anh kiên trì giúp đỡ Việt Nam trong hỗ trợ nhân đạo. Qua các bài viết của anh sau này, tôi nghĩ rằng anh đã có một cái nhìn chân tình và khá chính xác về Việt Nam, diễn biến qua từng thời kỳ ở nước ngoài, đặc biệt ở nước Pháp. (2)



*Tác giả với cựu binh phản chiến Mỹ Ron Kovac,
Los Angeles, 1992*

- Anh là người Pháp có thể am hiểu sâu sắc về Việt Nam do có nhiều người thân trong gia đình công tác và sinh sống ở Đông Dương, bản thân anh cũng đã từng hoạt động và cả đấu tranh cho Việt Nam, lấy vợ người Việt Nam. Theo tôi biết thì hình như từ lâu, nước Pháp vẫn tự tôn cho mình từng là mẫu quốc của Việt Nam, vậy theo anh kể từ lúc nào người Pháp mới bắt đầu nhìn lại Việt Nam dưới cặp mắt khác?

- Chính cuộc chiến tranh Đông Dương vào các năm sau Thế chiến II, nhất là Điện Biên Phủ đã làm thay đổi cơ bản nào trạng của đa số người Pháp. Tuy vậy cũng phải đợi đến khi người Mỹ can thiệp vũ trang vào vùng đất mà họ đã từng chuốc thất bại chua cay, thì người Pháp mới thực sự nhìn thấy xuất hiện một nước Việt Nam mới.

- Anh đã lớn lên ở nước Pháp và sau đó công tác ở Việt Nam suốt thời gian chiến tranh, vậy anh đã nhìn thấy ở phương Tây và đặc biệt là ở Pháp, người ta đã nhìn Việt Nam vào giai đoạn chống Mỹ ra sao?

- Vào những năm 60, trong con mắt của thế giới, Việt Nam xuất hiện như một cậu bé David hiền lành phải đơn thương độc mã đương đầu với tên khổng lồ Goliath mang hình thù đế quốc Mỹ, giống như câu chuyện thần kỳ ghi lại trong kinh Cựu ước Thiên Chúa giáo. Những hình ảnh kiểu này đập vào mắt chúng tôi: Người nữ du kích tuy mảnh mai nhưng ngoan cường, với khẩu súng cũ kỹ đã khuất phục một phi công Mỹ cao lớn; tên sĩ quan cảnh sát Sài Gòn chĩa nòng súng bắn vào đầu người Việt cộng tay bị trói chặt giữa đường phố; em bé gái lỏa lồ bị bom napan đốt cháy thịt da, thoát chạy kinh hoàng, dầm dìa nước mắt, bỏ lại đằng sau xóm làng bốc cháy... Việt Nam lúc đó bước vào thế giới như một huyền thoại, anh hùng, can trường nhưng đau khổ và thiếu thốn. Khắp thế giới người ta hô vang khẩu hiệu của Che Guevara, ước mơ tạo ra "Một, hai, và nhiều Việt Nam nữa"! Phong trào đoàn kết với Việt Nam, với Mặt trận Dân tộc Giải phóng chưa bao giờ lên đến đỉnh cao như vậy. Chính hệ thống truyền thông, truyền hình mới phát triển đã quảng bá các hình ảnh này ra khắp nơi và Việt Nam chiếm trọn cảm tình của nhân dân thế giới. Một mối cảm tình có lẽ các bạn sẽ không bao giờ tìm lại được...



Nói chuyện với bạn bè ở Ý, Pháp

Những gì người bạn Pháp cho biết về giai đoạn sau giải phóng trùng hợp với câu chuyện của nhiều người bạn nước ngoài khác. Sang nước Ý năm 1990, tôi không gặp được Tiziano Terzani, nhà báo Ý viết cho tờ báo lớn của Đức Der Spiegel, từng nổi tiếng với cuốn sách "Giải phóng: Sụp đổ và Giải phóng Sài Gòn" dịch ra nhiều thứ tiếng vào năm 1976. Trong sách có dành nhiều trang viết về hoạt động và đưa hình ảnh của tôi. (3)

Về sau này, người bạn Pháp Joel Luguern đó đã qua lại Việt Nam nhiều lần, vẫn tiếp tục chương trình trợ giúp nhân đạo cho nhân dân ta, trong chương trình thiện nguyện do chính phu nhân

tổng thống Pháp Mitterand chủ trì. Anh lại có cơ hội quan sát đất nước ta vào buổi giao thời chuyển sang làm ăn theo kiểu kinh tế thị trường vào đầu thập kỷ 90, nhìn thấy những cái được lẫn cái mất. Chúng tôi lại tiếp tục cuộc bàn luận:

- Vậy thì anh cảm nhận như thế nào về chính sách Đổi Mới ở Việt Nam kể từ năm 1986, anh đã nhìn thấy ở phương Tây người ta đã nhìn lại và đánh giá Việt Nam ra sao?

- Vào năm 1986, Đại hội Đảng Cộng sản đã chủ trương phải đổi mới. Nhưng phải đợi đến đầu những năm 90 người ta mới cảm nhận được chuyển biến này, chủ yếu về mặt kinh tế. Số người tỵ nạn giảm hẳn đi, trừ những người chọn hướng Hongkong, nhưng rõ ràng thì họ ra đi phần nhiều vì lý do kinh tế. Nay người dân đã có quyền tự do đi lại, báo chí... Đối với nhân dân trong nước, những thay đổi kiểu này không phải là nhỏ. Nay thì giới truyền thông thế giới lại nhanh chóng đổi hướng. Người ta bắt đầu ca ngợi Việt Nam như một thiên đường của đầu tư và du lịch. Từ những năm đầu 90, Việt Nam không còn là một quái vật bị tẩy chay nữa mà trái lại xuất hiện như là một xứ sở mà người ta đua nhau viếng thăm.

- Riêng ở Pháp, chắc dư luận về Việt Nam nay đã đổi khác, theo như anh nói là đã quay ngoắt 180 độ. Vì sao và với mục đích gì?

- Tại Pháp, ba cuốn phim lớn quay tại Việt Nam đã xuất hiện vào năm 1992, đó là Đông Dương, Điện Biên Phủ và Phía Nam xa xôi. Cuốn phim như Đông Dương với những tài tử gạo cội như Cathérine Deneuve, Jean Lopez với bối cảnh Hạ Long tuyệt vời phải nhìn nhận là đã thực sự kích thích du lịch Việt Nam. Đi đâu cũng nghe người ta kháo nhau về chuyện du lịch Việt Nam. Một loại hoài niệm, một cái mới mới và cả sự lợi dụng. Thực tế là người ta đang ủa vào Việt Nam. Các nhà chính trị, từ thiện, tôn giáo cũng nhảy vào Việt Nam.

- Đọc qua các bài viết mới đây về Việt Nam của anh, tôi nhận thấy anh có vẻ không mấy lạc quan về giai đoạn đầu đổi mới và mở cửa ở Việt Nam. Anh đã nhận thấy Việt Nam đang gặp những vấn đề lớn nào khi chuyển sang kinh tế thị trường?

- Đúng vậy. Ngày nay Việt Nam đang trở thành một món hàng thời thượng, một cái mới, một chân trời mới của các hãng du lịch, việc này cũng là lẽ thường tình vì Việt Nam là đất nước được mở cửa ra sau trong vùng châu Á.

19. Đường về xa xôi

1995-2003: Việt Nam đang lật qua một trang sử khác khi chuyển hướng theo con đường phát triển chung của thế giới. Quay trở lại đất nước, tôi chứng kiến các đổi thay to lớn, nhìn thấy xuất hiện nhiều niềm hy vọng mới cho một Việt Nam ở ngưỡng cửa cất cánh phát triển kinh tế trong bối cảnh một Đông Nam Á đang vươn lên. Tôi đã thực hiện một cuộc hành trình dài gần mười năm, quay về châu Á và Việt Nam, đóng góp phần mình vào tiến trình xây dựng lại một đất nước Việt Nam giàu mạnh, đặc biệt tập trung vào việc đào tạo giới trẻ.

Một sự tình cờ làm tôi quan hệ được với Trần Triệu Quân đang mở một công ty tư vấn kỹ thuật làm ăn với Việt Nam. Quân là em trai của người bạn tôi, Trần Triệu Luật, đã hy sinh trong chiến khu sau tết Mậu Thân và có gia đình vượt biên chết hết trên biển. Quân khi trước đi du học tự túc Canada ngành xây dựng. Ban đầu Quân rất thù hận Cộng sản, nhưng quay lại Việt Nam cũng do một sự tình cờ. Hiện anh đã lên cấp võ sư 7 đẳng và chủ tịch liên đoàn Taekwondo Canada, cũng là học trò ruột của ông tổ môn võ này là một viên tướng cũ của Hàn Quốc đang sinh sống ở Canada. Quân được Liên đoàn Taekwondo quốc tế cử về Việt Nam đánh giá khả năng Việt Nam gia nhập trở lại tổ chức võ thuật quốc tế này. Sau đó anh nghỉ việc ở Sở công chánh để mở một văn phòng tư vấn kỹ thuật làm ăn với Việt Nam.

Quân mời tôi về cộng tác ở văn phòng chính đặt tại thành phố Québec nằm ở phía Bắc Montréal không xa. Anh có mở một văn phòng đại diện tại Tp. Hồ Chí Minh và tư vấn, môi giới dịch vụ kỹ thuật giữa Bắc Mỹ và Việt Nam. Anh tìm được nguồn tài trợ của chính phủ Canada để thúc đẩy hợp tác thương mại-kỹ thuật giữa hai bên. Chúng tôi đang tiến hành nhiều dạng hợp tác như vận động đưa các công ty xây dựng lớn của Mỹ thời chiến tranh như RMK, Pacific trở lại Việt Nam, lập tổ chức kiểm tra chất lượng công trình xây dựng nước ngoài thực hiện ở trong nước...

Không may, Quân dính dáng vào một vụ làm trung gian buôn bán lừa đảo của một công ty Mỹ vào Việt Nam làm ăn nên bị phía ta bắt và lĩnh án tù chung thân, sau hạ xuống còn 20 năm, nhốt ở khám Chí Hòa. Năm 1997, Quân được trả tự do về Canada.

Vào năm 94, tôi tìm một con đường khác hợp tác với trong nước khi nhận làm tư vấn tuyển sinh cho một trường cao đẳng ở thành phố Toronto hướng về các nước Đông Nam Á. Người Việt Nam bắt đầu cho con cái du học, thường muốn đi Mỹ nhưng bang giao chưa tái lập và điều kiện ăn ở cũng phức tạp nên họ tạm thời đưa sang Canada. Ở Toronto tôi cũng có dịp quan hệ với nhiều công ty thiết kế kiến trúc và trang trí nội thất lớn mong muốn làm ăn với châu Á và Việt Nam. Lạ lùng thay, vào giai đoạn này giới truyền thông lẫn các chính khách phương Tây quay ngoắt 180 độ nói toàn các điều tốt lành và cơ hội làm ăn sinh lợi ở Việt Nam. Không còn nghe ai nhắc tới con ngáo ộp Cộng sản nữa! Tôi nghĩ tuy sớm nhưng cũng nên thăm dò khả năng hợp tác giữa hai bên qua các mối quen biết của mình ở trong nước.



*Đoàn văn nghệ Lạc Việt do con gái tôi
và bạn bè lập ra ở Canada*

Ngày ra đi vào năm 1990, tôi cứ nghĩ ít nhất cũng chín mươi năm sau mới có dịp quay về đất nước. Vậy mà vào năm 1995 lại hội tụ bao yếu tố thúc đẩy tôi quay về. Vợ chồng tôi thở phào nhẹ nhõm nhìn thấy con cái đã có thể tự mình bay nhảy. Con trai ra trường ngành kiến trúc nội thất đang thực tập và ước mong thực hiện công trình trong nước. Con gái cũng tốt nghiệp ngành âm nhạc và đang thích thú theo học một chương trình kinh doanh hướng về châu Á, được yểm trợ một phần chi phí về thực tập ở Việt Nam. Bản thân tôi ở đây cũng không có việc

làm gì ổn định lâu dài, tuổi cũng đã cao, không lẽ cứ ngửa tay xin tiền trợ cấp xã hội kể cũng nhục nhả lắm.

Người em vợ tôi Trần Hưng Đoàn (1) viết thư nói anh chị đã lớn tuổi nên về lại trong nước cũng có cách sinh sống, có thể trú ngụ tạm thời tại nhà các em khá rộng rãi và tiện nghi. Đoàn cũng cho biết anh em ra ngoài cũng có thể hợp tác nhau làm ăn được theo hướng kinh tế thị trường, mở cửa mới.

Bạn Đoàn là Huỳnh Kim Báu (2) đang mở một công ty tư nhân chuyên về xây dựng và trang trí nội thất cũng yêu cầu tôi về hợp tác, mua sẵn cả vé máy bay. Ra đi tôi không có tài sản gì, ngày về cũng nhẹ gánh, chỉ tiếc rẻ một số tài liệu nghiên cứu tích lũy mấy năm nay, nặng quá đành phải gửi lại. Suốt cuộc đời tôi như viên đá mãi lăn, vẫn chưa an cư lạc nghiệp, đành tự an ủi với câu nói nào đó của người xưa: "Hòn đá lăn thì không bị đóng rêu!". Hy vọng bản thân mình nhờ vậy mà không mãi yên phận, xơ cứng kiểu ếch ngồi đáy giếng.

Bay về qua ngả Mỹ, quá cảnh trực OHara ở Chicago, một sân bay quy mô quá vĩ đại, rộng cả nghìn hecta với hàng chục cổng đến và đi cho riêng từng hãng máy bay lớn, phải nối kết với nhau bằng một hệ thống tàu điện nổi hiện đại nhất. Tại đây ta mới nhìn thấy hết sức mạnh nền hàng không dân dụng Mỹ đang chiếm lĩnh bầu trời thế giới. Tôi đi hãng máy bay Nhật nên bay ngang Alaska và Bắc Cực, nhìn xuống thấy chón chỏ núi băng giá trắng toát, mênh mông Thái Bình Dương xanh biếc. Quá cảnh sân bay Nhật Bản Narita và cả một đêm ở Singapore. Đảo quốc không lớn hơn Sài Gòn này phát triển vào bậc nhất châu Á, với sân bay Shanghi hiện đại, nhà cửa, hệ thống đường sá ngăn nắp, trật tự và nhất là giàu có. Người cha đẻ Singapore mới, Thủ tướng Lý Quang Diệu quả thực tài giỏi khi biến một thành phố cảng thuộc địa trở thành một trung tâm thương mại-dịch vụ tầm cỡ thế giới.

Đối với tôi, Sài Gòn vào năm 1995 vẫn chưa thay đổi gì lớn. Sân bay Tân Sơn Nhất vẫn nhếch nhác. Chỉ có bảng quảng cáo hàng hóa lẫn dần khẩu hiệu chính trị và sinh hoạt thương mại của thành phố gần như hồi phục như cũ. Phải chăng có quá nhiều chữ nghĩa quảng cáo trên đường phố, làm hoa cả mắt!

Huỳnh Kim Báu có sáng kiến tổ chức một buổi gặp gỡ anh em phong trào cũ với vợ chồng tôi sau mấy năm xa cách. Báu cố tình giới thiệu tôi với Liên Khui Thìn (3), một người quen cũ ở Thành Đoàn nay đang là một trong những nhân vật kinh doanh có hạng của Tp. Hồ Chí Minh. Công ty trách nhiệm hữu hạn Epco của Thìn tuy mang danh nghĩa là công ty kinh tế Đảng quận 3, thực tế nằm trong một tay xoay xở của Thìn.



Bộ mặt mới của Sài Gòn-Tp. Hồ Chí Minh

Epco nguyên là một công ty xuất nhập khẩu hải sản làm ăn cò con, nay đang liên doanh với công ty Minh Phụng tiến lên chiếm lĩnh thị trường nhà đất thành phố cùng nhiều nơi khác trên cả nước. Thìn đề nghị tôi về giúp anh vực dậy mảng xây dựng của Epco. Nguồn tài chính cũng như quỹ đất thì Epco không thiếu, nay phải làm sao bung ra hợp tác làm ăn lớn với nước ngoài về lĩnh vực bất động sản quy mô quốc tế. Tôi trở thành cố vấn về kiến trúc-xây dựng cho Thìn, trong khi công ty của Báu cũng hợp tác với Epco về mảng xây dựng và trang trí công trình.

Theo tôi nghĩ, cách làm ăn của Epco cũng giống hệt như hầu hết các đồng nghiệp ở Đông Nam Á, một khi lĩnh vực bất động sản đang thu lợi lớn. Nếu ở nước ngoài người ta trực tiếp vay vốn quốc tế thì Epco nhờ sự bảo lãnh của ngân hàng ngoại thương Việt Nam có thể mua hàng trả chậm. Bán hàng ra là có ngay nguồn vốn xoay sở, tập trung vào ngành kinh doanh nhà đất. Epco và Minh Phụng tung vốn ra mua đất xây nhà, tiến lên cạnh tranh với cả công ty nhà nước để hợp tác ngang ngửa với nước ngoài. Công việc làm ăn của Epco theo hướng đó chắc chắn sẽ phát đạt lớn nếu không xảy ra cuộc khủng hoảng kinh tế-tài chính Đông Nam Á vào năm 97. Riêng ngành bất động sản phá sản nhanh nhất do nợ nước ngoài quá nhiều cũng như đầu tư nước ngoài bỗng dưng khựng lại. Epco còn có nguy cơ suy sụp lớn hơn khi bộ máy điều hành nội bộ kém và thất thoát nhiều.

Riêng tôi phát hiện ra không ít trường hợp cấu kết nhau đục khoét trong lĩnh vực xây dựng, nhà đất, do chính những người trong ban điều hành cấp cao thực hiện. Bút dây động rừng, tôi lại gây thêm nhiều kẻ thù mới. Hậu quả là họ tìm kiếm tung tích chính trị của tôi và cho người nói xa nói gần với Thìn: "Ông biết Nguyễn Hữu Thái là ai không mà dám sử dụng?". Họ còn đe dọa không gia hạn visa cho tôi ở lại Việt Nam. Phải nghỉ việc ở Epco thôi. Trong lúc Thìn đang bận bịu đối phó với chuyện làm ăn, tôi không nên làm anh ta bận tâm thêm về lý lịch của tôi nữa.

Một mặt Báu giới thiệu tôi làm tư vấn xây dựng cho một công ty kinh doanh xe hơi Nhật của người bạn Việt kiều, mặt khác thăm dò khả năng làm sạch lý lịch tôi qua bạn bè quen biết trong guồng máy chính quyền. Rõ ràng là các sự can thiệp này không có kết quả vì mọi người nếu rất nhiệt tình lúc đầu thì sau đó lại im lặng thật khó hiểu. Chỉ duy nhất có một người bạn ở tù chung lúc trước là anh Huỳnh Hữu Nụ can đảm đứng ra bảo lãnh cho tôi với một vị tướng công an về hưu có uy tín, họ mới tác động tạm để cho tôi yên. Công ty của Báu cũng tiến hành làm giấy phép lao động ở Việt Nam cho tôi yên tâm công tác.



Gia đình Nguyễn Hữu Thái tụ họp ở Tp. Hồ Chí Minh, Tết 1995



Gặp lại Hoi thượng Trí Quang, 2003

Qua quá trình trở về công tác mấy năm đầu, nhận thấy mình không thích hợp với việc làm ăn kinh doanh. Rốt cuộc tốt nhất là tôi nên rút về lĩnh vực chuyên môn khoa học kỹ thuật, đặc biệt đào sâu nghiên cứu mảng kiến trúc và đô thị để viết sách và giảng dạy. Vốn sống và kinh nghiệm làm việc ở phương Tây có thể giúp tôi truyền đạt lại cho người trong nước, trước nhất là cho lớp trẻ đang háo hức tiến lên phía trước. Ít ra thế hệ mới này không bị ràng buộc quá nhiều vào quá khứ, hoặc mang nặng mặc cảm và thành kiến như thế hệ chúng tôi. Và họ đang thực sự cần lớp đàn anh hiểu biết soi sáng con đường cho họ đi. Tôi nghĩ bản thân mình ở vị thế có thể giúp được việc này cho thế hệ trẻ. Vì vậy tôi bắt đầu mạnh dạn viết báo, chuẩn bị ra mấy cuốn sách, nhận giảng dạy đại học, xuất hiện trên truyền hình, tham gia nghiên cứu một số đề tài kiến trúc-đô thị và dự các hội nghị khoa học... Tôi nghĩ là mình cũng không cần phải chạy đầu này đầu kia để biện hộ, giải bày oan khiên mà nên chứng minh ý hướng phục vụ đất nước bằng việc làm cụ thể.

Năm 1998, Tp. Hồ Chí Minh kỷ niệm 300 năm ngày thành lập, tôi ra quân có bài viết trên hầu

hết các báo Xuân, kể cả báo Nhân Dân ở trung ương, nói về sự hình thành và phát triển của kiến trúc-đô thị Gia Định-Sài Gòn-Tp. Hồ Chí Minh. Năm 1998, tôi cũng ra Hà Nội dự hội nghị Việt Nam học quốc tế lần đầu tiên tổ chức ở nước ta với bản tham luận "Sài Gòn thành phố ngã ba đường". Về thành phố, tôi nhìn thấy bài khảo cứu khá công phu về kiến trúc Sài Gòn-Tp. Hồ Chí Minh nằm trong tập địa chí thành phố do các ông Trần Văn Giàu và Trần Bạch Đằng đứng chủ biên. Tôi cũng được chính thức mời dự và đọc tham luận tại hội thảo về sự hình thành Sài Gòn-Tp. Hồ Chí Minh.



Với người lãnh đạo Nam Bộ Kháng chiến
Trần Văn Giàu



Gặp nguyên bí thư Sài Gòn-Gia Định Trần Bạch Đằng



Với người thiết kế Dinh Độc Lập kiến trúc sư nổi tiếng
Ngô Viết Thụ, 2000

Bài này tôi viết có tham khảo ý kiến của kiến trúc sư Ngô Viết Thụ (4). Ông Thụ tuổi hơn tôi một giáp, là người Việt Nam duy nhất đoạt giải kiến trúc khôi nguyên La Mã' của Pháp và các công trình kiến trúc của ông vào những năm 60 đã để lại một dấu ấn lớn trong nền kiến trúc hiện đại ở phía Nam. Ông cũng là một trường hợp lạ lùng, nhất định không đi nước ngoài sau ngày giải phóng tuy ông thừa khả năng đó. Vào những năm cuối đời ông thường tâm sự với tôi rằng mình không thể nào từ bỏ quê hương và đã từng biết đời sống ở ngoài sẽ rất buồn bã như thế nào với tuổi già. May mắn là thành phố còn có những lãnh đạo Cộng sản hiểu biết như Võ Văn Kiệt đã sớm đưa ông ra khỏi trại cải tạo và đối xử có nghĩa có tình. Để đáp lại, ông cũng đã đem hiểu biết của mình phục vụ khá tốt.

Trong những năm này tôi thường gặp lại hai người bạn đều trong ngành âm nhạc, một cùng trang lứa tôi là Trịnh Công Sơn và người kia vào lớp cha chú, lớn tuổi hơn nhiều là Trần Văn Khê (5). Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn là người bạn học cùng lớp trung học ở Huế vẫn quyết tâm ở lại đất nước sau 75, tuy bị đổ kị không ít suốt từ Huế tới Sài Gòn. Nhưng rõ ràng là tài năng lẫn lòng yêu nước của anh đã được xác định. Tôi nhớ mãi sau ngày giải phóng, loạt ca khúc chính trị của anh dần tích cực cách mấy cũng bị phê phán nghiêm ngặt, cuối cùng người ta mới hiểu ra. Con trai và con gái tôi ở Canada về nước lại thân thiết với anh hơn tôi vì cùng chơi nhạc với anh. Lần cuối gặp gỡ Sơn cùng giáo sư Trần Văn Khê, họ đều nhiều bệnh và mãi tâm sự nói với nhau về căn bệnh chung là tiểu đường. Sơn đã gầy yếu quá và chỉ mấy năm sau là anh vĩnh viễn ra đi, để lại một gia tài âm nhạc thật to lớn. Không ai ngờ người bạn bình thường ngày nào đó là một tài năng văn nghệ mà có lẽ hàng mấy mươi năm cả nước mới có được một người.

Trần Văn Khê lại là một tài năng kiểu khác. Với vị thế thành viên Hội đồng Âm nhạc quốc tế ở UNESCO, ông có công to lớn nhất là đã đưa được hình ảnh Việt Nam ra với thế giới, không như một dân tộc hiếu chiến như kẻ thù nghịch thường gán ghép mà là một dân tộc có văn hóa, lịch sử lâu đời. Chỉ qua những làn điệu dân gian, những nhạc cụ truyền thống bị chính người trong nước lãng quên, ông đã đưa nền âm nhạc nước nhà lên tầm vóc quốc tế. Giới trẻ như con gái tôi

học nhạc ở phương Tây và nghiên cứu dân nhạc Việt đã được giáo sư hướng dẫn từ cơ bản, nắm bắt được cái gốc và so sánh với các nền âm nhạc khác. Ít có người thầy nào uyên bác mà lại tận tình đến như vậy. Ông thường tụ tập lớp trẻ Việt trong nhà tôi ở Canada dẫn dắt chúng về cội nguồn dân tộc lúc nào không hay chỉ bằng lời ca tiếng đàn và các câu chuyện hào hùng. Những thành viên trong gia đình tôi thường gặp ông khi thì ở Montréal, Paris, Hà Nội, Huế hay Tp. Hồ Chí Minh. Tôi hỏi ý kiến về nghiên cứu kiến trúc, ông khuyên tôi là người có cơ hội đi lại nhiều thì nên tập trung thực hiện một cuộc nghiên cứu so sánh giữa các nền kiến trúc các nước Đông Nam Á.



Với những người quen thân cũ ở Tp. Hồ Chí Minh: GS
Trần Văn Khê và nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, 1998

Năm 2000 đến với bản thân tôi như một bước ngoặt mới. Không phải do sự kiện loài người bước sang thiên niên kỷ khác nhưng do việc tôi được bạn bè đồng đội xác nhận quá trình chiến đấu cũ. Phải 25 năm sau ngày giải phóng miền Nam, người ta mới có dịp bình tĩnh nhận định lại một cách đúng đắn những sự kiện và con người đã tham gia làm nên ngày lịch sử ấy. Nhiều cơ quan báo đài trung ương và Tp. Hồ Chí Minh đã ghi nhận sự đóng góp cụ thể của tôi trong những năm tháng hoạt động cách mạng giữa lòng địch, đặc biệt vào ngày lịch sử 30 tháng 4 năm 1975.

Phát xuất từ ý kiến của ông Sáu Ngọc (Nguyễn Thanh Vân) (6), nguyên lãnh đạo ban An ninh T4 vùng Sài Gòn-Gia Định thời Giải phóng mong muốn giải oan cho hàng chục anh em cơ sở cũ gài trong lòng địch, lâu nay cứ bị quy là không rõ ràng về lý lịch, thậm chí còn bị nghi ngờ cộng tác với địch, người của CIA Mỹ.

Báo Thanh Niên phỏng vấn và dành nguyên một trang số báo kỷ niệm 25 năm giải phóng Sài Gòn nói về vai trò của tôi trong ngày 30/4/1975, gồm cả quá trình hoạt động cách mạng trước đó của tôi. Các sự kiện xung quanh ngày lịch sử đó đã được ghi lại dưới nhiều góc độ khác nhau, do những tướng lĩnh hoặc nhân vật lãnh đạo hai phe tham chiến ở Sài Gòn cũ kể lại. Cả các tờ An ninh Thế giới của trung ương và Công an Thành phố cũng nói lên nội dung tương tự. Lần đầu tiên tôi được mời tham dự cuộc họp mặt Điện báo miền Nam và lên báo cáo về những diễn biến xung quanh sự kiện ngày 30/4/1975.

Có thể nhiều người cho rằng vì sao đã bao nhiêu năm đã trôi qua rồi mà tôi còn muốn nhắc lại những cái tưởng đã thuộc về quá khứ. Họ đâu có biết là có bao nhiêu điều vẫn chưa được nói ra hết, và cả những oan khiên chưa được làm sáng tỏ. Bản thân tôi là một trong những trường hợp đó. Nay thì chính bạn bè và đồng đội, những người lãnh đạo trực tiếp cũ đã tìm cách xác định vị trí của tôi, xóa bỏ những dư luận xuyên tạc về bản thân tôi, giúp tôi an tâm đóng góp phục vụ đất nước.

Trong vị thế một Việt kiều về nước đóng góp chuyên môn về khoa học-kỹ thuật, trong có mấy năm tôi nghĩ bản thân mình cũng làm được khá nhiều việc. Nào nghiên cứu, giảng dạy và viết lách. Tôi viết khá nhiều bài báo mang tính chuyên môn kiến trúc-đô thị nhưng cũng nói lên những khía cạnh kinh tế-xã hội nhằm xây dựng đất nước tốt đẹp hơn. Nhưng thích thú nhất đối với tôi vẫn là có cơ hội được đối thoại với giới trẻ. Nhiệt tình của một lãnh tụ thanh niên cũ vẫn còn nồng cháy mãi trong tôi. Nhà xuất bản Trẻ đặt hàng tôi mấy cuốn sách nhưng chưa viết kịp. Khởi đầu, tôi viết đóng góp bài "Xuống đường" nói về giai đoạn sinh viên đấu tranh 63-66 trong tuyển tập dày hàng nghìn trang của cuốn "Theo nhịp khúc lên đàn" nói về nửa thế kỷ hoạt động của phong trào đấu tranh thanh niên Sài Gòn-Tp. Hồ Chí Minh nửa thế kỷ qua, xuất bản năm 2000.

Bước vào năm 2001, tôi cho ra đời cuốn "Hành trang bước vào thiên niên kỷ" tập hợp 20 chủ

để nhằm đặt ra cho thế hệ mới của đất nước những điều cần phải làm để vực dậy được một đất nước nghèo và lạc hậu trong vài thập kỷ tới. Trong lời mở cho cuốn sách, tôi đã viết: "Thế hệ chúng tôi trong những năm 60 phải đối đầu với cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc, cần ưu tiên dồn sức cho cuộc chiến đấu giành chủ quyền, độc lập dân tộc và sau đó là công cuộc phục hồi đất nước sau chiến tranh trong vòng vây của nhiều thế lực thù địch. Ngày nay thì các bạn được giao lại một đất nước độc lập, thống nhất và đang hội nhập vào thế giới. Các bạn sẽ phải tập trung sức lực vào công cuộc xây dựng đất nước trong hòa bình, chiến đấu chống lại cái đói nghèo lạc hậu trong khung cảnh toàn cầu hóa nhiều mặt của đời sống, trong một môi trường quốc tế cạnh tranh để sinh tồn rất gay gắt và nền công nghệ phát triển nhanh như vũ bão. Đó là một cuộc đấu tranh để tồn tại và phát triển, cũng không kém phần gay go và phức tạp". Theo Nhà xuất bản Trẻ thì cuốn sách nhỏ đó đã được hoan nghênh, đặc biệt trong giới trẻ làm khoa học-kỹ thuật. Âu đó cũng là một niềm khích lệ và an ủi cho tôi trong các năm quay về đất nước.

Hai cuốn sách viết về các vấn đề kiến trúc và đô thị Việt Nam và thế giới xuất bản vào các năm 2002-2003, mỗi cuốn dày trên 300 trang, do Nhà xuất bản Xây dựng ở Hà Nội thực hiện thì tập hợp các bài viết trên báo, tạp chí và thảo luận hội nghị của các năm qua. Lời giới thiệu về bản thân tôi của chủ tịch Hội Kiến trúc sư Việt Nam Nguyễn Trục Luyện (7) cho cuốn "Những vấn đề kiến trúc đương đại Việt Nam" thật chí tình: "Anh có được tầm rộng của một trí thức, độ sâu hiểu nghề của một kiến trúc sư và nỗi lo đau đầu của một con dân đất Việt về đất nước và kiến trúc Việt Nam..." Tôi muốn đặt vấn đề với những người đang xây dựng đất nước, nhất là giới xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật khi viết: "Có lẽ chưa bao giờ nền kiến trúc nước ta lại phải đối mặt với những mâu thuẫn to lớn đang đặt ra khắp toàn cầu như các vấn đề truyền thống-hiện đại, dân tộc-quốc tế, địa phương- toàn cầu, di sản-đổi mới... Tuy có xây dựng được nhiều nhưng kiến trúc ta rõ ràng là mất trật tự, tụt hậu và thiếu bản sắc".

Trong cuốn thứ hai mang tên "Xu hướng mới trong kiến trúc-đô thị thế giới và Việt Nam thời hội nhập", với tư thế của một kiến trúc sư Việt Nam có nhiều cơ hội đi lại khắp thế giới quan sát, so sánh và ghi chép lại các nhận xét. Tôi thực sự không mấy lạc quan: "Thế kỷ XXI tưởng như có thể mở ra cho loài người một thời đại xán lạn mới, vậy mà thế giới ngày nay vẫn còn hỗn độn và đầy mâu thuẫn. Những tồn tại của một thế kỷ công nghiệp hóa quá mức vẫn còn đó, nào xung đột chính trị, văn hóa, nào mâu thuẫn giàu nghèo, phá hoại môi trường, phung phí tài nguyên..." Nội dung các bài viết trình bày các xu hướng kiến trúc và đô thị mới trên thế giới, đặc biệt ở châu Á nhằm hướng phát triển bền vững. Kiến trúc-đô thị Việt Nam cũng chuyển động ra sao vào giai đoạn cả nước đang sôi nổi chuẩn bị hội nhập khu vực và thế giới. Cuốn sách là kết quả của trên 10 năm xâm nhập thực tế, nghiên cứu cả trong lẫn ngoài nước của tôi.

Truyền đạt kiến thức cho các lớp sinh viên trong nước, tôi nghĩ đó là bốn phần của những người như chúng tôi. Nhưng giảng dạy được trong nước không phải chuyện dễ. Trước hết có được phía an ninh chấp thuận không? Anh có quen biết ai để giới thiệu cho dạy? Rồi phải dạy như thế nào để phù hợp với giáo trình quy định rất lạc hậu đó? Điều anh dạy có đem lại những cái mới và thực sự bổ ích? Và cuối cùng là cách truyền đạt của anh có hấp dẫn không?

Tôi đã vượt qua các khâu đầu nhờ bạn bè giúp, nhất là khâu an ninh. Bản tính tôi không mấy dạn dĩ khi nhỏ, hồi hộp trước đám đông, sau do hoạt động sinh viên nên quen dần, trở nên bạo dạn và hoạt bát. Tuy vậy, cách nói cũ của tôi còn khô khan, chỉ cuốn hút mà không gây thích thú, có lẽ chỉ phù hợp với đấu tranh, xuống đường. Nay theo như phản ánh của sinh viên thì các môn học của tôi đều khá hấp dẫn và thực sự bổ ích, gây cả sự thích thú. Thực ra tôi cố gắng cung cấp nhiều điều mới lạ qua cách trình bày sáng sủa có minh họa bằng hình ảnh, chêm vào các câu chuyện hóm hỉnh và hài hước.



*Tham luận tại Đại hội Kiến trúc sư toàn quốc năm 2000
tại Hà Nội*

Sinh viên ta lúc này thường rất thiếu thông tin, tài liệu nhưng cũng ngán ngẫm nghiên cứu, vì vậy tôi cố gắng cung cấp cho các em những gì thực cần thiết. Dạy môn học gì, trước hết tôi cũng bày vẽ lối học đại học cho có kết quả, khác với kiểu ở trung học chỉ ghi chép những gì thầy nói rồi trả bài như con vẹt. Tôi nghĩ cách học của ta cần đổi mới nhiều, ít nhất cũng dạy phương pháp học cấp đại học cho sinh viên ta ngay từ năm đầu. Chương trình học của ta vẫn nặng lối từ chương, trọng bằng cấp chứ không phải lối mở mang kiến thức, sáng tạo khoa học.

Về đề tài ra trường tôi khuyên các em nên mở mắt to ra nhìn đất nước đang biến chuyển nhanh chóng và sáng tạo nhiều hơn với các đề tài mới như nhà ở vùng lũ lụt, trang trại, hợp tác xã kiểu mới, làng du lịch sinh thái, trung tâm dưỡng sinh phục hồi sức khỏe, viện y học dân tộc, nhà máy xanh... Không nên mãi chạy theo lối mòn làm nhà hát, văn phòng, khách sạn, bệnh viện.



Tham gia thảo luận với bạn bè quốc tế

Nghiên cứu khoa học là một phần không thể thiếu cho việc viết lách và giảng dạy. Tôi thường tham gia các đề tài nghiên cứu lớn nhỏ, tham luận tại các hội nghị, nói chuyện chuyên đề và làm cả phản biện. Rút kinh nghiệm làm trợ lý nghiên cứu và cách thức tiến hành nghiên cứu khoa học ở các đại học Bắc Mỹ, các phần việc nêu trên không khó đối với tôi. Trong những năm gần đây tôi tập trung nghiên cứu về kiến trúc nhiệt đới và phát triển đô thị mang tính so sánh giữa các nước trong vùng Đông Nam Á. Do tôi chuyên giảng dạy về lịch sử kiến trúc và xây dựng đô thị cũng như được đi lại nhiều nước nên có thể tiếp cận các vấn đề này dễ dàng. Thích thú nhất là nghiên cứu sự hình thành và phát triển của nơi tôi sinh sống lâu nhất là Sài Gòn-Tp. Hồ Chí Minh. Nếu được chọn lựa thì tôi thích sống ở Hà Nội hoặc Huế, nhưng để làm việc và hoạt động thì Tp. Hồ Chí Minh hấp dẫn tôi hơn do tính năng động lẫn sự đa dạng của cuộc sống ở đây. Trong mấy năm qua, tôi gần như là cây bút chuyên trách về các đề tài Tp. Hồ Chí Minh trong các tờ tạp chí kiến trúc xây dựng ở Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh.

Về nước tham dự nhiều cuộc họp mặt ngành nghề, hội thảo khoa học trong mấy năm qua, tôi vẫn có ấn tượng nhất đối với cuộc Hội thảo Việt Nam học Quốc tế lần đầu tiên tổ chức ở nước ta năm 1998 và cuộc gặp gỡ thảo luận giữa vị chủ tịch Hiệp hội Kiến trúc sư Quốc tế và Hội Kiến trúc sư Việt Nam năm 2001, cả hai đều diễn ra tại Hà Nội. Nghiên cứu về Việt Nam hiện đại đã xuất hiện ở nước ngoài kể từ các cuộc kháng chiến chống Pháp lẫn chống Mỹ, nhất là từ thập kỷ 60 trở về sau. Cho đến nay tôi vẫn còn thích thú khi đọc cuốn "Xã hội học về một cuộc chiến tranh" của Paul Mus thời Việt Nam chống Pháp, thì trong cuộc chiến tranh với Mỹ những nhà nghiên cứu nghiêm chỉnh về nhiều mặt của Việt Nam đã xuất hiện. Trong số này, có những người tôi từng quen biết như các giáo sư Woodside (Canada), Kenneth Taylor, David Marr (Mỹ)... Đó là chưa kể một thế hệ mới các nhà nghiên cứu Pháp như Condominas, Bourdarel, Hemery. Về phía Việt Nam cũng xuất hiện nhiều học giả tên tuổi có tầm vóc quốc tế, ở nước ngoài thì có Lê Thành Khôi, Hoàng Xuân Hãn, Trần Văn Khê, Vĩnh Sính..., trong nước như Nguyễn Khắc Viện, Hà Văn Tấn, Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng...

Tôi tham dự cuộc hội thảo lớn này với bài tham luận "Sài Gòn thành phố ngã ba đường" viết nhân khi Sài Gòn 300 tuổi vào năm đó. Cuộc hội thảo quy tụ cả nghìn người, một nửa là khách quốc tế, phải sử dụng Hội trường Ba Đình là tòa nhà họp quốc hội mới đủ chỗ. Tôi vẫn thích các cuộc gặp gỡ đa ngành kiểu này, chúng cho ta cái nhìn đa dạng cũng như các bài học lớn để tìm kiếm giải pháp cho những vấn đề thời đại không thể giải quyết riêng lẻ.



Tham gia Hội thảo Quốc tế về Việt Nam học lần I tại thủ đô Hà Nội, 1998



Với chủ tịch Hiệp hội Kiến trúc sư Quốc tế UIA Sgoutas và chủ tịch Hội Kiến trúc sư Việt Nam Nguyễn Trúc Layen, Hà Nội 2001

Năm 1999 tôi tham quan Bắc Kinh với một đoàn đông đảo kiến trúc sư Việt Nam nhân Đại hội Kiến trúc sư Quốc tế UIA. Vị chủ tịch mới được bầu là kiến trúc sư người Hy Lạp Vassilis Sgoutas vào cuối năm 2001 đã viếng thăm Việt Nam, tham dự cùng Hội Kiến trúc sư Việt Nam cuộc thảo luận mang tên "Toàn cầu hóa và bản sắc trong kiến trúc". Tôi là người duy nhất ở phía Nam và là một trong tám kiến trúc sư chính thức được ban tổ chức mời tham gia tham luận. Tôi được yêu cầu trình bày lại bài phát biểu ở kỳ đại hội kiến trúc sư cả nước kỳ VI họp vào năm trước "Kiến trúc Việt Nam nhìn từ bên ngoài". Theo anh Hoàng Đạo Kính (8) Phó chủ tịch Hội thì bài tham luận này đã trình bày được bức tranh toàn cảnh nền kiến trúc đương đại Việt Nam, từ thời miền Bắc xã hội chủ nghĩa cho đến miền Nam thời Sài Gòn cũ, giai đoạn sau chiến tranh trong một đất nước thống nhất đối đầu với hiện tượng toàn cầu hóa và tìm về bản sắc.

Vào dịp này, ông Sgoutas khẳng định rằng toàn cầu hóa là hiện tượng không thể đảo ngược, nhưng mỗi nước, mỗi khu vực phải có bản sắc riêng của mình, không thể mãi chạy theo đuôi phương Tây. Ông đã thăm Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh và nói rằng trong sáng tác kiến trúc mỗi nước cũng phải biết áp dụng ý tưởng: "Không có gì quý hơn độc lập tự do" của Bác Hồ. Tôi có theo đoàn quốc tế thăm viếng trường kiến trúc Hà Nội để họ gặp những sinh viên và kiến trúc sư trẻ vừa đoạt giải quốc tế sáng tác với chủ đề "Kiến trúc và nước" do UNESCO và UIA đồng tổ chức. Nhóm ba sinh viên Hà Nội đã chiếm giải nhất quốc tế. Ông bắt tay các bạn trẻ và mong muốn họ đến được Đại hội Kiến trúc sư Thế giới UIA Berlin 2002 để nhận giải. Theo ông Sgoutas thì về mặt sáng tạo, Việt Nam không thua kém ai trên thế giới.

Cũng rất sớm vào những năm 1990, 2000 này, tôi chứng kiến và cả tham gia tích cực vào sự hình thành và lớn mạnh của một đại học ở miền Trung. Đó là Đại học Duy Tân ở Đà Nẵng do người bạn tranh đấu trong phong trào đô thị cũ là anh Lê Công Cơ sáng lập. Bản thân tôi biết khá rõ người bạn khai sáng ra Duy Tân, sau bao thăng trầm của phong trào đô thị miền Trung đã quyết định xông xáo vào lĩnh vực mới đào tạo lớp trẻ đại học. Phải đối mặt với không ít khó khăn vậy mà anh và bạn bè vẫn lạc quan, vững niềm tin, tuy có một điều chắc là các anh chị ấy chưa bao giờ hài lòng với những gì Duy Tân đang có. Tôi nhìn thấy các anh chị còn ngược xuôi, hết trong nước đến ngoài nước, tìm cách học hỏi người để làm tốt hơn cho nhà trường và luôn đau đầu một ước mơ biến Duy Tân thành một cơ sở đào tạo phi lợi nhuận, nhẹ tính chất kinh doanh và thiết thực phục vụ cộng đồng.

Vào giữa năm 2003, tôi lại sang Pháp và Mỹ sống hơn ba năm với gia đình con trai Thái Hòa và con gái Thiên Nga (9). Tôi không bỏ lỡ cơ hội xin được một học bổng nghiên cứu của Đại học Boston Massachusetts về vấn đề "hòa giải dân tộc" (giữa cộng đồng người Việt ở nước ngoài và chính quyền trong nước) và nhất là viết một loạt ý kiến về vấn đề thanh niên gửi về đăng trên các báo Thanh Niên và Tuổi Trẻ. Quay trở lại đất nước năm 2006, tôi tập hợp chúng lại và in cuốn sách "Thư gửi người bạn trẻ - khơi dậy nguồn lực để vươn lên", do Nhà xuất bản Trẻ phát hành năm 2007.

Cuốn sách này tập hợp các lá thư và bài viết với nội dung thông tin, nhận định và cảm xúc của người nhắn nhủ chuyện đời thường cho lớp trẻ, như lời giới thiệu của báo Thanh Niên khi khởi đầu đăng tải loạt "Thư gửi người bạn trẻ" hàng tuần.

Qua chuyến tham quan nghiên cứu nhiều nước Đông Á và phương Tây vừa qua, tôi có cơ hội đi lại, gặp gỡ được nhiều người, nhất là bà con người mình ở bên ngoài. Chuyến đi cũng trùng hợp với giai đoạn đất nước đang tích cực hội nhập vào khu vực và thế giới, nên tôi đặc biệt theo dõi diễn tiến sự kiện, luôn liên lạc trao đổi với các bạn trẻ, cùng nhau chia sẻ không ít nỗi niềm bức xúc và trăn trở. Đến đâu tôi cũng chú ý quan sát và ghi nhận những điều mắt thấy tai nghe nhằm đối chiếu với diễn tiến tình hình trong nước, tập trung xoáy vào mấy câu hỏi:

- Người ta ở ngoài đang nhìn nước mình, người mình ra sao?
- Có rút tỉa được kinh nghiệm gì của bà con ta ở nước ngoài để góp phần phát triển đất nước?
- Thanh niên ta cần phải làm gì vào giai đoạn đất nước phát triển trong khung cảnh toàn cầu hóa ngày nay?...

Từ khi những lá thư và bài viết xuất hiện trên các báo, tôi có thêm nhiều bạn mới, gồm người trẻ và cũng có người không còn trẻ nữa, nhưng tất cả đều một lòng tha thiết với quê hương dân tộc và quan tâm đến vận mệnh và sự phát triển của đất nước. Nhiều người ở nước ngoài, thường ở vị thế và chính kiến có khác tôi, nhưng khi đọc những lá thư đã nhìn nhận rằng giữa người Việt chúng ta ngày nay đang có một mẫu số chung rất lớn. Đó là mong muốn đất nước mình sớm giàu mạnh, dân tộc hòa hợp và nhất là cùng có một quyết tâm: "Phải thắng cho được trận Điện Biên Phủ kinh tế này!" (nói như Đại tướng Võ Nguyên Giáp với các nhà báo phương Tây, nhân kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ hồi năm 2004).

Cuối cùng, tôi nghĩ rằng phát triển đất nước không còn thuần là vấn đề vật chất-kỹ thuật mà còn là vấn đề tinh thần, gồm ý thức, sự quyết tâm lẫn ý chí và cả tấm lòng của mọi con dân Việt, trong cũng như ngoài nước. Nội dung các bài viết gồm những trao đổi xoay chung quanh tình hình phát triển mới của đất nước và chỗ đứng đích thực của tuổi trẻ trong quá trình đó. Tôi san sẻ với các bạn trẻ không ít vấn đề về niềm tự hào dân tộc, trăn trở về các mặt còn yếu kém của đất nước và con người mình, tìm phương cách khơi dậy nguồn lực Việt và nêu lên các gương dẫn thân thành công của tuổi trẻ. Mong rằng Thư gửi bạn trẻ với những suy nghĩ và ghi chép cùng cách nhìn từ bên ngoài, có đối chiếu và so sánh, sẽ góp một phần nhỏ vào việc trang bị hành trang cho các bạn trẻ vững vàng tiến lên phía trước.

Đất nước bước vào giai đoạn hội nhập và phát triển, đặc biệt sau khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đã nhanh chóng bắt kịp các nước trong khu vực Đông Nam Á. Chỉ có mấy năm cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI mà cuộc sống hầu như đã phục hồi và còn phát triển hơn trước. Tôi về công tác trong nước suốt những năm bước ngoặt này và tự hào nghĩ rằng mình cũng có phần đóng góp vào công việc chung đó, đặc biệt trong việc tác động qua các phương tiện truyền thông như báo chí, truyền hình và nghiên cứu, giảng dạy.

Riêng có một việc rất lớn đã đến với bản thân tôi, đó là sự kiện tôi đã giải tỏa được các mặc cảm bị nghi ngờ và thành kiến suốt nhiều năm qua. Và tôi đã mạnh dạn cùng những người con dân Việt khác góp phần xây dựng lại Tổ quốc.



*Nguyễn Thủ tướng Võ Văn Kiệt gặp gỡ lại các sinh viên
tranh đấu Sài Gòn (Huỳnh Tấn Mẫm bìa trái, Nguyễn
Huu Thái bìa phải), 2007*

THAY LỜI KẾT

Lựa chọn

"Người hạnh phúc nhất trên đời không phải là nhà vô địch hoặc triệu phú mà là người biết thưởng thức được các sắc màu của cuộc sống!"

hông biết con trai tôi Thái Hòa (1) lấy ở đâu ra ý tưởng đó khi ghi nó vào lời giới thiệu cuốn băng hình ghi lại các hoạt động văn nghệ của mình mang tên "Sắc màu Cuộc sống". Tôi nghĩ mình cũng là người hạnh phúc, hãnh diện là đã kinh qua hầu hết các nẻo đường và vinh nhục của cuộc sống. Danh vọng, tiền bạc thì không có gì nhưng có được niềm vui đóng góp phần mình vì mọi người, vì đất nước.

Thế hệ chúng tôi lớn lên trong thời loạn lạc, thường xuyên đối mặt với những thách thức, luôn phải lựa chọn giữa cái đúng cái sai để mà sống cho hợp với đạo lý ở đời. Trong cuộc sống, tôi nghĩ rằng mình đã nếm đủ mùi vị đắng cay lẫn vinh quang suốt nửa thế kỷ qua. Câu chuyện tôi vừa kể cho các bạn nói lên điều đó. Không biết anh em bạn bè khen ngợi hoặc là mỉa mai khi cho rằng tôi vẫn mãi là "con người luôn mang nỗi lo đau đầu của một con dân đất Việt, nặng nợ với các vấn đề của đất nước...". Mong rằng đó không phải là một lời chê bai sau tất cả những gì đã xảy ra với bản thân tôi. Vì rõ ràng là cho đến ngày hôm nay, tôi vẫn mong muốn làm được gì thật nhiều cho lớp trẻ, cho đất nước mình.

Rải rác trong các bài viết, bài nói tôi thường đưa ra những ý tưởng, quan niệm và nhận xét về các khía cạnh của cuộc sống, gom lại một số thuộc về nhân sinh quan của mình:

- Đời sống tự bản thân nó không có ý nghĩa, trừ ý nghĩa truyền chủng, nhưng mình phải cho nó một ý nghĩa. Loài người từ thời ăn lông ở lỗ đến nay đã làm được nhiều việc và tiến lên về các mặt. Chúng ta đã thừa hưởng công lao, di sản của bao thế hệ đi trước, thì phải duy trì di sản đó và cải thiện nó tùy theo khả năng mỗi người.

- Quan niệm thiện ác, tốt xấu thay đổi tùy thời, tùy nơi. Cái nào ích lợi cho một xã hội vào một thời điểm nào đó thì được xã hội đó cho là tốt; cũng cái đó qua thời điểm khác không còn ích lợi nữa, mà hoá ra có hại thì bị cho là xấu. Ví dụ như quan niệm trọng gia tộc, trung với vua có lợi cho trật tự xã hội thời nông nghiệp phong kiến, bước về thời đại dân chủ công nghiệp, không còn lợi cho xã hội nữa, nên mất giá trị. Vào thời sản xuất được ít, tiết kiệm được đề cao, ngày nay ở Âu Mỹ sản xuất hàng tiêu dùng thừa thãi, tiêu thụ nhiều được xem như một bổn phận đối với xã hội. Tuy nhiên vẫn có một số giá trị vĩnh cửu, dân tộc văn minh nào cũng đều coi trọng, như lòng nhân, đức khoan dung, sự công bằng, tự do, tự chủ...

- Xã hội bao giờ cũng có kẻ tốt người xấu, và việc đời khi giải quyết xong việc này thì lại nảy sinh việc khác, họa phúc lẫn lộn khó lường. Mình cứ làm hết sức mình thôi, còn thì để lại cho các thế hệ sau.

- Chúng ta làm điều phải vì tin nó là điều phải, chứ không phải do ý muốn của Thượng đế hay một thần linh nào, cũng không phải vì mong khi chết thì được nhập Niết bàn hay lên Thiên đàng.

- Đạo nào cũng phải hợp tình, hợp lý, gần gũi với con người thì mới gọi là đạo được. Tôi không tin rằng hết thấy loài người chỉ thấy đời toàn là khổ thôi hoặc phải là tín đồ của một tôn giáo nào đó thì mới được lên thiên đàng.

- Đạo Khổng có vẻ thực tế, hợp tình hợp lý và đầy đủ nhất, xét cả về các mặt "tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ". Lý tưởng đó, cho đến nay loài người vẫn chưa thực hiện nổi. Về tu thân, ba đức "nhân, trí, dũng" luyện được đủ tình cảm, trí tuệ và nghị lực của con người. Thế kỷ mới sẽ là thế kỷ giao lưu văn hóa Đông-Tây. Trong thế kỷ văn hóa đa cực ấy, cần lấy tư tưởng "hòa

nhì bất đồng" (hòa hợp mà không đồng nhất), "tứ hải giai huynh đệ" (bốn biển đều là anh em) của Khổng Tử làm cơ sở để thúc đẩy cùng tồn tại hòa bình, cùng hưởng phồn vinh, thay thế cho kỳ thị, hận thù, chiến tranh, đổ máu.

- Thời còn trẻ, tôi quan niệm hạnh phúc thật đơn giản là được thỏa chí tung hoành, làm một việc to tát mình thích, lưu danh lại đời sau. Đến tuổi chín chắn rồi, nhận chân ra hạnh phúc trong cuộc đời không cần phải cao xa như thế, mà nên vừa lòng với một công việc khiêm tốn mà có ích cho xã hội và mong sinh sống được trong một xã hội lành mạnh, ổn định và tương đối thịnh vượng.

- Nếu mỗi người phải đóng một vai trò trong xã hội thì tôi chọn vai trò một nhà giáo, kết hợp với nghiên cứu, viết lách. Sống giữa sách vở hay, tiếp nhận nguồn thông tin dồi dào và có thể đi lại tham quan nghiên cứu đó đây, rồi truyền đạt lại những điều hiểu biết, các kinh nghiệm hữu ích cho mọi người, tạo được lòng quý mến, tin cậy của bạn bè, nhất là của giới trẻ, tôi cho là sung sướng nhất.

- Rất ít khi con người rút được kinh nghiệm của người đi trước. Ai cũng phải tự rút kinh nghiệm của mình rồi mới khôn ra, vì vậy mà thường vấp ngã. Nhưng phải như vậy thì loài người mới tiến lên được.

- Không nên cho trẻ sung sướng quá. Phải tập cho chúng sống có quy củ, kỷ luật, biết tự chủ và hiểu rằng ở đời có những việc mình không thích làm nhưng vẫn phải làm, và làm thì phải làm ngay, hoàn thành cho tốt.

- Nên trọng dư luận nhưng không nên bao giờ cũng nhắm mắt theo dư luận. Biết đặc nhân tâm nhưng cũng có lúc tỏ nổi bất bình của mình để đứng về phía lẽ phải, cái thiện chống lại cái ác mà không sợ thất nhân tâm.

- Khi nghèo thì phải tận lực phấn đấu với cảnh nghèo, lắm khi làm ta vất vả, lòng khó khoáng đạt, cho nên cần phải làm sao cho đủ ăn thì ta mới giữ được tư cách độc lập của mình. Nhưng khi đã đủ ăn rồi thì đừng nên chỉ chú tâm lo làm giàu, mà phải để thì giờ làm những việc hữu ích mà không vì danh vì lợi. Giá trị của ta ở chỗ làm được nhiều việc như vậy hay không.

- Trong cuộc đời, chỉ nên hưởng cái phần xứng đáng với tài năng của mình thôi. Nếu tài đức tầm thường mà được phú quý, hoặc được nhiều người trọng vọng, thì thế nào cũng sẽ mang họa vào thân.

- Hôn nhân bao giờ cũng là một sự may rủi. Dù sáng suốt và chịu tổn công thì cũng không chắc gì kiếm được người hoàn toàn hợp ý mình. Phải sống chung năm ba năm mới biết rõ được tính tình của nhau. Tốt nhất là vợ chồng cùng có chung lý tưởng và mục tiêu trong cuộc sống. Tuy vậy ta cũng nên quan niệm mọi sự trên cõi đời này đều không có gì là tuyệt đối, hạnh phúc trong hôn nhân cũng vậy thôi.

- Phương Đông có câu: "Thống tất minh" (Đau khổ tất phải kêu lên). Phải chăng những nhà văn, thi sĩ xuất chúng của bao thời đại đã xuất hiện trong các hoàn cảnh đó?

- Sống và chết chỉ là những vấn đề tương đối, nhất là trong chiến tranh. Ta nên can đảm đối mặt chúng và phải biết chọn cái chết vì các lý tưởng ta đeo đuổi và xứng đáng với tổ quốc mình.

Ở đây, tôi cũng có một đôi điều muốn tâm tình với các bạn trẻ. Các bạn sinh ra và lớn lên trong giai đoạn đất nước có hòa bình và độc lập nhưng phải phấn đấu nhiều thì mới đưa được chính bản thân và đất nước mình thoát khỏi cái vòng lẩn quẩn đói nghèo lạc hậu và hội nhập bằng vai vế với người. Các bạn sẽ gặp không ít thách thức, trở lực và cũng phải đối mặt với các sự lựa chọn gay go. Cho nên các bạn phải biết tự rèn luyện cho mình đủ bản lĩnh để có thể vượt qua.

Mỗi thế hệ chúng ta đều phải đối mặt với những vấn đề của thời đại mình và có cách ứng xử cùng lời giải đáp phù hợp. Cho nên trái với những nhận xét bị quan cho rằng lớp trẻ các bạn ngày nay thực dụng, ít lý tưởng, không sâu sắc, bản thân tôi vẫn lạc quan cho rằng các bạn nhạy bén, năng động và dễ dàng hội nhập vào thế giới hơn thế hệ chúng tôi. Mặt khác, tôi vẫn tin tưởng các bạn có đầy đủ nội lực và khả năng đối đầu với các vấn đề mới của thời đại.

Tôi đã có nhiều dịp chứng kiến sức bật đó của tuổi trẻ người Việt mình ở trong lẫn ngoài nước. Cụ thể như ở phương Tây là sự trưởng thành của chính con cháu tôi và bạn bè cùng lứa của chúng trong môi trường cạnh tranh tư bản gay go. Hoặc ở trong nước là sự trưởng thành của nhiều bạn trẻ tôi đã gặp suốt mười năm qua vào giai đoạn đất nước chuyển đổi sang kinh tế thị trường và hội nhập với thế giới. Không thân thế, quan hệ, tiền bạc và phải dấn thân vào một môi trường xa lạ, vậy mà những người trẻ đó vẫn vươn lên và vượt được người chỉ trong một thời gian ngắn. So với nước người, phải chăng cả đất nước Việt mình và bản thân mỗi con người chúng ta đều "có đặc điểm ưu việt của con nhà nghèo nhưng có ý chí tiến thủ và hoài bão lớn", như nhận xét của một người bạn ở nước ngoài (2) khi nói về thanh niên Việt Nam.

Điều mong ước của tôi là các bạn, trên con đường tiến lên phía trước đó, phải trang bị cho mình một tâm thức luôn rộng mở, sẵn sàng học hỏi và cả nhận trách nhiệm. Mong rằng khi phải lăn lộn trên đường đời, tuổi trẻ ta đừng sớm rơi vào tâm lý lạnh lùng thực dụng của giới trẻ xã hội công nghiệp phương Tây; đừng quên rằng hạnh phúc con người thực ra chính là sự cảm nhận nội tâm về các giá trị cao đẹp của nhân văn và nghệ thuật.

Cuối cùng, các bạn nhất định không nên mang mặc cảm bị quan "sinh lầm thế kỷ" như nhiều người trong thế hệ chúng tôi, mà phải ý thức được rằng chính chúng ta may mắn sinh ra tại một đất nước hào hùng và nằm tại ngã ba đường quốc tế, nơi hội tụ của các luồng văn hóa Đông Tây. (3)

Chắc các bạn chưa ý thức hết sự kiện Việt Nam đã từng là đối tượng thán phục của nhân dân toàn thế giới. Họ không thể nào tưởng tượng nổi một đất nước vốn yếu kém và nhỏ bé như Việt Nam mình lại có khả năng đánh bại các cường quốc hàng đầu thế giới. Và nay thì Việt Nam quyết tâm xây dựng trong hòa bình nhằm vươn lên thành một nước tiên tiến trong thế hợp tác toàn cầu.

Đó là một đất nước Việt Nam mới mà các bạn cùng tôi đang bắt tay xây dựng.

Phụ lục

I- THUẬT NGỮ

Thời pháp thuộc

Đông Dương: còn gọi là Trung-Ấn (Indochine), thuộc địa Pháp ở vùng Viễn Đông, gồm Việt Nam, Lào và Campuchia.

Bắc kỳ (Tonkin): phần đất phía Bắc Việt Nam gồm đồng bằng sông Hồng và vùng Tây Bắc.

Trung Kỳ (Annam): phần đất miền Trung dọc duyên hải Việt Nam và Tây Nguyên.

Nam Kỳ (Cochinchine): phần đất phía Nam gồm miền Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

Bảo hộ: chế độ cai trị của thực dân Pháp áp dụng cho Bắc Kỳ và Trung Kỳ.

Thuộc địa: chế độ cai trị của Pháp áp dụng cho Nam Kỳ.

Nhượng địa: quy chế thuộc địa của Pháp dành cho một số thành phố ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ.

Nam triều: guồng máy hành chính của triều đình Huế ở miền Trung do người Pháp kiểm soát trước năm 1945.

Tourane: tên người Pháp đặt cho thành phố Đà Nẵng, theo quy chế nhượng địa Pháp.

Hướng Đạo: tổ chức thanh thiếu niên sinh hoạt theo đoàn thể nhằm rèn luyện tinh thần kỷ luật và kỹ năng ứng phó trong cuộc sống, do một người Anh là Baden Powel sáng lập.

Thời cách mạng

Thanh niên Tiền phong: tổ chức thanh niên xuất hiện ở Nam Bộ thời chính quyền Trần Trọng Kim thân Nhật, sau chuyển sang ủng hộ phong trào Việt Minh.

Việt Minh: Việt Nam Cách mệnh Đồng minh Hội, tổ chức cách mạng đấu tranh giành độc lập do Hồ Chí Minh sáng lập năm 1941 ở Việt Bắc.

Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (VNDCCH): tên gọi miền Bắc Việt Nam từ 1954 đến 1976.

Lực lượng Vũ trang Nhân dân Việt Nam: quân đội của nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Bộ đội: tên gọi thông thường lực lượng vũ trang chính quy.

Điện Biên Phủ: trận thất bại cuối cùng mang tính quyết định, chấm dứt sự can thiệp vũ trang của Pháp ở Đông Dương.

Hiệp định Genève: về chấm dứt chiến tranh Việt-Pháp và quy định giới tuyến tạm thời tập kết hai phe, tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

Ban Quân quản: tổ chức quản lý tạm thời mang tính quân sự-hành chính vùng mới giải phóng.

Việt cộng: từ do báo chí miền Nam tung ra để chỉ người Cộng sản Việt Nam.

Mặt trận Giải phóng: tên đầy đủ là "Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam", tổ chức

thành lập năm 1960 phát động cuộc chiến đấu vũ trang chống chính quyền Sài Gòn.

Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam (CPCMLTCHMNVN): tên gọi vào giai đoạn chót của Mặt trận Dân tộc Giải phóng, một tổ chức chính quyền hợp pháp ở miền Nam Việt Nam.

Ban An ninh Sài Gòn-Gia Định: tổ chức an ninh tình báo của Mặt trận Giải phóng, còn gọi tắt là T4.

Thành Đoàn: tổ chức thanh thiếu niên Cộng sản vùng Sài Gòn-Gia Định, bao gồm các đoàn thể thanh niên công nhân, nông dân, học sinh, sinh viên và thiếu niên nhi đồng.

Hiệp định Paris: nhằm xác định chủ quyền dân tộc Việt Nam và chấm dứt cuộc chiến ở miền Nam, quy định chính quyền hòa hợp hòa giải dân tộc gồm ba thành phần.

Thành phần thứ ba: tên gọi thực thể thứ ba, đứng giữa hai phe tham chiến ở miền Nam Việt Nam.

Tết Mậu Thân: nhắc đến cuộc Tổng tấn công và nổi dậy vào dịp Tết Mậu Thân diễn ra toàn miền Nam Việt Nam vào đầu năm 1968.

Cách mạng Văn hóa: tên gọi cuộc Đại Cách mạng Văn hóa tả khuynh diễn ra từ giữa các năm 1960 đến đầu các năm 1970 tại Trung Quốc dưới thời Mao Trạch Đông.

Xét lại: chủ trương xem xét lại một số vấn đề trong chủ nghĩa Cộng sản vào giai đoạn chiến tranh hạt nhân, quy cho Kruchev chủ xướng ở Liên Xô vào các năm 60.

Trung lập: chủ trương thế đứng giữa, không liên kết với phe phái nào trong cuộc Chiến tranh Lạnh.

Hòa bình: chủ trương chấm dứt cuộc chiến, để cho người Việt Nam tự giải quyết những vấn đề nội bộ với nhau.

Hòa hợp hòa giải dân tộc: chủ trương tìm sự đồng thuận và dung hòa các phe phái đối nghịch nhau trong cộng đồng dân tộc Việt Nam vào cuối cuộc chiến tranh Việt-Mỹ.

Cộng sản thời chiến: chế độ áp dụng trong giai đoạn vừa chiến đấu chống phản cách mạng vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Nga và Trung Quốc thời kỳ đầu cách mạng Cộng sản.

Ngăn sông cấm chợ: chủ trương không cho phép lưu chuyển tự do sản phẩm do địa phương sản xuất từ nơi này sang nơi khác.

Kinh tế mới: chủ trương đưa người dân thành thị không có công ăn việc làm về các vùng sản xuất mới ở nông thôn.

Đổi mới: chính sách mới kể từ đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần VI năm 1986, nhằm cởi trói trong sản xuất, phân phối cũng như cho phép nhiều thành phần kinh tế tham gia vào sản xuất kinh doanh.

Mở cửa: chủ trương đón nhận đầu tư nước ngoài và thành phần tư nhân được tham gia sản xuất kinh doanh.

Pathet Lào: Mặt trận cách mạng Lào.

Thời Việt Nam Cộng Hòa (Nam Việt Nam)

Việt Nam Cộng hòa (VNCH): chính quyền ở miền Nam từ năm 1954 đến 1975.

Quân lực Việt Nam Cộng hòa (QLVNCH): tổ chức vũ trang chính quy của Việt Nam Cộng hòa.

Hội đồng Quân nhân Cách mạng: tên gọi tổ chức quy tụ tướng lãnh làm đảo chính lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, sau còn gọi là Hội đồng Tướng lãnh, Hội đồng Quân lực Việt Nam Cộng hòa của quân đội Sài Gòn.

Tổng hội Sinh viên Sài Gòn: tổ chức tập hợp tập thể sinh viên các trường đại học, trung tâm kỹ thuật và trường nghiệp vụ cao cấp ở vùng Sài Gòn.

4 Duy Tân: trụ sở và nơi sinh hoạt của sinh viên học sinh Sài Gòn, nổi tiếng với các cuộc hội thảo, xuống đường chống chính quyền Sài Gòn. Nay là Nhà Văn hóa Thanh niên Tp. Hồ Chí Minh, số 4 Phạm Ngọc Thạch.

Hội đồng Chỉ đạo Sinh viên Học sinh: tổ chức lãnh đạo đấu tranh quy tụ ban đại diện các trường và Tổng hội sinh viên nhằm chống tướng quân phiệt Nguyễn Khánh vào cuối năm 1964 ở Sài Gòn.

Hội đồng Nhân dân Cứu quốc: tổ chức đấu tranh Phật giáo các tỉnh thành miền Trung đòi tái lập chế độ dân chủ vào cuối năm 1964.

Tổng Liên đoàn Lao động: tổ chức lao động độc lập quy tụ hầu hết các nghiệp đoàn công tư chức, ngành nghề và buôn bán nhỏ, đối lập lại với Tổng Liên đoàn Lao công thân Mỹ và chính quyền Sài Gòn.

Đảng Cần lao: tên gọi của đảng Cần lao Nhân vị hậu thuẫn cho chính quyền Ngô Đình Diệm.

Thanh niên Cộng hòa: đoàn thể thanh niên thời Ngô Đình Diệm do chính Ngô Đình Nhu (em ruột và cố vấn cho Ngô Đình Diệm) làm thủ lĩnh.

Phụ nữ Liên đới: đoàn thể quy tụ phụ nữ thời Ngô Đình Diệm do chính vợ Ngô Đình Nhu là Trần Thị Lệ Xuân lãnh đạo.

Chinh lý: cuộc đảo chính vào đầu năm 1964 do tướng Nguyễn Khánh cầm đầu và do người Mỹ thúc đẩy nhằm leo thang cuộc chiến.

Nội các Chiến tranh: tên gọi chính quyền mang tính quân phiệt của tướng Nguyễn Cao Kỳ-Nguyễn Văn Thiệu giai đoạn 1965-1967.

Tổng nha Cảnh sát Quốc gia: cơ quan trung ương của lực lượng an ninh-cảnh sát của chính quyền Sài Gòn trước 1975.

An ninh Quân đội: cơ quan an ninh của quân đội Việt Nam Cộng hòa, trực thuộc Tổng cục Chiến tranh chính trị.

Chí Hòa: nhà tù trung tâm kiên cố và lớn nhất Việt Nam có thể chứa đến 7.000 người ở Sài Gòn, do người Nhật thiết kế và người Pháp xây dựng vào đầu các năm 40.

Cảnh sát Dã chiến: lực lượng cảnh sát đặc biệt chống bạo động, chuyên dẹp biểu tình quần chúng thời Sài Gòn cũ.

Côn Đảo: trại tù đặt trên hải đảo xa đất liền do thực dân Pháp xây dựng, có thể giam giữ hàng vạn tù chính trị và thường phạm. Nhiều nhà cách mạng yêu nước Việt Nam đã từng bị giam giữ ở đây.

Chuồng cọp: khu biệt giam tù chính trị và đối xử nổi tiếng tàn ác ở nhà tù Côn Đảo.

Tân Hiệp: trại giam tù chính trị không thành án, chỉ giam giữ theo biện pháp hành chính do

một hội đồng an ninh liên bộ quyết định.

Biệt khu Thủ đô: cơ sở chỉ huy đặc khu quân sự có nhiệm vụ bảo vệ vùng thủ đô Sài Gòn trước 75.

Viện Hóa đạo: cơ cấu điều hành trung ương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất ở miền Nam thời trước 75.

Tổ Chức Mỹ & Quốc Tế

Hội Ân xá Quốc tế: tổ chức quốc tế chuyên theo dõi phát hiện và lên tiếng can thiệp cho tù nhân chính trị và lương tâm, tranh đấu vì quyền con người.

BBC: đài phát thanh tiếng nói chính thức của chính quyền Anh, thường phân tích tình hình chiến tranh Việt Nam mang tính khách quan hơn đài Mỹ, nên người Việt mình thường ưa thích nghe.

Nhà Trắng: trụ sở của cơ quan hành pháp Mỹ, nơi làm việc và trú ngụ của Tổng thống Mỹ.

Lầu Năm Góc: cơ quan của Bộ Quốc phòng Mỹ mang dạng một tòa nhà cao tầng có năm cạnh, chứa hàng nghìn công nhân viên chức quốc phòng.

MACV: bộ chỉ huy cố vấn quân sự Mỹ tại Việt Nam.

USAID: cơ quan viện trợ quốc tế của Mỹ, tại Việt Nam sau đổi tên thành USOM (phái bộ điều hành Mỹ) quyền hành rộng rãi hơn.

CIA: cơ quan tình báo đối ngoại chiến lược Mỹ ra đời từ Thế chiến II, chuyên hoạt động thu thập tin tức tình báo, tổ chức lực lượng khống chế và lật đổ các chính quyền không ăn cánh với Mỹ tại khắp nơi trên thế giới.

JUSPAO: trước mang tên phòng thông tin Mỹ USIS, sau mang tên mới ở miền Nam Việt Nam do kết hợp nhiều bộ phận thông tin, tuyên truyền lẫn tâm lý chiến.

VOA: đài phát thanh tiếng nói chính thức của chính quyền Mỹ.

IVS: tổ chức thanh niên tình nguyện quốc tế Mỹ hình thành theo dạng Đoàn Hòa bình Mỹ Peace Corps nhưng công tác do USAID tài trợ và tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp và giáo dục.

Watergate: vụ xì-căng-đan do Tổng thống Nixon tiến hành xâm nhập trái phép vào trụ sở đảng Dân chủ đối lập, buộc ông ta phải từ chức vào năm 1974.

Hồ sơ mật Lầu Năm Góc: toàn bộ hồ sơ về chiến tranh Việt Nam do Daniel Ellsberg đánh cắp và tung ra báo chí, phát hiện nhiều điều dối gạt nhân dân Mỹ về thực chất cuộc xung đột.

Yankee: tên gọi người phía Bắc Mỹ trong thời Nam Bắc phân tranh, nay chỉ chung về binh lính Mỹ.

Vang Pao: thủ lĩnh lực lượng Hmông ở Lào do CIA sử dụng đánh phá cách mạng Lào.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>